

ĐẠI TẠNG KINH
VIỆT NAM

KINH
TRUNG A-HÀM

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL.2547 - DL.2983

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**KINH
TRUNG A-HÀM**

TẬP II

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL.2547 - DL.2003**

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
Thực hiện

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH
của
HỘI ĐỒNG PHIÊN DỊCH và ẤN HÀNH
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

1. *Hòa thượng* THÍCH ĐỨC NHUẬN
2. *Hòa thượng* THÍCH ĐÔN HẬU
3. *Hòa thượng* THÍCH TRÍ TỊNH
4. *Hòa thượng* THÍCH MẬT HIỀN
5. *Hòa thượng* THÍCH HUỆ THÀNH
6. *Hòa thượng* THÍCH GIÁC NHU
7. *Hòa thượng* KIM CUONG TỬ
8. *Hòa thượng* THÍCH TÂM THÔNG
9. *Hòa thượng* THÍCH SIÊU VIỆT
10. *Hòa thượng* MAHÀ SARAY
11. *Hòa thượng* THÍCH TRÍ NGHIỆM

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO
PHIÊN DỊCH và ẤN HÀNH
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

CHỦ TỊCH

Hòa thượng **THÍCH MINH CHÂU**

- Phó chủ tịch : Hòa thượng **THÍCH THIÊN SIÊU**
- Phó chủ tịch : Hòa thượng **KIM CUONG TỬ**
- Phó chủ tịch : Hòa thượng **THÍCH THANH KIỂM**
- Phó chủ tịch : Thượng tọa **THÍCH THANH TỪ**
- Phó chủ tịch : Thượng tọa **THÍCH THIÊN CHÂU**

Trưởng ban Thư ký:

Thượng tọa **THÍCH CHON THIÊN**

Trưởng ban Tài chánh:

Thượng tọa **THÍCH GIÁC TOÀN**

Trưởng ban In ấn và Phát hành:

Cư sĩ **VÕ ĐÌNH CƯỜNG**

Trưởng ban Từ vựng Phật học:

Cư sĩ **MINH CHI**

Bản dịch từ Phạn ra Hán:

ĐỜI ĐÔNG TẤN NGÀI TAM TẠNG CÙ-ĐÀM
TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ, NƯỚC KẾ TÂN
ĐẠO TỔ chấp bút

Bản dịch từ Hán ra Việt:

VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HẢI ĐỨC NHA TRANG

Hiệu đính bản Việt dịch:

Hòa thượng THÍCH THIÊN SIÊU

TỤNG TIỂU THỔ THÀNH

(một ngày)

VI.	PHẨM VƯƠNG TƯƠNG UNG (phần cuối)	7 kinh
VII.	PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG	15 kinh
VIII.	PHẨM UẾ	10 kinh
IX.	PHẨM NHON	10 kinh
X.	PHẨM LÂM	10 kinh

VI. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ƯNG

(phần cuối)

1. Kinh Ô Điều Dụ
2. Kinh Thuyết Bốn
3. Kinh Đại Thiên Nại Lâm
4. Kinh Đại Thiện Kiến Vương
5. Kinh Tam Thập Dụ
6. Kinh Chuyển Luân Vương
7. Kinh Bộ Tứ

1. KINH Ô ĐIỀU DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Xá-vệ, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Thời xưa, khi Chuyển luân vương muốn thử ngọc báu, liền cho tập trung bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi tập trung xong, vào lúc đêm tối, nhà vua cho dựng cây tràng phan cao và đặt ngọc báu ở trên đó. Ánh sáng của ngọc báu chiếu sáng cả bốn loại quân tỏa ra tận ngoài viên quán. Ánh sáng ấy chiếu xa nửa do-diên.

Bấy giờ có Phạm chí nghĩ rằng: “Ta nên đến xem Chuyển luân vương và bốn loại quân đang quan

sát ngọc lưu ly.” Phạm chí lại nghĩ: “Vả lại, nếu muốn thấy Chuyển luân vương và bốn loại quân quan sát ngọc lưu ly, thì ta nên đến khoảng rừng kia.” Nghĩ xong, Phạm chí liền đến khu rừng ấy. Đến nơi, Phạm chí đi vào ngồi dưới một gốc cây. Ngồi chưa bao lâu, có một con rái cá đi đến; Phạm chí trông thấy liền hỏi:

“—Lành thay, Rái cá ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?”

“—Thưa Phạm chí, trước kia hồ này vốn tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa, cá và rùa. Trước đây, tôi ở đó nhưng nay khô rang. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi vào sông lớn kia. Tôi muốn ra đi, chỉ sợ loài người.”

Con rái cá kia chuyện trò với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi.

Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim cứu mộ đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi:

“—Lành thay, chim Cứu mộ ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?”

“—Thưa Phạm chí, trước kia hồ này tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa, cá và rùa. Trước đây tôi ở đó, nhưng nay khô rang. Phạm chí

nên biết, tôi muốn rời bỏ đây để đến trú ngụ ở chỗ có nhiều xác trâu chết, hoặc ở chỗ có nhiều xác lừa chết, hoặc ở chỗ có nhiều xác người chết. Hôm nay, tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người.”

Chim cứu mộ nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi.

Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim thứu đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi:

“—Lành thay, chim Thứu ! Người từ đâu đến và muốn đi đâu ?”

“—Thưa Phạm chí, tôi đi từ mộ lớn này đến mộ lớn khác để giết hại, rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Bây giờ tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.”

Chim thứu kia nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi.

Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim thực thổ đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi:

“—Lành thay, chim Thực thổ ! Người từ đâu đến và muốn đi đâu ?”

“—Thưa Phạm chí, Ông có thấy chim thứu vừa đi đến không ? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Nay tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.”

Chim thực thỏ nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi.

Phạm chí vẫn ngồi, lại có con sài đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi:

“—Lành thay con Sài ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?”

“—Thưa Phạm chí, tôi đi từ suối sâu này đến suối sâu khác, từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ nơi hoang vắng này đến nơi hoang vắng khác. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Bây giờ tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.”

Con sài nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi.

Phạm chí vẫn ngồi, lại có con quạ đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi:

“—Lành thay, chim Quạ ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?”

“—Thưa Phạm chí, Ông cường ngạnh, cuồng si, vì sao hỏi tôi từ đâu đến và muốn đi đâu ?”

Chim quạ mắng vào mặt Phạm chí như vậy rồi bỏ đi.

Phạm chí vẫn ngồi, lại có con đười ươi đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi:

“—Lành thay, Đười ươi ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?”

“—Thưa Phạm chí, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ quán này đến quán khác, từ rừng này đến rừng khác, uống nước suối trong, ăn trái cây tốt, rồi đến đây. Nay tôi muốn đi, không sợ loài người.” đười ươi nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Ta nói các thí dụ ấy là muốn các Thầy hiểu rõ ý nghĩa. Các Thầy nên biết, nói các thí dụ như thế, đều có ý nghĩa cả.

Lúc con rái cá nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ này có ý nghĩa như thế nào ? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y, ôm bát vào thôn khát thực mà không thủ hộ thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm; nhưng vị ấy lại thuyết pháp, những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi, như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước thêm, không thấy tai họa, không

thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mật, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Cũng giống như Phạm chí thấy loài rái cá rồi hỏi: “Lành thay, Rái cá ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?” — “Thưa Phạm chí, trước kia hồ ấy tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, nhiều hoa, cá và rùa. Trước tôi ở đó, nhưng nay khô rang; Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi vào sông lớn kia. Giờ tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.” Ta nói Tỳ-kheo ấy cũng lại như thế, rơi vào trong pháp ác, bất thiện, ô uế, tạo gốc rễ của sanh hữu đời sau, tạo nhơn khổ báo, phiền nhiệt, sanh, già, bệnh, chết. Cho nên, Tỳ-kheo chớ sống như con rái cá, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, khoác y phần tảo, thường đi khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu học như vậy.

Lúc chim cú mộ nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ này có ý nghĩa như thế nào ? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y, ôm bát

vào thôn khát thực, mà không giữ gìn thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm. Vị ấy vào nhà người khác giáo hóa, thuyết pháp, những pháp do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó, vị ấy được lợi, như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi vị ấy càng đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim cứu mộ rồi hỏi: “Lành thay, Cứu mộ ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?” —“Thưa Phạm chí, trước kia hồ ấy tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa, cá và rùa. Trước đây tôi ở đó, nhưng nay khô rang; Phạm chí nên biết, tôi muốn đến ở chỗ có nhiều xác trâu chết, hoặc chỗ có nhiều xác lừa chết, nhiều xác người chết. Nay tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người”. Ta nói Tỳ-kheo cũng lại như thế, nương vào pháp bất thiện, ô uế mà tạo gốc rễ của sanh hữu đời sau, tạo nhơn phiền não, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết. Cho nên, Tỳ-kheo chớ sống như chim cứu mộ, chớ nương vào phi pháp để tự bảo tồn sự sống, hãy tịnh hóa

thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, mang y phần tảo, thường đi khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy.

Lúc chim thúu kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa như thế nào ? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y, cầm bát vào thôn khát thực mà không giữ gìn thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm. Vị ấy vào nhà người khác để giáo hóa, thuyết pháp, những pháp do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhân đó, vị ấy được lợi, như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Vị Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim thúu, rồi hỏi: “Lành thay, chim Thúu ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?” — “Thưa Phạm chí, tôi từ mộ lớn này đến

mộ lớn khác, sát hại rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Bây giờ tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.” Ta nói Tỳ-kheo ấy cũng lại như thế. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như chim thú, chớ nương vào phi pháp để tự bảo tồn sự sống, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú nơi vô sự, mang y phần tảo, thường đi khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy.

Lúc chim thực thổ kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa như thế nào ? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y, cầm bát vào thôn khát thực mà không giữ gìn thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm. Vị ấy vào phòng Tỳ-kheo-ni để giáo hóa, thuyết pháp, những pháp do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Tỳ-kheo-ni kia đến bao nhiêu nhà khác, nói tốt nói xấu, thọ nhận phẩm vật của tín thí, mang về cho vị Tỳ-kheo. Như đó, vị Tỳ-kheo ấy được lợi, như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau

khi được lợi, vị ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Vị Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim thực thổ rồi hỏi: “Lành thay, chim Thực thổ ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?” — “Thưa Phạm chí, Ông thấy con chim thúu vừa đi đó không ? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người.” Ta nói, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con thực thổ, chớ nương vào phi pháp để tự bảo tồn sự sống, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, mang y phần tảo, thường đi khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy.

Lúc con sài nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa như thế nào ? Giả sử có vị Tỳ-kheo sống tại một thôn nghèo. Nếu Tỳ-kheo biết trong thôn áp và thành quách có nhiều bạc trí tuệ, tinh tấn, phạm hạnh thì liền tránh đi, nếu biết trong thôn áp và thành quách không có

bậc trí tuệ, tinh tấn, phạm hạnh thì đến ở, suốt chín tháng hoặc mười tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi:

“— Hiền giả du hành xứ nào ?”

Tỳ-kheo ấy đáp:

“— Tôi du hành ở thôn nghèo xứ ấy.”

Các Tỳ-kheo nghe xong liền nghĩ: “Hiền giả này du hành ở nơi khó du hành. Lý do vì sao ? Vì Hiền giả này có thể du hành được nơi thôn nghèo đó.” Các Tỳ-kheo ấy liền cung kính, đánh lễ, cúng dường. Nhân đó, vị Tỳ-kheo ấy được lợi, như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở thành tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy con sài rồi hỏi: “Lành thay, con Sài ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?” — “Thưa Phạm chí, tôi từ suối sâu này đến suối sâu khác, từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ chốn hoang vắng này đến chốn hoang vắng khác, rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết,

thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Giờ tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.” Ta nói, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con sài, chớ nương theo phi pháp để tự bảo tồn sự sống, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, mang y phần tảo, thường đi khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu học như vậy.

Lúc chim quạ mắng vào mặt Phạm chí như vậy rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa thế nào ? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào nơi vô sự, nghèo nàn mà an cư. Nếu Tỳ-kheo ấy biết trong thôn ấp và thành quách có nhiều bậc trí tuệ, tinh tấn, phạm hạnh, thì liền tránh đi; nếu biết trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ, tinh tấn, phạm hạnh, thì đến ở hai tháng, ba tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi:

“— Hiền giả an cư nơi nào ?”

“— Chư hiền, hiện giờ tôi an cư ở nơi vô sự, nghèo nàn ấy. Tôi không giống như bọn ngu si kia làm sẵn giường chông, đầy đủ ngủ sự, rồi sống yên vào trong đó, buổi sáng rồi buổi chiều, buổi chiều

rồi buổi sáng, miệng chạy theo vị, vị trôi theo miệng, câu rồi lại câu, xin rồi lại xin.”

Lúc các Tỳ-kheo nghe xong, liền nghĩ rằng: “Hiên giả nầy làm những việc khó làm. Lý do vì sao ? Hiên giả nầy có thể an cư ở nơi vô sự, nghèo nàn kia.” Các Tỳ-kheo ấy liền cung kính, lễ bái, cúng dường. Nhân đó, vị Tỳ-kheo ấy được lợi, như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cần cho sự sống. Sau khi được lợi, vị Tỳ-kheo ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở thành tệ mật, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim quạ rồi hỏi: “Lành thay chim Quạ ! Người từ đâu đến và muốn đi đâu ?” — “Thưa Phạm chí, Ông là kẻ cường ngạnh, cuồng si, vì sao hỏi tôi rằng: “Người từ đâu đến và muốn đi đâu ?””. Ta nói Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con quạ, chớ nương theo phi pháp để tự bảo tồn sự sống, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, mang y phần tảo, thường đi khát thực, thú lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh

trình căn, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu học như vậy.

Thú đười ươi kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa thế nào ? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y, cầm bát vào thôn khát thực, khéo giữ gìn thân, gìn giữ các căn, vững vàng chánh niệm. Từ thôn ấp khát thực rồi ăn xong, sau đó thu xếp y bát, rửa tay chân lấy ni-sư-đàn vắt lên vai đi đến nơi vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, hoặc vào trong nhà trống, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết-già, chánh thân chánh nguyện, chuyên niệm hương nội, đoạn trừ tham lam, tâm không nào hại, thấy của cải và vật dụng sinh sống của người khác không móng khởi tâm tham lam mong sẽ thuộc về mình. Đối với tâm tham lam, vị ấy đã tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thù miên, điệu hối, đoạn nghi, trừ hoặc, ở trong thiện pháp không còn do dự; đối với nghi hoặc, vị ấy cũng đã tịnh trừ tâm mình. Vị ấy đã tịnh trừ năm triền cái này, chúng làm cho tâm ô uế, trí tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác, bất thiện, chúng dắt đến Thiên thứ tư, thành tựu và an trú trong đó. Vị ấy chúng dắt định tâm như vậy, thanh tịnh, không uế nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, bất động, hướng đến chúng ngộ lậu tận trí thông; rồi

vị ấy biết như thật rằng: “Đây là Khổ”, biết như thật rằng: “Đây là Khổ tập”, “Đây là Khổ diệt” và “Đây là Khổ diệt đạo”; biết như thật rằng: “Đây là lậu”, biết như thật rằng: “Đây là lậu tập”, “Đây là lậu diệt” và “Đây là lậu diệt đạo”. Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, tâm của vị ấy thoát, khỏi dục lậu, giải thoát khỏi hữu lậu, và vô minh lậu. Sau khi giải thoát, vị ấy biết là đã giải thoát: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Giống như Phạm chí thấy Đuôi ươi rồi hỏi: “Lành thay, Đuôi ươi ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu ?” — “Thưa Phạm chí, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ quán này đến quán khác, từ rừng này đến rừng khác, uống nước suối trong, ăn trái cây tốt rồi đến đây. Nay tôi muốn đi, chẳng sợ loài người.” Ta nói Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như loài rái cá, chớ sống như chim cú mèo, chớ sống như chim thú, chớ sống như chim thực thỏ, chớ sống như con sài, chớ sống như chim quạ mà nên sống như đuôi ươi. Lý do vì sao ? Bởi vì bậc Vô trước Chân nhân trong thế gian là giống như đuôi ươi.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Ngài dạy đều hoan hỷ phụng hành.

2. KINH THUYẾT BỐN

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại Ba-la-nại, ở trú xứ Tiên Nhon, trong vườn Lộc Dã.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, sau bữa ăn trưa, vì một nhân duyên nhỏ nên tụ tập, ngồi tại giảng đường để cùng bàn luận vấn đề này:

— Thế nào chư Hiền, trong hàng cư sĩ tại gia, ai là người thù thắng ? Phải chăng là người được các Tỳ-kheo trì giới diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực ? Hay người mà hằng ngày lợi lộc tăng gấp trăm ngàn vạn lần ?

Hoặc có Tỳ-kheo nói rằng:

— Nay chư Hiền, lợi lộc gấp trăm ngàn vạn

lân thì có nghĩa gì ? Chỉ có điều này là chí yếu, là được vị Tỳ-kheo trì giới diệp pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực; chứ không phải là ngày ngày được tăng lợi lộc gấp trăm ngàn vạn lần.

Lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà cũng ngồi tại trong chúng. Và Tôn giả A-na-luật-đà nói với các Tỳ-kheo rằng:

— Nay chư Hiền, lợi lộc tăng gấp trăm ngàn vạn lần và giả sử có nhiều hơn nữa thì có nghĩa gì ? Chỉ có điều này là chí yếu, là được một Tỳ-kheo trì giới diệp pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực; chứ không phải ngày ngày lợi lộc tăng gấp trăm ngàn vạn lần. Vì sao ? Tôi nhớ thuở trước, tôi là người nghèo khổ ở nước Ba-la-nại này, chỉ nhờ nhặt lượm, gánh thuê mà sống. Lúc ấy, nước Ba-la-nại bị hạn hán, sương móc và sâu rầy làm cho ngũ cốc không thể chín được. Nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Bấy giờ có một vị Bích-chi Phật, hiệu là Vô Hoạn cũng trú tại Ba-la-nại này. Lúc ấy, vào buổi sáng sớm, vị Bích-chi Phật Vô Hoạn mang y, cầm bát đi vào Ba-la-nại để khát thực. Nay chư Hiền, lúc đó tôi đang đi ra khỏi Ba-la-nại, vào lúc sáng sớm, để nhặt lượm... Lúc đang đi ra, từ xa tôi thấy vị Bích-chi Phật Vô Hoạn đi vào. Lúc Bích-chi Phật Vô Hoạn cầm tịnh bát đi vào thế nào thì lúc

đi ra, tỉnh bát vẫn y như cũ. Này chư Hiền, sau khi nhất lượm... và trở về Ba-la-nại, tôi lại thấy Bích-chi Phật Vô Hoạn đi ra. Ngài thấy tôi, liền nghĩ: “Sáng sớm, lúc Ta đi vào thì thấy người này đi ra, bây giờ Ta đi ra, lại thấy người này trở vào. Người này có thể chưa ăn. Nay Ta nên đi theo người này.” Rồi Bích-chi Phật đi theo tôi như bóng theo hình. Này chư Hiền, khi tôi mang quả gánh về đến nhà, bỏ gánh xuống và quay lại nhìn, thì vẫn thấy Bích-chi Phật Vô Hoạn đi theo sau tôi như bóng theo hình. Tôi thấy Ngài, liền suy nghĩ: “Sáng sớm, lúc đi ra, ta thấy vị Tiên nhơn này đi vào thành khát thực, bây giờ vị Tiên nhơn này có lẽ chưa ăn, ta nên đem phần ăn của mình để cúng dường cho vị Tiên nhơn này.” Nghĩ như vậy xong, tôi mang phần cơm bố thí cho vị Bích-chi Phật và bạch:

“— Mong Tiên nhơn biết cho, cơm này làm phần ăn của con, vì lòng từ mẫn, mong Ngài xót thương thọ nhận.”

Bấy giờ vị Bích-chi Phật đáp:

“— Cư sĩ nên biết, năm nay hạn hán, sương móc và sâu rầy làm cho ngũ cốc không chín được, nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Thí chủ chỉ nên bớt phần nửa bỏ vào bát Ta và dùng phần

nửa kia để cho cả hai đều được sống còn. Như vậy đã là tốt rồi.”

Tôi lại thưa:

“— Mong Tiên nhơn biết cho, trong nhà con sẵn có chảo có bếp, có củi, có thóc gạo, ăn uống sớm muộn cũng chẳng cần đúng giờ khắc. Tiên nhơn hãy thương con mà nhận hết thức ăn này.”

Bấy giờ, Bích-chi Phật vì lòng từ mẫn nên đã nhận hết thức ăn.

Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát com mà bảy lần tái sanh vào cõi trời, được làm Thiên chủ, bảy lần tái sanh vào loài người, lại làm bậc Nhân chủ.

Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát com mà được sanh vào dòng họ Thích như thế này, giàu có cùng tột, súc vật chăn nuôi vô số, phong hộ, thực ấp, của cải vô lượng, châu báu đầy đủ.

Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát com nên xả bỏ vương vị, trăm nghìn thế nữ, vàng bạc để xuất gia học đạo.

Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát com mà được vua quan, Phạm chí, cư sĩ và

tất cả nhân dân thấy là tiếp đãi; bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di thấy cũng đều kính trọng.

Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát cơm mà thường được người thỉnh cầu thọ nhận đồ ăn, thức uống, áo, mền, chăn chiếu dệt bằng lông năm sắc, giường nệm, thuốc thang trị bệnh và các dụng cụ cần cho sự sống, không gì là không được thỉnh cầu. Lúc bấy giờ, nếu tôi biết vị Sa-môn ấy là bậc Vô trước Chân nhân, thì phước báo có được chắc chắn sẽ tăng gấp bội, thọ nhận được quả báo lớn và công đức hết sức kỳ diệu, sáng chiếu rộng lớn, thấu suốt cùng khắp.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà, bậc Vô trước Chân nhân đã được chánh giải thoát, nói bài tụng rằng:

*Ta nhớ xưa nghèo nàn,
Chỉ nhật cở mà sống;
Bớt phần cúng Sa-môn,
Vô Hoạn tối thượng đức.
Nhơn đó sanh dòng Thích,
Tên là A-na-luật;
Hiếu rành về ca vũ,
Làm nhạc, thường hoan hỷ.
Ta được gặp Thế Tôn,*

Chánh giác như cam lộ,
Đã gặp sanh tín tâm,
Bỏ nhà đi học đạo.
Ta biết được đời trước,
Biết rõ cội gốc sanh,
Sanh Tam thập tam thiên;
Bảy lần trú ở đó.
Đó bảy, đây cũng bảy,
Thọ sanh mười bốn lần,
Nhân gian và thiên thượng,
Chưa từng đọa ác đạo.
Nay biết rõ sanh tử,
Nơi chúng sanh qua lại,
Biết tâm người thị phi,
Hiển Thánh, năm lạc thú.
Chúng năm chi Thiên định,
Thường định tâm tĩnh mặc,
Đã chúng đắc tịch tĩnh,
Liên đắc tịnh thiên nhãn;
Mục đích mà học đạo,
Viễn ly, bỏ gia đình,
Nay ta đạt nghĩa ấy,
Được vào cảnh giới Phật.
Ta không ưa sự tử,
Cũng chẳng mong sự sanh;

*Thời nào cũng tự tại,
Kiến lập trí chánh niệm.
Tỳ-da-ly, Trúc Lâm,
Ở đây, mạng ta dứt;
Ngay dưới rừng trúc này,
Nhập Vô dư Niết-bàn.*

Bấy giờ đức Thế Tôn ở chỗ tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh vượt xa người thường, nghe các Tỳ kheo, sau bữa ăn trưa, tụ tập tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề ấy. Nghe xong, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ kheo mà ngồi, rồi hỏi:

— Nay các Tỳ-kheo, hôm nay vì chuyện gì mà tụ tập tại giảng đường ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, hôm nay nhân chuyện quá khứ mà Tôn giả A-na-luật-đà thuyết pháp nên chúng con tụ tập, ngồi tại giảng đường.

Đức Thế-Tôn bảo:

— Bây giờ các Thầy có muốn nghe nhân chuyện vị lai mà thuyết pháp chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

thì sau khi nghe, chúng con xin khéo thọ trì.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay các Thầy, hãy lắng nghe và khéo thọ trì. Ta sẽ phân biệt, giải thích rộng rãi cho các Thầy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời ngồi nghe. Đức Thế Tôn dạy:

— Nay các Tỳ-kheo, một thời gian lâu xa ở vị lai, sẽ có lúc nhân dân sống đến tám vạn tuổi. Lúc con người sống đến tám vạn tuổi thì châu Diêm-phù này giàu có, an lạc tốt cùng; dân chúng đông đúc; thôn ấp gần nhau chỉ bằng khoảng cách của con gà bay. Nay các Tỳ-kheo, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, thì con gái năm trăm tuổi mới lấy chồng. Nay các Tỳ-kheo, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, thì chỉ có những bệnh như thế này, là nóng lạnh, đại tiểu tiện, muốn ăn uống và già, ngoài ra không có tai họa nào khác. Nay các Tỳ-kheo, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, thì có vua tên là Loa, làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, và có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương theo đúng pháp, thành tựu bảy báu:

bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đầy đủ một ngàn người con trai, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ hãi, có thể hàng phục được người khác. Nhà vua thống lãnh quả đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân chúng an lạc. Lại có cây phướn bằng vàng to lớn, được trang hoàng bằng các thứ châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do nhà vua sai dựng lên. Sau khi dựng xong, hạ xuống, nhà vua tổ chức bố thí cho Sa-môn, Phạm chí, người nghèo khổ, cô độc từ các phương xa đến xin, với đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần và đèn dầu. Sau khi bố thí như vậy, nhà vua cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ cầu chứng đắc vô thượng phạm hạnh ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Bấy giờ có Tôn giả A-di-đa ngồi ở trong chúng. Tôn giả A-di-đa từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai

áo đang mặc, chấp tay hướng về đức Phật, bạch rằng:

— Bạch Thế Tôn, một thời gian lâu dài ở vị lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con có thể được làm vua, hiệu là Loa, một Chuyển luân vương thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương theo đúng pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Con có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được kẻ khác. Con thống lãnh trọn quả đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến cho nhân dân an lạc. Con có cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong lại hạ xuống, tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn, Phạm chí, kẻ khốn khổ, cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần và cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, con liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Con, một thiện nam tử, sở dĩ cạo bỏ râu tóc,

mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì mục đích cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại này tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn quả trách Tôn giả A-di-đà rằng:

— Thấy là kẻ ngu si, chỉ nên một lần chết, sao lại mong một lần tái sanh nữa ? Vì sao như thế ? Vì Thấy đã nghĩ rằng: “Bạch đức Thế Tôn, một thời gian dài ở vị lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con có thể được làm vua, hiệu là Loa, một Chuyển luân vương thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Con có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được kẻ khác. Con thống lãnh trọn trái đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa khiến cho nhân dân an lạc. Con có cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn

khuyết tay, chu vi mười sáu khuyết tay, do con dựng lên, sau khi dựng xong lại hạ xuống, và tổ chức bố thí cho Sa-môn, Phạm chí, kẻ khốn khổ, cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần, cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, con liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Con, một thiện nam tử, sở dĩ cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo chỉ vì mục đích cầu đắc vô thượng phạm hạnh ngay trong đời hiện tại, tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-di-đà, một thời gian lâu dài ở vị lai, Thầy sẽ làm vua, hiệu là Loa, một vị Chuyển luân vương thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, ngựa báu, voi báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Thầy sẽ có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh

không sợ, hàng phục được kẻ khác. Thầy sẽ thống lãnh toàn quả đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa khiến nhân dân an lạc. Thầy sẽ có một cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, dựng cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do Thầy dựng lên, sau khi dựng lên rồi hạ xuống, và tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn Phạm chí, kẻ cùng khổ cô độc, từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần, cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, Thầy liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Thầy, một thiện nam tử, sở dĩ cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì mục đích cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại, tự tri tự giác, tự thân chứng đắc thành tựu và an trú, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Một thời gian lâu dài ở các vị lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, sẽ có đức Phật hiệu Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác,

Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; cũng như hôm nay Ta đã thành Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu.

Đức Di-lặc Như Lai ở đời ấy, giữa chư Thiên, Ma Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài Người cho đến loài Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chúng đắc, thành tựu và an trú; cũng như hôm nay Ta ở đời này, giữa chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí từ loài Người, cho đến loài Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chúng đắc, thành tựu, an trú.

Ngài sẽ thuyết pháp, phân đầu vi diệu, phân giữa vi diệu và phân sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; cũng như Ta hôm nay thuyết pháp, phân đầu vi diệu, phân giữa vi diệu và phân cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh.

Ngài sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài Người cho đến loài Trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài Người cho đến loài Trời, khéo

phát khởi, hiển hiện. Ngài sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như Ta hôm nay có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ có Tôn giả Di-lặc ở trong chúng ấy. Tôn giả Di-lặc từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, vòng tay hướng về đức Phật thưa rằng:

— Kính bạch Thế Tôn, một thời gian lâu dài ở vị lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con có thể thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Cũng như bây giờ Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu.

Con ở đời ấy, giữa chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài Người cho đến loài Trời, mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú; cũng như đức Thế Tôn ở đời này, giữa chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài Người cho đến loài Trời, mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú.

Con sẽ thuyết pháp phân đầu vi diệu, phân

giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; cũng như hiện nay đức Thế Tôn thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh.

Con sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh, với những đại hội vô lượng từ loài Người cho đến loài Trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như hiện giờ đức Thế Tôn quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng từ loài Người cho đến loài Trời, khéo phát khởi, hiển hiện.

Con sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như hiện giờ đức Như Lai có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ đức Thế Tôn tán thán Tôn giả Di-lặc rằng:

— Lành thay, lành thay, Di-lặc ! Thấy phát tâm thật vi diệu, là lãnh đạo đại chúng. Vì sao ? Vì Thấy đã nghĩ: “Bạch đức Thế Tôn, một thời gian lâu dài ở vị lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con có thể thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp

Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; cũng như hiện giờ Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng

Con ở đời ấy, giữa chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài Người đến loài Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú; cũng như hiện giờ đức Thế Tôn ở đời này, giữa chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài Người cho đến loài Trời tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú.

Con sẽ thuyết pháp phân đầu vi diệu, phân giữa vi diệu và phân cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; cũng như hiện giờ đức Thế Tôn thuyết pháp phân đầu vi diệu, phân giữa vi diệu và phân cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh.

Con sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài Người cho đến loài Trời, khéo phát khởi hiển hiện; cũng như hiện giờ Thế Tôn quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài Người cho đến loài Trời khéo phát khởi, hiển hiện.”

Đức Phật lại bảo:

— Nay Di-lặc, vào một thời gian lâu dài ở đời vị lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, Thầy sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; cũng như Ta hiện nay là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Thấy ở đời ấy, giữa chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài Người cho đến loài Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú; cũng như Ta hiện giờ ở đời này, giữa chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài Người cho đến loài Trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Thầy sẽ thuyết pháp phân đầu vi diệu, phân giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; cũng như Ta hiện giờ thuyết pháp phân đầu vi diệu, phân giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Thầy sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng từ loài Người cho đến loài Trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như Ta hiện nay quảng diễn,

lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng từ loài Người cho đến loài Trời khéo phát khởi, hiển hiện.

Thầy sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như Ta hiện nay có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu đức Phật. Lúc đó, đức Thế Tôn quay lại bảo:

— Nay A-nan, Thầy hãy lấy tơ vàng dệt thành y và mang lại, nay ta muốn cho Tỳ-kheo Di-lặc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng lời đức Thế Tôn, liền lấy tơ vàng dệt thành y và mang lại, trao cho Ngài. Sau khi đức Thế Tôn nhận tấm y được dệt bằng chỉ vàng từ Tôn giả A-nan, Ngài bảo:

— Nay Di-lặc, Thầy hãy đến Như Lai, nhận tấm y được dệt bằng chỉ vàng này mà cúng dường Phật, Pháp và chúng Tăng. Lý do vì sao ? Nay Di-lặc, các đức Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, vì muốn cứu hộ thế gian mà mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong an ổn khoái lạc.

Bấy giờ Tôn giả Di-lặc nhận tấm y dệt bằng chỉ vàng từ đức Như Lai xong liền cúng dường Phật, Pháp và chúng Tăng.

Lúc ấy, ma Ba-tuần liền nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm

này du hóa tại Ba-la-nại ở trong vườn Lộc Dã, Tiên nhơn đọa xứ. Vị ấy tại Ba-la-nại, ở trong vườn Lộc Dã, Tiên nhơn đọa xứ. Vị ấy nhơn chuyện vị lai mà thuyết pháp cho các đệ tử, ta có thể đến đây để nhiều loạn.” Rồi ma Ba-tuần đi đến chỗ đức Phật, đến nơi, hướng về Ngài và nói bài tụng:

*Người ấy tất sẽ được,
Dung mạo đẹp đệ nhất,
Thân trắng hoa anh lạc,
Ngọc sáng đeo cánh tay,
Nếu ở thành Kê-đầu,
Trong cảnh giới vua Loa.*

Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Ma Ba-tuần này đến chỗ Ta muốn gây nhiều loạn.” Đức Thế Tôn sau khi đã biết là ma Ba-tuần, liền nói bài tụng:

*Người ấy tất sẽ được,
Tối thắng, không nghi ngại,
Dứt sanh, lão, bệnh, tử,
Vô lậu, việc làm xong.
Nếu tu hành phạm hạnh,
Sẽ ở cõi Di-lặc.*

Ma Ba-tuần lại nói bài tụng:

*Người ấy tất sẽ được,
Y phục tối thượng diệu,*

*Thân thoa trăm chiến đàn,
Tay chân đầy châu ngọc;
Nếu ở thành Kê-đầu,
Sẽ ở cõi Loa vương.*

Bấy giờ đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

*Người ấy tất sẽ được,
Vô chủ và vô gia;
Tay không cầm kim bảo,
Vô vi, không sầu não.
Nếu tu hành phạm hạnh,
Sẽ ở cõi Di-lặc.*

Lúc đó, ma Ba-tuần lại nói bài tụng:

*Người kia tất sẽ được,
Danh, tài, ẩm thực diệu;
Khéo hiểu rành ca vũ,
Đánh nhạc, thường hoan hỷ;
Nếu ở thành Kê-đầu,
Sẽ ở cõi Loa vương.*

Bấy giờ đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

*Người ấy tất qua bờ,
Như chim phá lưới ra,
Chúng trụ Thiên tự tại,
Đủ lạc, thường hoan hỷ,*

*Nên biết Người là ma,
Mà Ta đã hàng phục.*

Lúc đó ma vương lại nghĩ: “Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta.” Nghĩ vậy, nó sầu não, buồn bã, không thể ở lại được, liền biến mất, không thấy ở chỗ ấy nữa.

Đức Phật dạy như vậy, các Tôn giả Di-lặc, A-di-đà, A-nan và các Tỳ-kheo nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Bệ-đà-đê cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Ngài đến Di-tát-la, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm.

Bấy giờ, đang giữa đường đi, đức Thế Tôn bỗng mỉm cười rạng rỡ. Tôn giả A-nan thấy đức Thế Tôn mỉm cười, liền chấp tay hướng về Ngài và thưa rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, vì nhơn duyên gì mà Ngài mỉm cười ? Các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, nếu không có nhơn duyên gì, thì không bao giờ mỉm cười. Mong Ngài nói cho con biết ý đó.

Đức Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, thuở xưa trong rừng Nại Lâm thuộc xứ Di-tát-la này có nhà vua tên là Đại Thiên, làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương theo đúng pháp, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý.

Này A-nan, vua Đại Thiên ấy thành tựu bảy báu là những gì ? Là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu.

Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu luân báu như thế nào ? Này A-nan, bấy giờ vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, vua Đại Thiên tắm gội, rồi ngự trên chánh điện, thì có thiên luân báu từ phương Đông hiện đến. Thiên luân có đủ tất cả một ngàn cốm và đầy đủ tất cả bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vua Đại Thiên trông thấy, liền hoan hỷ, phấn khởi và nghĩ thầm: "Hiên luân báu đã xuất hiện, diệu luân báu đã xuất hiện. Ta cũng đã từng nghe người xưa bảo rằng: "Vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, nếu vị vua Sát-lợi đã làm lễ quán đảnh, tắm gội sạch sẽ rồi ngự trên chánh điện, thì có thiên luân báu từ phương Đông hiện đến. Thiên luân có đủ tất cả một ngàn cốm và

đầy đủ tất cả bộ phận, thanh tịnh, tự nhiên, không phải do người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vị ấy chắc chắn sẽ làm Chuyển luân vương." Ta sẽ không làm được Chuyển luân vương chẳng ?"

— Nay A-nan, thuở xưa, vua Đại Thiên muốn đích thân thí nghiệm thiên luân báu, liền cho tụ tập bốn loại quân, tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi tụ tập bốn loại quân xong nhà vua đi đến chỗ thiên luân báu, dùng tay trái vỗ về, dùng tay phải đẩy thiên luân mà nói rằng: "Thiên luân báu hãy tự đi và đến nơi nào Thiên luân báu chuyển đến." Nay A-nan, thiên luân báu ấy đã chuyển động và lăn về hướng Đông. Lúc ấy, vua Đại Thiên và bốn loại quân cũng đi theo sau; nếu thiên luân báu ngừng lại chỗ nào, thì vua Đại Thiên và bốn loại quân đóng lại ở chỗ đó.

Bấy giờ ở phương Đông, các vị vua ở những nước nhỏ đều đi đến chỗ vua Đại Thiên, tâu rằng:

“— Tâu Thiên vương, kính chào Thiên vương ! Các nước này rất giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc, hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương đem pháp giáo hóa, chúng tôi sẽ phụ tá Thiên vương.”

Bấy giờ vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

“— Này các Khanh, mỗi vị hãy tự trông coi lấy lãnh thổ của mình; hãy áp dụng pháp, chớ áp dụng phi pháp; đừng để trong nước mình có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh.”

Này A-nan, thiên luân báu ấy qua khỏi phương Đông, vượt qua đông đại hải, quay lại phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Này A-nan, lúc thiên luân báu lặn chuyển vòng quanh cùng khắp, thì vua Đại Thiên cùng bốn loại quân cũng đều đi theo sau. Nếu thiên luân báu ngừng lại chỗ nào, thì vua Đại Thiên và bốn loại quân đều đóng lại ở chỗ ấy.

Bấy giờ, vua các nước nhỏ ở phương Bắc đều đến chỗ vua Đại Thiên, tâu rằng:

“— Tâu Thiên vương, kính chào Thiên vương, các nước này rất giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc, hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương đem pháp giáo hóa, chúng tôi sẽ phụ tá Thiên vương.”

Lúc ấy, vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

“— Này các Khanh, mỗi vị hãy tự trông coi lấy lãnh thổ của mình; hãy áp dụng pháp, chớ áp

dụng phi pháp; đừng để trong nước mình có những người tạo ác nghiệp, phi phạm hạnh.”

Này A-nan, thiên luân báu ấy qua phương Bắc, vượt qua bắc đại hải, rồi trở về bản thành của vua. Lúc vua Đại Thiên ngự trên chánh điện để xử lý tài vật, thì thiên luân báu dừng ở trên hư không. Vua Đại Thiên đã thành tựu thiên luân báu như vậy.

Này A-nan, vua Đại Thiên ấy thành tựu voi báu như thế nào ? Này A-nan, lúc vua Đại Thiên có voi báu, thì voi báu ấy trắng toát, có bảy chi rấn chắc, tên là Vu-sa-hạ. Sau khi trông thấy, vua Đại Thiên hoan hỷ, phấn khởi. Nếu điều phục được thì nó rất hiền lành. Này A-nan, sau đó vua Đại Thiên bảo tượng sư rằng:

“— Ngươi hãy mau huấn luyện voi cho hết sức thuần thực. Nếu voi đã thuần, thì đến cho ta hay.”

Bấy giờ, tượng sư vâng lời vừa dạy bảo, đến chỗ voi báu huấn luyện nhanh chóng, khiến nó trở nên hết sức thuần thực. Lúc ấy, voi báu nhờ được huấn luyện hết sức công phu nên mau thuần thực. Cũng như voi tốt thuở xưa sống vô lượng trăm ngàn năm, đã trải qua vô lượng trăm ngàn năm được huấn luyện rất công phu, nên mau trở thành thuần thực.

Voi báu này cũng giống như vậy, được huấn luyện rất công phu, nên mau trở thành thuần thực.

Này A-nan, bấy giờ sau khi tượng sư nhanh chóng huấn luyện voi báu, khiến nó sớm trở nên thuần thực, liền đến chỗ nhà vua tâu rằng:

“— Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, hạ thân đã huấn luyện voi báu rất công phu, bây giờ tùy theo ý Thiên vương.”

Này A-nan, khi ấy vua Đại Thiên muốn thí nghiệm voi báu, vào buổi sáng, khi mặt trời mọc, liền đến chỗ voi, cỡi lên và đi cùng khắp cả cõi đất cho đến đại hải, rồi tức tốc trở lại bản thành của vua. Vua Đại Thiên đã thành tựu voi trắng báu như vậy.

Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu ngựa báu như thế nào ? Này A-nan, lúc vua Đại Thiên có ngựa báu, thì ngựa báu ấy có sắc xanh mướt, đầu đen như quạ, vì lông làm cho ngựa oai vệ nên gọi là Mao mã vương. Nhà vua trông thấy hoan hỷ, phấn khởi. Nếu huấn luyện được thì nó rất hiền lành. Này A-nan, sau đó vua Đại Thiên bảo mã sư:

“— Ngươi hãy lo huấn luyện ngựa cho hết sức thuần thực. Nếu ngựa thuần, thì đến cho ta hay.”

Bấy giờ, mã sư phụng mạng vua, đến chỗ ngựa

báu, nhanh chóng huấn luyện nó trở nên hết sức thuần thục. Lúc ấy, ngựa báu được huấn luyện công phu, liền sớm trở nên thuần thục. Cũng như ngựa tốt thuở xưa sống vô lượng trăm ngàn năm, đã trải qua vô lượng trăm ngàn năm được huấn luyện công phu, liền trở nên thuần thục. Nay A-nan, ngựa báu này cũng lại như vậy, được huấn luyện công phu, liền trở nên thuần thục. Sau khi nhanh chóng huấn luyện ngựa báu, khiến nó trở nên rất thuần thục, mã sư liền đến chỗ vua Đại Thiên thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, hạ thần đã huấn luyện xong, bây giờ ngựa báu sẽ theo ý Thiên vương.”

Này A-nan, khi ấy vua Đại Thiên muốn thí nghiệm ngựa báu, vào buổi sáng sớm lúc mặt trời mọc, đi đến chỗ ngựa, cỡi lên, chạy khắp cả cõi đất cho đến đại hải, rồi tức tốc trở lại bản thành của vua. Vua Đại Thiên đã thành tựu ngựa báu sắc xanh như vậy.

Này A-nan, vua Đại Thiên ấy thành tựu châu báu như thế nào ? Lúc vua Đại Thiên có châu báu thì châu báu ấy trong suốt tự nhiên, không do ai tạo, tám cạnh không bẩn, được mài rất đẹp, được xâu qua bằng sợi dây ngũ sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng,

đen. Ngày A-nan, lúc vua Đại Thiên ở trong cung điện, muốn có ánh sáng, liền dùng châu báu. A-nan, thuở ấy, lúc vua Đại Thiên muốn thí nghiệm châu báu, liền cho tụ tập bốn loại quân, là tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân. Sau khi tụ tập bốn loại quân xong, vào lúc đêm tối, vua cho dựng một lá cờ cao, cho đặt ngọc báu trên ấy, rồi đến viên quán để nhìn. Ánh sáng của ngọc chiếu khắp bốn loại quân, soi sáng đến nửa do-diên. Vua Đại Thiên đã thành tựu ngọc báu như vậy.

Ngày A-nan, vua Đại Thiên thành tựu nữ báu như thế nào ? Ngày A-nan, lúc vua Đại Thiên có nữ báu, thì nữ báu ấy có thân thể trong trắng, tinh khiết, nõn nà, sắc đẹp hơn người, không thua tiên nữ; tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng cảm thấy khoan khoái; miệng tỏa mùi hương sen xanh thơm phức; các lỗ chân lông trên thân toát mùi hương chiên-đàn; về mùa đông thì thân ấm áp, về mùa hạ thì thân mát mẻ. Nữ báu ấy hết lòng hầu hạ nhà vua, nói năng hòa nhã, làm việc nhanh chóng, thông minh trí tuệ, hoan hỷ làm việc lành. Nữ báu ấy nghĩ đến nhà vua, tâm thường không rời, hướng nũa thân và miệng. Vua Đại Thiên đã thành tựu nữ báu như vậy.

Ngày A-nan, vua Đại Thiên ấy thành tựu cư sĩ báu như thế nào ? Ngày A-nan, lúc vua Đại Thiên

có cư sĩ, thì cư sĩ ấy giàu có cùng tột, của cải vô lượng, có nhiều súc vật chăn nuôi, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ, có phước báo nên được thiên nhân, thấy các kho báu, có hay không đều thấy rõ, thấy có người thủ hộ hay không người thủ hộ; kho vàng, kho bạc do người tạo hay không do người tạo, đều thấy rõ cả. A-nan, cư sĩ báu ấy đến trước vua Đại Thiên tâu rằng:

“— Tâu Thiên vương, nếu muốn được vàng và bạc báu, thì Thiên vương chớ buồn, vì hạ thân tự biết đúng thời.”

A-nan, thuở ấy, lúc vua Đại Thiên muốn thí nghiệm cư sĩ báu, vua cho chèo thuyền ra giữa sông Hằng và bảo rằng:

“— Này Cư sĩ, ta muốn được vàng và bạc báu.

Cư sĩ tâu rằng:

“— Tâu Thiên vương, hãy cho thuyền cập bến.

Bấy giờ vua Đại Thiên bảo:

“— Này Cư sĩ, ta muốn được ở chính giữa sông này, ta muốn được ở chính giữa sông này.

Cư sĩ tâu:

“— Tâu Thiên vương, hãy cho thuyền ngừng lại.

Này A-nan, bảy giờ cư sĩ báu đến trước mũi thuyền, quỳ xuống, thọc tay vào trong nước lấy lên bốn kho tàng, kho vàng, kho tiền, do tạo dựng hay không do tạo dựng rồi tâu:

“— Tâu Thiên vương, xin tùy ý muốn, Thiên vương tha hồ sử dụng, sử dụng xong, còn bao nhiêu thì trả lại dưới sông.”

Vua Đại Thiên đã thành tựu cư sĩ báu như vậy.

Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu tướng quân báu như thế nào ? Này A-nan, lúc vua Đại Thiên có tướng quân báu, thì tướng quân báu ấy thông minh, trí tuệ, biện tài, nói hay, hiểu biết rộng. Tướng quân báu sẽ thay vua Đại Thiên thực hiện những mục đích đời này, mục đích đời sau, khuyến khích xây dựng. Tướng quân báu ấy sẽ vì vua Đại Thiên, nếu muốn tập trung các quân là tập trung được, muốn giải tán là giải tán ngay, làm cho binh lính thuộc bốn loại quân không mệt mỏi và khuyến khích giúp đỡ họ. Đối với các cận thân khác cũng vậy. Vua Đại Thiên đã thành tựu tướng quân báu như vậy.

Này A-nan, vua Đại Thiên đã thành tựu bảy báu như vậy đây.

Này A-nan, vua Đại Thiên ấy được phước đức của người có bốn thứ như ý như thế nào ? Vua Đại Thiên ấy sống thực lâu dài, đến tám vạn bốn ngàn năm, làm đồng tử vui đùa đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước nhỏ đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước lớn đến tám vạn bốn ngàn năm, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la nây, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm.

Này A-nan, nếu vua Đại Thiên sống thực lâu dài đến tám vạn bốn ngàn năm, làm đồng tử vui đùa đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước nhỏ đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước lớn đến tám vạn bốn ngàn năm, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la nây, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm, thì đó chính là đức như ý thứ nhất của vua Đại Thiên.

Lại nữa, này A-nan, vua Đại Thiên ấy không có tật bệnh, thành tựu sự điều hòa của thực đạo, không lạnh, không nóng, an ổn, không bị bứt rứt; do đó, đồ ăn thức uống được tiêu hóa dễ dàng. Này A-nan, nếu vua Đại Thiên không có tật bệnh, thành

tự điều hòa của thực đạo, không lạnh, không nóng, an ổn, không bút rút; do đó đồ ăn thức uống tiêu hóa dễ dàng, thì đó chính là đức như ý thứ hai của vua Đại Thiên.

Lại nữa, này A-nan, vua Đại Thiên có thân thể trắng trẻo, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, không kém Thiên thân, đoan chánh đẹp đẽ, ai nhìn cũng cảm thấy khoan khoái. Này A-nan, nếu vua Đại Thiên có thân thể trắng trẻo, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, không kém Thiên thân, đoan chánh đẹp đẽ, ai nhìn cũng cảm thấy khoan khoái, thì đó chính là đức như ý thứ ba của vua Đại Thiên.

Lại nữa, này A-nan, vua Đại Thiên ấy thường thương tưởng đến các Phạm chí, cư sĩ như cha nghĩ đến con. Phạm chí, cư sĩ cũng kính trọng vua Đại Thiên như con kính cha. Này A-nan, thử ấy vua Đại Thiên ở trong viên quán, bảo người đánh xe rằng:

“— Hãy cho xe đi chậm chậm, Ta muốn nhìn kỹ các Phạm chí, cư sĩ.

Phạm chí, cư sĩ cũng bảo người đánh xe:

“— Hãy cho xe đi chậm chậm, chúng tôi muốn nhìn kỹ đức vua Đại Thiên.”

Này A-nan; nếu vua Đại Thiên thường thương tưởng đến các Phạm chí, cư sĩ như cha nghĩ đến con, còn Phạm chí, cư sĩ lại kính trọng vua Đại Thiên như con kính cha, thì đó chính là đức như ý thứ tư của vua Đại Thiên.

Này A-nan, vua Đại Thiên được phước đức của người có bốn thứ như ý như vậy đấy.

Này A-nan, một thời gian sau, vua Đại Thiên ấy bảo thợ hót tóc rằng:

“— Nếu Người thấy đầu ta mọc tóc bạc thì cho Ta hay.

Bấy giờ thợ hót tóc vâng lời vua bảo, một thời gian sau đó, gọi đầu cho vua, thấy mọc tóc bạc, liền tâu:

“— Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, Thiên sứ đã đến, đầu đã mọc tóc bạc.”

Vua Đại Thiên ấy lại bảo thợ hót tóc:

“— Người lấy nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay ta.”

Lúc đó, thợ hót tóc nghe vua bảo liền lấy cái nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay vua. Này A-nan, vua Đại Thiên, tay bưng tóc bạc, nói bài tụng:

*Đầu ta mọc tóc bạc,
Thọ mạng đến hồi suy,
Thiên sứ đã đến rồi,
Nay lúc ta học đạo.*

Này A-nan, sau khi thấy tóc bạc, vua Đại Thiên bảo thái tử:

“— Này Thái tử, hãy biết rằng Thiên sứ đã đến, đầu đầu ta đã mọc tóc bạc. Này Thái tử, ta đã được thú vui thế gian, nay lại muốn cầu thú vui thiên thượng. Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Thái tử, nay ta đem bốn châu thiên hạ này phó thác cho Con. Con hãy cai trị và giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp, phi phạm hạnh.

Này Thái tử, về sau, nếu Con thấy Thiên sứ đến, đầu mọc tóc bạc, thì Con nên đem việc quốc chính của nước mà trao lại cho con của Con, khéo dạy bảo và trao đất nước lại cho nó, rồi Con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho

Con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân phải sống như ở biên địa.

Này Thái tử, tại sao nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho Con, bảo Con cũng phải chuyển giao pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân phải sống như ở biên địa ?

Này Thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không được tiếp nối, thì đó là nhân dân phải sống thành biên địa. Vì thế cho nên, này Thái tử, nay ta chuyển giao cho Con.

Này Thái tử, ta đã chuyển giao pháp kế thừa này cho Con, thì Con cũng phải chuyển giao pháp kế thừa ấy, chớ để cho nhân dân phải sống thành biên địa.”

Này A-nan, vua Đại Thiên ấy đem việc quốc chính của nước này phó thác cho Thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo râu bỏ tóc, mặc áo cà-sa, chỉ tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học tiên nhơn vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm.

Thái tử ấy cũng là Chuyển luân vương, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý, thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như thế nào ? Bảy

báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý thì như đã nói ở trước đây.

Này A-nan, vị Chuyển luân vương ấy về sau cũng bảo thợ hót tóc rằng:

“— Nếu Người thấy đầu ta mọc tóc bạc thì cho ta hay.

Từ đó, thợ hót tóc vâng lời vua bảo, nên một thời gian sau, lúc gội đầu nhà vua, thấy đã mọc tóc bạc, bèn tâu:

“— Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, Thiên sứ đã đến, đầu đã mọc tóc bạc.

Vị Chuyển luân vương ấy lại bảo thợ hót tóc:

“— Người hãy lấy nhíp bằng vàng từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào trong bàn tay ta.”

Nghe lời của vua, thợ hót tóc liền lấy nhíp bằng vàng từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay vua. Này A-nan, vua Chuyển luân vương ấy, tay bung tóc bạc, đọc bài tụng rằng:

*Đầu ta mọc tóc bạc,
Thọ mạng đến hồi suy.
Thiên sứ đã đến rồi,
Nay lúc ta học đạo.*

Này A-nan, vị Chuyển luân vương ấy, sau khi thấy tóc bạc, bảo Thái tử rằng:

“— Này Thái tử, nên biết, Thiên sứ đã đến, đầu đã mọc tóc bạc. Thái tử, ta đã được thú yui thế đạo. Ta nay đem bốn châu thiên hạ phó thác cho Con, Con hãy cai trị, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh. Này Thái tử, nếu sau này Con thấy Thiên sứ đến, đầu mọc tóc bạc, thì Con phải đem việc quốc chính của nước trao cho con của Con, khéo dạy bảo và trao đất nước lại cho nó rồi, Con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho Con; Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để nhân dân sống thành biên địa.

Này Thái tử, tại sao nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho Con, và Con cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa này, chớ để nhân dân sống thành biên địa ? Vì này Thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không được tiếp nối, thì

nhân dân sẽ phải sống thành biên địa. Vì thế cho nên, này Thái tử, ta đã chuyển giao pháp kế thừa này cho Con, thì Con phải chuyển giao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho nhân dân phải sống thành biên địa.”

Này A-nan, vị Chuyển luân vương ấy đem việc quốc chính của nước ấy phó thác cho Thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học tiên nhưn vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm.

Này A-nan, đó là từ con đến con, từ cháu đến cháu, từ dòng họ đến dòng họ, từ kiến đến kiến, lần lượt đến tám vạn bốn ngàn vị Chuyển luân vương cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học với tiên nhưn vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm.

Vị vua sau cùng tên là Ni-di là một pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là vị vua vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thân dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mừng tám, mười bốn, mười lăm, tu hạnh bố thí, bố thí cho những kẻ

nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần, đèn dầu cung cấp cho họ.

Bấy giờ chư Thiên ở cõi trời Tam thập tam thiên tụ tập, ngồi tại giảng đường Thiện Pháp hết lời xưng tán vua Ni-di như thế này: “Chư Hiền, người xứ Bệ-đà-đê có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao ? Vì vua cuối cùng là Ni-di, một pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là bậc đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mồng tám, mười bốn, và mười lăm, tu hạnh bố thí, bố thí cho những kẻ nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem các đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần, đèn dầu cung cấp cho họ.”

Bấy giờ Thiên Đế-thích cũng có trong chúng. Lúc ấy Thiên Đế-thích bảo chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên rằng:

“— Chư Hiền, các Vị có muốn đến ngay tại nơi ấy, để yết kiến vua Ni-di không ?

Chư Thiên cõi Tam thập tam thiên đáp:

“— Nay Câu-dục, chúng tôi muốn được đến ngay nơi ấy để yết kiến vua Ni-di.”

Bấy giờ, trong khoảnh khắc giống như thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, Thiên Đế-thích ở trên cõi Tam thập tam thiên bỗng biến mất không thấy, và hiện ra ở cung điện vua Ni-di.

Lúc đó, vua Ni-di thấy trời Đế-thích liền hỏi:

“— Ông là ai ?

Đế-thích nói:

“— Đại vương có nghe đến Thiên Đế-thích không ?

“— Có nghe tên Đế-thích.

“— Chính là tôi vậy. Đại vương có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao ? Vì chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên tụ tập tại giảng đường Thiện Pháp, hết lời xưng tán Đại vương như thế này: “Chư Hiền, người xứ Bệ-đà-đê có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao ? Vì đức vua sau cùng tên là Ni-di, một vị pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, một bậc đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ, và các thân dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mồng tám,

muội bốn, mười lăm tu hạnh bố thí, bố thí cho những kẻ nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần, đèn dầu cung cấp cho họ". Đại vương có muốn xem cõi Tam thập tam thiên không ?

"— Muốn xem.

Thiên Đế-thích lại bảo vua Ni-di.

"— Tôi sẽ trở lại cõi trời; ra lệnh trang hoàng xa giá với một nghìn voi kéo để Đại vương cõi lên du lãm, thưởng ngoạn cõi trời."

Bấy giờ vua Ni-di im lặng nhận lời Thiên Đế-thích. Thiên Đế-thích biết vua Ni-di đã im lặng nhận lời, trong khoảnh khắc giống như thời gian lực sĩ duỗi cánh tay, biến mất, không thấy ở cung điện vua Ni-di, và đã trở lại cõi Tam thập tam thiên kia. Sau khi trở về, Thiên Đế-thích bảo người đánh xe:

"— Ngươi hãy mau trang hoàng xa giá với một nghìn voi kéo, đến đón vua Ni-di. Sau khi đến, Ngươi thưa: "Đại vương nên biết, Thiên Đế-thích bảo đem xe ngàn voi này đến đón, Đại vương có thể cõi xe này lên du lãm, thưởng ngoạn ở cõi trời." Sau khi vua Ni-di đã lên xe, Ngươi lại thưa: "Đại vương

muốn tôi đưa đi theo đường nào, theo đường ác thọ ác báo hay theo đường diệu thọ diệu báo ?”

Bấy giờ người đánh xe vâng lệnh Thiên Đế-thích trang hoàng xa giá có ngàn con voi kéo, đi đến chỗ vua Ni-di. Đến rồi thưa:

“— Đại vương nên biết, Thiên Đế-thích sai đem xa giá có ngàn voi kéo để nghênh đón Đại vương. Đại vương có thể ngồi xe này lên du lãm, thưởng ngoạn trên cõi trời.

Lúc vua Ni-di lên xe xong, người đánh xe lại thưa:

“— Đại vương muốn tôi đi theo đường nào ? Theo đường ác thọ ác báo, hay theo đường diệu thọ diệu báo ?

Bấy giờ vua Ni-di bảo người đánh xe:

“— Ngươi hãy đưa ta đi giữa hai đường, ác thọ ác báo và diệu thọ diệu báo.

Lúc đó, người đánh xe liền đưa vua đi giữa hai đường , ác thọ ác báo và diệu thọ diệu báo. Từ xa, chư Thiên cõi Tam thập tam thiên trông thấy vua Ni-di đi đến; sau khi trông thấy, họ liền chúc lành rằng:

“—Kính chào Đại vương ! Kính chào Đại

vương ! Đại vương có thể ở lại để cùng vui thú với Tam thập tam thiên chúng tôi.”

Lúc ấy vua Ni-di nói bài tụng cho chư thiên Tam thập tam thiên:

*Giống như kẻ cỡi nhờ,
Nhứt thời tạm dùng xe,
Nơi đây cũng như vậy,
Vì là của kẻ khác.
Ta về Di-tát-la,
Sẽ làm vô lượng thiện,
Nhơn đó sanh cõi trời,
Tạo phước làm tư lương.*

Này A-nan, vua Đại Thiên thuở xưa ấy, Thấy cho là ai khác chẳng ? Chớ nghĩ như vậy ! Nên biết vị ấy chính là Ta. Này A-nan, thuở xưa Ta từ đời con đến đời con, từ đời cháu đến đời cháu, từ dòng họ đến dòng họ, từ Ta lần lượt có tám vạn bốn ngàn vị Chuyển luân vương, từng cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học tiên nhơn vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la nầy, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm. Bấy giờ Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người; Ta thương xót thế gian, vì Trời, vì Người mà

câu nghĩa và lợi ích, câu an ổn khoái lạc. Bấy giờ Ta thuyết pháp chưa đến chỗ rốt ráo, chưa rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, lúc ấy Ta không lìa bỏ sự sanh, tuổi già, tật bệnh, sự chết, khóc than, áo não, cũng chưa thể thoát ra ngoài mọi khổ đau.

Này A-nan, nay Ta là bậc xuất thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người; Ta thương xót thế gian, vì Trời, vì Người mà câu nghĩa và lợi ích, câu an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp được đạt đến chỗ rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Vì đã rốt ráo phạm hạnh, nay Ta lìa khỏi sự sanh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc than, áo não; nay Ta đã thoát mọi khổ đau.

Này A-nan, nay Ta chuyển trao pháp kế thừa cho Thấy, Thấy cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa này, chớ để cho Phật chúng dứt đoạn. A-nan, thế nào là pháp kế thừa mà nay Ta chuyển trao cho Thấy, và bảo Thấy cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật chúng dứt đoạn ? Đó là Thánh đạo Tám ngành, từ chánh kiến cho

đến chánh định là tám. Nay A-nan, đó chính là pháp kế thừa mà nay Ta chuyển trao cho Thầy và Thầy cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật chủng dứt đoạn.

Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH ĐẠI THIÊN KIẾN VƯƠNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Câu-thi, trong rừng Hòa-bạt-đơn-lục-sĩ sa-la.

Bấy giờ, vào lúc tối hậu, sắp nhập Niết-bàn, đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, hãy đến giữa cây sa-la song thọ, trái chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Như Lai vào giữa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn.

Tôn giả A-nan vâng lời đức Như Lai liền đến giữa cây song thọ trái chỗ nằm cho Như Lai, quay đầu về hướng Bắc. Sau khi trái chỗ nằm xong, trở lại chỗ đức Phật, A-nan cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, con đã trải chỗ nằm cho Như Lai giữa cây song thọ, đầu quay về hướng Bắc. Mong đức Thế Tôn hãy tự biết thời.

Bấy giờ, đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đến giữa cây song thọ, xếp tư y uất-đa-la-tăng, trải lên chỗ nằm, gấp y tăng-già-lê làm gối, Ngài nằm nghiêng về phía hông bên phải, hai chân chồng lên nhau; đây là lúc tối hậu, Ngài sắp vào Niết-bàn. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu đức Phật. Tôn giả chấp tay hướng về Ngài thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, còn có những thành lớn khác, một là Chiêm-ba, hai là Xá-vệ, ba là Bệ-xá-ly, bốn là Vương Xá, năm là Ba-la-nại, sáu là Ca-tỳ-la-vệ, sao đức Thế Tôn không nhập Niết-bàn ở những nơi ấy, mà quyết định tại thành nhỏ hẹp này, một thành nhỏ hẹp nhất trong các thành ?

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, Thầy chớ nói rằng đây là thành nhỏ hẹp, chớ bảo đây là thành nhỏ nhất trong các thành, vì sao ? Vì thuở quá khứ, thành Câu-thi này tên là thành Câu-thi Vương, giàu có cùng tột, dân chúng đông đúc. A-nan, thành Câu-thi Vương dài mười hai do-diên, rộng bảy do-diên. Ở đây đã dựng

các tháp canh cao bằng một người, hoặc hai, ba, bốn cho đến cao bằng bảy người.

Này A-nan, thành Câu-thi Vương ở bên ngoài có bảy lớp hào bao bọc. Hào được xây bằng gạch bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy hào thì rải cát bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

Này A-nan, thành Câu-thi Vương có bảy lớp tường thành bao bọc bên ngoài. Những lớp tường thành ấy cũng được xây bằng gạch bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

Này A-nan, thành Câu-thi Vương có bảy lớp hàng cây đa-la bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly, và thủy tinh, bao bọc chung quanh. Cây đa-la bằng vàng, thì hoa, lá và trái bằng bạc. Cây đa-la bằng bạc thì hoa, lá và trái bằng vàng. Cây đa-la bằng lưu ly thì hoa, lá và trái bằng thủy tinh. Cây đa-la bằng thủy tinh thì hoa, lá và trái bằng lưu ly.

Này A-nan, khoảng giữa những cây đa-la có đào những ao hoa, có hoa sen xanh, sen hồng, sen đỏ và hoa sen trắng.

Này A-nan, bờ ao hoa ấy đắp bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Ở đáy hồ thì rải cát bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc,

lưu ly và thủy tinh. Trong ao hồ ấy có thêm, cấp bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thêm bằng vàng thì có cấp bằng bạc, thêm bằng bạc thì có cấp bằng vàng, thêm bằng lưu ly thì có cấp bằng thủy tinh, thêm bằng thủy tinh thì có cấp bằng lưu ly.

Này A-nan, ao ấy chung quanh có lan can, tay vịn bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly.

Này A-nan, ao ấy được che bằng màn lưới, có chuông quả lắc treo ở giữa. Chuông ấy làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng, chuông bằng lưu ly, thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

Này A-nan, trong ao trồng nhiều nhiều loại thủy hoa như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, thường có nước có hoa, không cần người trông giữ, vì thuộc về tất cả mọi người.

Này A-nan, ở bờ ao có trồng nhiều loại lục hoa,

như hoa tu-ma-na, hoa bà-sur, hoa chiêm-bặc, hoa kiện-đê, hoa ma-đầu-kiện-đê, hoa a-đê-mâu-đa, hoa ba-la-đầu.

Này A-nan, trên bờ ao hoa, có nhiều người nữ thân thể nỏn nà, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, chẳng kém thiên nữ; tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng cảm thấy hân hoan, được trang sức đầy đủ các loại ngọc báu. Những người nữ ấy bố thí tùy theo nhu cầu của mọi người, như đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, nhà cửa, giường nệm, đệm lông ngũ sắc, tôỉ tở, đèn dầu, cung cấp đầy đủ cho họ.

Này A-nan, lá cây đa-la ấy, lúc gió thổi thì phát ra âm thanh hết sức vi diệu; cũng như năm loại nhạc khí được nhạc sư tài ba tấu lên, thì có âm thanh hết sức hài hòa tuyệt diệu. Này A-nan, lá cây đa-la ấy, lúc có gió thổi cũng lại như thế.

Này A-nan, trong thành Câu-thi Vương ấy, giả sử có người tệt ác, hèn hạ nhất, muốn được thưởng thức năm loại nhạc khí, liền cùng đến giữa những cây đa-la, thì đều được thưởng thức thỏa thích.

Này A-nan, thành Câu-thi Vương thường có mười hai loại tiếng, chưa bao giờ dứt đoạn, là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng đi bộ, tiếng tù và,

tiếng trống, tiếng trống bạc lạc, tiếng trống nỉ, tiếng ca, tiếng vũ, tiếng ăn, tiếng bố thí.

Này An-nan, trong thành Câu-thi Vương có vua tên là Đại Thiện Kiến, làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, cai trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý. Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn đức như ý như thế nào ? Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn đức như ý giống như đã nói ở trước.

Này A-nan, bấy giờ ở thành Câu-thi Vương, Phạm chí, cư sĩ lấy nhiều ngọc báu, kiem-bà-la báu chở đến chỗ vua Đại Thiện Kiến và thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, những ngọc báu, kiem-bà-la báu này rất nhiều, mong Thiên vương vì lòng từ mẫn mà nhận cho.

“— Này các Khanh, các Khanh hiền dân, nhưng ta thấy chưa cần thiết vì ta đã có.”

Này A-nan, lại có tám vạn bốn ngàn vị vua của các nước nhỏ đến thưa với vua Đại Thiện Kiến rằng:

“— Tâu Thiên vương, chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương.

Vua Thiện Kiến đáp:

“— Các Khanh muốn xây chánh điện cho ta, nhưng ta thấy chưa cần thiết, vì chánh điện ta đã có.

Tám vạn bốn ngàn vị vua nước nhỏ đều chảy tay hướng về vua Đại Thiện Kiến, thưa ba lần rằng:

“— Tâu Thiên vương, chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương ! Chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương !”

Bảy giờ vua Đại Thiện Kiến im lặng nhận lời của tám vạn bốn ngàn tiểu vương. Tám vạn bốn ngàn tiểu vương biết vua Thiện Kiến đã im lặng nhận lời, liền bái biệt, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Vua nước nào trở về nước ấy, dùng tám vạn bốn ngàn cỗ xe chất nặng những vàng và các loại tiền bằng vàng tinh luyện hay chưa tinh luyện, lại lấy các trụ đều bằng ngọc báu, chở đến thành Câu-thi Vương, cách thành không xa, xây đại chánh điện.

Này A-nan, đại chánh điện ấy dài một do-diên, rộng một do-diên.

Này A-nan, đại chánh điện ấy được xây bằng gạch bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

Này A-nan, thêm của đại chánh điện ấy làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

Thêm bằng vàng thì cấp bằng bạc, thêm bằng bạc, thì cấp bằng vàng, thêm bằng lưu ly thì cấp bằng thủy tinh, thêm bằng thủy tinh thì cấp bằng lưu ly.

Này A-nan, trong đại chánh điện có tám vạn bốn ngàn cột trụ làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cột bằng vàng thì đá tảng bằng bạc, cột bằng bạc thì đá tảng bằng vàng, cột bằng lưu ly thì đá tảng bằng thủy tinh, cột bằng thủy tinh thì đá tảng bằng lưu ly.

Này A-nan, bên trong chánh điện lại xây tám vạn bốn ngàn tòa lầu bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lầu bằng vàng thì mái lợp bằng bạc, lầu bằng bạc thì mái lợp bằng vàng, lầu bằng lưu ly thì mái lợp bằng thủy tinh, lầu bằng thủy tinh thì mái lợp bằng lưu ly.

Này A-nan, trong đại chánh điện có thiết trí tám vạn bốn ngàn ngự tòa cũng làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lầu bằng vàng thì thiết trí ngự tòa bằng bạc, trải lên trên đó bằng các thứ nệm chiếu, đệm lông năm sắc, phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da con sơn dương. Cũng như vậy, lầu bằng bạc thì thiết trí ngự tòa bằng vàng; lầu bằng lưu ly thì thiết trí ngự tòa

bằng thủy tinh; lầu bằng thủy tinh thì thiết trí ngự tòa bằng lưu ly, trải lên trên đó bằng các thứ nệm chiếu, đệm lông năm sắc, phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương.

Này A-nan, đại chánh điện ấy chung quanh có lan can tay vịn bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly.

Này A-nan, đại chánh điện ấy được che bằng màn lưới, có chuông lắc treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông ấy làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

Này A-nan, đại chánh điện ấy sau khi được kiến trúc đầy đủ, tám vạn bốn ngàn các tiểu vương đi ra cách đại chánh điện không xa, xây ao hoa lớn.

Này A-nan, ao hoa lớn ấy dài một do-diên, rộng một do-diên.

Này A-nan, ao hoa lớn ấy được xây bằng bốn loại

báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy hồ được rải cát bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

Này A-nan, ao hoa lớn ấy có thêm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thêm bằng vàng thì cấp bằng bạc, thêm bằng bạc thì cấp bằng vàng, thêm bằng lưu ly thì cấp bằng thủy tinh, thêm bằng thủy tinh thì cấp bằng lưu ly.

Này A-nan, ao hoa lớn ấy chung quanh có lan can, tay vịn bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly.

Này A-nan, ao hoa lớn ấy được che bởi màn lưới, có chuông lắc treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông ấy làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

Này A-nan, trong ao hoa lớn ấy có nhiều loại thủy hoa, như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, thường có nước có hoa, có người gìn giữ, không thuộc về tất cả mọi người.

Này A-nan, ao hoa lớn ấy, bờ của nó nhiều loại lục hoa, như hoa tu-ma-na, hoa bà-sư, hoa chiêm-bạc, hoa tu-kiên-đê, hoa ma-đâu-kiên-đê, hoa a-đê-mâu-đa, hoa ba-la-lại.

Này A-nan, sau khi kiến trúc đại điện và ao hoa lớn đầy đủ như thế, tám vạn bốn ngàn tiểu vương đi ra cách điện không xa, thiết lập vườn đa-la.

Này A-nan, vườn đa-la ấy dài một do-diên, rộng một do-diên.

Này A-nan, trong vườn đa-la, trồng tám vạn bốn ngàn cây đa-la, đều dùng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cây đa-la bằng vàng thì lá, hoa và quả bằng bạc; cây đa-la bằng bạc thì lá, hoa và quả bằng vàng; cây đa-la bằng lưu ly thì lá, hoa và quả bằng thủy tinh; cây đa-la bằng thủy tinh thì lá, hoa và quả bằng lưu ly.

Này A-nan, chung quanh vườn đa-la ấy, có lan can tay vịn bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly.

Này A-nan, vườn đa-la ấy được che bằng màn lưới, có chuông lắc treo lơ lửng ở khoảng giữa.

Chuông được làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

Này A-nan, sau khi kiến trúc đại điện, ao hoa và vườn đa-la đầy đủ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương cùng đến chỗ vua Đại Thiện Kiến và thưa:

“— Tâu Thiên vương, xin biết cho rằng đại điện, ao hoa, và vườn đa-la đều đã kiến trúc đầy đủ, mong Thiên vương sử dụng tùy thích.”

Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiện Kiến liền nghĩ: “Ta không nên lên đại điện này trước. Nếu có bậc thượng tôn Sa-môn, Phạm chí trú ở thành Câu-thi Vương này, thì ta nên mời tất cả tụ tập, ngồi ở đại điện này, rồi soạn các thức ăn ngon lành, mỹ diệu, đầy đủ các thứ loại cứng, loại mềm, tụ tay bung hâu khiến các ngài ăn no, ăn xong, dọn bát và dùng nước rửa, rồi mời các ngài trở về.” Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến sau khi nghĩ như vậy, liền mời tất cả các bậc thượng tôn Sa-môn, Phạm chí, đang trú tại thành Câu-thi Vương tụ tập trên đại chánh điện. Tất cả tụ tập và an tọa xong, vua thân hành lấy nước rửa, rồi đem các thức ăn ngon

lành, mỹ diệu, đầy đủ các thức ăn loại cứng, loại mềm, tạy tay bung hâu, khiến các vị ấy ăn no. Sau khi ăn, dọn bát, đem nước rửa và nhận lời cầu chúc rồi vua mời các vị ấy trở về.

Này A-nan, vua Đại Thiên Kiến lại nghĩ: “Nay ta không nên vào trong đại chánh điện để hưởng dục lạc, ta nên đem độc nhất một người hầu lên ở tại đại điện.” Này A-nan, sau đó vua Đại Thiên Kiến đem người hầu lên đại điện, đi vào lầu bằng vàng, ngồi ở ngự tòa bằng bạc được trải lên bằng những thứ nệm chần, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngồi xong, nhà vua ly dục, ly các pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiên thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lầu bằng vàng đi ra, nhà vua lại đi vào lầu bằng bạc, ngồi vào ngự tòa bằng vàng được trải các thứ nệm chần, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngồi xong, nhà vua ly dục, ly các pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiên thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lầu bằng bạc đi ra, nhà vua lại vào lầu bằng lưu ly, ngồi vào

ngự tòa bằng thủy tinh được trải bằng những thứ chần nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngôi xong nhà vua ly dục, ly các pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiên thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lầu bằng lưu ly đi ra, nhà vua lại vào lầu bằng thủy tinh, ngôi ở ngự tòa bằng lưu lý được trải bằng những thứ chần nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngôi xong, nhà vua ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiên thứ nhất, thành tựu và an trú.

Này A-nan, bảy giờ, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu quá lâu không thấy vua Đại Thiện Kiến; ai cũng nhớ mong, khao khát muốn thấy. Lúc đó tám vạn bốn ngàn phu nhân cùng nhau đi đến nữ báu và thưa:

“— Thiên hậu, nên biết rằng chúng tôi từ lâu không được hầu cận Thiên vương. Thiên hậu, chúng tôi nay muốn cùng nhau đến yết kiến Thiên vương.”

Nữ báu nghe xong, liền bảo tướng quân:

“— Nay Khanh nên biết rằng, chúng tôi từ lâu không được hầu cận Thiên vương, nay muốn đến yết kiến Thiên vương.”

Tướng quân nghe vậy, liền đưa tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá đến đại chánh điện; tám vạn bốn ngàn thót voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương cũng cùng hộ tống, đi đến đại chánh điện. Lúc cả đoàn đang đi, âm thanh ấy vang dội, chấn động mạnh mẽ. Vua Đại Thiên Kiến nghe được âm thanh vang dội, chấn động mạnh mẽ ấy. Nghe xong, nhà vua liền hỏi người đứng hầu bên cạnh:

“— Đó là tiếng gì mà vang dội, chấn động mạnh thế ?”

Người hầu thưa:

“— Tâu Thiên vương, đó là do tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá, hôm nay tất cả cùng đến đại chánh điện; tám vạn bốn ngàn thót voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương, cùng nhau đến chánh điện, cho nên âm thanh ấy vang dội, chấn động mạnh mẽ.”

Nghe xong, vua Đại Thiện Kiến bảo người hầu cận:

“— Người mau xuống đại điện, đến chỗ đất trống, trải gấp các giường bằng vàng, rồi trở lại cho ta hay.”

Người hầu cận vâng lời, liền từ điện đi xuống, đến chỗ đất trống, trải giường bằng vàng một cách nhanh chóng, liền trở lại thưa:

“— Con đã trải giường bằng vàng ở chỗ đất trống cho Thiên vương, xin tùy ý Thiên vương.”

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến liền cùng với người hầu từ điện đi xuống, ngồi trên giường bằng vàng và ngồi kiết-già. Này A-nan, bấy giờ tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá cùng nhau đến trước vua Đại Thiện Kiến. Này A-nan, từ xa, vua Đại Thiện Kiến trông thấy tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá, thấy xong liền đóng kín các cửa. Lúc ấy tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá thấy vua đóng kín các cửa, liền nghĩ: “Thiên vương nay chắc hẳn không cần đến chúng ta nữa. Vì sao ? Vì Thiên vương vừa thấy chúng ta liền đóng kín các cửa”. Này A-nan, khi đó nữ bá đi đến trước vua Đại Thiện Kiến, và thưa:

“— Tâu Thiên vương, xin biết cho, tám vạn

bốn ngàn phu nhân và nữ bá chủ này hoàn toàn thuộc về Thiên vương, mong Thiên vương thương tưởng đến chúng tôi cho đến lúc mạng chung. Và tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương, cũng hoàn toàn thuộc về Thiên vương, mong Thiên vương nghĩ tưởng đến tất cả cho đến lúc mạng chung.”

Bấy giờ vua Đại Thiên Kiến nghe những lời ấy xong, bảo nữ bá chủ rằng:

“— Đây Hiền muội, các Người luôn luôn xúi dục ta làm ác mà không khuyến khích ta làm lành. Đây Hiền muội, từ nay về sau, nên khuyến khích ta làm lành, chớ xúi dục ta làm ác”

Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá chủ ấy liền ngổi qua một bên, nước mắt tràn ra, khóc lóc bi thảm, thưa rằng:

“— Chúng tôi chẳng phải là em của Thiên vương mà nay Thiên vương gọi chúng tôi là em.”

Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá chủ ấy, mỗi người dùng áo lau nước mắt, lại đến trước vua Đại Thiên Kiến và thưa:

“— Tâu Thiên vương, chúng tôi làm thế nào

để khuyến khích Thiên vương làm lành, không làm ác ?”

Vua Đại Thiện Kiến đáp:

“— Các Hiền muội, hãy nói với ta như thế này: "Thiên vương biết không, mạng người ngắn ngủi, rồi sẽ đi qua đời sau, nên phải tu phạm hạnh, sự sanh không thể không chấm dứt. Thiên vương nên biết, pháp ấy chắc chắn sẽ đến, không nên ái niệm, cũng không thể hoan hỷ; tất cả đều hoại diệt, người đời gọi là sự chết. Cho nên, tâu Thiên vương, nếu có niệm, có dục đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, thì mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung vẫn chớ niệm tưởng. Đối với tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương, tâu Thiên vương, nếu có niệm, có dục, thì mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả cho đến lúc mạng chung, vẫn chớ niệm tưởng." Nay các Hiền muội, các Hiền muội hãy khuyến khích ta làm lành, chớ xúi dục ta làm ác đúng như thế.”

Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, chúng tôi từ nay về sau,

sẽ khuyến khích Thiên vương làm lành, không xúi dục Thiên vương làm ác như thế này : “Tâu Thiên vương, mạng người ngắn ngủi, rồi sẽ qua đời sau. Pháp ấy chắc chắn đến, không nên ái niệm, cũng không nên hoan hỷ; hoại diệt tất cả, người đời gọi là sự chết. Cho nên, tâu Thiên vương nếu có niệm có dục đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, thì mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung vẫn không niệm tưởng. Đối với tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn ngựa, tám vạn bốn ngàn xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương, nếu có dục, có niệm thì mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung cũng không niệm tưởng.”

Này A-nan, vua Đại Thiên Kiến thuyết pháp cho tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho những người ấy, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, nhà vua bảo họ trở về. Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu biết nhà vua ra lệnh bảo về, mỗi người đều đến bái biệt trở về.

Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy trở về chưa bao lâu, vua Đại Thiên Kiến cùng người hầu cận trở lên đại điện, vào lầu bằng

vàng, ngôi trên ngự tòa bằng bạc, được trải bằng các thứ nệm chần, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngôi xong, quán như thế này: “Ta đến đây là cuối cùng, niệm dục, niệm phước, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, đua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác, bất thiện đến đây là cuối cùng; tâm cùng với từ tương ưng biến mãn một phương, thành tựu và an trú; cũng như thế, hai phương, ba phương, bốn phương, và bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kiết, không oán, không nhuế, không tranh, bao la, rộng lớn, vô lượng khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú.”

Từ lầu bằng vàng đi ra, nhà vua lại vào lầu bằng bạc, ngôi trên ngự tòa bằng vàng được trải lên bằng các thứ chần nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngôi xong, nhà vua quán tưởng rằng: “Ta đến đây là cuối cùng, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, đua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác, bất thiện đến đây là cuối cùng; tâm cùng với bi tương ưng, biến

mãn một phương, thành tựu an trú trong đó; cũng như thế, hai, ba, bốn phương, và bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú.”

Từ lầu bằng bạc đi ra, nhà vua lại đi vào lầu bằng lưu ly, ngôi trên ngự tòa bằng thủy tinh được trải bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn nệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngôi xong nhà vua quán thế này: “Ta đến đây là cuối cùng; niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, đua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác, bất thiện đến đây là cuối cùng; tâm cùng với hỷ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu, an trú, cũng giống như thế, hai, ba, bốn phương, và bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú.”

Từ lầu bằng lưu ly đi ra, nhà vua lại đi vào lầu bằng thủy tinh, ngôi trên ngự tòa bằng lưu ly được trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm

sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần nệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngôi xong, nhà vua quán như thế này: “Ta đến đây là cuối cùng; niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, đua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác, bất thiện, đến đây là cuối cùng; tâm cùng với xả tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú; cũng như thế, hai, ba, bốn phương, và bốn hướng, phương trên và phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú.”

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến vào giờ phút cuối cùng, qua đời với một cảm giác đau nhẹ nhẹ. Cũng giống như cư sĩ, hoặc con cư sĩ, ăn món ăn mỹ diệu, cảm thấy một chút khó chịu. Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến vào giờ phút cuối cùng, qua đời với một cảm giác đau nhẹ nhẹ cũng lại như vậy.

Này A-nan, bấy giờ vua Đại Thiện Kiến tu bốn phạm thất, sau khi xả bỏ niệm dục, nhờ đó, lúc mạng chung, sanh vào trong cõi Phạm thiên.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến thuở xưa ấy,

ông cho là ai khác chăng ? Chớ nghĩ như vậy ! Nên biết rằng, vị ấy chính là Ta.

Này A-nan, lúc bấy giờ, Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người; Ta thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, cầu an ổn, an lạc cho Trời và Người. Bấy giờ, Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ Ta không lìa khỏi sự sanh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, áo não, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau.

Này A-nan, nay Ta là bậc xuất thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người; Ta thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, cầu an ổn, an lạc cho Trời và Người. Nay Ta thuyết pháp được đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Vì rốt ráo phạm hạnh, nên nay Ta lìa khỏi sự sanh, tuổi già, tật bệnh, sự chết, khóc lóc, áo não. Nay ta đã thoát khỏi mọi sự khổ đau. Này A-nan, từ thành Câu-thi Vương, từ rừng Hòa-bạt-đơn-lực-sĩ sa-la, từ sông Ni-liên-nhiên, từ sông

Câu-câu, từ tinh xá Thiên Quang, từ chỗ trái, chỗ nằm cho Ta hôm nay trong khoảng thời gian giữa đó, Ta bảy lần xả thân. Trong bảy lần ấy, sáu lần làm Chuyển luân vương, nay là lần thứ bảy trở thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Nay A-nan, Ta không thấy ở đâu trong thế gian này, Thiên hay Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Trời đến Người, mà ta sẽ xả thân thêm lần nữa, vì điều đó không thể có. Nay A-nan, nay đây là sự sanh cuối cùng của Ta, là sự hữu cuối cùng, là thân cuối cùng, là hình cuối cùng. Ta nói, đây là chỗ tận cùng của khổ.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH TAM THẬP DỤ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trú tại vườn Ca-lan-đa, trong rừng Trúc lâm, cùng với chúng đại Tỳ-kheo an cư mùa mưa tại đó.

Bấy giờ, đức Thế Tôn, vào ngày rằm thuyết giải thoát giới, trải chỗ ngồi, ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngồi xong đức Thế Tôn nhập định, quán tâm các Tỳ-kheo. Lúc đó, đức Thế Tôn thấy chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa yên lặng, rất yên lặng, không có Thụy miên, vì đã trừ ám cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm, tịch tĩnh, rất tịch tĩnh, vi diệu, rất vi diệu.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng có mặt ở trong chúng. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay Xá-lợi-phất, chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa im lặng, rất im lặng, không có thùy miên, vì đã trừ ẩm cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm, tịch tĩnh, rất tịch tĩnh, vi diệu, rất vi diệu. Ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo ?

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chấp tay hướng về đức Phật, bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa, im lặng, rất im lặng, không có thùy miên, vì đã trừ ẩm cái; chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm, tịch tĩnh, rất tịch tĩnh, vi diệu, rất vi diệu như thế. Bạch đức Thế Tôn, không ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo, chỉ có đức Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự Pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với giới bất phóng dật, bố thí và định. Chỉ có đức Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự mà thôi.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Xá-lợi-phất, đúng như vậy. Không ai có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo, chỉ có Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự Pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với giới bất phóng dật, bố thí

và định; chỉ có Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự mà thôi.

Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có đầy đủ các thứ trang sức lụa, tơ, gấm, len, nhẫn tay, xuyên, cườm tay, chuỗi ngọc khuỷu tay, kiềng đeo cổ, vàng, bạc, châu ngọc cài mái tóc. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng giống như thế, dùng giới đức để làm đồ trang sức. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để làm đồ trang sức, thì liền có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, giống như vua và đại thần có năm nghi trượng: kiếm, lọng, thiên quan, phát trần, cán bằng ngọc và dép hoa để bảo vệ thân cho được an ổn. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng sự giữ gìn cấm giới để bảo vệ phạm hạnh, cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng sự giữ gìn cấm giới để bảo vệ phạm hạnh, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có người giữ cửa, này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lấy sự thủ hộ sáu căn làm người giữ cửa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự giữ gìn sáu căn làm người giữ cửa, thì liền xả được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thân có tướng giữ cổng, thông minh, trí tuệ, biết phân biệt rõ ràng. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm tướng giữ cổng, cũng như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm người giữ cổng, thì xả được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thân có ao tắm đẹp, trong mát, nước vừa đủ. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng tĩnh tâm làm ao tắm mát cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu tĩnh tâm làm ao tắm mát, thì xả được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thân có người chăm sóc tắm rửa, thường nhắc nhở tắm rửa. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lấy thiện tri thức làm người tắm rửa, cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc lấy thiện tri thức làm người chăm sóc, tắm rửa, thì xả được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thân có bột hương thoa thân, mặt cây, trầm thủy, chiên-đàn, tô hợp, kê thiết, đồ lương. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng giới đức để làm

huương xoa cũng như thế. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để làm huương xoa, thì xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Nay Xá-lợi-phất, giống như vua và đại thần, có y phục tốt đẹp như áo sơ-ma, áo gấm, lụa, áo bông trắng, áo da con sơn, dương; Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng sự hổ thẹn làm y phục, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu hổ thẹn làm y phục, thì xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Nay Xá-lợi-phất, giống như vua và đại thần có giường ghế tốt đẹp, cao rộng. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn Thiên làm giường ghế cũng giống như vậy. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn Thiên để làm giường ghế, thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Nay Xá-lợi-phất, giống như vua và đại thần có thợ hót tóc lành nghề, thường nhắc nhở tắm rửa, thì nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm thợ hót tóc, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm thợ hót tóc, thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thân có đồ ăn ngon lành, mỹ diệu, đủ các mùi vị đặc biệt, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng hỷ làm thức ăn cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu hỷ làm thức ăn, thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thân có các thức uống, như nước trái xoài, nước chiêm-ba, nước mía, nước nho, nước mật-ta-đê, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng pháp vị làm thức uống, cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu pháp vị làm thức uống, thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thân có những tràng hoa đẹp, như tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bạc, tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-su, tràng hoa a-đê-muu-đa, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba định, là không, vô nguyện, vô tướng, làm tràng hoa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu ba định làm tràng hoa, thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần, có phòng ốc, nhà cửa, lầu quán, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba thất, là Thiên thất, Phạm thất, Thánh thất làm nhà cửa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu ba thất làm nhà cửa thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có người điển thủ, tức người giữ nhà, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm kẻ giữ nhà cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm kẻ giữ nhà, thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có các quốc ấp nộp bốn loại thuế; loại thứ nhất để dâng vua, và cung cấp cho hoàng hậu và cho các thế nữ ở trong cung; loại thứ hai để cung cấp cho thái tử và quân thần; loại thứ ba để cung cấp cho toàn dân; loại thứ tư để cung cấp cho Sa-môn, Phạm chí, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn niệm xứ làm thuế, cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu Bốn Niệm xứ làm thuế, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có bốn loại quân, là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn chánh đoạn làm bốn loại quân cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn chánh đoạn làm bốn loại quân, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có bốn loại xe như xe tải bằng voi, xe tải bằng ngựa, xe tải bằng xe, xe tải bằng người, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn như ý túc làm xe tải, cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn như ý túc dùng làm xe tải, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất cũng như vua và đại thần có các loại xe trang hoàng bằng các loại da vằn tốt của sư tử, cọp, beo, dệt thành những thứ màu sắc lẫn lộn để trang hoàng, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chỉ quán làm xe cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chỉ quán làm xe, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần, có

người giá ngựa tức là người đánh xe, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm kẻ giá ngựa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm giá ngựa, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có cây phước rất cao, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem tâm mình làm cây phước cao, cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu tâm mình làm cây phước cao, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có đường đi tốt đẹp, bằng phẳng, ngay ngắn, đi thẳng đến viên quán, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng Thánh đạo Tám ngành, làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, đi thẳng đến Niết-bàn cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu Thánh đạo Tám ngành làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, đi thẳng đến Niết-bàn, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có tướng quân thông minh, trí tuệ, biết phân biệt rõ ràng, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng

trí tuệ làm tướng quân, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm tướng quân, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Nay Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có đại chánh điện cao rộng, sáng sủa, thì nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm đại chánh điện, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm đại chánh điện, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Nay Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần bước lên trên điện cao, quan sát những người dưới thấp qua lại, chạy nhảy, đi đứng, ngồi nằm, thì nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem vô lượng trí tuệ thăng lên cao điện, để tự quán tâm mình, làm cho tâm trùm khắp, nhu nhuyễn, hoan hỷ, viễn ly cũng như vậy. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu vô thượng trí tuệ cao điện, để tự quán tâm mình làm cho tâm trùm khắp, nhu nhuyễn, hoan hỷ, viễn ly, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Nay Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có quan tông chánh, thành thạo tôn tộc, thì nay Xá-

lợi-phát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khi dùng bốn Thánh chủng làm quan tông chánh cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phát, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn Thánh chủng làm quan tông chánh, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phát, cũng như vua và đại thần có lương y danh tiếng, trị được các bệnh, thì này Xá-lợi-phát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm lương y, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phát, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm lương y, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phát, cũng như vua và đại thần có giường chánh ngự, trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương, thì này Xá-lợi-phát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng vô ngại định làm giường chánh ngự, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phát, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu vô ngại định làm giường chánh ngự, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phát, cũng như vua và đại thần có ngọc báu danh tiếng, thì này Xá-lợi-phát, Tỳ-kheo,

Tỳ-kheo-ni dùng bất động tâm giải thoát, làm ngọc báu danh tiếng, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bất động tâm giải thoát làm ngọc báu danh tiếng, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần tắm nước trong mát, thoa bột hương tốt, khiến thân thể sạch, thơm, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, lấy việc tự quán tâm mình khiến cho thân tịch tịnh, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc tự quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh, thì có thể kính trọng phụng sự Thế Tôn, Pháp và chúng Tỳ-kheo, cùng với giới bất phóng dật, bố thí và định.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe xong những lời đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại Ma-đâu-lê-sát-lợi, trong rừng xoài, trên bờ sông Sủ-hà.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay các Tỳ-kheo, hãy tự mình thấp lên ngọn đèn Chánh pháp, hãy tự nương tựa nơi pháp của chính mình, chớ đừng thấp lên ngọn đèn nào khác, đừng nương tựa một pháp nào khác. Nay các Tỳ-kheo, nếu ai tự mình thấp lên ngọn đèn Chánh pháp, tự nương tựa nơi pháp của chính mình, không thấp lên ngọn đèn nào khác, không nương tựa pháp nào khác, thì có thể cầu học, được lợi và phước vô lượng. Vì sao ? Nay các Tỳ-kheo, thuở xưa có vua

tên là Kiên Niệm làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý, Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như thế nào ? – Thành tựu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như đã nói trước đây.

Bấy giờ vua Kiên Niệm, vào một thời gian sau, thiên luân báu bỗng rời khỏi chỗ cũ. Có người trông thấy, đến chỗ vua Kiên Niệm thưa:

“— Tâu Thiên vương, nên biết rằng, thiên luân báu đã rời khỏi chỗ cũ.

Vua Kiên Niệm nghe xong, bảo rằng:

“— Này Thái tử, thiên luân báu của ta đã rời khỏi chỗ cũ. Này Thái tử, chính ta từng nghe cổ nhân nói rằng nếu thiên luân báu của Chuyển luân vương rời khỏi chỗ cũ, thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua không tồn tại lâu nữa. Này Thái tử, ta đã hưởng dục lạc nhân gian, nay sẽ cầu dục lạc thiên thượng. Này Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta đem bốn châu thiên hạ này giao phó cho Con,

Con hãy chỉnh trị, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh. Nay Thái tử, về sau, nếu Con thấy thiên luân báu rời khỏi chỗ cũ, thì Con cũng phải đem việc quốc chính của nước này giao phó lại cho con của Con; khéo dạy bảo và ủy thác giang san cho nó, rồi Con cũng phải cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.”

Bấy giờ, vua Kiên Niệm giao phó đất nước cho thái tử và khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Sau khi vua Kiên Niệm xuất gia học đạo bảy ngày, thiên luân báu ấy biến mất, không thấy.

Lúc mất thiên luân báu, vua Sát-lợi Đảnh Sanh quá ưu sầu, áo não, không hoan lạc. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền đến chỗ tiên nhơn, tức vua cha Kiên Niệm, đến rồi thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, nên biết rằng, sau khi Thiên vương học đạo mới bảy ngày, thì thiên luân báu kia biến mất, không thấy nữa.

Tiên nhơn, vua cha Kiên Niệm bảo vua Sát-lợi Đảnh Sanh rằng:

“— Con chó vì mất thiên luân báu mà nhớ tiếc, ưu sầu. Vì sao ? Con không được thiên luân báu này từ nơi cha.

Vua Sát-lợi Đánh Sanh lại thưa cha:

“— Tâu Thiên vương, con nay phải làm gì ?

Tiên vương, vua cha Kiên Niệm bảo:

“— Con phải học pháp kế thừa. Nếu học pháp kế thừa, thì vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới , sau khi tắm rửa và đi lên chánh điện xong, thì thiên luân báu ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cặm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

Vua Sát-lợi Đánh Sanh lại thưa với vua cha rằng:

“— Tâu Thiên vương, pháp kế thừa như thế nào, mà Thiên vương muốn bảo con học, để lúc học rồi, vào ngày rằm là lúc thuyết giải thoát giới, sau khi tắm rửa và lên chánh điện, thì thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cặm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời ?

Tiên nhơn, vua cha Kiên Niệm, lại bảo:

“— Con hãy quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, hãy vì Thái tử, hậu phi, thể nữ, và các thân dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng, mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, và mười lăm, tu hạnh bố thí, bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bán cùng, người cô độc, từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm đệm lông, khăn quần và đèn mà cho họ. Nếu trong nước Con có các bậc thượng tôn danh đức Sa-môn, phạm chí, thì Con phải tùy thời đi đến chỗ của các vị ấy để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: "Thưa chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện ? Thế nào là tội, thế nào là phước ? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu ? Thế nào là hắc, thế nào là bạch ? Pháp hắc bạch từ đâu sanh ? Thế nào là mục đích của đời này, thế nào là mục đích của đời sau ? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác ?" Được nghe từ các vị ấy xong, thì hãy thực hành đúng như lời các vị ấy dạy. Nếu trong nước Con có kẻ bán cùng, thì hãy lấy của cải cung cấp đầy đủ. Nay Con, đó là pháp kế thừa, Con nên khéo học. Con đã khéo học, thì vào ngày rằm là ngày

thuyết giải thoát giới, sau khi tắm rửa và lên chánh điện, chắc chắn thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.”

Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, sau đó liên quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, đã vì thái tử, hậu phi, thế nữ và các thân dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào các ngày mồng tám, mười bốn và mười lăm, tu hạnh bố thí, bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bán cùng, người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần, và đèn cung cấp cho họ đầy đủ. Nếu trong nước của vua có các bậc thượng tôn danh đức Sa-môn, Phạm chí, thì vua tùy thời đích thân đến chỗ các ngài hỏi pháp, thọ pháp như thế này: “Thưa chư tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện ? Thế nào là tội ? Thế nào là phước ? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu ? Thế nào là hắc, thế nào là bạch ? Pháp hắc bạch từ đâu sanh ? Thế nào là mục đích của đời này, thế nào là mục đích của đời sau ? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác ?”. Được nghe từ các ngài

rồi, nhà vua thực hành đúng pháp, như lời các ngài chỉ dạy. Nếu trong nước của vua có kẻ bán cùn, nhà vua liền lấy của cải, tùy thời cung cấp đầy đủ. Sau đó, vua Sát-lợi Đảnh Sanh, vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, khi đã tắm rửa và lên chánh điện rồi, thiên luân báu ấy từ phương Đông hiện đến, có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vua được làm Chuyển luân vương, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý. Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như thế nào ? Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như đã nói ở trước.

Vua Chuyển luân vương ấy, vào một thời gian sau, thiên luân báu bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ. Có người trông thấy, liền đến chỗ vua Chuyển luân vương, thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, nên biết rằng, thiên luân báu đã rời khỏi chỗ cũ.

Chuyển luân vương nghe xong, liền bảo thái tử:

“— Này Thái tử, thiên luân báu của ta đã rời

khỏi chỗ cũ. Thái tử, ta từng nghe từ phụ vương ta, tiên nơn Kiên Niệm như thế này: "Nếu thiên luân báu của vua Chuyển luân vương rời khỏi chỗ cũ, thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu; mạng vua không tồn tại lâu nữa". Nay Thái tử, ta đã hưởng dục lạc thế gian, nay sẽ cầu dục lạc thiên thượng. Nay Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nay Thái tử, Con hãy chỉnh trị, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh. Nay Thái tử, về sau, nếu Con thấy thiên luân báu rời khỏi chỗ cũ, thì Con cũng phải đem việc quốc chính của nước mà giao phó lại cho con của Con, khéo dạy bảo và ủy thác giang sơn cho nó rồi, Con cũng cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo."

Bấy giờ, vua Chuyển luân vương ấy giao phó đất nước cho Thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Sau khi vua Chuyển luân vương xuất gia học đạo bảy ngày, thì thiên luân báu biến mất, không còn thấy nữa.

Lúc mất thiên luân báu, vua Sát-lợi Đảnh Sanh

không ưu sâu mà lại nhiễm dục, trước dục, không nhằm chán tham dục, bị dục trói buộc, bị lệ thuộc vào dục, bị dục sai khiến, không thấy tai họa của dục, không biết sự xuất ly khỏi dục, tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì tự cai trị đất nước theo ý mình, nên đất nước suy vong, không phục hưng nổi; trong khi các vị Chuyển luân vương thuở xưa học pháp kế thừa, nên đất nước nhân dân càng hưng thịnh thêm mãi không hề suy giảm. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì tự cai trị đất nước theo ý mình nên đất nước suy vong, không phục hưng nổi.

Bấy giờ, Phạm chí Quốc sư đi quan sát tình cảnh đất nước, thấy đất nước, nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi, liền nghĩ rằng: “Vua Sát-lợi Đảnh Sanh tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì cai trị đất nước theo ý mình, nên đất nước, nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi, trong khi các bậc Chuyển luân thuở xưa học pháp kế thừa, nên đất nước, nhân dân càng hưng thịnh thêm mãi, không hề suy giảm. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh này lại tự cai trị đất nước theo ý của vua. Vì cai trị đất nước theo ý của vua nên đất nước, nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi.” Phạm chí Quốc sư liền đến vua Sát-lợi Đảnh Sanh và thưa:

“— Tâu Thiên vương, nên biết rằng Thiên vương đã tự cai trị đất nước theo ý của Thiên vương. Vì đã tự cai trị đất nước theo ý của Thiên vương, nên đất nước, nhân dân đã suy giảm, không phục hưng nổi; trong khi các vị Chuyển luân vương thuở xưa đã học pháp kế thừa, nên đất nước, nhân dân càng hưng thịnh mãi, không hề suy giảm. Nay Thiên vương lại tự cai trị đất nước theo ý của Thiên vương. Vì cai trị đất nước theo ý của Thiên vương nên đất nước, nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi.

Nghe xong, vua Sát-lợi Đảnh Sanh bảo:

“— Nay Phạm chí, ta phải làm thế nào ?

Phạm chí Quốc sư trả lời:

“— Tâu Thiên vương, trong nước có người thông minh, trí tuệ, am tường toán số. Trong nước có đại thần và quyền thuộc học kinh, hiểu rõ kinh, tụng tập thọ trì pháp kế thừa. Khi đã học pháp kế thừa, thì vào ngày rằm là ngày thuyết giải giới thoát, sau khi tắm rửa và lên ngự trên chánh điện xong, thì thiên luân báu ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cánh và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

Vua Sát-lợi Đánh Sanh lại hỏi:

“— Này Phạm chí, pháp kế thừa như thế nào, mà Phạm chí muốn ta học, để lúc học rồi, vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, sau khi tắm rửa và lên chánh điện xong thì thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có một ngàn cặm, đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời ?

Phạm chí Quốc sư thưa:

“— Tâu Thiên vương, Thiên vương hãy quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, hãy vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thân dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, và mười lăm, tu hạnh bố thí, bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bán cùng, người cô độc, từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần, đèn mà cung cấp cho họ đầy đủ. Nếu trong nước có bậc thượng tôn danh đức Sa-môn Phạm chí, thì Thiên vương hãy tùy thời đi đến chỗ của các ngài để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: “Thưa chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện ?

Thế nào là tội, thế nào là phước ? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu ? Thế nào là hắc, thế nào là bạch ? Pháp hắc bạch từ đâu sanh ? Thế nào là mục đích của đời này, thế nào là mục đích của đời sau ? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác ?” Được nghe từ các ngài xong, thì Thiên vương nên thực hành đúng như lời các ngài đã dạy. Nếu trong nước của Thiên vương có kẻ bần cùng thì nên lấy của cải cung cấp đầy đủ cho họ. Tâu Thiên vương, đó là pháp kế thừa, Thiên vương nên khéo học và ghi nhớ, rồi vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, sau khi tắm rửa và lên chánh điện, thì thiên luân báu ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến, có một ngàn cốm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.”

Sau đó, vua Sát-lợi Đánh Sanh liền quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, đã vì thái tử, hậu phi, thế nữ và các thân dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì, trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn và mười lăm, tu hạnh bố thí, bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc, từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà

cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quăn, và đèn dầu cung cấp cho họ đầy đủ. Nếu trong nước có các bậc thượng tôn danh đức, Sa-môn, Phạm chí, thì vua đã đích thân tùy thời đến chỗ các vị ấy để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: “Thưa chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện ? Thế nào là tội, thế nào là phước ? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu ? Thế nào là hắc, thế nào là bạch ? Pháp hắc bạch từ đâu sanh ? Thế nào là mục đích của đời này, thế nào là mục đích của đời sau ? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác ?” Được nghe từ các ngài xong, nhà vua thực hành đúng như lời các ngài chỉ bảo. Nhưng trong nước có người bần cùng, vua không đem vật dụng cấp phát. Do đó, kẻ nghèo không có của cải, không được cấp phát, nên càng nghèo khổ hơn. Vì nghèo khổ, nên ăn trộm vật dụng của kẻ khác. Vì ăn trộm nên chủ nhân bắt trói đem đến vua Sát-lợi Đánh Sanh, thưa rằng:

— Tâu thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trị.

Vua Sát-lợi Đánh Sanh hỏi người ăn trộm:

— Quả thật Ngươi có ăn trộm chăng ?

Người ấy đáp:

— Tâu Thiên vương, quả thật con có ăn trộm.

Vì sao ? Tâu Thiên vương, vì nghèo khổ, nếu không ăn trộm thì không có gì để sống.

Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền đem của cải cấp phát cho và nói với người ăn trộm:

“— Ngươi hãy trở về và sau này chớ có tái phạm.”

Lúc đó, dân chúng trong nước nghe nói về vua Sát-lợi Đảnh Sanh như thế này: “Nếu trong nước ai có trộm cắp thì nhà vua liền đem của cải cấp phát cho.” Do đó, có người nghĩ rằng: “Chúng ta cũng nên ăn cắp tài sản của người khác.” Từ đó dân chúng trong nước, ai cũng tranh nhau trộm cắp tài sản của kẻ khác. Vì thế, người nghèo khổ không có của cải, không được cấp phát, càng trở nên nghèo khổ hơn, nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn, nên tuổi thọ của con người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

Này các Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha thọ tám vạn tuổi, con thọ bốn vạn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, lúc loài người thọ bốn vạn tuổi, có người trộm cắp vật dụng của kẻ khác. Chủ nhân bắt trộm, dẫn đến vua Sát-lợi Đảnh Sanh, thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con. Xin Thiên vương trừng trị.

Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi người lấy trộm:

“— Quả thực Người có ăn trộm chăng ?

Người ấy đáp:

“— Tâu Thiên vương, quả thật con có ăn trộm. Vì sao ? Vì nghèo khổ, nếu không ăn trộm, con không có gì để sống. ”

Nghe xong, vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền nghĩ rằng: “Nếu trong nước ta có nạn trộm cắp vật dụng của kẻ khác mà ta lại đem của cải cấp phát đầy đủ; như vậy khi không ta làm cho đất nước kiệt quệ, dung túng cho nạn trộm cắp lan tràn. Nay ta nên rèn dao thực bén, nếu trong nước ta có ai trộm cắp thì bắt trói ngay dưới cây nêu cao và chém đầu nó.” Sau đó, vua Sát-lợi Đảnh Sanh hạ lệnh rèn dao thật bén; nếu trong nước có ai ăn trộm vật dụng của kẻ khác thì cho bắt trói dưới cây nêu cao và chém đầu.

Người trong nước bấy giờ nghe vua Sát-lợi Đảnh Sanh ra lệnh rèn dao thật bén, nếu trong nước có ai ăn trộm vật dụng của kẻ khác, thì cho bắt trói dưới cây nêu cao và chém đầu. Họ bèn nghĩ rằng: “Ta cũng nên bắt chước rèn dao thật bén,

mang đi ăn trộm vật dụng, nếu lấy vật dụng của ai thì bắt chủ nhân của vật ấy mà chém đầu.”

Từ đó về sau, những người ăn trộm thi nhau rên dao bén, mang đi ăn trộm vật dụng, bắt các chủ nhân mà chém đầu. Do đó, kẻ nghèo khổ không của cải, không được cấp phát, càng nghèo khổ hơn. Vì càng nghèo khổ hơn, nên nạn trộm cắp càng lan tràn thêm. Vì nạn trộm cắp càng lan tràn nên sự chém giết càng tăng lên. Vì nạn chém giết càng tăng nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

Này các Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ sống bốn vạn tuổi và con sống hai vạn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, lúc loài người sống hai vạn tuổi, có người ăn trộm vật dụng của kẻ khác. Chủ nhân bắt trộm, dẫn đến vua Sát-lợi Đánh Sanh, thưa rằng:

— Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trị.

Vua Sát-lợi Đánh Sanh hỏi tội nọn:

— Quả thực Người có ăn trộm chăng ?

Bấy giờ người ăn trộm nghĩ rằng: “Vua Sát-lợi

Đánh Sanh, nếu biết sự thật này, thì sẽ trối rồi đánh mình, hoặc vút ném, hoặc tấn xuất, hoặc phạt tiền của, hoặc trừng trị đau đớn đủ cách, hoặc treo lên cây, rồi bêu đầu của mình. Có lẽ mình nên dùng lời nói dối, lừa gạt vua Sát-lợi Đánh Sanh chăng ?". Nghĩ xong, người ấy thưa rằng:

— “Tâu Thiên vương, tôi không lấy trộm.”

Do đó, kẻ nghèo khổn không có của cải, không được cấp phát, càng nghèo khổn hơn. Vì càng nghèo khổn, nên nạn trộm cắp càng lan tràn mãi. Vì nạn trộm cắp lan tràn, nên sự chém giết gia tăng. Vì sự chém giết gia tăng, nên sự nói dối, nói hai lưỡi gia tăng. Vì sự nói dối, nói hai lưỡi gia tăng, nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ thọ hai vạn tuổi, người con chỉ thọ một vạn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một vạn tuổi, thì trong nhân dân có người có đức, có người vô đức. Nếu ai vô đức thì ghen ghét người có đức và phạm tà hạnh với vợ của người. Do đó, kẻ nghèo khổn không có của cải, không được cấp phát, càng nghèo khổn hơn. Vì càng nghèo khổn, nên trộm cắp

càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn, nên chém giết gia tăng. Vì chém giết gia tăng nên nói dối, nói hai lưỡi gia tăng. Vì nói dối, nói hai lưỡi gia tăng, nên tật đố, tà dâm gia tăng. Vì tật đố, tà dâm gia tăng, nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ thọ một vạn tuổi, người con chỉ thọ năm ngàn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, lúc loài người chỉ thọ năm ngàn tuổi, thì ba pháp gia tăng, đó là phi pháp dục, tham và tà pháp. Vì ba pháp này gia tăng, nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ thọ năm ngàn tuổi, người con chỉ thọ hai ngàn năm trăm tuổi.

Này các Tỳ-kheo, lúc loài người thọ hai ngàn năm trăm tuổi, thì ba pháp khác lại gia tăng, đó là lương thiệt, thô ngữ và ý ngữ. Vì ba pháp này gia tăng, nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ thọ hai ngàn năm trăm tuổi, người con chỉ thọ một ngàn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một ngàn

tuổi, thì một pháp gia tăng, đó là tà kiến. Vì pháp này gia tăng, nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ thọ một ngàn tuổi, người con chỉ thọ năm trăm tuổi.

Nay các Tỳ-kheo, khi loài người thọ năm trăm tuổi, thì con người lúc ấy suốt đời không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau. Loài người, vì không hiếu thảo với cha mẹ, không tôn kính Sa-môn, Phạm chí, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau, cho nên, nay các Tỳ-kheo, lúc đó, người cha chỉ thọ năm trăm tuổi, người con chỉ thọ hai trăm năm mươi tuổi, hoặc hai trăm tuổi.

Nay các Tỳ-kheo, hiện giờ nếu có ai trường thọ thì được một trăm tuổi, và có thể là ít hơn nữa.

Đức Phật lại bảo:

— Một thời gian lâu xa về đời vị lại, sẽ có lúc con người chỉ thọ mười tuổi. Nay các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, thì con gái sanh ra mới năm tháng đã lấy chồng. Nay các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có một giống lúa tên là bại tử,

là thức ăn ngon nhất, cũng như lúa gạo là thức ăn ngon nhất của con người hôm nay. Nay các Tỳ-kheo, cũng giống như thế, lúc con người thọ mười tuổi, thì có loại lúa tên là bại tử, là món ăn ngon nhất.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, nếu ngày nay có sữa, dầu, muối, đường phèn, đường mía, thì thời ấy, những thứ đó sẽ biến mất tất cả.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo, thì kẻ ấy sẽ được người khác kính trọng. Cũng như hiện giờ, nếu ai tạo mười thiện nghiệp đạo, thì kẻ ấy được người khác kính trọng. Nay các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, cũng như vậy, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo, thì kẻ ấy được người khác kính trọng.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, thì hoàn toàn không có một danh từ “thiện”, huống nữa là có người tạo mười thiện nghiệp đạo !

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có người tên là Đàn Phạt, đi đến khắp mọi nhà, hành hạ đánh đập.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, thì mẹ đối với con, có tâm giết hại rất mãnh liệt; con đối với mẹ cũng có tâm giết hại rất mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em, thân thuộc đối với nhau

đều có tâm giết hại lẫn nhau. Cũng như người thợ săn, trông thấy con nai, thì có tâm giết hại rất mãnh liệt, này các Tỳ-kheo, lúc con người thợ mười tuổi, cũng lại như thế, mẹ đối với con có tâm giết hại rất mãnh liệt; con đối với mẹ cũng có tâm giết hại rất mãnh liệt; cha con, anh em, chị em, quyến thuộc đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thợ mười tuổi, sẽ có nạn đao binh bảy ngày. Nếu ai cầm cò thì cò hóa thành đao; nếu ai nắm cây củi, thì cây củi cũng hóa thành đao. Ai cũng dùng đao để giết hại lẫn nhau. Qua bảy ngày, nạn đao binh mới chấm dứt.

Bấy giờ cũng có người biết thẹn thùng xấu hổ, nhàm tởm, chán ghét, không ưa những kẻ hung ác kia. Lúc có nạn đao binh bảy ngày, họ đi vào núi non hoặc đồng nội, ẩn náu ở nơi yên ổn. Sau bảy ngày ấy, thì họ từ núi non đồng nội, nơi yên ổn đi ra. Trông thấy nhau, họ sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng. Cũng như mẹ hiền chỉ có một đứa con đã xa cách lâu ngày, nay từ phương xa trở về gia đình, yên ổn; mẹ con thấy nhau, hoan hỷ, sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng. Những người kia, sau bảy ngày, từ núi non, đồng nội, ở chốn yên ổn đi ra, trông thấy nhau, sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng,

cũng giống như thế. Trông thấy nhau rồi, họ liền nói rằng: “Chư Hiền, chúng ta nay thấy nhau còn được yên ổn, chúng ta vì tạo pháp bất thiện nên gặp gỡ nơi đây, thân tộc chết hết. Chúng ta hãy cùng nhau thực hành thiện pháp. Làm thế nào để cùng nhau thực hành thiện pháp ? Chúng ta đều là kẻ sát sanh, nay nên xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; chúng ta nên thực hành thiện pháp ấy.” Những người kia cùng nhau thực hành thiện pháp. Sau khi thực hành thiện pháp tuổi thọ liên tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ mười tuổi sanh ra con thọ hai mươi tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ hai mươi tuổi lại nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sự sát sanh, đoạn trừ sát sanh, nhưng vẫn còn cùng nhau lấy của không cho, chúng ta nên xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện ấy.”. Những người kia liền cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-

kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ hai mươi tuổi sanh con thọ bốn mươi tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ bốn mươi tuổi cũng nghĩ thế này: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, nhưng vẫn còn tà dâm. Chúng ta nên xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm. Chúng ta nên làm việc thiện ấy.” Những người kia cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ bốn mươi tuổi sanh con thọ tám mươi tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ tám mươi tuổi cũng nghĩ thế này: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, nhưng vẫn còn nói dối. Chúng ta

nên xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối. Chúng ta nên làm việc thiện ấy.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ tám mươi tuổi sanh con thọ một trăm sáu mươi tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ một trăm sáu mươi tuổi cũng nghĩ như thế này: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh đoạn trừ sát sanh, đã xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, đã xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, đã xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, nhưng vẫn còn nói hai lưỡi. Chúng ta nên xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ một trăm sáu mươi tuổi sinh con, thọ ba trăm hai mươi tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ ba trăm hai mươi

tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi thọ tăng lên hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, nhưng còn nói thô ác, chúng ta nên xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Chúng ta nên làm việc thiện ấy.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ ba trăm hai mươi tuổi sinh con thọ sáu trăm bốn mươi tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, xa lìa

lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, nhưng vẫn còn nói lời thêu dệt. Chúng ta nên xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt. Chúng ta nên làm việc thiện ấy.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi, sanh con thọ hai ngàn năm trăm tuổi.

Nay các Tỳ-kheo, người thọ hai ngàn năm trăm tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nhưng còn tham lam, tật đố. Chúng ta nên xa lìa tham lam, tật đố, đoạn trừ tham lam, tật đố. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện

ấy.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ hai ngàn năm trăm tuổi sanh con thọ năm ngàn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ năm ngàn tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, nhưng vẫn còn sân nhuế. Chúng ta nên xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ năm ngàn tuổi sanh con thọ một vạn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ một vạn tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, xa lìa nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam, tật đố, đoạn trừ tham lam, tật đố, xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, nhưng vẫn còn tà kiến. Chúng ta nên xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện này.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng thêm, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của con người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một vạn tuổi sanh con thọ hai vạn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, người thọ hai vạn tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện, thì tuổi họ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn. Làm thế nào để

cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn ? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam, tật đố, đoạn trừ tham lam, tật đố, xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, nhưng vẫn còn có dục phi pháp, ác dục, tham hành tà pháp. Chúng ta nên xa lìa ba pháp ác, bất thiện này, nên đoạn trừ ba pháp ác, bất thiện này. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện này.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liên tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, thì người thọ hai vạn tuổi sanh con thọ bốn vạn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ bốn vạn tuổi, thì biết hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng cung kính Sa-môn, Phạm chí, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thấy tội lỗi đời sau. Loài người nhân vì hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng, cung kính Sa-môn, Phạm chí, làm việc thuận lợi, tu tập phước

ngiệp, thấy tội đời sau; cho nên, này các Tỳ-kheo, người thọ bốn vạn tuổi sanh con thọ tám vạn tuổi.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này giàu có cùng tột, nhân dân đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con gà bay. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, thì con gái đến năm trăm tuổi mới có thể lấy chồng. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, thì chỉ có những bệnh như lạnh, nóng, đại tiểu tiện, muốn ăn uống về già, ngoài ra không có tai họa nào nữa. Này các Tỳ-kheo, lúc loài người thọ tám vạn tuổi thì có vua tên Loa làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là: luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được kẻ khác. Nhà vua thống lãnh trọn quả đất này, cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được an lạc.

Này các Tỳ-kheo, các vua Sát-lợi Đánh Sanh được làm nhơn chủ chinh trị thiên hạ, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền

lại. Các vị vua ấy nhân đi lại, trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại, nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất hoan lạc, sức lực cũng không suy giảm.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy cũng nên như vậy, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà người cha đã truyền lại. Này các Tỳ-kheo, các Thầy do đi lại trong cảnh giới của chính mình mà người cha đã truyền lại, nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất an lạc, thể lực cũng không suy giảm.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà người cha đã truyền lại ? Tỳ-kheo quán nội thân như thân, nội giác, nội tâm, nội pháp như pháp. Như thế gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà người cha đã truyền lại.

Thế nào gọi là tuổi thọ của Tỳ-kheo ? Tỳ-kheo tu dục định như ý túc nương viễn ly, nương vô dục, nương diệt tận, hướng đến đạo xuất ly; tu tinh tấn định, tu tâm định, tu tư duy định như ý túc, nương viễn ly, nương vô dục, nương diệt tận, hướng đến đạo xuất ly. Đó là tuổi thọ của Tỳ-kheo.

Thế nào là sắc của Tỳ-kheo ? Tỳ-kheo tu tập

cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhặt, thường canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Đó là sắc của Tỳ-kheo.

Thế nào là niềm vui của Tỳ-kheo ? Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện cho đến chúng đắc Thiên thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là niềm vui của Tỳ-kheo.

Thế nào là năng lực của Tỳ-kheo ? Tỳ-kheo đã diệt sạch các lậu, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, trong đời hiện tại, tự tri tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Đó là năng lực của Tỳ-kheo.

Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy có năng lực nào không thể hàng phục như năng lực của ma vương. Cho nên vị Lậu tặc Tỳ-kheo phải dùng năng lực của vô thượng trí tuệ mới hàng phục được.

Đức Phật thuyết như thế, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH BỆ-TỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp du hóa tại Câu-tát-la, cùng với đông đủ chúng Tỳ-kheo, đi đến Tư-hòa-đê, về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này, trú tại rừng Thi-nhiếp-hòa.

Bấy giờ, ở Tư-hòa-đê có vị vua tên là Bệ-tử giàu có cùng tột, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ, thực ấp, đầy đủ mọi thứ. Tất cả suối ao, cỏ cây ở Tư-hòa-đê đều thuộc về nhà vua, là phong ấp do vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la cấp cho.

Bấy giờ, các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đê nghe đồn rằng: “Có Sa-môn tên là Cưu-ma-la-ca-diếp du

hóa tại nước Câu-tát-la, cùng với chúng Tỳ-kheo, đi đến thị trấn Tư-hòa-đê, trú tại rừng Thi-nhiếp-hòa, tại phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này. Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe. Cưu-ma-la-ca-diếp là bậc biện tài vô ngại, lời nói vi diệu. Tôn giả là bậc đa văn, là vị A-la-hán. Nếu ai yết kiến vị A-la-hán này, cung kính lễ bái thì được thiện lợi. Chúng ta có thể đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp ấy.” Nghe thế, các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đê, mỗi người cùng với hàng ngũ của mình, theo nhau đi từ Tư-hòa-đê lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa.

Bấy giờ, vua Bệ-tứ ở trên chánh điện, trông thấy từ xa, các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đê, mỗi người cùng với hàng ngũ của mình, theo nhau đi từ Tư-hòa-đê lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Vua Bệ-tứ thấy xong, hỏi người hầu rằng:

— Hôm nay vì lý do gì mà các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đê này, mỗi người cùng với hàng ngũ của mình, theo nhau đi từ Tư-hòa-đê lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa ?

Người hầu thưa:

— Tâu Thiên vương, các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đê nghe có Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp du hóa

tại nước Câu-tát-la cùng với chúng đại Tỳ-kheo, đến thị trấn Tư-hòa-đê nầy, trú tại rừng Thi-nhiếp-hòa, về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn nầy. Tâu Thiên vương, Sa môn Cưu-ma-la-ca-diếp có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe lời xưng tán rằng: “Cưu-ma-la-ca-diếp là bậc biện tài vô ngại, lời nói vi diệu. Tôn giả là bậc đa văn, là vị A-la-hán. Nếu ai yết kiến vị A-la-hán nầy, cung kính lễ bái, thì được thiện lợi. Chúng ta có thể đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp ấy.” Tâu Thiên vương, vì lý do đó mà các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đê nầy, mỗi người cùng với hàng ngũ của mình, theo nhau đi từ Tư-hòa-đê lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa.

Vua Bệ-tử nghe xong, liền bảo người hầu:

— Người hãy đi đến các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đê và thưa rằng: “Vua Bệ-tử bảo các Phạm chí, Cư sĩ xứ Tư-hòa-đê: Này các Người, hãy đợi. Ta sẽ cùng các người đi yết kiến Cưu-ma-la-ca-diếp. Các Người ngu si, đừng để Sa-môn ấy lừa gạt, nói rằng: Có đời sau, có chúng sanh. Ta thấy như thế nầy, chủ trương như thế nầy: Không có đời sau, không có chúng sanh.”

Người hầu vâng lời, liền đến chỗ các Phạm chí, Cư sĩ ở Tư-hòa-đê và nói:

— Vua Bệ-tứ bảo các Phạm chí, Cư sĩ ở Tu-hòa-đề như thế này: “Các Người hãy đợi. Ta sẽ cùng với các Người đi đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp. Các Người ngu si, đừng để Sa-môn ấy lừa gạt, nói rằng: “Có đời sau, có chúng sanh”. Ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: “Không có đời sau, không có chúng sanh.””

Các Phạm chí, Cư sĩ ở Tu-hòa-đề nghe lệnh ấy, bảo người hầu:

— Xin tuân theo như sắc lệnh đưa đến.

Người hầu trở lại, tâu với vua:

— Các Phạm chí, Cư sĩ ở Tu-hòa-đề đang đợi Thiên vương. Mong Thiên vương biết cho, đã đến thời.

Bấy giờ, vua Bệ-tứ bảo người đánh xe:

— Người mau sửa soạn xa giá, ta nay muốn đi.

Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, liền trở lại tâu vua:

— Xa giá đã sửa soạn xong, xin tùy ý Thiên vương.

Lúc đó, vua Bệ-tứ liền cỡi xe, đi đến chỗ các Phạm chí, Cư sĩ ở Tu-hòa-đề, rồi cùng nhau đến

rừng Thi-nhiếp-hòa. Khi vua Bệ-tứ từ xa trông thấy Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp ở giữa rừng cây, liền xuống xe đi bộ đến chỗ Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp, chào hỏi, rồi ngồi qua một bên thưa rằng:

— Nay Ca-diếp, tôi nay muốn hỏi, Thầy có thể nghe chăng ?

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp:

— Nay vua Bệ-tứ, muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.

Bấy giờ, vua Bệ-tứ liền hỏi:

— Nay Ca-diếp, tôi quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: “Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra.” Ý Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp nghĩ sao ?

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp đáp:

— Nay Vua Bệ-tứ, tôi nay xin hỏi Vua, Vua hiểu thế nào, trả lời thế ấy. Ý Vua thế nào, mặt trời, mặt trăng này thuộc về đời này hay đời khác ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Nay Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế, nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này,

chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra."

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp hỏi rằng:

— Này Vua Bệ-tứ, Vua có điều gì nghi ngờ chẳng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Đúng như vậy, Ca-diếp. Có điều phi lý thế này: Này Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh nguy khốn. Tôi đi đến chỗ bệnh nhân, đến xong, nói rằng: "Bạn nên biết rằng, ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra". Này Bạn, trái lại có Sa-môn, Phạm chí quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Có đời sau, có chúng sanh sinh ra". Ta thường không tin chủ trương của những kẻ ấy. Những kẻ ấy lại bảo rằng: "Nếu có người nam kẻ nữ nào làm việc ác, không tinh tấn, lừa dối, ganh ghét, bòn xén, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đả đạp trước của cải; do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, kẻ ấy chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục". Này Bạn, nếu Sa-môn, Phạm chí kia nói như vậy là đúng, thì bạn là người ruột thịt của ta, đã làm việc ác, không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bòn xén, tham lam, không đại

lượng, không thi ân, đấm trước của cải. Nếu thân hoại mạng chung, chắc chắn bạn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục, thì Bạn hãy trở lại tin cho ta hay thế này: "Này Vua Bệ-tứ, trong địa ngục ấy, khổ như thế này, như thế này". Nếu quả đúng như thế thì tôi mới chấp nhận." Này Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi hỏi, và đã nhận lời, thế mà không bao giờ thấy trở lại nói với tôi rằng: "Này Vua Bệ-tứ, trong địa ngục kia, khổ như thế này, như thế này." Này Ca-diếp, nhân sự kiện này, nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra."

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Này Vua Bệ-tứ, tôi lại hỏi Vua, Vua hiểu thế nào, trả lời thế ấy. Nếu có thuộc hạ của Vua bắt trói một tội nhân, đem đến trước Vua thưa rằng: "Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị." Vua bảo: "Các Khanh hãy đem trói chặt hai tay ra đằng sau, bỏ nó lên lưng con lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết, rồi đưa ra cổng thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao và chém đầu nó." Thuộc hạ vâng lời, liền trói tay tội nhân ra đằng sau, bỏ lên con lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết xong, đưa ra cổng thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao,

muốn chém đầu nó. Tội nhân sắp chết, nói với đao phủ rằng: "Ông hãy hoãn cho một lúc. Tôi muốn gặp cha mẹ, vợ con, tứ gái, người đưa tin. Hãy để tôi tạm thời ra đi." Ý Vua nghĩ sao ? Người đao phủ ấy có thể thả cho tội nhân tạm thời ra đi ít lâu không ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Không thể, Ca-diếp.

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Người thân của Vua cũng lại nghĩ như thế, đã làm việc ác không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bòn xén, tham lam, không thi ân, không đại lượng, đắm trước của cải. Do nhơn duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Lúc ngục tốt bắt ra hành hạ, đau đớn, người thân của Vua nói với ngục tốt rằng: "Này các Ngục tốt, các Ông hãy hoãn lại một lúc, chớ hành hạ ta đau đớn. Ta muốn tạm thời đi đến vua Bệ-tứ để báo cho vua hay rằng: "Trong địa ngục kia, khổ như thế này, như thế này, để Vua chứng kiến."" Ý Vua thế nào, Ngục tốt kia có thể thả cho người thân của Vua tạm thời ra đi chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Không thể, Ca-diếp.

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Vua hãy quán sát về đời sau cũng như vậy, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay Vua Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục, đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế, đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy đúng như thật chúng sanh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp sắc xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp nói như vậy, nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, vẫn chủ trương như thế này: “Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra.”

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, có điều gì nghi ngờ hơn thế nữa chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Đúng như vậy, Ca-diếp. Lại có sự kiện phi lý này: Nay Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh

nguy khốn. Tôi đến chỗ bệnh nhân, đến xong nói rằng: "Bạn nên biết tôi quan niệm như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra." Nay Bạn thân yêu, trái lại có Sa-môn, Phạm chí quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Có đời sau, có chúng sanh sinh ra". Tôi thường không tin chủ trương của những người kia. Những người kia lại bảo rằng: "Nếu có kẻ nam người nữ nào, có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn xén, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho họ thường an lạc, bố thí, không đả trước của cải; do nhơn duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, người ấy chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời." Nay Bạn thân yêu, nếu Sa-môn, Phạm chí nói như vậy là đúng, thì bạn là người thân ruột thịt của ta, có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn xén, tham lam, có đại lượng, có thi ân, sống cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho người được an lạc, bố thí, không đả trước của cải, nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, thì Bạn hãy trở lại tin cho ta hay như thế này: "Này Vua Bệ-tứ, trên cõi trời hoan lạc

như thế này, như thế này". Nếu quả đúng như thế thì tôi mới chấp nhận." Này Sa-môn, người thân ấy nghe tôi nói, và đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại tin cho tôi hay: "Này Vua Bệ-tứ, trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này." Này Ca-diếp, nhân sự kiện đó, cho nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra."

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như ngoài thôn ấp kia, có một hầm xí công cộng, sâu quá đầu người, đầy phần ở trong. Có một người rớt xuống, chìm tận đáy hầm ấy. Nếu có người khác thương xót, mong cầu sự phước lợi và hữu ích, sự an ổn khoái lạc cho người mắc nạn, liền thông thả kéo nạn nhân từ nhà xí lên, gạt phần bằng thanh tre, chùi bằng lá cây, tắm bằng nước ấm, sau khi tắm rửa sạch sẽ, đem bột hương thoa khắp thân thể, mời lên chánh điện, cho vui hưởng ngũ dục. Ý Vua nghĩ sao, không lẽ nạn nhân ấy lại tưởng nhớ hầm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen và muốn thấy lần nữa chăng ?

Vua Bệ-tứ trả lời:

— Không thể, Ca-diếp. Nếu có một kẻ nào

khác tướng tới hăm xí kia, hoan hỷ, ngợi khen, và muốn thấy, thì nạn nhân kia cũng không thể ưa kẻ ấy, huống là chính nạn nhân lại tướng tới hăm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lần nữa. Điều đó không thể xảy ra.

— Vậy thì, này Vua Bệ-tứ, nếu Vua có người thân có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bôn xèn tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến cho họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung chắc chắn người ấy đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, sau khi sanh lên cõi trời, được vui hưởng ngũ dục ở đó. Ý Vua nghĩ sao, không lẽ Thiên tử ở cõi trời kia xả bỏ ngũ dục ở đó, tưởng nhớ ngũ dục ở nhân gian này, hoan hỷ, ngợi khen, muốn thấy lại nữa chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Không thể, Ca-diếp. Vì sao ? Vì ngũ dục nhân gian là thứ xú uế, bất tịnh, rất đáng ghét, không thể hướng đến, không thể ưa thích, thô tháo bất tịnh. Này Ca-diếp, so với ngũ dục nhân gian, thì ngũ dục cõi trời là hơn, là tối thượng, là tối hảo, là tối diệu, là tối thắng. Nếu Thiên tử cõi trời kia

xả bỏ ngũ dục cõi trời, tưởng đến ngũ dục nhân gian, hoan hỷ, ngợi khen, muốn thấy lại, điều đó không thể xảy ra.

— Nay Vua Bệ-tứ, Vua nên quán sát về đời sau cũng giống như thế, chứ đừng giống cái thấy của con mắt thịt. Nay Vua Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục, đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế, đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si, thì vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy đúng như thật chúng sanh nầy lúc sinh lúc tử, sắc đẹp sắc xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Cưu ma-la-ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn quan niệm như thế nầy, vẫn chủ trương như thế nầy: “Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra”.

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, còn có điều gì nghi ngờ hơn thế nữa chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Đúng như vậy, Ca-diếp, có sự kiện phi lý này: Nay Ca-diếp, tôi có người bạn thân lâm bệnh nguy khốn. Tôi đến chỗ bệnh nhân, đến xong liền bảo: "Bạn nên biết rằng, ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra." Nay Bạn thân yêu, trái lại, có Sa môn, Phạm chí quan niệm thế này, chủ trương thế này: "Có đời sau, có chúng sanh sinh ra". Ta thường không tin lời của những người ấy kéo những người ấy lại bảo: "Nếu có người nam kẻ nữ nào có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn xén, tham lam, đại lượng, thi ân, cởi mở, phóng xả, cung cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến cho họ được an lạc, bố thí, không đả trước của cải; do nhơn duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, người ấy chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời". Nay Bạn, nếu Sa môn, Phạm chí ấy nói đúng, thì bạn là người thân ruột thịt của ta có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn xén, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, thường ưa bố thí, không đả trước của cải. Nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn Bạn sẽ đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, thì Bạn hãy trở lại tin

cho ta như thế này: "Này Vua Bệ-tứ, ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này". Nếu Bạn ở cõi trời, nghĩ rằng: "Nếu ta trở về thì sẽ được những gì ? Vua Bệ-tứ có nhiều của cải, ông sẽ cho ta"". Này Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại cho tôi hay như thế này: "Này Vua Bệ-tứ, ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này". Này Ca-diếp, như sự kiện đó, nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra."

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Này Vua Bệ-tứ, tuổi thọ cõi trời thì lâu dài; còn mạng sống ở nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày, một đêm ở cõi Tam thập tam thiên. Có ngày, có đêm như vậy; một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên đến một ngàn năm. Ý Vua nghĩ sao ? Nếu Vua có người thân có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn xén, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bận cùng, thường ưa bố thí, không đả kích trước của cải; do như duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn người ấy sẽ đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh lên

cõi trời, người thân của Vua liền nghĩ: “Trước tiên, ta hãy vui hưởng ngũ dục cõi trời một ngày một đêm, hay là ta hãy vui hưởng ngũ dục ở cõi trời hai, ba, bốn, cho đến sáu, bảy ngày, sau đó sẽ trở về tin cho vua Bệ-tứ hay rằng: “Ồ cõi trời, hoan lạc như thế này, như thế này, để cho nhà Vua rõ ?””. Ý Vua nghĩ sao, bấy giờ Vua còn sống chăng ?

Vua Bệ-tứ hỏi lại:

— Nay Ca-diếp, có người nào sau khi chết đến nói rằng: “Nay Sa-môn Ca-diếp, tuổi thọ ở cõi trời thì lâu dài còn mạng sống ở nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày, một đêm ở cõi Tam thập tam thiên. Có ngày có đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư Thiên ở Tam thập tam thiên đến một ngàn năm chẳng ?

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp đáp:

— Nay Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ thì hiểu được ý nghĩa. Nay Vua Bệ-tứ, như có người mù kia nói rằng: “Không có sắc đen, trắng, cũng không thấy sắc đen, trắng; không có sắc dài, ngắn, cũng không thấy sắc dài, ngắn; không có sắc xa, gần, cũng không thấy sắc xa, gần; không có sắc thô, tế, cũng không thấy sắc

thô, tế. Vì sao ? Vì từ trước ta không thấy, không biết, cho nên không có sắc." Này vua Bệ-tứ, người mù kia nói như thế có đúng chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Không đúng, Ca-diếp. Vì sao ? Này Ca-diếp, vì có sắc đen, trắng, cũng có thấy sắc đen, trắng; có sắc dài, ngắn, cũng có thấy sắc dài, ngắn; có sắc gân, xa, cũng có thấy sắc gân, xa; có sắc thô, tế, cũng có thấy sắc thô, tế. Nếu người mù bảo rằng: "Vì ta không thấy, không biết, nên không có sắc." Thì người ấy nói không đúng.

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Này Vua Bệ-tứ, Vua cũng như người mù ấy, nếu Vua bảo như thế này: "Có người nào sau khi chết đến nói rằng: "Này Sa-môn Ca-diếp, tuổi thọ ở cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống ở nhân gian thì ngắn ngủi; một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi Tam thập tam thiên. Có ngày có đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên đến một ngàn năm"". "

Vua Bệ-tứ nói:

— Này Sa-môn Ca-diếp, thật là không nên,

không nên nói như vậy. Vì sao ? Vì Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp đã cố tình so sánh tôi giống như kẻ mù kia. Nay Ca-diếp, nếu biết tôi, biết người thân thuộc của tôi có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn xén, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, thường ưa bố thí, không đâm trước của cải; do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; thì nay Ca-diếp, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các phước thiện, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ mà chết. Nay Ca-diếp, không nên cố tình so sánh tôi như người mù kia.

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp đáp:

— Nay Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ khác. Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Nay Vua Bệ-tứ, cũng như một Phạm chí có người vợ trẻ vừa mới mang thai; người vợ cả đã có một đứa con trai. Trong thời gian ấy, Phạm chí kia bỗng nhiên mạng chung. Sau khi mạng chung, con của bà vợ cả nói với bà mẹ kế như thế này: “Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc về tôi, không ai được dự phần vào.” Bà mẹ kế

đáp: “Ta nay đang có thai, nếu sanh con trai, thì nó phải được phân, nếu sanh con gái, thì của cải ấy mới hoàn toàn của cậu”. Con của bà vợ cả lại nói với bà mẹ kế ba lần như thế này: “Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc về tôi, không ai được dự phần vào.” Bà mẹ kế cũng trả lời ba lần như thế này: “Ta nay đang có thai, nếu sanh con trai, thì nó phải được chia phân, nếu sanh con gái, thì của cải ấy mới hoàn toàn của cậu.” Bấy giờ, bà mẹ kế ngu si không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà trở lại hại mình. Bà vào trong phòng, lấy dao bén mổ bụng xem là trai hay gái. Bà ấy ngu si không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà lại tự hại mình và đưa con trong bụng. Nên biết, nay Vua Bệ-tử, nhà Vua cũng như vậy, ngu si không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà lại nghĩ như thế này: “Này Ca-diếp, nếu biết tôi, biết người thân thích của tôi có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn xẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bán cùng, thường ưa bố thí, không đả thương của cải; do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện

xứ, sanh lên cõi trời; thì tôi, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các phước nghiệp, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ mà chết. Nay Sa-môn Ca-diếp, không nên có tình so sánh tôi giống như người mù kia.” Nay Vua Bệ-tứ, nếu người tinh tấn mà sống lâu thì được phước lớn, nếu được phước lớn, thì sanh lên cõi trời và sống lâu. Nay Vua Bệ-tứ, nhà Vua nên quán sát đời sau như vậy, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay Vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục, đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế, đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si, thì vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sinh lúc tử, sắc đẹp sắc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện đó đúng như thật.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: “Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra.”

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Này vua Bệ-tứ, còn có điều gì nghi ngờ nữa chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Đúng như vậy, Ca-diếp. Có sự kiện phi lý này: Này Ca-diếp, tôi có người thân mang bệnh nguy khốn. Tôi đến chỗ bệnh nhân hỏi han, thăm viếng, bệnh nhân cũng hỏi han và nhìn tôi. Lúc bệnh nhân chết, tôi lại đến hỏi han, thăm viếng người chết, nhưng người chết không hỏi han, không nhìn tôi. Sau đó tôi cũng không còn trở lại hỏi han, thăm viếng người thân ấy nữa. Này Ca-diếp, do sự kiện đó, tôi nghĩ rằng: “Không có chúng sanh sinh ra.”

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ thì liền hiểu được ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như có người thối tù và giỏi. Nếu ở xứ kia chưa từng nghe tiếng tù và, người đó đến xứ ấy, vào một đêm tối, trèo lên núi cao, tận lực thổi tù và; thì mọi người ở xứ ấy, chưa từng nghe tiếng tù và, nay nghe được liền nghĩ: “Tiếng gì mà vi diệu, rất kỳ lạ, thật đáng ưa thích, đáng đến xem nghe, khiến tâm hoan duyệt như thế ?” Bấy giờ, những người ấy bèn cùng nhau đi đến chỗ người thổi tù và giỏi. Sau khi đến, họ hỏi rằng: “Đó

là tiếng gì mà vi diệu, rất kỳ lạ, thực đáng ưa thích, đáng đến xem nghe, khiến cho tâm hoan duyệt như thế ?” Người thối tù và giõi đem liệng cái tù và xuống đất, bảo mọi người rằng: “Các vị nên biết, chính đó là tiếng tù và”. Lúc đó, mọi người lấy chân đá cái tù và, rồi nói rằng: “Tù và, hãy kêu đi ! Tù và, hãy kêu đi !” Nhưng nó im lìm, không âm hưởng. Người thối tù và giõi liền nghĩ: “Nay những người này ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ. Vì sao ? Vì muốn tìm âm thanh từ một vật vô tri.” Bấy giờ, người thối tù và giõi nhặt tù và lên, dùng nước rửa sạch, đưa lên miệng mà tận lực thổi. Khi ấy, mọi người nghe xong, liền nghĩ: “Tù và thực kỳ diệu. Vì sao ? Vì nhờ tay, nhờ nước, nhờ miệng, hơi thổi mới phát ra tiếng hay, vang khắp bốn phương.” Nay Vua Bệ-tứ, cũng như vậy, nếu người còn sống mới có thể nói năng, hỏi han nhau được; nếu khi chết, thì không thể nói năng hỏi han nhau được nữa. Nay Vua Bệ-tứ, vua nên quán chúng sanh sinh ra cũng giống như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay Vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục, đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế, đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si, thì vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh

hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh nầy lúc sinh lúc tử, sắc đẹp, sắc xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện đó đúng như thực.

Vua Bệ-tứ lại hỏi:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn quan niệm như thế nầy, vẫn chủ trương như thế nầy: “Không có chúng sanh sinh ra.”

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Này vua Bệ-tứ, còn có điều gì nghi ngờ hơn thế nữa chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Đúng như vậy, Ca-diếp. Còn có sự kiện phi lý nầy: Tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến chỗ của tôi, đến rồi, thưa rằng:

— “Tâu Thiên vương, kẻ nầy có tội, xin Thiên vương trừng trị.”

Tôi bảo:

— “Hãy đem tội nhân nầy cân sống, cân sống xong vặt xuống đất, dùng dây thắt cổ giết chết, giết chết xong đem cân lại, ta mới biết người nầy lúc

nào thì nhẹ cân, mềm mại tươi nhuận, đẹp dễ hơn; đó là lúc chết hay là lúc sống”.

Vị quan ấy vâng lời tôi đem tội nhân cân sống xong, lại vật xuống đất, dùng dây thắt cổ giết chết, giết xong, đem cân lại, thấy rằng tội nhân ấy lúc sống thì nhẹ, mềm mại, sắc tươi nhuận, đẹp dễ hơn; còn lúc chết thì nặng, cứng, không mềm mại và sắc không tươi nhuận. Nay Ca-diếp, nhân sự kiện ấy, cho nên tôi nghĩ rằng: “Không có chúng sanh sinh ra”.

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ liền hiểu được ý nghĩa. Nay Vua Bệ-tứ, cũng như thanh sắt, hay lưỡi cày sắt, được đốt cháy suốt ngày. Vật bằng sắt ấy, lúc bấy giờ nhẹ, mềm, sắc tươi nhuận và đẹp hơn. Nếu lửa tắt, nó dần dần trở nên nguội lạnh, nặng hơn, cứng, không mềm, và sắc không tươi. Cũng vậy, này Vua Bệ-tứ, nếu người lúc còn sống thì thân thể nhẹ, mềm mại, sắc tươi nhuận, đẹp dễ, còn lúc chết thì nặng hơn, cứng, không mềm mại, và sắc không còn tươi nữa. Nay Vua Bệ-tứ, Vua nên quán chúng sanh sinh ra cũng như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay Vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hưởng ly

dục, đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế, đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si, thì vị ấy bằng thiên nhân thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sinh lúc tử, sắc đẹp, sắc xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy hiện tượng đó đúng như thật.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn quan niệm thế này, vẫn chủ trương thế này: “Không có chúng sanh sinh ra.”

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, còn có điều gì nghi ngờ hơn thế nữa chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự kiện phi lý này: Nay Ca-diếp, tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến chỗ tôi, đến rồi thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị.”

Tôi bảo:

“— Hãy đem tội nhân ấy bỏ vào nồi sắt, hoặc

bỏ vào nồi đồng, đập kín miệng lại và đốt lửa ở dưới. Khi đã đốt lửa rồi hãy quán sát cùng khắp, xem chúng sanh ấy lúc vào, lúc ra, qua lại chỗ nào.” Vị quan ấy vâng lời tôi, đem tội nhân này bỏ vào lò sắt, hoặc nồi đồng, đập kín miệng lại và đốt lửa ở dưới. Khi đã đốt lửa, quán sát cùng khắp, để xem chúng sanh ấy, lúc ra lúc vào, qua lại chỗ nào. Nhưng này Ca-diếp, tôi làm phương cách như vậy nhưng cũng chẳng thấy chúng sanh sinh ra. Nay Ca-diếp nhen sự kiện đó, nên tôi nghĩ rằng: “Không có chúng sanh sinh ra.”

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, nay tôi hỏi Vua, Vua hiểu thế nào, xin trả lời thế ấy. Ý Vua nghĩ sao, nếu vào ban ngày, Vua ăn thức ăn mỹ diệu, ngon lành, rồi lên giường nằm ngủ; Vua nhớ lại đã từng ở trong mộng, có lần thấy vườn tược hồ tắm, rừng cây, hoa trái, suối trong, sông dài, thỏa thích vui chơi, qua lại cùng khắp chăng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Tôi nhớ lại đã từng có như vậy.

Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp:

— Ngày đó, sau khi ăn những thức ngon lành

mỹ diệu xong, Vua lên giường nằm ngủ, bấy giờ có ai đứng hầu bên cạnh không ?

— Thưa có.

Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp:

— Ngày đó, sau khi ăn những thức ngon lành mỹ diệu xong, lên giường nằm ngủ. Lúc ấy những người hầu hai bên tả, hữu, có thấy được khi Vua ra vào, qua lại cùng khắp không ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Dù cho có ai khác cũng không thể thấy, huống nữa là bọn hầu hạ hai bên.

— Nay Vua Bệ-tứ, hãy quán chúng sanh sinh ra cũng giống như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay Vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hưởng ly dục, đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hưởng ly nhuế, đoạn tuyệt si, ly si, thú hưởng ly si, vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sinh, lúc tử, khi đẹp, khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện đó đúng như thật.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như vậy, nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: “Không có chúng sanh sinh ra.”

Tôn giả Ca diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, còn điều gì nghi ngờ hơn thế nữa chẳng ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự kiện phi lý này: Nay Ca-diếp, tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến trước tôi, đến rồi thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị.”

Tôi bảo:

“— Hãy đem tội nhân này lột da, xẻo thịt, chặt gân, đục xương cho đến tận tủy, để tìm chúng sanh sinh ra.”

Vị ấy vâng lời tôi, đem tội nhân ra lột da, xẻo thịt, chặt gân, đục xương đến tận tủy, để tìm chúng sanh sinh ra. Nay Ca-diếp, tôi đã làm theo cách thức như thế để tìm chúng sanh sinh ra, mà rốt cuộc cũng chẳng thấy chúng sanh sinh ra. Nay Ca-diếp, nhân sự kiện đó nên tôi nghĩ rằng: “Không có chúng sanh sinh ra.”

Tôn giả Ca-diếp bảo:

— Đây Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Đây Vua Bệ-tứ, cũng như Phạm chí bện tóc thờ lửa ở gần bên đường. Cách đó không xa, có những người khách buôn tá túc. Vào lúc sáng sớm, những người khách buôn ấy vội vã ra đi, bỏ quên một đứa bé. Lúc đó Phạm chí bện tóc thờ lửa dậy sớm đi đến chỗ các khách buôn tạm trú, xem xét thấy đứa bé đứng một mình, không có chủ nhân. Thấy xong, vị ấy nghĩ: “Nay đứa bé này không nơi nương tựa, nếu ta không nuôi thì chắc chắn nó sẽ chết.” Nghĩ thế, Phạm chí liền đem về nuôi dưỡng. Thời gian sau, đứa bé lớn khôn. Bấy giờ Phạm chí bện tóc thờ lửa bận chút việc ở thôn xóm khác. Lúc đó, Phạm chí bện tóc thờ lửa bảo thiếu niên ấy rằng: “Ta bận chút việc, phải xuống thôn xóm một thời gian, con phải giữ lửa cẩn thận chớ để nó tắt; nếu lửa tắt, con hãy dùng cái cọ lửa này mà nhen lại.” Bấy giờ Phạm chí bện tóc thờ lửa căn dặn xong liền xuống thôn xóm. Sau đó, thiếu niên ấy ra ngoài rong chơi, lửa tắt hết. Khi trở về, nó muốn nhen lửa, liền dùng cái cọ lửa đánh xuống đất bảo rằng: “Lửa hãy cháy lên ! Lửa hãy cháy lên !” Nhưng rốt cuộc lửa không cháy. Nó lại đặt cọ lên phiến đá, ra sức đánh và la lên: “Lửa hãy cháy lên !

Lửa hãy cháy lên !” Nhưng lửa vẫn không cháy. Lửa không cháy, nó bèn phá cái cọ ấy ra làm mười mảnh, trăm mảnh, vút đi, ngổ bệt xuống đất, sầu não mà nói rằng: “Không tìm được lửa, phải làm sao đây ?” Bấy giờ Phạm chí bện tóc thờ lửa đã làm xong công việc ở thôn xóm, trở về nhà lại. Về đến nơi, hỏi thiếu niên ấy rằng:

“— Con không vui chơi, chỉ lo chăm sóc ngọn lửa không để nó tắt chằng ?”

Thiếu niên trả lời:

“— Thưa Tôn giả, con đi ra ngoài chơi, nên sau đó lửa đã tắt. Khi trở về, con muốn nhen lửa, liền lấy cái cọ lửa đánh xuống đất bảo rằng: “Lửa hãy cháy lên ! Lửa hãy cháy lên !” Cuối cùng lửa vẫn không cháy. Con lại đặt lên phiến đá, ra sức đánh và bảo: “Lửa hãy cháy lên ! Lửa hãy cháy lên !” Nhưng rồi lửa vẫn không cháy. Lửa không cháy, con liền phá cái cọ ấy ra làm mười mảnh, trăm mảnh vút đi, rồi ngổ bệt xuống đất. Thưa Tôn giả, con đã tìm kiếm như thế mà không có lửa, không biết làm sao.”

Lúc đó Phạm chí bện tóc thờ lửa nghĩ rằng: “Cậu thiếu niên nầy quá ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ. Vì sao ? Vì từ cái cọ lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như vậy.”

Khi ấy Phạm chí bện tóc thờ lửa đem cọ lửa và bật môi lửa đặt xuống đất mà cọ xát thì lửa bật và cháy bùng lên, liền bảo thiếu niên rằng:

“— Này Con, phương pháp lấy lửa phải như vậy, chứ không phải như Con ngu si, không thông suốt, không có trí tuệ, từ cái cọ lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như Con đã làm.”

Vì vậy, nên biết, này Vua Bệ-tứ, Vua cũng lại như thế, ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, đối với xác thịt chết, cho đến xương tủy vô tri mà muốn tìm thấy chúng sanh sinh ra. Này Vua Bệ-tứ, Vua nên quán chúng sanh sinh ra như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này Vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hưởng ly dục, đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hưởng ly nhuế, đoạn tuyệt si, ly si, thú hưởng ly si, vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sinh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu, hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện đó đúng như thật.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng đối

với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì sân nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, trọn không thể xả bỏ. Vì sao ? Nếu có những người ở nước khác nghe được, liền bảo rằng: “Vua Bệ-tứ có quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, nên đoạn trừ và xả bỏ”
Này Ca-diếp, vì thế, đối với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì si, trọn đời không thể xả bỏ.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

— Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như hai người bạn bỏ nhà đi tìm kế sinh nhai. Trên đường đi, ban đầu họ thấy có rất nhiều cây gai không chủ. Một người trông thấy, bảo bạn rằng:

“—Bạn nên biết, nay ở đây có rất nhiều cây gai không chủ, tôi muốn Bạn cùng lấy, bó lại, gánh đem về, có thể làm vật dụng được.”

Hai người liền lấy bó lại để gánh đi. Trên đường đi, họ lại thấy rất nhiều tơ lụa kiếp-bối, áo kiếp bối không chủ, lại thấy rất nhiều bạc cũng không có chủ. Thấy xong, một người vứt bỏ cây gai đang gánh, lấy bạc gói lại. Trên đường đi, lại thấy

nhiều đồng vàng cũng không có chủ. Bấy giờ người gánh bạc bàn với người gánh cây gai:

“— Này Bạn nên biết, vàng này quá nhiều mà không có chủ, Bạn nên vứt bỏ cây gai, tôi thì vứt bỏ bạc đang gánh. Tôi muốn cùng với Bạn đồng lấy vàng này, gánh trở về, có thể chi dụng được hơn.”

Người gánh gai bảo người gánh bạc:

“— Tôi gánh cây gai này sau khi đã sắp xếp gọn gàng, bó lại chắc chắn, từ xa gánh tới đây. Tôi không thể bỏ được, Bạn nên tự biết lấy, chớ lo cho tôi.”

Khi ấy người gánh bạc giựt gánh gai quăng xuống đất, rồi xô tung ra. Người gánh gai bảo người gánh bạc rằng:

“— Bạn đã xô tung gánh gai của tôi như vậy, tôi đã mất công bó lại chắc chắn, gánh từ xa đến đây, nên tôi dứt khoát gánh cây gai này về không thể bỏ được. Bạn hãy tự biết, chớ lo cho tôi.”

Người gánh bạc liền bỏ gánh bạc, lấy vàng gánh về. Người gánh vàng trở về. Từ xa, cha mẹ trông thấy con gánh vàng về, thấy rồi khen rằng:

“— Lành thay, lành thay ! Hãy đến đây con. Con nhờ vàng này sẽ sống được sung sướng, phụng

đưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, tó gái, và người sai bảo, lại có thể bố thí cho các vị Sa-môn, Phạm chí, tạo phước thắng thượng, thiện quả thiện báo, sanh vào cõi trời, sống lâu !”

Người gánh cây gai trở về nhà. Từ xa, cha mẹ trông thấy con gánh gai về, thấy vậy mừng rỡ rằng:

“— Người là người có tội trở về, là người vô đức trở về. Vì bó gai này, Người sẽ không sống được, không thể phụng dưỡng cha mẹ, không thể chu cấp cho vợ con, tó gái và người sai bảo, lại cũng không thể bố thí cho Sa-môn và các Phạm chí, không thể tạo phước thắng thượng, không được thiện quả thiện báo, không thể sanh vào cõi trời để được sống lâu.”

Nên biết, này Vua Bệ-tứ, Vua cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy, Vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ, thì Vua sẽ thọ lãnh vô lượng điều dữ, lại bị mọi người chê ghét.

Vua Bệ-tứ lại nói rằng:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp đã nói như thế, nhưng đối với quan niệm này, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, nên không bao giờ xả bỏ. Vì sao ? Nếu những người ở nước khác nghe được, liền bảo rằng: “Vua Bệ-tứ có

một quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ.”
Này Ca-diếp, vì thế nên đối với quan niệm này, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, nên không bao giờ xả bỏ.

Tôn giả Ca-diếp lại bảo:

— Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như một khách buôn cùng với đoàn khách buôn đông đảo, có một ngàn cỗ xe, đi vào con đường nguy hiểm. Trong đoàn khách buôn ấy, có hai vị thương chủ. Hai vị ấy nghĩ rằng: “Chúng ta làm sao thoát khỏi nạn này ?” Họ lại nghĩ: “Đoàn của chúng ta nên chia ra hai toán, mỗi toán năm trăm.” Đoàn khách buôn ấy liền chia ra hai toán mỗi toán năm trăm. Một thương chủ dẫn năm trăm cỗ xe, tiến vào con đường nguy hiểm. Người thương chủ ấy thường đi dẫn đường ở trước, thấy một người từ bên đường đi ra, quần áo ướt sũng, chân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, đeo tràng hoa cỏ thơm, đi xe lừa, hai bánh dính bùn. Vị thương chủ trông thấy liền hỏi:

“— Trên con đường nguy hiểm này, trời có mưa chăng ? Có nước trong, củi và cỏ chăng ?”

Người lạ ấy đáp:

“— Trên con đường nguy hiểm này trời mưa lớn, có nhiều nước trong và nhiều củi, cỏ. Nay các Bạn, các Bạn hãy vớt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt.”

Vị thương chủ ấy nghe xong, liền trở lại đến toán của mình thuật lại rằng:

“— Ta đi trước, thấy một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Ta hỏi người ấy: "Trên con đường nguy hiểm này trời có mưa, có nước trong, củi và cỏ chẳng ?" Người ấy đáp: "Trên con đường nguy hiểm này, trời mưa lớn, có nhiều nước trong, củi và cỏ tốt. Nay các Bạn, các Bạn hãy vớt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt". Do đó, nay các Bạn, chúng ta hãy vớt bỏ nước, củi và cỏ đi. Như vậy, không bao lâu nữa chúng ta sẽ có nước trong, củi và cỏ chớ để nặng xe.”

Rồi toán khách buôn vớt bỏ nước, củi và cỏ. Đi được một ngày đường, họ không thấy có nước trong, củi và cỏ. Đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy

ngày, họ vẫn không kiếm được nước trong, củi và cỏ. Sau bảy ngày, toán khách buôn ấy bị quỷ ăn thịt người sát hại.

Người thương chủ thứ hai nghĩ rằng: “Vị thương chủ trước đã qua khỏi tai nạn nguy hiểm, chúng ta phải dùng phương cách nào để thoát nạn ?” Nghĩ xong, vị ấy cho năm trăm cỗ xe cùng tiến vào con đường nguy hiểm.

Cũng đi trước dẫn đường, vị thương chủ thứ hai thấy có một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Vị thương chủ thứ hai trông thấy, liền hỏi:

“— Trên con đường nguy hiểm này trời có mưa chẳng ? Có nước trong, củi và cỏ chẳng ?”

Người lạ đáp:

“— Trên con đường nguy hiểm này, trời mưa lớn lắm, có rất nhiều nước trong, củi và cỏ tốt. Nay các Bạn, các Bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt.”

Người thương chủ thứ hai nghe xong, trở lại thuật với toán rằng:

“— Ta đi phía trước, thấy có một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cối xe lửa, hai bánh dính bùn, Ta hỏi: "Trên con đường nguy hiểm này, trời có mưa không ? Có nước trong, củi và cỏ không ?" Người ấy đáp: "Trên con đường nguy hiểm này, trời thường mưa lớn, có nhiều nước trong cũng có rất nhiều củi và cỏ. Nay các Bạn, các Bạn hãy vớt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ lấy được nước trong, củi và cỏ tốt." Nhưng nay các Bạn, chúng ta chưa thể vớt bỏ nước, củi và cỏ được. Nếu lấy được nước, củi và cỏ mới, thì sau đó chúng ta mới vớt bỏ."

Toán khách buôn ấy không vớt bỏ nước, củi và cỏ. Họ đi một ngày đường, không lấy được nước, củi và cỏ mới. Họ đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày vẫn không lấy được nước, củi và cỏ mới. Lúc người thương chủ thứ hai đi trước, trông thấy nơi mà người thương chủ thứ nhất và toán khách buôn đi trước đã bị quỷ ăn thịt người sát hại, thấy rồi, bảo toán của mình rằng:

“— Nay các Bạn, các Bạn hãy xem người thương chủ thứ nhất ấy ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, đã tự giết mình lại giết đồng bạn nữa. Các Bạn, nếu muốn lấy

hàng hóa của những khách buôn toán trước thì tự tiện mà lấy.”

Này Vua Bệ-tứ, nên biết rằng Vua cũng lại như thế. Nếu với quan niệm ấy, Vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ, thì Vua sẽ chịu vô số điều dữ, lại bị mọi người chê ghét nữa; cũng như người thương chủ thứ nhất và đồng bạn thuộc toán thứ nhất.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng đối với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ. Vì sao ? Nếu những người ở nước khác nghe đến, liền bảo rằng: “Vua Bệ-tứ có một quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, nên đã đoạn trừ, xả bỏ.” Này Ca-diếp, vì thế, nên đối với quan niệm đó, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

— Này vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như hai người hẹn nhau chơi đồ xúc sắc. Người thứ nhất thường lên trộm con xúc sắc mà

ngậm, ngậm một lần, hai, ba lần cho đến nhiều lần. Người thứ hai liền nghĩ: “Ta cùng chơi với người này, nó luôn luôn gạt mình, trộm con xúc sắc mà ngậm, một, hai, ba hoặc đến nhiều lần.” Nghĩ thế, người ấy nói với bạn: “Ta nay muốn nghỉ, sau đó sẽ chơi lại.” Bấy giờ người thứ hai rời khỏi chỗ ấy, dùng thuốc độc tẩm vào con xúc sắc rồi rủ bạn trở lại cùng chơi. Người thứ nhất lại lén trộm con xúc sắc mà ngậm, một lần, hai, ba lần hoặc đến nhiều lần, ngậm xong, liền trợn mắt, sùi bọt mép, gần chết. Bấy giờ người thứ hai, hướng về người thứ nhất đọc bài tụng:

*Xúc sắc này tẩm độc,
Người tham ăn không biết.
Trước ngồi chơi, gạt ta,
Sau phải mang họa khổ.*

Nên biết, này Vua Bệ-tứ, Vua cũng lại như thế, nếu đối với quan niệm ấy, Vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ, thì Vua sẽ chịu vô số điều dữ, lại bị mọi người chê ghét; cũng như người chơi kia, vì con xúc sắc mà lừa gạt người nên phải mang họa.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng đối

với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ. Vì sao ? Nếu người ở nước khác nghe đến liền bảo rằng: “Vua Bệ-tứ có một quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục sửa sai, nên đã đoạn trừ, xả bỏ.” Nay Ca-diếp, vì thế đối với quan niệm đó, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Nay Vua Bệ-tứ, cũng như người nuôi heo, lúc đang đi trên đường, thấy có rất nhiều phân khô không chủ, liền nghĩ rằng: “Phân này có thể nuôi no đủ cho nhiều con heo; ta nên lấy gói lại, mang đi.” Người ấy liền đội phân mà đi. Giữa đường, gặp trời mưa lớn, phân rỉ ra, chảy xuống vầy bắn khắp thân, nhưng người ấy vẫn đội đi không chịu vứt bỏ. Người ấy chịu nhiều dơ bẩn, lại bị mọi người chê ghét. Nay Vua Bệ-tứ, nên biết rằng, Vua cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy, Vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ, thì Vua sẽ chịu vô số điều dữ, lại bị mọi người chê ghét; cũng như người nuôi heo kia.

Vua Bệ-tứ lại nói:

— Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ. Vì sao ? Nếu những người ở nước khác nghe, sẽ bảo rằng: “Vua Bệ-tứ có một quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, đã đoạn trừ xả bỏ.” Nay Ca-diếp, vì thế, đối với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì sân nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ cuối cùng. Nếu Vua hiểu thì tốt; nếu Vua không hiểu, thì tôi không thuyết pháp nữa. Nay vua Bệ-tứ, cũng như con heo lớn, thủ lãnh của đoàn heo năm trăm con, đi vào con đường nguy hiểm. Giữa đường, nó gặp một con cọp. Khi heo đã trông thấy cọp liền nghĩ: “Nếu ta đấu với cọp, thì cọp sẽ giết ta. Nếu ta sợ bỏ chạy, thì thân tộc sẽ khinh mạn ta. Không biết nay phải dùng phương cách nào để thoát nạn ?” Nghĩ xong, nó nói với cọp:

“—Nếu muốn đấu thì hãy đấu, nếu không thì hãy tránh đường để ta qua.”

Cọp nghe xong liền bảo heo:

“— Ta chấp nhận đấu với Ngươi chứ không tránh đường cho Ngươi.”

Heo lại nói:

“— Đây Cọp, Ngươi hãy đợi chốc lát, ta mặc áo giáp của tổ phụ xong, rồi hãy trở lại cùng đấu.”

Cọp nghe vậy, liền nghĩ: “Nó chẳng phải địch thủ của ta, huống là áo giáp tổ phụ nó.” Nghĩ xong, bảo heo:

“—Cho tùy ý Ngươi.”

Heo liền trở về chuồng, lăn trong đồng phân, làm phân lấp đến tận mắt, rồi trở lại chỗ cọp, nói rằng:

“— Ngươi muốn đấu thì hãy đấu, nếu không thì hãy tránh đường cho ta đi qua.”

Sau khi thấy heo, cọp nghĩ: “Ta thường không ăn sâu bọ tạp nhạp vì uống hàm răng hướng là lại phải đến gần con heo hôi hám này.” Cọp nghĩ xong liền bảo heo:

“— Ta tránh đường cho Ngươi, chứ không đấu với Ngươi nữa.”

Heo qua được rồi, quay lại hướng về cạp nói bài tụng:

*Này Cạp, Ngươi bốn chân,
Ta cũng có bốn chân,
Hãy đến đấu với ta,
Sợ gì mà bỏ chạy.*

Bấy giờ cạp nghe xong, lại nói bài tụng trả lời heo rằng:

*Ngươi, lông mọc như rừng,
Hèn nhất trong loài vật,
Này Heo, hãy cút mau,
Phân thối chịu không nổi.*

Lúc ấy, heo tự khoe, nói bài tụng rằng:

*Nước Ma-kiệt, Ương-già,
Nghe ta đấu với Ngươi,
Hãy đến đấu với ta,
Sợ gì mà bỏ chạy.*

Cạp nghe vậy, lại nói bài tụng:

*Toàn thân lông đều nhơ,
Ngươi làm ta lây thối,
Ngươi đấu, muốn cầu thắng,
Ta nay cho Ngươi thắng.*

Tôn giả Ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, tôi cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy, Vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ thì Vua sẽ chịu vô số điều dữ, lại bị mọi người chê ghét; cũng giống như cọp để cho heo thắng.

Vua Bệ-tứ nghe xong nói rằng:

— Thưa Tôn giả, ngay từ đầu, Tôn giả nói thí dụ mặt trời và mặt trăng, lúc đó nghe xong, tôi hiểu ngay, hoan hỷ, thọ trì, nhưng tôi muốn được nghe những biện tài càng lúc càng cao siêu của bậc thượng diệu trí từ nơi Tôn giả nên tôi mới hỏi đi hỏi lại. Tôi nay đem mình quy y Tôn giả Ca-diếp.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, Vua chớ quy y tôi. Tôi đã quy y Phật, Vua cũng nên qui y với Ngài.

Vua Bệ-tứ nói:

— Thưa Tôn giả, con nay đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả thay Phật nhận con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ ngày hôm nay và trọn đời đem mình quy y cho đến lúc mạng chung. Thưa Tôn giả Ca-diếp, con từ hôm nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

— Nay Vua Bệ-tứ, Vua muốn thực hành bố thí, tu phước, sẽ bố thí cho bao nhiêu người và thời gian bao lâu ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Bố thí cho một trăm người hoặc đến một ngàn người, một ngày, hai ngày hoặc đến bảy ngày.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

— Nếu Vua thực hành bố thí, tu phước, bố thí cho một trăm người, hoặc đến một ngàn người, một ngày, hai ngày hoặc đến bảy ngày thì các Sa-môn, Phạm chí ở khắp nơi đều nghe Vua Bệ-tứ đã chấp chặt một quan niệm lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, nên đã đoạn trừ xả bỏ. Các vị ấy nghe xong đều sẽ từ phương xa đến, trong bảy ngày, không đủ thời gian để Vua bố thí. Nếu có ai không nhận được phẩm vật do nhà vua bố thí, thì Vua không được phước, không được an lạc lâu dài. Nay Vua Bệ-tứ, cũng như hạt giống không nát, không hư, không nứt, không bể, không bị tổn thương bởi gió, bởi ánh nắng, bởi nước, được cất giấu chu đáo vào tiết thu. Nếu cư sĩ kia cày sâu ruộng tốt, làm đất thuận thực xong, gieo giống đúng

thời, nhưng mưa không kịp lúc, thì ý Vua nghĩ sao, hạt giống kia có sinh trưởng được chăng ?

— Dạ không.

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:

— Nay vua Bệ-tứ, Vua cũng như thế. Nếu thực hành bố thí, tu phước, bố thí cho một trăm người hoặc một ngàn người, một ngày cho đến bảy ngày, những Sa-môn, Phạm chí ở các phương xa đều nghe rằng vua Bệ-tứ đã chấp chặt một quan niệm lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Các vị ấy nghe xong, đều sẽ từ phương xa đến, thì trong bảy ngày không đủ thời gian để Vua bố thí. Nếu có vị nào không nhận được thực phẩm do Vua bố thí, thì Vua không được phước, không được an lạc lâu dài.

Vua Bệ-tứ lại hỏi:

— Thưa Tôn giả, tôi phải làm thế nào ?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

— Nay Vua Bệ-tứ, nếu Vua thực hành bố thí, tu phước, thì phải thường cung cấp trường trai. Nếu Vua thực hành bố thí, tu phước mà thường cung cấp trường trai thì các vị Sa-môn, Phạm chí ở khắp nơi nghe rằng Vua Bệ-tứ đã chấp chặt một quan

niệm từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nghe xong, từ các phương xa, các vị đến, đều có thể được Vua bố thí, nên Vua có phước, được an lạc lâu dài. Vua Bệ-tứ, cũng như hạt giống không nát, không hư, không nứt, không bể, không bị tổn thương bởi gió, bởi ánh nắng, bởi nước, được cất giấu chu đáo vào tiết thu. Nếu cư sĩ kia cày sâu, ruộng tốt, làm đất thuận thực xong, gieo giống đúng thời, kịp lúc có mưa, thì ý Vua nghĩ sao, hạt giống kia có thể sanh trưởng được chăng ?

— Sanh trưởng được.

Tôn giả Ca-diếp lại bảo:

— Nay Vua Bệ-tứ, Vua cũng như vậy. Nếu thực hành bố thí, tu phước mà thường cung cấp trường trai, thì các Sa-môn, Phạm chí ở khắp nơi nghe Vua Bệ-tứ đã chấp chặt một quan niệm lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục sửa sai, nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nghe xong, từ các phương xa, các vị đến đều có thể được Vua bố thí, nên Vua được phước, được hưởng an lạc lâu dài.

Bấy giờ, vua Bệ-tứ nói rằng:

— Con từ nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước và thường cung cấp trường trai.

Lúc đó, Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp cho vua Bệ-tứ và các Phạm chí, Cư sĩ ở xứ Tư-hòa-đê, khuyến phát khát ngưỡng thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho những vị ấy xong rồi, Tôn giả ngồi im lặng.

Bấy giờ, Vua Bệ-tứ và các Phạm chí, Cư sĩ ở xứ Tư-hòa-đê được Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Liên từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Tôn giả, nhiều quanh ba vòng rồi lui ra.

Sau đó, Vua Bệ-tứ, tuy thực hành bố thí, tu phước, nhưng bố thí quá thậm tệ; như canh đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng, lại bố thí áo gai thô xấu. Bấy giờ, người cai bếp tên là Ưu-đa-la, lúc nhà vua bố thí, tu phước, liền xin Thượng tọa chú nguyện cho nhà vua thế này: “Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau.” Vua Bệ-tứ nghe Ưu-đa-la, lúc vua bố thí, tu phước thì lại xin thượng tọa chú nguyện rằng: “Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau.” Nghe vậy, vua kêu người cai bếp lại hỏi:

— Này Ưu-đa-la, lúc ta bố thí, tu phước, Người

xin Thượng tọa chú nguyện cho ta rằng: “Cuộc bố thí này nếu có phước báo gì, chớ để cho vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau.” Có quả thật như vậy chăng ?

Ưu-đa-la đáp:

— Quả vậy, tâu Thiên vương. Vì sao ? Thiên vương tuy bố thí, tu phước, nhưng quá thậm tệ, bố thí canh đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng. Tâu Thiên vương, thức ăn ấy không đáng để đưa tay cầm, huống là để ăn ! Thiên vương bố thí áo gai xấu. Tâu Thiên vương, áo ấy không đáng để dùng chân dậm lên, huống là để mặc. Con kính Thiên vương, nhưng không trọng sự bố thí ấy. Cho nên, tâu Thiên vương, con không mong phước báo của cuộc bố thí tệ mạt này dành cho Thiên vương được hưởng.

Vua Bệ-tứ nghe xong, liền bảo:

— Nay Ưu-đa-la, từ nay Ngươi bắt đầu đem thức ăn như ta đã ăn mà bố thí, đem áo như áo ta đã mặc mà bố thí.

Từ đó về sau, Ưu-đa-la đem thức ăn giống như thức ăn của vua mà bố thí, đem áo giống như áo vua mà bố thí. Bấy giờ, Ưu-đa-la nhờ coi sóc việc bố thí cho vua Bệ-tứ, nên khi thân hoại mạng

chung, sanh vào trong cõi Tứ thiên vương. Còn vua Bệ-tứ vì không chí tâm bố thí, nên thân hoại mạng chung, sanh vào cung điện Tòng Thọ Lâm Không.

Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế, thường qua du hành trong cung điện Tòng Thọ Lâm Không ấy. Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế từ xa trông thấy vua Bệ-tứ, liền hỏi rằng:

— Ông là ai ?

Vua Bệ-tứ đáp:

— Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế, Tôn giả có nghe trong châu Diêm-phù, có vua xứ Tư-hòa-đế, tên là Bệ-tứ chăng ?

Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế đáp:

— Tôi có nghe trong châu Diêm-phù, ở xứ Tư-hòa-đế, có vua tên là Bệ-tứ.

Vua Bệ-tứ nói:

— Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế, con chính là vua ấy vốn tên là Bệ-tứ.

Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế lại hỏi:

— Nay Vua Bệ-tứ, Vua đã có quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: “Không có đời sau, không có chúng sanh sinh ra”, thế thì do đâu

Vua lại sinh vào đây, trú trong cung điện Tòng Thọ Lâm Không nhỏ hẹp ở Tứ thiên vương này ?

Vua Bệ-tứ lại thưa:

— Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế, con vốn có quan niệm ấy, nhưng bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nếu Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế có xuống châu Diêm-phù, thì xin báo cùng khắp mọi người ở châu Diêm-phù hay rằng, nếu có bố thí, tu phước thì hãy chí tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, chí tín bố thí, biết có nghiệp, có nghiệp báo bố thí. Vì sao ? Vì muốn dùng để cho một ai hưởng phước báo như vua Bệ-tứ xứ Tư-hòa-đê nữa. Vua Bệ-tứ là vua bố thí, vì không chí tâm bố thí nên sanh vào cung điện Tòng Thọ Lâm Không nhỏ hẹp ở cõi Tứ thiên vương.

Bấy giờ Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế im lặng nhận lời. Sau đó, lúc Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế xuống châu Diêm-phù, rao cùng khắp cho mọi người ở châu Diêm-phù biết, phải chí tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, chí tín bố thí, biết có nghiệp, có nghiệp báo bố thí. Vì sao ? Vì muốn dùng để cho ai hưởng phước báo bố thí, như vua Bệ-tứ xứ Tư-hòa-đê nữa. Vua Bệ-tứ là vua bố thí mà vì

không chí tâm bố thí, nên sinh vào cung điện Tòng Thọ Lâm Không nhỏ hẹp ở cõi Tứ thiên vương.

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp thuyết như vậy, vua Bệ-tứ và các Phạm chí cư sĩ, xứ Tư-hòa-đề nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

VII. PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

1. Kinh Trường Thọ Vương Bốn Khởi
2. Kinh Thiên
3. Kinh Bát Niệm
4. Kinh Tịnh Bất Động Đạo
5. Kinh Úc-già-chi-la
6. Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử
7. Kinh Phạm Thiên Thỉnh Phật
8. Kinh Hữu Thắng Thiên
9. Kinh Ca-hi-na
10. Kinh Niệm Thân
11. Kinh Chi-li-di-lê
12. Kinh Trưởng Lão
Thượng Tôn Thủy Miên
13. Kinh Vô Thích
14. Kinh Chân Nhân
15. Kinh Thuyết Xứ

1. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỐN KHỞI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-su-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di đã nhiều lần cãi vã nhau. Do đó, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di rằng:

— Nay các Tỳ-kheo, các Thầy chớ cãi vã nhau.
Vì sao ?

*Hận thù diệt hận thù,
Không bao giờ chấm dứt,
Nhẫn nhục diệt hận thù,
Là pháp cao quý nhất.*

Vì sao ? Thuở xưa, có vua nước Câu-sa-la tên là Trường Thọ; lại có vua nước Da-xá tên là Phạm-ma-đạt-đa. Hai vị quốc vương này đã nhiều lần gây chiến với nhau. Bấy giờ quốc vương Phạm-ma-đạt-đa dấy bốn loại quân, là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy bốn loại quân, vua nước Da-xá, Phạm-ma-đạt-đa đích thân kéo quân đi, muốn gây chiến với Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la.

Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá vừa dấy bốn loại quân, là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; sau khi dấy bốn loại quân, nhà vua lại muốn đến giao chiến với mình. Vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la nghe vậy, cũng dấy bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy bốn loại quân, vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la đích thân xuất quân, dẫn đến tận biên giới, dàn trận giao chiến, tức thời đánh tan quân đối phương. Bấy giờ vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la bắt hết bốn loại quân của Phạm-ma-đạt-đa, là tượng quân, mã quân, xa quân, và bộ quân, lại bắt sống vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Da-xá, bắt xong, liền phóng thích, và nói với Phạm-ma-đạt-đa:

“— Ông là kẻ bị nguy khốn, nay ta tha cho, sau này chớ gây chiến nữa.”

Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá lại ba lần dấy bốn loại quân, là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau mỗi lần dấy bốn loại quân, nhà vua lại đích thân dẫn quân đến gây chiến với vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la.

Vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la nghe tin vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Da-xá lại dấy bốn loại quân, là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; sau khi dấy bốn loại quân nhà vua lại kéo đến gây chiến với mình. Vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la nghe vậy, liền nghĩ: “Ta đã đánh bại nó, cần gì đánh bại nữa ? Ta đã hàng phục nó, nó đâu đủ sức hàng phục ta ? Ta đã hại nó, cần gì hại nữa ? Ta chỉ cần một cây cung cũng đủ sức hàng phục nó”. Vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la nghĩ thế, nên an nhiên, không cần dấy bốn loại quân, là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; cũng không tự mình ra mặt trận. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Da-xá tiến quân đánh phá, bắt hết bốn loại quân của vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la, là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la nghe tin Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá đã tiến quân bắt hết bốn loại quân của mình, là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Nhà vua lại nghĩ rằng: “Chiến tranh là kỳ quái, chiến tranh

là tàn bạo. Vì sao ? Vì chiến thắng sẽ bị chiến thắng, chế phục sẽ bị chế phục, tàn hại sẽ bị tàn hại. Vậy nay ta hãy đơn thân dẫn một người vợ cùng đi một cỗ xe, chạy đến Ba-la-nại.” Rồi Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la đơn thân dẫn một người vợ, cùng đi một cỗ xe, chạy đến Ba-la-nại. Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la lại nghĩ: “Ta nay có lẽ nên từ thôn nầy qua thôn kia, từ ấp nầy qua ấp nọ, để cầu học rộng nghe nhiều.” Nghĩ như vậy, vua Trường Thọ liền từ thôn nầy qua thôn khác, từ ấp nầy qua ấp nọ để cầu học rộng nghe nhiều. Vì học rộng nghe nhiều, nên vua đổi tên khác là Trường Thọ Bác Sĩ.

Trường Thọ Bác Sĩ lại nghĩ: “Những gì đáng học, ta đã học rồi. Ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đến ở đường nầy hẻm kia, vẽ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được, sẽ vô cùng hoan hỷ và thấy vui thích !”. Nghĩ xong, Trường Thọ Bác Sĩ vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường nầy hẻm nọ, với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu, nên các nhà hào quý Ba-la-nại nghe được, đều hết sức hoan hỷ và lấy làm thỏa thích. Lúc ấy, các quyến thuộc của Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá, từ những người quyến thuộc xa đến những người quyến thuộc gần, rồi đến những người quyến thuộc gần hơn nữa và đến Phạm chí Quốc

sư, tất cả đều nghe. Khi nghe được, Phạm chí Quốc sư cho gọi Trường Thọ Bác Sĩ đến diện kiến.

Bấy giờ, Trường Thọ Bác Sĩ đi đến chỗ Phạm chí Quốc sư với vẻ mặt vui tươi, tấu lên âm thanh vi diệu. Sau khi nghe, Phạm chí Quốc sư rất hoan hỷ và lấy làm thỏa thích. Phạm chí Quốc sư nói với Trường Thọ Bác Sĩ:

“— Từ nay ông có thể nương tựa vào ta, ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.

Trường Thọ Bác Sĩ thưa:

“— Thưa Tôn giả, tôi còn có một người vợ, phải làm thế nào ?

Phạm chí Quốc sư nói với Bác Sĩ:

“— Ông có thể đem đến ở nhà ta, ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.”

Thế rồi, Trường Thọ Bác Sĩ dẫn vợ mình đến trú tại nhà Phạm chí Quốc sư. Phạm chí Quốc sư liền chu cấp đầy đủ. Một thời gian sau, vợ của Trường Thọ Bác Sĩ trong lòng rầu rĩ, nghĩ rằng: “Ước gì bốn loại quân trần, với đầy đủ nghi vệ tốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua; ta muốn xem cùng khắp và cũng muốn được uống nước mài dao.” Vợ

của Trường Thọ Bác Sĩ nghĩ vậy, liền nói với Trường Thọ Bác Sĩ:

“— Thiếp cảm thấy trong lòng rầu rĩ, đang nghĩ thế này: "Ước gì bốn loại quân trận, với đầy đủ nghi vệ, tuốt gương sáng loáng, từ từ đi qua, ta muốn xem cùng khắp, lại muốn được uống nước mài dao.

Trường Thọ Bác Sĩ nói với vợ rằng:

“— Khanh chớ nghĩ như vậy. Vì sao ? Chúng ta đã bị vua Phạm-ma-đạt-đa đánh bại. Khanh sẽ nhờ đâu mà được thấy bốn loại quân trận, với đầy đủ nghi vệ, tuốt gương sáng loáng, từ từ đi qua, để Khanh xem cùng khắp, và Khanh lại được uống nước mài dao ?

Bà vợ lại nói:

“— Thưa Tôn quân, nếu được như thế thì thiếp còn hy vọng sống; nếu không được như thế chắc chắn thiếp sẽ chết, không có gì nghi ngờ nữa.

Trường Thọ Bác Sĩ liền đến chỗ Phạm chí Quốc sư, đứng quay về phía Quốc sư, với vẻ mặt sâu thẳm, bằng tiếng ai oán mà tấu lên các khúc nhạc. Phạm chí Quốc sư nghe, lòng không được hoan hỷ. Bấy giờ Phạm chí Quốc sư mới hỏi:

“— Nay Bác Sĩ, trước Ông đứng quay về phía

ta với vẻ mặt vui tươi mà tấu lên âm thanh vi diệu. Nghe xong ta rất hoan hỷ, lấy làm vui thích. Nay vì sao Ông lại đứng quay về phía ta, với vẻ mặt sầu thảm, bằng âm thanh ai oán mà tấu lên khúc nhạc. Ta nghe không được hoan hỷ. Nay Trường Thọ Bác Sĩ, thân Ông không bệnh hoạn, ý Ông không sầu não chứ ?

Trường Thọ Bác Sĩ thưa:

“— Thưa Tôn giả, thân tôi không bệnh hoạn, nhưng ý tôi thì sầu não. Tôn giả, vợ tôi trong lòng rầu rĩ, đã nghĩ thế này: "Ta muốn bốn loại quân trận, với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua, ta muốn xem cùng khắp, lại cũng muốn được uống nước mài dao". Tôi liền bảo: "Khanh chớ nghĩ như thế. Vì sao ? Nay Ta như thế này, Khanh nhờ đâu mà được thấy bốn loại quân trận với đầy đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua, để Khanh xem cùng khắp, và lại được uống nước mài dao ?" Vợ tôi lại nói : "Thưa Tôn quân, nếu được như thế, thì thiếp còn hy vọng sống; nếu không được như thế thì chắc chắn thiếp sẽ chết, không còn nghi ngờ gì nữa." Thưa Tôn giả, nếu vợ tôi mà không toàn mạng, thì tôi sao nữa ?

Phạm chí Quốc sư hỏi rằng:

“— Này Bác Sĩ, ta có thể gặp được vợ Ông chăng ?

“— Thưa Tôn giả, có thể được.”

Thế rồi, Phạm chí Quốc sư cùng với Trường Thọ Bác Sĩ đến chỗ bà vợ của Bác Sĩ. Bấy giờ vợ của Trường Thọ Bác Sĩ mang thai đứa con có đức. Phạm chí Quốc sư thấy vợ của Trường Thọ Bác Sĩ mang thai đứa con có đức, nên quì gối bên phải xuống đất, chấp tay hướng về vợ của Bác Sĩ khen ba lần rằng: “Sẽ sanh vua nước Câu-sa-la ! Sẽ sanh vua nước Câu-sa-la ! Sẽ sanh vua nước Câu-sa-la !”

Ông lại ra lệnh cho tả hữu: “Chớ cho ai biết.” Phạm chí Quốc sư nói tiếp:

“— Này Bác Sĩ, Ông chớ ưu sầu. Ta sẽ cho vợ Ông thấy được bốn loại quân, với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua và cũng được uống nước mài dao.

Rồi Phạm chí Quốc sư đi đến chỗ Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá, đến xong, thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, nên biết cho rằng, có vì sao Hữu đức xuất hiện. Mong Thiên vương cho dàn bốn loại quân trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễn hành, và biểu dương quân

uy bằng nước mài dao, mong Thiên vương đích thân thị sát. Tàu Thiên vương, nếu làm được như vậy thì chắc chắn có báo ứng tốt.

Vua nước Da-xá Phạm-ma-đạt-đa liền ra lệnh cho tướng quân:

“— Nay Khanh, nên biết, có vì sao Hữu đức xuất hiện. Khanh hãy tức khắc dàn bốn quân trận, với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễn hành, biểu dương quân uy với nước mài dao. Ta sẽ đích thân quan sát, nếu làm được như vậy, thì chắc chắn có báo ứng tốt.

Bấy giờ tướng quân tuân lệnh vua, dàn bốn loại quân trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễn hành, biểu dương quân uy với nước mài dao. Phạm-ma-đạt-đa liền đích thân thị sát. Nhờ đó, vợ của Trường Thọ Bác Sĩ thấy được bốn loại quân trận, với đầy đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễn hành, biểu dương quân uy và cũng được uống nước mài dao. Sau khi uống nước mài dao, sáu năm liền tiêu, tiếp đến hạ sanh người con có đức, bèn đặt tên tự là Trường Sanh Đông Tử, gọi gấm người khác bí mật nuôi nấng, lặn hời lớn khôn. Nếu các vị vua Sát-lợi Đảnh Sanh chinh trị thiên hạ với một quốc độ lớn, có đủ các tài nghệ như cỡi voi, cỡi

ngựa, điều khiển phi nhanh, chơi bắn cung, đánh bằng tay, ném móc, ném câu, dong xe, ngồi kiệu; các thứ tài nghệ tuyệt diệu như thế, Trường Sanh đồng tử đều biết thành thạo. Dù bất cứ loại xảo diệu nào, nếu Trường Thọ đụng đến, là vượt hẳn mọi người, dững mãnh và cương nghị hơn đời, thông minh xuất chúng, bao nhiêu điều bí ẩn sâu xa, không có điều gì là không thông suốt.

Lúc ấy, Phạm-ma-đạt-đa nghe tin Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la đổi tên là Bác Sĩ và đang ở thành Ba-la-nại, liền ra lệnh cho tả hữu:

“— Các khanh hãy cấp tốc đến bắt Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, trói thúc ké hai tay, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết, rồi dẫn ra khỏi cửa thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao mà cật vắn.

Cận thân tả hữu vâng lệnh, liền đến bắt Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, trói hai tay ra đằng sau, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết, rồi dẫn ra cửa thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao, rồi cật vắn. Lúc ấy Trường Sanh Đồng Tử đi theo cha lúc bên trái, lúc bên phải và thưa với cha:

“— Thiên vương chó sợ, Thiên vương chó sợ.

Có con ở đây, chắc chắn cứu được, chắc chắn cứu được.

Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la bảo con:

“— Đồng Tử nên nhẫn, Đồng Tử nên nhẫn. Chớ khởi oán kết mà phải nên thực hành nhân từ.

Mọi người nghe vua Trường Thọ nói như vậy liền hỏi:

“— Như vậy, Vua muốn nói những gì ?

Nhà vua trả lời:

“— Đồng Tử này thông minh, chắc chắn hiểu lời ta nói.

Lúc bấy giờ Trường Sanh Đồng Tử khuyến khích những gia đình hào quý trong thành Ba-la-nại rằng:

“— Chư vị, hãy bố thí, tu phước mà chú nguyện cho Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la; hãy đem phước thí ấy mà cầu cho vua Trường Thọ nước Câu-sa-la được an ổn, giải thoát.”

Bấy giờ, các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại theo lời khuyến khích của Trường Sanh Đồng Tử, bố thí, tu phước, chú nguyện cho vua Trường Thọ

nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy cầu cho vua Trường Thọ được an ổn, giải thoát.

Vua nước Da-xá, Phạm-ma-đạt-đa nghe các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại nầy bố thí, tu phước, chú nguyện cho vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy cầu cho vua Trường Thọ được an ổn, giải thoát thì vô cùng sợ hãi, tóc lông dựng đứng, nghĩ rằng: “Những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại nầy phản lại ta chẳng ? Nhưng hãy gác lại việc kia, nay trước tiên ta phải cấp tốc tiêu diệt người nầy.”

Rồi vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá, hạ lệnh cho tả hữu:

“— Các Khanh hãy cấp tốc đi giết vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la, chặt ra làm bảy đoạn.

Cận thân tả hữu tuân lệnh, liền đi giết vua Trường Thọ, chặt làm bảy đoạn. Bấy giờ, Trường Sanh Đồng Tử nói với các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại:

“— Các vị xem đây, vua nước Da-xá, Phạm-ma-đạt-đa tàn ác vô đạo. Nó bắt cha ta, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội; nó lại cướp đoạt kho tàng tài sản của nước ta, vì thù hận cay độc mà giết người, chặt làm bảy đoạn một cách oan uổng. Các Vị, nên đến dùng lựa mới, quần nhiều lớp bọc kín thì

hài bảy đoạn, liệm cho cha ta, dùng tất cả các cây hương thơm, chất đồng để hỏa táng và lập miếu đường mà thờ. Các vị nên vì cha ta mà gửi thư cho Phạm-ma-đạt-đa và nói rằng: "Trường Sanh Đồng Tử vua nước Câu-sa-la bảo cho Vua biết, Vua không sợ sau này con cháu gieo họa cho chăng?"

Rồi thì, những nhà hào quý ở thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sanh Đồng Tử, dùng lụa mới xếp nhiều lớp để liệm thi hài bảy đoạn ấy, dùng các loại cây hương thơm chất đồng, hỏa táng, rồi lập miếu mà thờ, và cũng làm thơ gửi cho Phạm-ma-đạt-đa, nói rằng: "Trường Sanh Đồng Tử, vua nước Câu-sa-la bảo rằng: "Vua không sợ sau này bị con cháu gieo họa cho chăng?""

Bấy giờ vợ của vua Trường Thọ nói với Trường Sanh Đồng Tử:

"— Con nên biết, vua nước Da-xá, Phạm-ma-đạt-đa này là kẻ bạo tàn, vô đạo, bắt cha Con là vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước Con, lại vì thù hận cay độc giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Nay Đồng Tử, Con hãy đến đây cùng ta cỡi một chiếc xe, chạy ra khỏi Ba-la-nại; nếu không đi thì tai họa sẽ đến với Con."

Thế rồi vợ của Trường Thọ cùng với Trường Sanh Đồng Tử cỡi một chiếc xe, chạy ra khỏi Ba-la-nại. Bấy giờ Trường Sanh Đồng Tử nghĩ rằng: “Ta nên đến thôn này, qua thôn kia để cầu học rộng nghe nhiều.” Nghĩ xong, Trường Sanh Đồng Tử liền đi từ thôn này qua thôn kia để cầu học rộng nghe nhiều. Sau khi đã học rộng nghe nhiều, liền đổi tên khác là Trường Sanh Bác Sĩ. Trường Sanh Bác Sĩ lại nghĩ: “Điều cần học, ta đã học xong, có lẽ ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt tươi cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được, sẽ hoan hỷ và cảm thấy vui thích.” Nghĩ vậy, Trường Sanh Bác Sĩ liền vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt vui cười, tấu lên âm thanh vi diệu. Các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được, hoan hỷ vô cùng và cảm thấy vui thích.

Bấy giờ, các quyền thuộc của Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá từ quyền thuộc xa, đến quyền thuộc gần, và đến quyền thuộc gần hơn nữa, cho đến Phạm chí Quốc sư, lần hồi thấu đến Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá nghe xong, liền gọi vào diện kiến. Thế rồi, Trường Sanh Bác Sĩ đi đến chỗ Phạm-ma-đạt-đa, đứng quay về phía nhà vua, với vẻ mặt tươi cười, tấu lên bằng âm thanh vi diệu. Vua Phạm-

ma-đạt-đa, nước Da-xá nghe như thế, hoan hỷ vô cùng, lấy làm vui thích. Rồi vua nước Da-xá, Phạm-ma-đạt-đa nói với Bác Sĩ rằng:

“— Từ nay Khanh có thể nương tựa vào ta, ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.”

Khi ấy, Trường Sanh Bác Sĩ nương tựa vào nhà vua. Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá cung cấp đầy đủ, về sau, lại hết lòng tín nhiệm, giao phó công việc, đem kiểm hộ thân trao cho Trường Sanh Bác Sĩ. Bấy giờ, Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá bảo người đánh xe:

“— Người hãy sửa soạn xa giá, ta muốn đi săn bắn.

Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, trở lại tâu rằng:

“— Con đã sửa soạn xa giá xong, xin theo ý Thiên vương.”

Thế rồi, vua nước Da-xá, Phạm-ma-đạt-đa và Trường Sanh Bác Sĩ cùng ngồi cỗ xe ra đi. Trường Sanh Bác Sĩ nghĩ rằng: “Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá tàn bạo, vô đạo. Nó bắt cha ta, vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la, là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của ta, và vì thù hận sâu độc mà

giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Nay ta nên đánh xe tách khỏi bốn loại quân, đi đến một nơi khác.” Nghĩ vậy, Trường Sanh Bác Sĩ liền đánh xe tách ra bốn loại quân, đi đến một nơi khác.

Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Da-xá vất vả, trải qua con đường lầy lội, gió nóng bức bách, lo âu, khát nước, mệt nhọc quá đỗi nên muốn nằm, liền xuống xe, gối vào đầu gối của Trường Sanh Bác Sĩ mà ngủ.

Trường Sanh Bác Sĩ nghĩ rằng: “Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá, tàn bạo, vô đạo. Nó bắt cha ta, vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng tài sản của nước ta, và vì thù hận cay độc mà giết người, chặt ra làm bảy đoạn một cách oan uổng. Thế mà ngày nay nó đã nằm trong tay ta, ta phải báo oán.” Trường Sanh Bác Sĩ nghĩ như vậy liền tuốt gươm bén, dí vào cổ Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá mà nói rằng: “Nay ta sẽ giết Ngươi, nay ta sẽ giết Ngươi.” Trường Sanh Bác Sĩ lại nghĩ: “Ta làm không đúng. Vì sao ? Nhớ lại ngày trước ngồi dưới cây nêu cao, vào phút sắp lâm chung, cha ta đã bảo ta rằng: “Đồng Tử hãy nhẫn, Đồng Tử hãy nhẫn, chớ khởi oán kiết mà phải thực hành nhân từ.” Nhớ lại như vậy, Bác Sĩ bèn thu gươm tra vào vỏ. Trống lúc đó, vua Phạm-ma-đạt-đa,

nước Da-xá mộng thấy Trường Sanh Đông Tử, con vua Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la, tay cầm gươm bén, dí vào cổ mình mà nói rằng: "Nay ta sẽ giết Ngươi, nay ta sẽ giết Ngươi." Thấy vậy, nhà vua sợ hãi, tóc lông dựng đứng, kinh hoàng chột tỉnh, nói với Trường Sanh Bác Sĩ:

"— Ngươi nên biết, ta ở trong mộng, thấy Trường Sanh Đông Tử, con vua Trường Thọ, nước Câu-sa-la, tay cầm kiếm bén, dí vào cổ ta và nói rằng: "Nay ta giết Ngươi, nay ta giết Ngươi."

Nghe xong, Trường Sanh Đông Tử thưa rằng:

"— Thiên vương chớ sợ, Thiên vương chớ sợ. Vì sao ? Trường Sanh Đông Tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la chính là thân đây. Tâu Thiên vương, thân nghĩ rằng: "Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá, bạo tàn, vô đạo, bắt cha ta, một người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản nước ta, và vì thù hận cay độc mà giết cha ta, chặt người ra làm bảy đoạn một cách oan uổng. Nay chính nó đã nằm trong tay ta, ta nghĩ phải báo oán." Tâu Thiên vương, thân liền rút gươm dí vào cổ Thiên vương và nói rằng: "Nay ta giết Ngươi, nay ta giết Ngươi." Tâu Thiên vương, thân lại nghĩ rằng: "Ta làm không đúng. Vì sao ? Nhớ ngày trước, ngồi dưới cây nêu

cao, vào phút sắp lâm chung, cha ta đã bảo ta rằng: **Đổng Tử hãy nhẫn, Đổng Tử hãy nhẫn, chớ khởi oán kiết, mà phải thực hành nhân từ.**" Nhớ lại như vậy, nên thân cất gươm vào vỏ."

Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá nói:

"— Này Đổng Tử, Khanh nói rằng : "Đổng Tử hãy nhẫn, Đổng Tử hãy nhẫn", ta đã rõ nghĩa ấy. Nhưng Đổng Tử lại nói "Chớ khởi oán kiết mà phải thực hành nhân từ" là nghĩa thế nào ?"

Trường Sanh Đổng Tử đáp:

"— Tâu Thiên vương, "Chớ khởi oán kiết mà phải thực hành nhân từ" chính là như vậy.

Nghe xong, vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá nói:

"— Này Đổng Tử, từ ngày hôm nay, ta đem đất nước mà ta đang thống lãnh trao hết cho Khanh, bốn quốc của thân phụ Khanh giao hoàn lại cho Khanh. Vì sao ? Vì Khanh đã làm một việc quá khó, là ban ân huệ cho mạng sống của ta.

Trường Sanh Đổng Tử nghe vậy, liền thưa:

"— Bốn quốc của Thiên vương thì thuộc về Thiên vương. Bốn quốc của thân phụ hạ thần thì mới có thể giao hoàn.

Bấy giờ, Phạm-ma-đạt-đa, vua nước Da-xá cùng với Trường Sanh Đông Tử lên xe, trở về. Vào thành Ba-la-nại, ngồi trên chánh điện, vua bảo các cận thân:

“—Này các Khanh, nếu bắt gặp Trường Sanh Đông Tử, con vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, thì các Khanh sẽ xử sự như thế nào ?

Cận thân nghe vậy, có người tâu rằng:

“— Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó, tôi sẽ chặt tay nó.

Có người lại tâu:

“— Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì tôi chặt chân nó.

“— Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì giết nó.

Vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Da-xá nói rằng:

“— Các Khanh muốn gặp Trường Sanh Đông Tử, con Trường Thọ nước Câu-sa-la, thì ở đây này. Các Khanh chớ khởi ác ý với Đông Tử này. Vì sao ? Vì Đông Tử đã làm một việc hết sức khó, là đã tha mạng cho ta.”

Thế rồi, vua Phạm-ma-đạt-đa, nước Da-xá dùng nước tắm của vua, tắm gọi cho Trường Sanh Đông

Tử, cho thoa bằng bột hương của vua, cho mặc bằng y phục của vua, mời ngồi ngự sàng bằng vàng, cho vợ con trở về bốn quốc.

Này các Tỳ-kheo, quốc vương Sát-lợi Đánh Sanh ấy làm chủ đại quốc, chinh trị thiên hạ, tự thực hành hạnh nhẫn nhục, lại xưng tán hạnh nhẫn nhục, tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm, tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ. Này các Tỳ-kheo, các Thầy cũng nên như vậy, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, nên thực hành hạnh nhẫn nhục, lại xưng tán hạnh nhẫn nhục, tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm, tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật thuyết, có vị bạch rằng:

— Thế Tôn là Pháp chủ, nay mong Thế Tôn cứ ở yên vậy. Vị ấy nói xấu con, con làm sao không nói xấu vị ấy được ?

Lúc ấy, đức Thế Tôn không vui về việc làm của các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di, với những oai nghi, lễ tiết mà họ đã học tập. Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói bài tụng:

*Với bao nhiêu lời nói,
Phá hoại chúng Tối tôn;*

Khi phá hoại Thánh tăng,
Không ai khiển trách nổi.
Nát thân và mất mạng,
Cướp đoạt voi, ngựa, trâu,
Tài sản và quốc gia;
Họ còn hay hòa thuận.
Hưởng Thấy, vài tiếng cãi,
Sao không chịu thuận hòa ?
Không suy chân nghĩa xa,
Oán kiết làm sao giải ?
Mạ ly, trách nhau mãi,
Nhưng hay biết thuận hòa,
Nếu suy chân nghĩa xa,
Oán kiết tất giải được.
Thù hận dứt thù hận,
Đời nào dứt cho xong ?
Nhấn nhục dứt thù hận,
Đó là pháp tối thượng.
Sân với bậc thượng trí,
Miệng toàn lời si mê,
Phỉ báng Thánh Mâu-ni,
Thấp hèn không chút huệ.
Người khác không rõ nghĩa,
Riêng Ta biết mà thôi.
Nếu ai rõ nghĩa được
Người này dứt sân nhuế.

Ai có định làm bạn,
Kẻ trí, cùng tu thiện,
Xả ý chấp xưa kia,
Hoan hỷ thường tùy thuận.
Không có định làm bạn,
Kẻ trí, riêng tu thiện,
Như vua trị nước nhà,
Như voi lẻ rừng vắng.
Độc hành, chớ tạo ác,
Như voi lẻ rừng sâu;
Độc hành là hay nhất,
Đừng cùng kẻ vô đức,
Học, không gặp bạn tốt,
Không cùng ai ngang mình,
Hãy kiên tâm cô độc,
Đừng cùng kẻ vô đức.

Lúc đức Thế Tôn thuyết bài tụng này xong,
Ngài dùng như ý túc cõi hư không mà đi đến thôn
Bà-la-lâu-la.

Ở thôn Bà-la-lâu-la, có Tôn giả Bà-cửu, Thích
gia tử ngày đêm không ngủ, tinh cần hành đạo, chí
hành, thường định tĩnh, an trú trong đạo phẩm. Tôn
giả Thích gia tử từ xa trông thấy đức Phật đi đến;
khi đã trông thấy, liền ra nghinh tiếp, đỡ lấy y bát
của Ngài, trải giường, múc nước rửa chân. Đức Phật

rửa chân xong, ngồi lên chỗ ngồi của Thích gia tử Bà-cửu. Ngồi xong, Ngài nói:

— Nay Tỳ-kheo Bà-cửu, Thầy thường an ổn, không hề mệt mỏi chẳng ?

Tôn giả Thích gia tử Bà-cửu trả lời:

— Bạch đức Thế Tôn, con đường an ổn, không có mệt mỏi.

Đức Thế Tôn lại hỏi Tỳ-kheo Bà-cửu:

— Thế nào là an ổn, không mệt mỏi ?

Tôn giả Bà-cửu đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, con ngày đêm không ngủ, tinh tấn hành đạo, chí hành thường định tĩnh, an trú vào đạo phẩm. Bạch đức Thế Tôn, như vậy con thường an ổn, không có mệt mỏi.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Thiện nam tử này sống cuộc đời an lạc, Ta nay nên thuyết pháp cho y.” Nghĩ vậy, Ngài liền thuyết pháp cho Tôn giả Bà-cửu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho vị ấy. Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến rừng Hộ Tụ. Vào rừng Hộ Tụ, đến dưới gốc cây, Ngài trải ni-su-dàn ngồi kiết-già. Đức Thế Tôn lại nghĩ rằng:

“Ta đã thoát được nhóm Tỳ-kheo ở Câu-xá-di kia, một nhóm luôn luôn tranh chấp nhau, chèn ép nhau, thù nghịch nhau, giận hờn nhau, cãi vã nhau. Ta không hoan hỷ nghĩ đến phương ấy, nơi mà nhóm Tỳ-kheo Câu-xá-di đang trú.”

Ngay lúc đó, có một con voi lớn, là chúa của đàn voi, tách rời đàn, đi một mình, cũng đến rừng Hộ Tự. Vào rừng Hộ Tự, nó đến dựa vào cây hiên-ta-la, đứng bên cây hiên-ta-la. Khi ấy voi lớn nghĩ rằng: “Ta đã thoát được bọn voi kia, voi cha, voi mẹ, voi con lớn nhỏ. Bọn voi ấy thường đi trước, dẫm lên cỏ, làm vấy bẩn nước. Ta bấy giờ ăn cỏ bị dẫm đạp ấy, uống nước vẩn đục kia. Nay ta ăn cỏ mới, uống nước trong.”

Lúc ấy đức Thế Tôn bằng tha tâm trí, biết được ý nghĩ trong lòng con voi lớn kia, liền nói bài tụng:

*Một voi với đàn voi,
Cũng vốc, ngà, chân đủ.
Đem tâm so các tâm,
Rừng sâu vui độc trú.*

Khi đó đức Thế Tôn từ rừng Hộ Tự, mang y bát đi đến rừng Bàn-na-mạn-xà-tự. Bấy giờ, có ba thiện nam tử trú ở trong rừng Bàn-na-mạn-xà-tự là

Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đê, Tôn giả Kim-tỳ-la. Các Tôn giả ấy sống như vậy:

Nếu ai khát thực trở về trước thì trải giường, múc nước, để sẵn chậu rửa chân, đặt sẵn đòn rửa chân và khăn lau chân, lu nước uống và ghè nước rửa tay. Nếu những gì khát thực có thể dùng hết, thì dùng hết, nếu còn dư, đổ vào hũ đầy kín và cất đi, ăn xong, dọn bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, vào phòng tĩnh tọa. Ai khát thực về sau, nếu dùng hết thì dùng, nếu thiếu, thì lấy đồ ăn khát thực còn lại của người trước mà dùng cho đủ, nếu dư, thì đổ xuống đất sạch, hay nước không có trùng, rồi đem bình bát rửa sạch, lau khô và cất vào một góc, thu dọn giường chiếu, dẹp đòn rửa chân, cất khăn lau chân, cất chậu rửa chân và lu nước uống, ghè nước rửa tay, quét dọn nhà ăn. Sau khi rửa sạch những đồ như bồn ấy thấm xếp y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, vào phòng tĩnh tọa. Đến lúc xế trưa, các Tôn giả ấy, nếu có vị nào từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy trước, thấy lu nước uống và ghè nước rửa tay trống rỗng, không có nước, thì mang đi lấy nước. Nếu xách về nổi, thì xách đến để vào một góc, nếu xách không nổi thì lấy tay vẩy một vị Tỳ-kheo nữa, mỗi người khiêng một bên, không ai nói chuyện với nhau, cũng không được hỏi

han gì nhau. Các Tôn giả ấy cứ năm ngày tụ tập một lần, cùng bàn về pháp và im lặng theo pháp bậc Thánh.

Bấy giờ, người giữ rừng trông thấy đức Thế Tôn từ xa đi đến, bèn đón và ngăn rằng:

— Sa-môn, Sa-môn, chớ vào rừng này. Vì sao ? Nay trong rừng này có ba thiện nam tử . Đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đê và Tôn giả Kim-tỳ-la. Các vị ấy trông thấy Sa-môn, chắc họ không vừa ý.

Đức Thế tôn bảo:

— Nay Người giữ rừng, các vị kia nếu thấy Ta, chắc chắn không có gì không vừa ý.

Ngay lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà, từ xa trông thấy đức Thế Tôn đi đến, liền quở trách người kia:

— Nay Người giữ rừng, chớ ngăn đức Thế Tôn. Nay Người giữ rừng, chớ ngăn đức Thiện Thệ. Vì sao ? Đó là bậc Tôn Sư của ta đi đến, đó là đấng Thiện Thệ của ta đi đến.

Tôn giả A-na-luật-đà ra nghinh đón đức Thế Tôn, đỡ y bát của Ngài, Tôn giả Nan-đê trải giường cho đức Phật, Tôn giả Kim-tỳ-la lấy nước cho Ngài.

Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi rửa tay chân, ngồi vào chỗ mà Tôn giả ấy đã trải. Ngồi xong, Ngài hỏi:

— Này A-na-luật-đà, Thấy thường an ổn, không mỏi mệt chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không có mỏi mệt.

Đức Thế Tôn lại hỏi A-na-luật-đà:

— An ổn, không mỏi mệt như thế nào ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng, con có thiện lợi, có công đức lớn, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch đức Thế Tôn, con thường thực hành từ thân nghiệp đối với các vị đồng phạm hạnh, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau, không khác, thực hành từ khẩu nghiệp, thực hành ý nghiệp, trước mặt hay vắng mặt, đều như nhau, không khác. Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng: “Nay ta có thể tự xả bỏ tâm mình, tùy thuận tâm chư Hiền.” Bạch đức Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm mình, tùy thuận tâm chư Hiền. Bạch đức Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là

không vừa lòng. Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không có mỗi mệt như thế.

Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Nan-đê, Tôn giả cũng đáp như thế. Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la:

— Thầy thường an ổn, không mệt mỗi chẳng ?

Tôn giả Kim-tỳ-la đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không mệt mỗi.

— Nay Kim-tỳ-la, an ổn, không mệt mỗi như thế nào ?

Tôn giả Kim-tỳ-la đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng, con có thiện lợi, có công đức lớn, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch đức Thế Tôn, con thường thực hành từ nơi thân nghiệp đối với các vị đồng phạm hạnh trước mặt hay vắng mặt đều như nhau, không khác, thực hành từ khẩu nghiệp, thực hành từ ý nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau, không khác. Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng: “Nay ta có thể tự xả bỏ tâm mình, tùy thuận tâm chư Hiền.” Bạch đức Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm mình, tùy thuận tâm chư Hiền. Bạch đức Thế Tôn, con chưa từng có một điều

nào là không vừa lòng. Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không có mệt mỏi như thế.

Đức Thế Tôn tán thán:

— Lành thay, lành thay ! Này A-na-luật-dà, như thế các Thầy thường cùng nhau hòa hợp, an lạc, không tranh cãi, cùng hiệp nhất trong một tâm, chung một thấy, như nước với sữa và đối với pháp thượng nhơn có sai sót gì trong sự chứng trú, an lạc chăng ?

Tôn giả A-na-luật-dà bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, chúng con thường cùng nhau hòa hợp an lạc, không tranh cãi, cùng hợp nhất trong một tâm, chung một thấy, như nước với sữa, và đối với sự chứng đắc pháp thượng nhơn có sai sót trong sự chứng trú, an lạc. Bạch đức Thế Tôn, chúng con được ánh sáng liền thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền biến mất.

Đức Thế Tôn nói rằng:

— Này A-na-luật-dà, các Thầy không thấu triệt được tướng ấy là tướng được ánh sáng mà thấy sắc và ánh sáng thấy sắc ấy liền biến mất.

Này A-na-luật-dà, thuở xưa, lúc Ta chưa đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chơn, cũng được ánh

sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng thấy sắc ấy cũng liền biến mất. Nay A-na-luật-đà, Ta nghĩ: “Trong tâm Ta có sai lầm gì khiến cho Ta mất định mà nhân diệt ? Nhân diệt rồi thì ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.” Nay A-na-luật-đà, Ta tu hành tinh tấn, không biếng nhác, thân tĩnh chỉ, an trú, có chánh niệm, chánh trí, không có ngu si, được định tĩnh, nhất tâm. Nay A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: “Ta tu hành tinh tấn, không biếng nhác, thân tĩnh chỉ, an trú, có chánh niệm, chánh trí, không có ngu si, được định tĩnh, nhất tâm. Hay là trong đời không có gì để Ta có thể thấy, có thể biết chăng ?” Trong tâm Ta sanh cái lỗi hoài nghi ấy. Nhơn lỗi của hoài nghi ấy nên mất định mà nhân diệt. Nhân diệt rồi ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền biến mất.

Nay A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên có cái lỗi hoài nghi.” Nay A-na-luật-đà, vì Ta muốn không sanh khởi lỗi lầm này, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên Ta được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Nay A-na-luật-đà, Ta

lại nghĩ “Trong tâm Ta có lỗi lầm nào khiến Ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta đã chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.” Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: “Trong tâm Ta sanh cái lỗi không ghi nhớ. Nhơn cái lỗi không ghi nhớ này nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.”

Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi lầm hoài nghi, cũng không sanh cái lỗi không ghi nhớ.” Nay A-na-luật-đà, Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm này, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhơn sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên được ánh sáng mà thấy sắc. Nhưng ánh sáng thấy sắc ấy cũng liền tiêu diệt. Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.” Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta sanh cái lỗi tưởng thân bệnh. Nhơn cái lỗi về tưởng thân bệnh này, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi,

ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt.”

Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi nghi hoặc, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, cũng không nên sanh cái lỗi về tướng thân bệnh.” Này A-na-luật-đà, Ta muốn không sanh khỏi những lỗi lầm đó nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhon sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên được ánh sáng mà thấy sắc. Nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì, khiến Ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt.” Này A-na-luật-đà, Ta lại ghi rằng “Trong tâm Ta sanh cái lỗi lầm về ngủ nghỉ. Nhon cái lỗi lầm về ngủ nghỉ này nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt.”

Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi nghi hoặc, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tướng thân bệnh cũng không nên sanh cái lỗi

về ngủ nghỉ.” Nay A-na-luật-đà, Ta muốn không nên sanh khỏi những lỗi lầm đó, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhon sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc liên diệt. Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn thức ? Nhãn diệt rồi ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt.” Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta sanh cái lỗi lầm về tinh tấn thái quá. Nhon cái lỗi lầm về tinh tấn thái quá này nên mất định mà diệt nhãn thức, nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt.” Nay A-na-luật-đà, cũng giống như người lực sĩ bắt con ruồi quá gấp, nên con ruồi phải chết. Như vậy A-na-luật-đà, trong tâm Ta sinh lỗi lầm về tinh cần thái quá. Nhon tai họa về tinh cần thái quá này, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt.

Nay A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi nghi hoặc, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về

tuồng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về ngủ nghỉ, cũng không nên sanh cái lỗi về tinh tấn thái quá." Nay A-na-luật-đà, Ta muốn không sanh khỏi những lỗi lầm đó, nên sống một mình nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhơn sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt." Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh lỗi lầm về biếng nhác thái quá. Nhơn lỗi lầm về sự biếng nhác thái quá này, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt." Nay A-na-luật-đà, cũng như người lực sĩ bắt con ruồi quá chậm, nên ruồi bay mất. Nay A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh cái lỗi về biếng nhác thái quá. Nhơn cái lỗi về biếng nhác thái quá này, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.

Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi về nghỉ, không nên

sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tướng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi ngủ nghỉ, không nên sanh cái lỗi về tinh cần thái quá, cũng không nên sanh cái lỗi về biếng nhác thái quá.” Nay A-na-luật-đà, Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm đó, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Như sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.” Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta có cái lỗi sợ hãi. Như cái lỗi sợ hãi này, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.” Nay A-na-luật-đà, cũng như người đang đi trên đường, bốn phía có giặc thù đến; người ấy trông thấy thì khiếp sợ, hãi hùng, tóc lông dựng đứng. Cũng như vậy, nay A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh cái lỗi sợ hãi. Như cái lỗi sợ hãi đó, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.

Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi về nghi, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tướng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về ngủ nghỉ, không nên sanh cái lỗi về tinh cần thái quá, không nên sanh cái lỗi về biếng nhác thái quá, cũng không nên sanh cái lỗi về sợ hãi.” Này A-na-luật-đà, Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm đó, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhơn sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà trước kia Ta đạt được, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.” Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì, khiến Ta mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt ?” Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta sanh lỗi lầm về vui mừng. Nhơn lỗi lầm về vui mừng này, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.”

Này A-na-luật-đà, cũng như người vốn mong cầu một kho báu, bỗng được bốn kho báu, người ấy trông thấy liền sanh vui mừng. Cũng như vậy, này A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh cái lỗi của vui mừng. Nhơn cái lỗi của vui mừng này, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.

Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh khởi cái lỗi nghi hoặc, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tướng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về ngủ nghỉ, không nên sanh cái lỗi về siêng năng thái quá, không nên sanh cái lỗi về biếng nhác thái quá, không nên sanh cái lỗi về sợ hãi, cũng không nên sanh cái lỗi về vui mừng.” Này A-na-luật-đà, Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm đó, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhơn sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh

sáng để thấy sắc ấy liên diệt.” Nay A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta sanh cái lỗi tự cao. Nhon cái lỗi về tâm tự cao này, nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt.”

Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi về nghi ngờ, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tưởng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về ngủ nghỉ, không nên sanh cái lỗi về siêng năng thái quá, không nên sanh cái lỗi về biếng nhác thái quá, không sanh cái lỗi về sợ hãi, không nên sanh cái lỗi về vui mừng, không nên sanh cái lỗi về tâm tự cao.” Nay A-na-luật-đà, Ta không muốn sanh khỏi những lỗi lầm đó, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhon sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt. Nay A-na-luật-đà, Ta lại suy nghĩ: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta đã chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liên diệt.” Nay A-na-luật-đà, Ta lại suy nghĩ: “Trong tâm Ta sanh

ra lỗi lầm về một số tướng nào đó, mà Ta mất định, nhãn diệt. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.

Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi nghi ngờ, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tướng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về ngũ nghĩ, không nên sanh cái lỗi quá siêng năng, không nên sanh cái lỗi quá biếng nhác, không nên sanh cái lỗi sợ hãi, không nên sanh cái lỗi về vui mừng, không nên sanh cái lỗi về tâm tự cao, không nên sanh cái lỗi về một số tướng nào đó.” Này A-na-luật-đà, Ta muốn không khởi những lỗi lầm này, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tinh cần không phóng dật. Do sống một mình tại nơi xa vắng, tinh cần không phóng dật, liền được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại suy nghĩ: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn ? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt ?” Này A-na-luật-đà, Ta lại suy nghĩ: “Trong tâm Ta sanh cái lỗi không quán sắc. Nhân cái lỗi không quán sắc này mà mất định, nhãn diệt. Nhãn diệt rồi, ánh

sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt.”

Này A-na-luật-đà, rồi Ta suy nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi về nghi ngờ, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tướng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về ngủ nghỉ, không nên sanh cái lỗi quá tinh cần, không nên sanh cái lỗi quá biếng nhác, không nên sanh cái lỗi quá sợ hãi, không nên sanh cái lỗi quá vui mừng, không nên sanh cái lỗi về tâm tự cao, không nên sanh cái lỗi về một số tướng nào đó, không nên sanh cái lỗi không quán sắc.” Này A-na-luật-đà, Ta muốn không khởi những lỗi lầm đó, nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, liền được ánh sáng mà thấy sắc.

Này A-na-luật-đà, nếu tâm Ta sanh cái lỗi về nghi ngờ, thì đối với lỗi lầm ấy, tâm được thanh tịnh; lỗi lầm về không ghi nhớ, tướng thân bệnh, ngủ nghỉ, tinh cần thái quá, biếng nhác thái quá, sợ hãi, vui mừng, tâm tự cao, một số tướng nào đó và lỗi lầm về tâm không quán sắc; đối với những lỗi lầm đó, tâm đều được thanh tịnh.

Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: “Ta phải tu học

ba Định, là tu học về Định có giác có quán, tu học về Định không giác ít quán và tu học về Định không giác không quán.”

Này A-na-luật-đà, Ta liền tu học về ba Định, là tu học về Định có giác có quán, tu học về Định không giác ít quán và tu học về Định không giác không quán.

Nếu Ta tu học về Định có giác có quán, thì tâm liền thuận hướng Định không giác ít quán. Như vậy, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Như vậy, này A-na-luật-đà, khi Ta đã biết như thế rồi, suốt ngày suốt đêm, suốt đêm suốt ngày, Ta tu học về Định có giác có quán. Này A-na-luật-đà, lúc bảy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về Định có giác có quán, tâm liền thuận hướng đến Định không giác không quán. Như vậy, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Này A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm, tu học về Định có giác có quán. Này A-na-luật-đà, bảy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về Định không giác ít quán, tâm liền thuận hướng đến Định có giác có quán. Như vậy, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Này A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế

rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm, tu học về Định không giác ít quán. Nay A-na-luật-đà, Ta bấy giờ thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Nếu Ta tu học về Định không giác ít quán, tâm liền thuận hướng đến Định không giác không quán. Như thế, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Nay A-na-luật-đà, do Ta đã biết như thế rồi, suốt ngày suốt đêm, suốt đêm suốt ngày, tu học về Định không giác ít quán. Nay A-na-luật-Đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Nay A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về Định không giác không quán, tâm liền thuận hướng đến định có giác có quán. Như thế, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Nay A-na-luật-đà, do Ta đã biết như thế, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm, tu học về Định không giác không quán. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Nếu Ta tu học về Định không giác không quán, thì tâm liền thuận hướng đến Định không giác ít quán. Như thế, Ta không mất tri kiến này. Nay A-na-luật-đà, do Ta đã biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm, tu học về Định không giác không quán. Nay A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc. Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: “Do nhân nào, do duyên nào, Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc ?” Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Nếu Ta niệm tướng của ánh sáng, không niệm tướng của sắc, thì bây giờ Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc.” Như vậy, Ta biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt đêm lẫn ngày, biết ánh sáng mà không thấy sắc. Này A-na-luật-đà, bây giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, có lúc Ta thấy sắc mà không biết ánh sáng. Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ: “Do nhân nào, do duyên nào, Ta thấy sắc mà không biết ánh sáng ?” Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Nếu Ta niệm tướng của sắc mà không niệm tướng của ánh sáng, thì bây giờ Ta biết sắc mà không biết ánh sáng.” Này A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt đêm lẫn ngày, Ta biết sắc mà không biết ánh sáng. Này A-na-luật-đà, bây giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết một phần ánh sáng, cũng thấy một phần sắc. Này A-na-luật-đà, Ta liền nghĩ: “Do duyên nào, do nhân nào, Ta biết được một phần ánh sáng, cũng thấy một phần sắc ?” Ta

lại nghĩ: “Nếu Ta nhập định một phần, vì do nhập định một phần, nên nhãn căn thanh tịnh một phần; vì nhãn căn thanh tịnh một phần, nên Ta biết ánh sáng một phần, cũng thấy sắc một phần.” Nay A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm, biết ánh sáng một phần và thấy sắc một phần. Nay A-na-luật-đà, bây giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Nay A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. Nay A-na-luật-đà, Ta nghĩ: “Do duyên nào, do nhân nào, Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi ?” Ta lại nghĩ: “Nếu Ta nhập định rộng rãi, nhờ nhập định rộng rãi nên nhãn căn thanh tịnh rộng rãi, nhờ nhãn căn thanh tịnh rộng rãi, nên Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi.” Nay A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế rồi, nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. Nay A-na-luật-đà, bây giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Nay A-na-luật-đà, nếu trong tâm Ta sanh lỗi lầm về nghi, thì đối với lỗi lầm ấy tâm được thanh tịnh; lỗi lầm về không ghi nhớ, bệnh tưởng của thân, ngủ nghỉ, siêng năng thái quá, biếng nhác thái quá, sợ hãi, vui mừng, tự cao, sanh một số

tướng nào đó và lỗi lầm về tâm không quán sắc; đối với những lỗi lầm ấy tâm được thanh tịnh, tu học, chăm chú tu học về Định có giác có quán; tu học, chăm chú tu học về Định không giác ít quán; tu học, chăm chú tu học về Định không giác không quán; tu học, chăm chú tu học về Định nhất hướng; tu học, chăm chú tu học về Định hỗn hợp; tu học, chăm chú tu học về Định một phần; tu học, chăm chú tu học về Định quảng vô lượng, Ta có trí kiến thanh tịnh, sáng suốt vô cùng, hướng đến an trú vào Định, siêng năng tu tập đạo phẩm, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Nay A-na-luật-đà, bây giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ ấy.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la, sau khi nghe những lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH THIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Chi-đê-sấu, trong rừng Thủy Chử.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thuở xưa, lúc Ta chưa đắc đạo giác ngộ Vô thượng chơn chánh, bấy giờ Ta nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, hơn ánh sáng ấy mà thấy hình sắc. Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh ?” Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh ấy mà Ta sống một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta hơn sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, nên chúng đắc ánh sáng, liền thấy hình

sắc. Nhưng Ta chưa cùng với chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi, cùng luận thuyết, cùng đối đáp.

Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, như ánh sáng ấy mà nhìn thấy hình sắc, và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi, cùng luận thuyết, cùng đối đáp ? Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh.” Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Như sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, nên ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp. Nhưng Ta không biết họ của chư Thiên kia là gì, tên là gì và sanh mệnh như thế nào ?

Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, như ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, và cũng biết được họ chư Thiên kia như vậy, tên như vậy và sanh như vậy ? Như vậy, tri kiến của Ta cực kỳ minh tịnh ?” Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Như sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta được ánh sáng, liền

thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia hội tụ, chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, và cũng biết được chư Thiên ấy họ như vậy, tên như vậy và sanh như vậy. Nhưng Ta không biết chư Thiên kia ăn như thế nào, thọ khổ, lạc như thế nào.

Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, như ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, cũng biết chư Thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, và sanh như vậy, cũng biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy. Như vậy tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh” Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Như sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc, và cùng chư Thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, cũng biết chư Thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, và sanh như vậy, cũng biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy. Nhưng Ta không biết chư Thiên kia trường thọ như thế nào, tồn tại lâu như thế nào, mạng tận như thế nào ?

Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, như ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, và cùng

chư Thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, cũng biết chư Thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, cũng biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy, và cũng biết chư Thiên ấy trường thọ như thế, tồn tại lâu như thế, mạng tận như thế ? Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh.” Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhơn sống cô độc một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc, và cùng chư Thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy, cũng biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy. Nhưng Ta không biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như thế nào, đã chết nơi này và sanh nơi kia như thế nào.

Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, nhơn ánh sáng ấy, Ta thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy, họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy, biết chư Thiên

ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy, và cũng biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy chết nơi này và sanh nơi kia như vậy. Như vậy tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh.” Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhon sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, nên đắc được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên kia tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy, biết chư Thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy, và cũng biết chư Thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy. Nhưng Ta không biết chư Thiên ấy ở trong những cõi trời nào.

Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao được ánh sáng, nhon ánh sáng mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên kia họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy, biết chư Thiên trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy, biết chư Thiên tạo nghiệp như vậy, chết nơi này, sanh

nơi kia như vậy, và cũng biết chư Thiên ở các cõi trời ấy ? Như vậy tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh.” Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhơn sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, cũng biết chư Thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy, biết chư Thiên trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy, biết chư Thiên tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy, và cũng biết chư Thiên ở trong những cõi trời ấy. Nhưng không biết ở cõi trời ấy, Ta đã từng sanh vào, hay chưa từng sanh vào đó.

Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, nhơn ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy, biết chư Thiên trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy, biết chư Thiên tạo nghiệp như vậy, chết nơi

này và sanh nơi kia như vậy, biết chư Thiên ở trong các cõi trời ấy, và cũng biết ở cõi trời ấy, Ta đã từng sanh vào hay chưa từng sanh vào ? Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh.” Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, như sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, nên được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư Thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp, biết chư Thiên họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, biết chư Thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy, biết chư Thiên trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy, biết chư Thiên tạo nghiệp như vậy, đã chết nơi này và sanh nơi kia như vậy, biết chư Thiên ở trong các cõi trời ấy, và cũng biết ở cõi trời ấy, Ta đã từng sanh vào hay chưa từng sanh vào đó.

Nếu Ta không biết được một cách chân chánh tám sự luân chuyển này, thì không thể dứt khoát nói là chúng đắc và cũng không biết Ta đắc đạo giác ngộ Vô thượng chánh chơn, đối với chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí ở thế gian này, Ta không thể siêu việt lên trên, Ta cũng không đắc giải thoát, giải thoát tất cả, Ta cũng chưa lìa các

điên đảo, chưa biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Nếu Ta biết được một cách chân chánh tám hành này thì có thể nói dứt khoát là chúng đắc và cũng biết Ta đã đắc đạo giác ngộ Vô thượng chánh chơn, đối với chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Phạm chí, Ta siêu việt lên trên, Ta cũng chúng đắc giải thoát, giải thoát tất cả. Tâm Ta đã xa lìa các điên đảo, Ta biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH BÁT NIỆM

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Bà-kỳ-sáu, ở trong Ngạc-son-bố-lâm, vườn Lộc Dã.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà ở tại Chi-đề-sáu trong rừng Thủy Chử. Tôn giả A-na-luật-đà ở chỗ yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa, tư duy, tâm nghĩ rằng: “Đạo từ vô dục, chớ không phải từ hữu dục mà chúng đắc; đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tàm mà chúng đắc; đạo từ viễn ly, chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống ở chỗ tụ hội, không phải từ sự hòa đồng nơi tụ hội mà chúng đắc; đạo từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác mà chúng đắc; đạo từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm mà chúng đắc; đạo từ định ý, chứ không

phải từ loạn ý mà chúng đắc; đạo từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si mà chúng đắc.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn, bằng tha tâm trí, biết trong tâm của Tôn giả A-na-luật-đa đang niệm gì, đang nghĩ gì, đang hành gì. Sau khi đã biết, đức Thế Tôn nhập Như kỳ tượng định. Bằng Như kỳ tượng định, trong khoảnh khắc như thời gian người lợc sĩ co duỗi cánh tay, cũng thế, đức Thế Tôn từ Bà-kỳ-sấu, ở Ngạc-sơn-bồ-lâm, trong vườn Lộc Dã, bỗng biến mất, không thấy, xuất hiện ở trước mặt Tôn giả A-na-luật-đa đang trú tại Chi-đê-sấu. Bấy giờ, đức Thế Tôn xuất định, tán thán Tôn giả A-na-luật-đa rằng:

— Lành thay, lành thay, A-na-luật-đa ! Thấy ở chỗ yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa, tư duy, tâm đã nghĩ thế này: “Đạo từ vô dục, chứ không phải từ hữu dục mà chúng đắc; đạo từ tri túc, chứ không phải từ không nhàm tàm mà chúng đắc; đạo từ viễn ly, chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống chỗ tụ hội, không phải từ sự hòa đồng nơi tụ hội mà chúng đắc; đạo từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác mà chúng đắc; đạo từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm mà chúng đắc; đạo từ định ý, chứ không phải từ loạn ý mà chúng đắc; đạo từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si mà chúng đắc.”

Này A-na-luật-đà, Thấy hãy từ Như Lai, lãnh thọ thêm suy niệm thứ tám của bậc Đại nhân. Sau khi lãnh thọ, Thấy hãy tư duy rằng: “Đạo từ chỗ không hí luận, thích không hí luận, thực hành không hí luận, chứ không phải từ chỗ hí luận, thích hí luận, thực hành hí luận mà chúng đắc.”

Này A-na-luật-đà, nếu Thấy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, chắc chắn Thấy có thể ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chúng đắc Thiên thứ tư, thành tựu an trụ. Này A-na-luật-đà, nếu Thấy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân này, lại chúng đắc bốn tầng thượng tâm, thì sẽ được sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó. Cũng như vua và vương thân có hòm đẹp, đựng đầy các loại y phục, buổi sáng muốn mặc, liền lấy mặc; buổi trưa và buổi chiều muốn mặc, liền lấy mặc; này A-na-luật-đà, Thấy cũng như thế, được y phẩn tảo làm y bậc nhất, tâm Thấy vô dục, thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, nếu Thấy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chúng đắc bốn tầng thượng tâm thì sẽ sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó. Cũng như vua và vương thân có đầu bếp giỏi làm các thức ăn ngon lành, mỹ diệu, này A-na-luật-đà, Thấy cũng như thế,

thường sống bằng món ăn khát thực làm món ăn độc nhất, tâm Thấy vô dục, thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, nếu Thấy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tầng thượng tâm, thì sẽ sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó. Cũng như vua và vương thân có nhà cửa đẹp, hoặc có lầu gác cung điện; này A-na-luật-đà, Thấy cũng như thế, ngồi dưới gốc cây, lấy sự tịch tĩnh làm ngôi nhà bậc nhất, tâm Thấy vô dục, thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, nếu Thấy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tầng thượng tâm, thì sẽ sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó. Cũng như vua và vương thân có giường đẹp, trải lên bằng chăn nệm, đệm bông, phủ lên bằng gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm ở hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da con sơn dương; này A-na-luật-đà, Thấy cũng như vậy, chỗ ngồi trải bằng cỏ, bằng lá cây, là chỗ ngồi bậc nhất, tâm Thấy vô dục, thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này.

Này A-na-luật-đà, nếu Thấy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tầng thượng tâm, thì sẽ được sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ

được chứ không khó. Cũng như thế, nếu Thầy an trú phương Đông, chắc chắn sẽ được an lạc, không có các tai họa đau khổ. Nếu Thầy an trú phương Nam, phương Tây, phương Bắc, chắc chắn sẽ được an lạc, không có các tai họa đau khổ.

Này A-na-luật-đa, nếu Thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tầng thượng tâm, thì sẽ được sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó. Đối với các pháp thiện mà Thầy đã an trú, Ta còn không nói đến, huống nữa là nói đến sự suy thoái, chỉ nên đêm ngày làm tăng trưởng các thiện pháp chứ không nên để suy thoái.

Này A-na-luật-đa, nếu Thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tầng thượng tâm, thì sẽ được sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó. Đối với hai quả, chắc chắn Thầy sẽ được một, hoặc được cứu cánh trí ngay trong đời hiện tại, hoặc nếu còn hữu dư, thì được A-na-hàm.

Này A-na-luật-đa, Thầy nên thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân và cũng nên chứng được bốn tầng thượng tâm. Thầy sẽ sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chứ không khó, nhiên hậu mới an cư mùa mưa ở Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy Chú vậy.

Bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đức Thế Tôn nhập Như kỳ tượng định. Bằng Như kỳ tượng định, cũng bằng khoảnh khắc mà người lực sĩ co duỗi cánh tay, cũng vậy, đức Thế Tôn từ Chi-đê-sấu, trong rừng Thủy Chử, bỗng nhiên biết mất, không thấy, và hiện ra ở Bà-kỳ-sấu, rừng Ngạc-son-bố, trong vườn Lộc Dã.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu đức Phật. Đức Thế Tôn liền xuất định, quay lại bảo A-nan rằng:

— Nay A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào đến rừng Ngạc-son-bố, trong vườn Lộc Dã, thì bảo họ tụ tập tại giảng đường. Sau khi họ tụ tập tại giảng đường xong, Thầy trở lại cho Ta hay.

Tôn giả A-nan vâng lời đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, liền đi tuyên bố rằng đức Như Lai dạy, nếu có Tỳ-kheo nào đến rừng Ngạc-son-bố, trong vườn Lộc Dã, thì tất cả hãy tụ tập tại giảng đường. Sau khi các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường, Tôn giả A-nan trở lại chỗ đức Phật, cúi đầu, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên, bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo đến rừng Ngạc-sơn-bồ, trong vườn Lộc Dã, và tất cả đã tụ tập tại giảng đường. Mong đức Thế Tôn biết cho, nay đã đúng thời.

Lúc ấy, đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi, và ngồi ở trước chúng Tỳ-kheo. Ngồi xong, Ngài dạy:

— Nay các Tỳ-kheo, Ta nói cho các Thầy nghe về tám suy niệm của bậc Đại nhân. Các Thầy hãy lắng nghe và khéo tư duy, ghi nhớ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

— Đây là tám suy niệm của bậc Đại nhân: Đạo từ vô dục, chứ không phải từ hữu dục mà chúng đắc; đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tàm mà chúng đắc; đạo từ viễn ly chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống ở chỗ tụ hội, không phải từ sự hòa đồng nơi tụ hội mà chúng đắc; đạo từ tinh cần chứ không phải từ biếng nhác mà chúng đắc; đạo từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm mà chúng đắc; đạo từ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chúng đắc; đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chúng đắc; đạo từ chỗ không hí luận, không thích thú hí luận, không thực

hành hí luận, chứ không phải từ hí luận, thích thú hí luận, thực hành hí luận mà chúng đắc.

Thế nào là đạo từ vô dục chứ không phải từ hữu dục mà chúng đắc ? Nghĩa là Tỳ-kheo chúng đắc vô dục, tự biết chúng đắc vô dục, không làm cho kẻ khác biết mình vô dục; chúng đắc tri túc, chúng đắc viễn ly, chúng đắc tinh cần, chúng đắc chánh niệm, chúng đắc định ý, chúng đắc trí tuệ, chúng đắc không hí luận, tự biết chúng đắc không hí luận, không làm cho kẻ khác biết mình vô dục. Như vậy gọi là đạo từ vô dục chứ không phải từ hữu dục mà chúng đắc.

Thế nào là đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tàm mà chúng đắc ? Nghĩa là Tỳ-kheo thực hành tri túc: áo dùng để che thân, ăn đủ nuôi thân. Đó là đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tàm mà chúng đắc.

Thế nào là đạo từ viễn ly chứ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống ở chỗ tụ hội, không phải từ sự hòa đồng nơi tụ hội mà chúng đắc ? Nghĩa là Tỳ-kheo thực hành viễn ly, thành tựu hai hạnh viễn ly là thân và tâm đều viễn ly. Đó gọi là đạo từ viễn ly chứ không từ sự ưa tụ hội, sự sống ở chỗ tụ hội, hòa đồng nơi tụ hội mà chúng đắc.

Thế nào là đạo từ tinh cần chứ không phải từ biếng nhác mà chúng đắc ? Nghĩa là Tỳ-kheo thường thực hành tinh cần, đoạn trừ ác bất thiện pháp, tu các thiện pháp, thường tự khởi ý chuyên nhất, kiên cố, vì các gốc rễ thiện mà không hề từ bỏ khó nhọc. Đó gọi là đạo từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác mà chúng đắc.

Thế nào là đạo từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm mà chúng đắc ? Nghĩa là Tỳ-kheo quán nội thân như thân, quán nội thọ, nội tâm, nội pháp như pháp. Đó gọi là đạo từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm mà chúng đắc.

Thế nào là đạo từ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chúng đắc ? Nghĩa là Tỳ-kheo ly dục, pháp ác bất thiện, cho đến chúng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó gọi là đạo từ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chúng đắc.

Thế nào là đạo từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si mà chúng đắc ? Nghĩa là Tỳ-kheo tu hạnh trí tuệ, quán pháp hưng, suy, chúng đắc trí, thánh tuệ, minh đạt như vậy, phân biệt rõ ràng để dứt sạch khổ một cách chính đáng. Đó gọi là đạo từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si mà chúng đắc.

Thế nào là đạo từ không hí luận, không ưa

thích hí luận, không thực hành hí luận, chứ không phải từ hí luận, thực hành hí luận mà chúng đắc ? Nghĩa là Tỳ-kheo tâm ý thường diệt hí luận, an lạc trú trong Vô dư Niết-bàn, tâm thường lạc thú, hoan hỷ, ý giải. Đó gọi là đạo từ không hí luận, không ưa thích hí luận, không thực hành hí luận, chứ không phải từ hí luận, thích thú hí luận, thực hành hí luận mà chúng đắc.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, sau đó mới an cư mùa mưa tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy chữ. Khi Ta đem những điều này ra giảng dạy thì vị ấy sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Vị ấy sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến cứu cánh mà một Thiện nam tử, vì cứu cánh ấy, đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Ngay lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà chứng đắc A-la-hán, tâm chánh giải thoát, xứng đáng bậc Trưởng lão Thượng tôn, rồi ngài nói bài tụng:

Vô thượng Thế gian Sư,
Xa biết con tư niệm,
Chánh thân tâm nhập định,
Nương không, chợt đến đây.
Biết con tâm niệm này,
Thuyết pháp vượt lên nữa,
Chư Phật không hí luận,
Hí luận đã xa lìa.
Đã biết pháp Như Lai,
Ưa trú trong Chánh pháp,
Rồi tam-muội chứng ngay,
Pháp Phật đã thành đạt.
Con chẳng ưa sự chết,
Cũng không nguyện nơi sanh,
Tùy thời, tùy sở thích,
Niệm, chánh trí vững vàng.
Tỳ-da-ly, Trúc Lâm,
Nơi đó, mạng con dứt,
Ở ngay dưới khóm trúc,
Nhập Vô dư Niết-bàn.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-na-luật-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH TỊNH BẤT ĐỘNG ĐẠO

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở trong đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Dục là vô thường, hư ngụy, giả dối. Đã là pháp giả dối thì huyễn hóa, khi cưỡng, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này, hay sắc của đời sau, tất cả thứ ấy đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhơn những thứ ấy mà tâm sanh vô lượng pháp ác, bất thiện, tăng trưởng sân nhuế và đấu tranh...; nghĩa là làm chướng ngại cho sự tu học của Thánh đệ tử.

Đa văn Thánh đệ tử nên quán như vậy: “Thế

Tôn nói rằng: "Dục là vô thường, hư ngụy, giả dối. Đã là giả dối thì huyền hóa, khi cuống, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, tất cả thứ ấy đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhơn những thứ ấy mà tâm sanh vô lượng pháp ác, bất thiện, tăng trưởng sân nhuế và đấu tranh...; nghĩa là làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử". Rồi vị ấy suy nghĩ như vậy: "Ta có thể chứng đắc đại tâm, thành tựu và an trú, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy. Nếu ta chứng đắc đại tâm, thành tựu và an trú, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy, thì tâm như thế sẽ không sanh vô lượng pháp ác, bất thiện, không tăng trưởng sân nhuế và đấu tranh...; nghĩa là không làm chướng ngại cho sự tu học của Thánh đệ tử." Vị ấy hành như thế, học như thế, tu tập và phát triển như thế, liên ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập vào Bất động, hoặc do huệ mà có thắng giải. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhơn tâm ý đã có sẵn, vị ấy chắc chắn đạt đến Bất động. Đó là trường hợp thứ nhất được gọi là Tịnh bất động đạo.

Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: "Nếu có sắc nào, thì tất cả những sắc ấy

đều là bốn đại và do bốn đại tạo thành. Bốn đại ấy là pháp vô thường, khổ và hoại diệt.” Vị ấy hành như thế, học như thế, tu tập và phát triển như thế, thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập vào Bất động, hoặc do huệ mà có thắng giải. Về sau, khi thân hoại mạng chung, do tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Bất động. Đó là trường hợp thứ hai được gọi Tịnh bất động đạo.

Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: “Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là dục tướng của đời này hay dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời này hay sắc tướng của đời sau, tất cả tướng ấy đều là pháp vô thường, khổ và hoại diệt.” Vị ấy, lúc bấy giờ, chứng đắc Bất động tướng. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập vào Bất động, hoặc do huệ mà có thắng giải. Về sau, khi thân hoại mạng chung, như tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Bất động. Đó là trường hợp thứ ba được gọi là Tịnh bất động đạo.

Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế

nầy: “Dù là dục tướng của đời nầy hay dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời nầy hay sắc tướng của đời sau, và bất động tướng, tất cả tướng ấy đều là pháp vô thường, khổ và hoại diệt.” Vị ấy, bấy giờ, đắc Vô sở hữu xứ tướng. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập Bất động, hoặc do huệ mà có thắng giải. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhơn tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Bất động. Đó là trường hợp thứ nhất được gọi Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế nầy: “Thế gian nầy là không, ngã là không, ngã sở là không, có cái thường không, có cái hằng không, có cái trường tồn không, thì bất biến dịch.” Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc ngay đây mà nhập Vô sở hữu xứ bất động, hoặc do huệ mà có thắng giải. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhơn tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ hai được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như

thế này: “Ta không phải được tạo ra bởi cái khác, cũng không phải được tạo ra bởi chính mình.” Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do huệ mà có thắng giải. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhơn tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ ba được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

Lại nữa, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: “Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là dục tướng của đời này hay dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời này hay sắc tướng của đời sau, và Bất động tướng, Vô sở hữu xứ tướng, tất cả tướng ấy đều là pháp vô thường, khổ và hoại diệt.” Bấy giờ, vị ấy đắc Vô tướng. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập Vô tướng, hoặc do huệ mà có thắng giải. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhơn tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô tướng xứ. Đó là nói về Tịnh vô tướng đạo.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu đức Phật. Tôn giả chấp tay hướng về Ngài và bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào thực hành vô ngã, vô ngã sở như thế, thì ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có, nếu trước đã có thì được xả bỏ hoàn toàn. Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy thực hành như thế, có chứng đắc cứu cánh Niết-bàn chăng ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, sự kiện ấy không nhất định. Hoặc có người chứng đắc; hoặc có người không chứng đắc.

Tôn giả A-nan lại thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, vì sao Tỳ-kheo ấy thực hành như thế mà không chứng, đắc Niết-bàn?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo nào thực hành vô ngã, vô ngã sở như thế, ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có; nếu trước đã có, liền được xả bỏ hoàn toàn. Nhưng nay A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy hoan lạc về sự xả bỏ ấy, đắm trước sự xả bỏ ấy, trú vào sự

xả bỏ ấy, thì này A-nan, Tỳ-kheo thực hành như thế thì chắc chắn không chứng đắc Niết-bàn.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo nếu có chỗ chấp thủ, không đắc Niết-bàn chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào có chỗ chấp thủ thì chắc chắn không đắc Niết-bàn.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy chấp thủ những gì ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này A-nan, còn sự hữu ở trong hành, đó là Hữu tướng vô tướng xứ, bậc nhất trong các hữu mà Tỳ-kheo ấy chấp thủ.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào hành nào khác nữa chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này A-nan, đúng như thế, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào hành khác nữa.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo thực hành như thế nào thì chắc chắn đắc Niết-bàn ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo nào thực hành vô ngã, vô ngã sở như thế, ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có; nếu trước đã có, thì được xả bỏ hoàn toàn. Và nay A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy không hoan lạc vì sự xả bỏ ấy, không đắm trước sự xả bỏ ấy, không trú vào sự xả bỏ ấy, thì nay A-nan, Tỳ-kheo thực hành như thế, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo, nếu không chấp thủ vào đâu cả, thì chắc chắn đắc Niết-bàn chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo nào không chấp thủ vào đâu cả, thì chắc chắn đắc Niết-bàn.

Bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết về Tịnh bất động đạo, đã thuyết về Tịnh vô sở hữu xứ đạo, đã thuyết về Tịnh vô tướng đạo, đã thuyết về

Vô dư Niết-bàn. Bạch đức Thế Tôn, thế nào là sự giải thoát của bậc Thánh.

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: “Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là dục tướng của đời này hay dục tướng của đời sau, dù là sắc tướng của đời này hay sắc tướng của đời sau, và Bất động tướng, Vô sở hữu xứ tướng, Vô tướng tướng; tất cả các tướng ấy đều là pháp vô thường, khổ và hoại diệt, đó là hữu thân, nếu là hữu thân, thì đó là sanh, đó là già, đó là bệnh, là chết. Nay A-nan, nếu có pháp này, thì diệt trừ tất cả, không để lưu dư, không để có trở ngại, như vậy thì không sanh, không già, không bệnh, không chết. Bạch Thánh quán như vậy. Nếu có, thì chắc chắn đó là pháp giải thoát. Nếu có Vô dư Niết-bàn, thì gọi là Cam lồ. Vị nào quán như vậy, thấy như vậy, chắc chắn đạt được tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, đã giải thoát liền biết là đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa !”

Này A-nan, Ta nay đã nói cho Thầy nghe về

Tịnh bất động đạo, về Tịnh vô sở hữu xứ đạo, về Tịnh vô tướng đạo, về Vô dư Niết-bàn, về sự giải thoát của bậc Thánh. Như bậc Tôn sư, tâm đại bi, đoái tưởng, thương xót, mong cầu phước lợi và thiện ích, cầu an ổn và an lạc cho đệ tử. Những điều ấy, Ta nay đã làm xong, các Thầy hãy tự mình làm. Hãy đi đến nơi rừng vắng, đến dưới rừng cây chỗ yên tĩnh, thanh nhàn, ngôi tĩnh tọa mà tư duy, chớ có phóng dật, cần tinh tấn thêm, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời khuyến giáo của Ta, đó là huấn thị của Ta.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Úc-già-chi-la, ở bên bờ hồ Hằng Thủy.

Bấy giờ, một Tỳ-kheo, vào lúc xế trưa, từ chỗ nghỉ ngơi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, ngồi qua một bên và bạch:

— Kính bạch Thế Tôn, mong đức Thế Tôn khéo léo thuyết pháp ngắn gọn cho con. Được nghe pháp mà đức Thế Tôn dạy, con sẽ sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhon sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, sẽ đạt đến cứu cánh mà một Thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc

áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ cần đạt được vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này tự tri tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu, an trú, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Đức Thế Tôn bảo:

— Tỳ-kheo hãy tu học như vậy để được an trú, bên trong bất động, vô lượng, khéo tu tập. Lại quán nội thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏ xên, tham lam, ý không sâu não; lại quán ngoại thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏ xên, tham lam, ý không sâu não; lại quán nội ngoại thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏ xên, tham lam, ý không sâu não. Nay Tỳ-kheo, với định như vậy, lúc đi, lúc đến, hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

Lại nữa, cũng nên tu tập về định có giác có quán, về định không giác ít quán, tu tập về định không giác không quán; cũng nên tu tập về định đi

đôi với hỷ, định đi đôi với lạc, định đi đôi với định, định đi đôi với xả.

Này Tỳ-kheo, nếu tu các định này, tu một cách khéo léo, thì này Tỳ-kheo, lại nên tu thêm quán nội thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏn xẻn, tham lam, ý không sâu não; lại quán ngoại thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏn xẻn, tham lam, ý không sâu não; lại quán nội ngoại thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏn xẻn, tham lam, ý không sâu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến, hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy; cũng đều tu tập như vậy.

Lại nữa, cũng nên tu tập định có giác có quán, định không giác ít quán và định không giác không quán; cũng nên tu tập định đi đôi với hỷ, định đi đôi với lạc, định đi đôi với định, và tu tập định đi đôi với xả.

Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu một cách khéo léo, thì này Tỳ-kheo, nên tu thêm quán nội tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, vững

chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏ xên, tham lam, ý không sâu não; lại quán ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏ xên, tham lam, ý không sâu não; lại quán nội ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏ xên, tham lam, ý không sâu não. Nay Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến, hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

Lại nữa, cũng nên tu tập về định có giác có quán, về định không giác ít quán, tu tập về định không giác không quán; cũng nên tu tập về định đi đôi với hỷ, định đi đôi với lạc, định đi đôi với định, tu tập định đi đôi với xả.

Nay Tỳ-kheo, nếu tu các định này, tu một cách khéo léo, thì nay Tỳ-kheo, nên tu thêm quán nội pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏ xên, tham lam, ý không sâu não; lại quán ngoại pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần,

vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bồn xển, tham lam, ý không sâu nã; lại quán nội ngoại pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bồn xển, tham lam, ý không sâu nã. Nay Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến, hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

Lại nữa, nên tu tập về định có giác có quán, định không giác ít quán, và định không giác không quán, cũng nên tu tập định đi đôi với hỷ, định đi đôi với lạc, định đi đôi với định, tu tập định đi đôi với xả.

Nay Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo, thì nay Tỳ-kheo, tâm hãy cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như vậy, hai, ba, bốn phương, bốn phương và bốn hướng, phương trên, phương dưới, châu biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú. Cũng như thế, tâm bi, hỷ và tâm xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế

gian, thành tựu an trú. Nay Tỳ-kheo, nếu Thấy tu tập các định này, tu một cách khéo léo, thì nếu an trú phương Đông chắc chắn được an lạc, không có các tai họa đau khổ; nếu an trú phương Nam, phương Tây, phương Bắc, chắc chắn được an lạc, không có các tai họa đau khổ.

Nay Tỳ-kheo, nếu Thấy tu tập các định này, tu một cách khéo léo, thì đối với các pháp thiện mà Thấy đã an trú, Ta còn không nói đến, huống là nói đến sự suy thoái; các pháp thiện cứ ngày đêm tăng trưởng chứ không suy thoái.

Nay Tỳ-kheo, nếu Thấy tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo, thì trong hai quả chắc chắn sẽ đắc một, hoặc ngay trong đời này, đắc cứu cánh trí, hoặc nếu còn hữu dư thì chứng đắc A-na-hàm.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo ấy nghe những lời đức Phật dạy, khéo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Vị ấy thọ trì pháp của Phật, sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Như sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, vị ấy đạt đến cứu cánh mà một Thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không

gia đình, xuất gia học đạo, chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu, an trú, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Tôn giả ấy đã biết pháp, đắc A-la-hán.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH SA-KÊ-ĐẾ TAM TỘC TÁNH TỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Sa-kê-đế, trong rừng Thanh Lâm.

Bấy giờ, ở Sa-kê-đế có ba Thiện nam tử là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la, đều là thiếu niên, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu.

Lúc ấy, đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

— Ba Thiện nam tử này đều là niên thiếu, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu; ba Thiện nam tử ấy có hoan lạc ở

trong pháp luật chân chánh này, thực hành phạm hạnh chăng ?

Khi đó, các vị Tỳ-kheo im lặng, không trả lời.

Đức Thế Tôn lại ba lần hỏi các Tỳ-kheo:

— Ba Thiện nam tử đều là thiếu niên, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập chánh pháp này không lâu; ba vị ấy có hoan lạc ở trong pháp luật chân chánh này, thực hành phạm hạnh chăng ?

Khi ấy, các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp.

Thế rồi, đức Thế Tôn hỏi thẳng ba Thiện nam tử ấy; Ngài nói với Tôn giả A-na-luật-dà rằng:

— Nay các Thầy, ba Thiện nam tử đều ở tuổi niên thiếu, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp không lâu. Nay A-na-luật-dà, các Thầy có hoan lạc ở trong pháp luật chân chánh này và thực hành phạm hạnh chăng ?

Tôn giả A-na-luật-dà thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, quả thật như vậy. Chúng con hoan lạc ở trong Chánh pháp này và tu hành phạm hạnh.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Nay A-na-luật-đà, các Thầy lúc còn nhỏ, là những đồng tử ấu thơ, trong trắng, tóc đen, thân thể thanh trắng, hoan lạc trong du hí, hoan lạc trong tắm gội, săn sóc nâng niu thân thể. Về sau, bà con thân thích và cha mẹ đều cùng lưu luyến, thương yêu, khóc lóc thảm thiết, không muốn cho các Thầy xuất gia học đạo. Các Thầy đã quyết chí cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nay A-na-luật-đà, các Thầy không phải vì sợ vua chúa mà xuất gia học đạo, không phải vì sợ giặc cướp, không phải vì sợ nợ nần, không phải vì sợ khủng bố, không phải vì sợ bản cùng, cũng không phải vì sợ không sống được mà xuất gia học đạo, mà chỉ vì nhằm chán sanh, già, bệnh, chết, khóc lóc, sầu khổ, hoặc vì muốn đạt đến chỗ dứt tận của khối khổ đau to lớn nên xuất gia học đạo. Nay A-na-luật-đà, các Thầy không vì những tâm niệm như vậy mà xuất gia học đạo chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, quả thật như vậy.

— Nay A-na-luật-đà, nếu một Thiện nam tử nào, với tâm niệm như thế mà xuất gia học đạo, nhưng có biết được do đâu mà chúng đắc vô lượng Thiện pháp chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của Pháp, là chủ tể của Pháp, Pháp do Thế Tôn, mong đức Thế Tôn giảng cho. Sau khi đã nghe, chúng con sẽ biết được nghĩa một cách rộng rãi.

Đức Phật liên bảo:

— Nay A-na-luật-đà, các Thầy hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt nghĩa ấy cho các Thầy.

Các Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đê, Tôn giả Kim-tỳ-la vâng lời, lắng nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay A-na-luật-đà, nếu ai bị dục ngăn che, bị ác pháp trói buộc, thì không đạt được xả lạc và vô thượng tịch tĩnh. Tâm của vị ấy sanh ra tham lam, sân nhuế, thù miên; tâm không hoan lạc, thân uest oải, ăn nhiều, lòng ưu sầu. Tỳ-kheo ấy không kham nhẫn được đói, khát, lạnh, nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách; nghe tiếng thô ác, hay bị đánh đập cũng không thể kham nhẫn được; thân mắc phải các bệnh tật rất thống khổ, đến mức chết được, và gặp những cảnh ngộ không vừa lòng đều không thể chịu đựng được. Vì sao ? Vì bị dục ngăn che, bị

ác pháp trói buộc, không đạt được xả lạc và vô thượng tịch tĩnh. Trái lại, nếu người ly dục, không bị ác pháp trói buộc, thì chắc chắn đạt đến xả lạc và vô thượng tịch tĩnh. Tâm vị ấy không sanh tham lam, sân nhuế, thù miên; tâm chẳng sanh ra không hoan lạc; thân không uế oải, cũng không ăn nhiều, lòng không sâu muộn. Tỳ-kheo ấy kham nhẫn được đói, khát, lạnh, nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió, nắng bức bách; nghe tiếng thô ác hay bị đánh đập cũng kham nhẫn được; thân mắc những bệnh tật rất thống khổ, đến mức chết được, hay gặp những cảnh ngộ không thể vừa lòng đều kham nhẫn được. Vì sao ? Vì không bị dục ngăn che, không bị ác pháp trói buộc, lại đạt đến xả lạc, vô thượng tịch tĩnh.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay A-na-luật-đà, Như Lai vì những thiện lợi nào mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, hoặc có cái phải tính chỉ, có cái phải phế bỏ ?

A-na-luật-đà bạch đức Thế Tôn:

— Đức Thế Tôn là gốc của Pháp, là chủ tử của Pháp, Pháp do Thế Tôn, mong Thế Tôn giảng giải cho. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ biết được những thiện lợi ấy một cách rộng rãi.

Đức Phật lại dạy:

— Nay A-na-luật-đà, các Thầy hãy lắng nghe, khéo tư duy, ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt những thiện lợi ấy cho các Thầy.

A-na-luật-đà, Nan-đề, Kim-tỳ-la vâng lời lắng nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay A-na-luật-đà, các lậu hoặc ô nhiễm là gốc của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, già, bệnh, chết. Như Lai không phải vì không diệt tận, không phải vì không biến tri, mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải tinh chỉ, có cái phải phế bỏ. Nay A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì nhơn nơi thân nầy, nhơn nơi lục xứ, nhơn nơi thọ mạng, mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải tinh chỉ, có cái phải phế bỏ. Nay A-na-luật-đà, Như Lai vì những thiện lợi nầy mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải tinh chỉ, có cái phải phế bỏ.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay A-na-luật-đà, Như Lai vì những thiện

lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng ồn, xa lạnh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tính tọa như thế ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của Pháp, Thế Tôn là chủ tể của Pháp, Pháp do Thế Tôn, mong Thế Tôn giảng giải cho. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi.

Đức Phật dạy:

— Này A-na-luật-đà, các Thầy hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt những ý nghĩa ấy cho các Thầy.

A-na-luật-đà, Nan-đê, Kim-tỳ-la vâng lời, lắng nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

— Này A-na-luật-đà, không phải vì muốn đạt đến những gì chưa đạt đến, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lạnh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tính tọa. Này A-na-luật-đà,

Như Lai chỉ vì hai điều ý nghĩa sau đây nên mới sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Một là vì sự an lạc ngay trong đời hiện tại này và hai là vì thương xót chúng sanh đời sau. Đời sau hoặc có chúng sanh học theo Như Lai, sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Đây A-na-luật-đà, vì những ý nghĩa ấy mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Đây A-na-luật-đà, vì những ý nghĩa nào mà khi các đệ tử lâm chung, Như Lai ghi nhận vị này sẽ sanh chỗ này, vị kia sẽ sanh chỗ kia ?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch đức Thế Tôn:

— Đức Thế Tôn là gốc của Pháp, Thế Tôn là chủ thể của Pháp, Pháp do Thế Tôn, mong đức Thế Tôn giảng cho. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ biết những ý nghĩa một cách rộng rãi.

Đức Phật dạy:

— Nay A-na-luật-đà, các Thầy hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt những ý nghĩa ấy cho các Thầy.

A-na-luật-đà, Nan-đề, Kim-tỳ-la vâng lời, lắng nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay A-na-luật-đà, không phải vì thú hưởng, không phải vì con người mà nói, cũng chẳng phải vì lừa gạt người, cũng chẳng phải vì muốn làm vui lòng người, mà khi đệ tử lâm chung, Như Lai ghi nhận vị này sẽ sanh chỗ này, vị kia sẽ sanh chỗ kia. Nay A-na-luật-đà, chỉ vì những thanh tín Thiện nam, thanh tín Thiện nữ với tín tâm nhiệt thành, với mong ước cao độ, với vui mừng cùng cực, khi đã nghe pháp luật chân chánh này; hoặc tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy, cho nên lúc đệ tử lâm chung, Như Lai ghi nhận vị này sẽ sanh chỗ này, vị kia sẽ sanh chỗ kia. Nếu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã đắc cứu cánh trí, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”; hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy,

học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Tỳ-kheo kia nghe xong, nhớ rằng, “Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Này A-na-luật-đà, lại nữa, nếu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở chỗ ấy, được đức Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, chúng đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa; hoặc chính mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng: “Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo đó tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo nào nghe rằng, Tôn giả ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi

nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần sinh ra ở cõi Trời và cõi Người; sau một lần sinh ra đó thì đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng “Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe pháp luật chân chánh này rồi, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh; sau bảy lần qua lại nhân gian, thiên thượng, thì đạt đến tận cùng sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, Tỳ-kheo đó nhớ rằng: “Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, bố thí như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy.”

Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện tu tập như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Này A-na-luật-đà, nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng, Tỳ-kheo-ni ấy được Phật ghi nhận đã đắc cứu cánh trí, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Hoặc tận mắt trông thấy Tỳ-kheo-ni ấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, nhớ rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung ở nơi ấy, được đức Thế Tôn ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại cõi này nữa.” Hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể

lại rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, Tỳ-kheo-ni kia nhớ rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-a-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận rằng, đã dứt sạch ba kiết, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại thiên thượng, nhân gian; sau khi một lần qua lại ấy thì đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, Tỳ-kheo-ni kia nhớ rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, vị ấy có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn dọa vào ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh sau bảy lần qua lại ở thiên thượng và nhơn gian, thì đạt đến tận cùng sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, Tỳ-kheo-ni kia nhớ rằng: “Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni kia chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Này A-na-luật-đà, nếu Ưu-bà-tắc nào nghe vị Ưu-bà-tắc ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào chỗ kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa; hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.”

Nghe xong, vị Ưu-bà-tắc kia nhớ rằng: “Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, vị kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy, Ưu-bà-tắc kia chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-na-luật-đà, vị Ưu-bà-tắc nào nghe Ưu-bà-tắc ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là dứt sạch ba kiết, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại thiên thượng nhân gian. Sau một lần qua lại ấy, vị ấy đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, Ưu-bà-tắc kia nhớ rằng: “Vị Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, vị đó tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy, Ưu-bà-tắc đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-tắc nào nghe Ưu-bà-tắc ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là đã dứt sạch ba kiết, đắc Tu-đà-hoàn, không

còn dọa ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh nữa. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian, vị ấy đạt đến dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong Ưu-bà-tắc kia nhớ rằng: “Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, vị đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy, Ưu-bà-tắc đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Này A-na-luật-đà, nếu Ưu-bà-di nào nghe Ưu-bà-di ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là đã dứt sạch năm hạ phần kiết, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian nữa; hoặc tận mắt trông thấy; hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Ưu-bà-di ấy, có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, Ưu-bà-di đó nhớ rằng: “Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, vị đó có

thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy, Ưu-bà-di đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-di nào nghe Ưu-bà-di ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là đã dứt sạch ba kiết, làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại thiên thượng, nhân gian. Sau một lần qua lại ấy, thì đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: “Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Nghe xong, Ưu-bà-di kia nhớ rằng: “Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.” Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, vị đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, như vậy Ưu-bà-di đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Lại nữa, này A-na-luật-đà, Ưu-bà-di nào nghe Ưu-bà-di ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là đã dứt sạch ba kiết, chứng Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian, vị ấy đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần

nghe người khác' kể lại rằng: "Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy." Nghe xong, Ưu-bà-di đó nhớ rằng: "Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy." Sau khi nghe pháp luật chân chánh này, vị đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đa, như vậy Ưu-bà-di đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

Nay A-na-luật-đa, Như Lai vì những ý nghĩa ấy, nên khi đệ tử lâm chung, ghi nhận vị này sẽ sanh vào chỗ này, vị kia sẽ sanh vào chỗ kia.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-na-luật-đa và các Tỷ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một Phạm thiên ở cõi trời Phạm thiên, sanh khởi tà kiến như thế này: “Chỗ này là thường hữu, chỗ này là hằng hữu, chỗ này trường tồn, chỗ này quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào khác nữa mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối thượng.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn, bằng tha tâm trí, biết rõ tâm niệm của Phạm thiên đang nghĩ, liền nhập Như kỳ tượng định. Với Như kỳ tượng định ấy, chỉ

trong khoảnh khắc mau bằng người lực sĩ co duỗi cánh tay, Ngài biến mất khỏi vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thắng Lâm tại nước Xá-vệ, đi lên cõi trời Phạm thiên.

Lúc ấy, Phạm thiên trông thấy đức Thế Tôn đi đến, liền chào hỏi rằng:

— Kính chào Đại tiên nhơn, chỗ này là thường hữu, chỗ này là hằng hữu, chỗ này trường tồn, chỗ này quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, và ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối thượng.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo:

— Nay Phạm thiên, cái không thường, Ông bảo là thường; cái không hằng, Ông bảo là hằng; cái không trường tồn, Ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, Ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, Ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yếu, Ông bảo là xuất yếu, và còn bảo rằng ngoài xuất yếu ấy không còn xuất yếu nào khác nữa, mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối thượng. Nay Phạm thiên, Ông có cái vô minh ấy. Nay Phạm thiên, Ông đang chìm đắm trong cái vô minh ấy.

Lúc đó, có ma Ba-tuần ở trong chúng. Ma Ba-tuần nói với đức Thế Tôn:

— Nay Tỳ-kheo, chớ nên trái lời Phạm thiên, chớ có chống đối Phạm thiên. Nay Tỳ-kheo, nếu Ông trái lời Phạm thiên, nếu Ông chống đối Phạm thiên, thì Ông cũng như người gặp vận may mà lại xua đuổi đi; lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, nay Tỳ-kheo, ta bảo rằng Ông chớ trái lời Phạm thiên, chớ chống đối Phạm thiên. Nay Tỳ-kheo, nếu Ông trái lời Phạm thiên, chống đối Phạm thiên, thì Ông cũng như người từ núi cao rơi xuống, tuy dang tay chân bám vào hư không, nhưng chẳng bám víu được gì; lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, nay Tỳ-kheo, ta bảo rằng Ông chớ trái lời Phạm thiên, chớ có chống đối Phạm thiên. Nay Tỳ-kheo, nếu Ông trái lời Phạm thiên, chống đối Phạm thiên, thì Ông cũng như người từ trên cây cao rơi xuống, tuy dang tay chân bám níu lá cành, nhưng chẳng bám níu gì được; lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, nay Tỳ-kheo, ta bảo rằng, Ông chớ nên trái lời Phạm thiên, chớ có chống đối Phạm thiên. Vì sao ? Vì Phạm thiên ấy có phước hựu, là bậc hóa sanh, là đáng tối tôn, tạo dựng tất cả, là tổ phụ của tất cả chúng sanh đã sanh và sẽ sanh, tất cả đều do ngài sanh ra. Những

gì ngài biết là trọn biết, những gì ngài thấy là trọn thấy. Nay Đại tiên nhơn, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ghê tởm địa đại, hủy báng địa đại, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm thân kỹ nhạc trong chốn hạ tiện nhất. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, nếu ai ghê tởm Phạm thiên, hủy báng Phạm thiên, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm thân kỹ nhạc trong chốn hạ tiện nhất. Trái lại, nay Đại tiên nhơn, nếu có Sa-môn, Phạm chí ưa thích địa đại, tán thán địa đại, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm bậc tối thượng trong cõi trời Phạm thiên. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, nếu ai ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên, thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm bậc tối thượng trong cõi trời Phạm thiên. Nay Tiên nhơn, Ông há không thấy đại quyền thuộc của Phạm thiên ấy, chẳng hạn như bọn chúng tôi, đang ngồi đây chẳng ?

Ma Ba-tuần kia chẳng phải Phạm thiên, cũng chẳng phải quyền thuộc của Phạm thiên, nhưng lại xưng mình là Phạm thiên.

Bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Ma Ba-tuần

này chẳng phải Phạm thiên, cũng chẳng phải quyền thuộc của Phạm thiên, nhưng lại tự xưng là Phạm thiên. Nếu bảo rằng có ma Ba-tuần, thì đây chính là ma Ba-tuần.” Biết rõ như vậy, đức Thế Tôn bảo:

— Này ma Ba-tuần, Ngươi chẳng phải Phạm thiên, cũng chẳng phải quyền thuộc của Phạm thiên, nhưng Ngươi tự xưng rằng Ngươi là Phạm thiên. Nếu cho rằng có ma Ba-tuần, thì chính Ngươi là ma Ba-tuần.

Lúc ấy, ma Ba-tuần liền nghĩ rằng: “Thôi rồi, Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta.” Biết như thế, ma Ba-tuần rất đỗi ưu sầu, rồi vụt biến mất ngay nơi ấy.

Bấy giờ Phạm thiên ấy lại ba lần thưa với đức Thế Tôn rằng:

— Kính chào Đại tiên nhơn, chỗ này là thường hữu, chỗ này là hằng hữu, chỗ này là trường tồn, chỗ này là quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, ngoài xuất yếu này, không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối tôn.

Đức Thế Tôn cũng ba lần bảo Phạm thiên rằng:

— Đây Phạm thiên, cái không thường, Ông bảo là thường; cái không hằng, Ông bảo là hằng; cái không trường tồn, Ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, Ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, Ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yếu, Ông bảo là xuất yếu, và còn bảo rằng, ngoài xuất yếu ấy, không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối tôn, tối thượng. Đây Phạm thiên, Ông có cái vô minh ấy. Đây Phạm thiên, Ông đang chìm đắm trong cái vô minh ấy.

Nghe vậy, Phạm thiên thưa với đức Thế Tôn:

— Đây Đại tiên nhơn, thuở xưa, có Sa-môn, Phạm chí thọ mạng rất lâu dài, tôn tại rất lâu dài. Đây Đại tiên nhơn thọ mạng của Ông ngắn quá, nếu không biết một khoảnh khắc ngổi yên của Sa-môn, Phạm chí kia. Vì sao ? Vì những gì các vị kia biết là trọn biết, thấy là trọn thấy. Nếu thật có sự xuất yếu, không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng tối diệu, tối thượng thì các vị kia biết ngay rằng có. Nếu thật không có sự xuất yếu, ngoài ra không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối thượng, thì các vị ấy biết ngay là không có. Đây Đại tiên nhơn, đối với chỗ xuất yếu, Ông nghĩ là không phải xuất yếu; đối với chỗ không phải xuất yếu, Ông nghĩ là xuất yếu. Như vậy, Ông sẽ

không có xuất yếu, và trở thành kẻ đại si. Vì sao ? Vì sẽ không bao giờ có cảnh giới ấy cho Ông. Nay Đại tiên nhơn, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ưa thích địa đại, tán thán địa đại, thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo lệnh ta sai. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, nếu ai ưa thích Phạm thiên tán thán Phạm thiên, thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý của ta muốn, vâng theo lệnh ta sai. Nay Đại tiên nhơn, nếu Ông ưa thích địa đại, tán thán địa đại, thì Ông cũng tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo lệnh ta sai. Cũng thế với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, sanh chủ, Phạm thiên, nếu Ông ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên, thì Ông cũng tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo lệnh ta sai.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay Phạm thiên, theo cái gọi là chân đế mà Ông vừa nói đó, thì nếu Sa-môn, Phạm chí nào ưa thích địa đại, tán thán địa đại, vị ấy tùy theo sự tự tại của Ông, làm theo ý Ông muốn, vâng theo lệnh Ông sai. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, sanh chủ, Phạm thiên, nếu ai ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm

thiên, thì vị ấy tùy theo sự tự tại của Ông, làm theo ý Ông muốn, vâng theo lệnh Ông sai. Và này Phạm thiên, nếu Ta ưa thích địa đại, tán thán địa đại, thì Ta cũng tùy theo sự tự tại của Ông, làm theo ý muốn của Ông, vâng theo lệnh Ông sai. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, nếu Ta ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên, thì Ta cũng tùy theo sự tự tại của Ông, làm theo ý Ông muốn, vâng theo lệnh Ông sai. Nhưng này Phạm thiên, tám điều mà Ông vừa nói, nếu Ta theo đó mà ưa thích, mà tán thán, thì những điều ấy cũng vẫn như thế. Này Phạm thiên, ta biết rõ Ông từ đâu đến và sẽ đi đâu, tùy nơi Ông đang sống, tùy chỗ Ông mất và tùy chốn Ông tái sanh. Nếu có Phạm thiên, thì Phạm thiên ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân.

Nghe vậy, Phạm thiên thưa đức Thế Tôn:

— Này Đại tiên nhơn, làm thế nào Ông biết được điều ta biết, thấy được điều ta thấy ? Làm sao Ông biết rõ tất cả, ta như mặt trời tự tại soi sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới ? Trong một ngàn thế giới ấy, Ông có tự tại không ? Ông có biết những nơi nào, chỗ nào không có ngày đêm không ? Này Đại tiên nhơn, Ông có lần nào qua lại

các nơi ấy chưa, hay đã nhiều lần qua lại các nơi ấy rồi ?

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay Phạm thiên, như mặt trời soi sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới; trong ngàn thế giới ấy, Ta được tự tại, và cũng biết nơi kia, chỗ này không có ngày đêm. Nay Phạm thiên, Ta đã từng qua lại những nơi ấy, và qua lại rất nhiều lần. Nay Phạm thiên, có ba cõi trời là Quang thiên, Tịnh quang thiên, và Biến tịnh quang thiên. Nếu ba loài Trời ấy có tri kiến gì, thì Ta cũng có tri kiến đó. Nay Phạm thiên, nếu ba loài Trời ấy không có tri kiến gì, thì riêng Ta, Ta vẫn có tri kiến đó. Nay Phạm thiên, nếu ba loài Trời ấy và quyền thuộc của họ có những tri kiến gì, thì Ta cũng có những tri kiến đó. Nếu ba loài Trời ấy và quyền thuộc của họ không có tri kiến gì, thì riêng Ta, Ta vẫn có những tri kiến đó. Nay Phạm thiên, Ông có tri kiến gì, Ta cũng có tri kiến đó. Nếu Ông không có tri kiến gì, thì riêng Ta, Ta vẫn có tri kiến đó. Nay Phạm thiên, nếu Ông và những quyền thuộc của Ông có những tri kiến gì, thì Ta cũng có những tri kiến đó. Nếu Ông và quyền thuộc của Ông không có tri kiến gì, thì riêng Ta, Ta vẫn có tri kiến đó. Nay Phạm thiên, Ông không thể bằng Ta về tất cả, Ông không thể

bằng Ta suốt hết. Đối với Ông, Ta tối thắng, Ta tối thượng.

Nghe vậy, Phạm thiên thưa đức Thế Tôn:

— Này Đại tiên nhơn, do đâu mà nếu ba loài Trời kia có tri kiến gì, thì Ông cũng có tri kiến đó; nếu ba loài Trời kia không có tri kiến gì, thì riêng Ông, Ông cũng có tri kiến đó; nếu ba loài Trời kia và quyến thuộc của họ có tri kiến gì, thì Ông cũng có tri kiến đó; nếu ba loài Trời kia và quyến thuộc của họ không có tri kiến gì, thì riêng Ông, Ông vẫn có tri kiến đó; nếu ta có tri kiến gì, thì Ông cũng có tri kiến đó; nếu ta không có tri kiến gì thì riêng Ông, Ông vẫn có tri kiến đó; nếu ta và quyến thuộc của ta có tri kiến gì, thì Ông cũng có tri kiến đó; nếu ta và quyến thuộc của ta không có tri kiến gì, thì riêng Ông, Ông vẫn có tri kiến đó ? Này Đại tiên nhơn, đó không phải là lời nói khoác chằng ? Sau khi hỏi xong, không biết có tăng thêm sự ngu si chằng ? Vì sao ? Vì biết vô lượng cảnh giới, nên có vô lượng tri kiến, vô lượng chủng loại phân biệt. Trái lại, ta thì biết riêng rẽ từng cái. Là địa đại, ta biết đó là địa đại. Với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, Sanh chủ,... cũng giống như thế, là Phạm thiên, ta biết đó là Phạm thiên.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay Phạm thiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với địa đại mà nghĩ rằng: “Địa là ta, địa là của ta, ta là của địa đại”, thì đã chấp địa đại là ta rồi, nên vị ấy không thực biết được địa đại. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên và Tịnh thiên, nếu nghĩ rằng: “Tịnh thiên là ta, Tịnh thiên là của ta, ta là của Tịnh thiên”, thì đã chấp nhận Tịnh thiên là ta rồi, nên vị ấy không thực biết về Tịnh thiên. Trái lại, nay Phạm thiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với địa đại biết là địa đại, biết địa đại không phải là ta, địa đại không phải là của ta, ta không phải là của địa đại; nhờ không chấp nhận địa đại là ta, nên vị ấy mới thực biết địa đại. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên, Tịnh thiên. Đối với Tịnh thiên thì biết đó là Tịnh thiên, biết Tịnh thiên chẳng phải là ta, Tịnh thiên chẳng phải là của ta, ta chẳng phải là Tịnh thiên, nhờ không chấp nhận Tịnh thiên là ngã, nên vị ấy thực biết về Tịnh thiên. Nay Phạm thiên, đối với địa đại, Ta biết đó là địa đại, biết địa đại không phải là Ta, địa đại không phải là của Ta, Ta không phải là của

địa đại, nhờ không chấp nhận địa đại là Ta, nên Ta thực biết địa đại. Cũng thế, đối với thủy địa, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư Thiên, sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên, Tịnh thiên. Đối với Tịnh thiên, Ta biết đó là Tịnh thiên, biết Tịnh thiên không phải là Ta, Tịnh thiên không phải là của Ta, Ta không phải là của Tịnh thiên; nhờ không chấp nhận Tịnh thiên là Ta, nên Ta mới thực biết về Tịnh thiên.

Nghe vậy, Phạm thiên thưa đức Thế Tôn:

— Chúng sanh này, ai cũng ái trước hữu, ưa thích hữu, tập khởi hữu; chỉ có Ông mới nhổ tận gốc rễ của hữu. Vì sao ? Vì Ông là bậc Như Lai, bậc Vô sở trước Đẳng Chánh Giác.

Phạm thiên liền nói bài kệ:

*Nơi hữu thấy sợ hãi
Không hữu thấy sợ gì ?
Cho nên, đừng ưa hữu.
Hữu làm sao chẳng dứt ?*

— Nay Đại tiên nhơn, ta nay muốn ẩn hình.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Phạm thiên, nếu Ông muốn ẩn hình, thì cứ tùy tiện.

Phạm thiên liền ẩn hình ngay ở nơi đó. Đức Thế Tôn thấy rõ liền nói:

— Phạm thiên, Ông ở chỗ này, Ông đến chỗ kia, Ông lại ở giữa này !

Phạm thiên vận dụng hết như ý túc, muốn tự ẩn hình mà không thể ẩn, nên hiện hình trở lại giữa cõi trời Phạm thiên. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay Phạm thiên, Ta cũng muốn ẩn hình.

Phạm thiên thưa rằng:

— Nay Đại tiên nhơn, nếu muốn ẩn hình xin cứ tùy tiện.

Lúc ấy, đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Ta hãy hiện như ý túc Như kỳ tượng, phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi cùng khắp cõi trời Phạm thiên, rồi ẩn hình trong đó khiến cho Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên, chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ta.” Nghĩ xong, đức Thế Tôn hiện như ý túc Như kỳ tượng, phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi khắp cõi trời Phạm thiên và ẩn mình trong đó, khiến cho Phạm thiên và quyến thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hình. Bấy giờ, Phạm thiên và quyến thuộc, ai cũng nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm thực là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai

đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao ? Vì đã phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi khắp cõi trời Phạm thiên, rồi tự ẩn mình trong đó, khiến cho chúng ta và quyến thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hình.”

Lúc ấy đức Thế Tôn lại nghĩ: “Ta đã cảm hóa được Phạm thiên này và quyến thuộc của y. Nay Ta hãy thu hồi như ý túc.” Đức Thế Tôn liền thu hồi như ý túc, hiện ra giữa cõi trời Phạm thiên.

Bấy giờ Ma vương ba lần xuất hiện trong chúng Phạm thiên, thấy thế liền thưa đức Thế Tôn:

— Này Đại tiên nhơn, Ông thực khéo thấy, khéo biết, khéo thông suốt, nhưng Ông chớ nên giáo huấn, diu dắt đệ tử, chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyện ái đệ tử. Chớ luyện ái đệ tử mà khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào những nơi thấp kém, sẽ sanh làm thân kỹ nhạc thấp kém. Hãy sống vô vi, mà hưởng thụ an ổn trong đời hiện tại. Vì sao ? Này Đại tiên nhơn, vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích. Này Đại tiên nhơn, xưa có Sa-môn, Phạm chí giáo huấn đệ tử, diu dắt đệ tử nói pháp cho đệ tử nghe, luyện ái đệ tử. Vì luyện ái đệ tử, nên sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy đã sanh vào làm thân kỹ nhạc thấp kém. Này Đại tiên nhơn, vì thế ta bảo Ông chớ nên giáo huấn,

dầu dất đệ tử, cũng chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyến ái đệ tử. Chớ vì luyến ái đệ tử mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh làm thân kỹ nghệ thấp kém. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ an lạc trong đời hiện tại. Vì sao ? Nay Đại tiên nhơn, vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích.

Lúc đó đức Thế tôn bảo:

— Nay ma Ba-tuần, Ngươi chẳng phải vì mong cầu thiện lợi cho Ta, chẳng phải vì mong cầu sự hữu ích, chẳng phải vì mong cầu an lạc, cũng chẳng phải vì mong cầu an ổn cho Ta mà nói với Ta rằng: “Chớ giáo huấn, dầu dất đệ tử, đừng nói pháp cho đệ tử nghe, đừng luyến ái đệ tử. Chớ luyến ái đệ tử mà sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh làm thân kỹ nghệ thấp kém. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ an lạc trong đời hiện tại. Vì sao vậy ? Nay Đại tiên nhơn, vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích.” Nay ma Ba-tuần, Ta biết Ngươi đang nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm này nói pháp cho đệ tử nghe sau khi nghe xong, các đệ tử ấy sẽ ra khỏi cảnh giới của Ta.” Nay ma Ba-tuần, vì thế cho nên Ngươi nói với Ta rằng: “Chớ giáo huấn, dầu dất đệ tử, chớ nói pháp cho đệ tử nghe, cũng chớ luyến ái đệ tử. Chớ vì luyến ái đệ tử mà sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào làm thân kỹ nghệ thấp kém. Hãy sống vô vi mà

hưởng thụ an lạc trong đời hiện tại. Vì sao vậy ?
Này Đại tiên nhơn, vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích.” Này ma Ba-tuần nếu quả có Sa-môn, Phạm chí nào đã giáo huấn đệ tử, dìu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe và luyến ái đệ tử; vì luyến ái đệ tử, nên sau khi thân hoại mạng chung đã sanh vào làm thân kỹ nhạc thấp kém, thì Sa-môn, Phạm chí ấy chẳng phải là Sa-môn, mà tự xưng là Sa-môn, chẳng phải Phạm chí mà tự xưng là Phạm chí, chẳng phải là A-la-hán mà tự xưng là A-la-hán, chẳng phải Đẳng Chánh Giác mà tự xưng là Đẳng Chánh Giác. Này ma Ba-tuần, Ta thực là Sa-môn, nên mới xưng là Sa-môn, thật là Phạm chí nên mới xưng là Phạm chí, thực là A-la-hán nên mới xưng là A-la-hán, thực là Đẳng Chánh Giác nên mới xưng là Đẳng Chánh Giác. Này ma Ba-tuần, nếu Ta có nói pháp hay không nói pháp cho đệ tử nghe, thì Người cũng nên đi đi, nay Ta tự biết nên nói pháp cho đệ tử nghe hay không nên nói pháp cho đệ tử nghe.

Đó là lời Phạm thiên thỉnh cầu và ma Ba-tuần từ chối. Đức Thế Tôn tùy thuận nói pháp, cho nên kinh này gọi là “Phạm thiên thỉnh Phật”

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên sau khi nghe những lời của đức Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH HỮU THẮNG THIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tiên Du tài chủ bảo người sứ:

— Ông hãy đến đức Phật, thay ta cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn và thăm hỏi ngài xem Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, khí lực bình thường chăng. Hãy nói như vậy: “Tiên Du tài chủ cúi lạy chân Phật, thưa hỏi Thế Tôn xem Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng khí lực bình thường chăng.” Khi Ông đã thay ta thăm hỏi Phật rồi, hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà cũng thay mặt

ta, cúi lạy dưới chân Tôn giả, rồi thăm hỏi xem Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chẳng. Hãy nói như vậy: “Tiên Du tài chủ cúi lạy dưới chân Tôn giả A-na-luật-đa, thưa hỏi ngài: “Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chẳng ?” Tiên Du tài chủ cung thỉnh Tôn giả A-na-luật-đa, tất cả bốn vị ngày mai cùng đến thọ trai.” Nếu ngài nhận lời thì thưa thêm rằng: “Bạch Tôn giả, Tiên Du tài chủ nhiều công việc lắm, làm các việc cho vua, giải quyết việc thân tá, cúi xin Tôn giả vì lòng thương xót, cùng tất cả bốn vị nửa ngày mai đến nhà Tiên Du tài chủ.”

Lúc ấy người sứ nghe lời Tiên Du tài chủ dạy xong, đi đến chỗ Phật, cúi lạy chân Ngài, đứng qua một bên và bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, Tiên Du tài chủ cúi lạy chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn. Thánh thể khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chẳng.

Bấy giờ Thế Tôn bảo người sứ:

— Mong rằng Tiên Du tài chủ an ổn, khoái

lạc ! Mong rằng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà, La-sát và tất cả loài khác đều an ổn khoái lạc !

Khi ấy người sứ nghe lời Phật dạy, khéo ghi nhớ, cúi lạy chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Người sứ đi đến chỗ A-na-luật-đà cúi lạy rồi ngồi qua một bên mà bạch:

— Bạch Tôn giả A-na-luật-đà, Tiên Dur tài chủ cúi lạy chân Ngài, thăm hỏi Tôn giả: “Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng ?” Tiên Dur tài chủ cung thỉnh Tôn giả và tất cả bốn vị, ngày mai cùng đến thọ trai.

Lúc ấy, cách Tôn giả A-na-luật-đà không xa, Tôn giả Chon-ca-chiên-diên đang ngồi nghỉ. Tôn giả A-na-luật-đà liền nói:

— Hiền giả Chon-ca-chiên-diên, tôi đã có nói ngày mai chúng ta vào thành Xá-vệ để khát thực chính là đây vậy. Hôm nay, Tiên Dur tài chủ sai người thỉnh chúng ta, bốn người cùng thọ trai ngày mai.

Tôn giả Chon-ca-chiên-diên liền thưa:

— Mong Tôn giả A-na-luật-đà vì người ấy mà im lặng nhận lời mời. Ngày mai chúng ta ra khỏi khu rừng tối nầy để vào thành Xá-vệ khát thực.

Tôn giả A-na-luật-đà vì người ấy mà im lặng nhận lời. Lúc đó người sứ biết Tôn giả A-na-luật-đà im lặng nhận lời rồi, liền thưa thêm:

— Tiên Dư tài chủ bạch Tôn giả: “Tiên Dư tài chủ nhiều công việc, làm các việc cho vua, giải quyết việc thân tá, mong Tôn giả vì lòng thương xót, tất cả bốn vị ngày mai đến nhà Tiên Dư tài chủ !”

Tôn giả A-na-luật-đà bảo người sứ:

— Ông cứ trở về, tôi tự biết thời.

Lúc ấy, người sứ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cuối đầu đánh lễ, nhiễu ba vòng rồi lui ra.

Đêm tàn, trời sắp sáng. Tôn giả A-na-luật-đà mặc y, cầm bát và tất cả bốn vị, cùng đến nhà Tiên Dư tài chủ. Bấy giờ, Tiên dư tài chủ có thể nữ vây quanh, đứng ở cửa giữa, chờ Tôn giả A-na-luật-đà.

Tiên Dư tài chủ thấy Tôn giả A-na-luật-đà từ xa đi đến. Sau khi thấy, Tiên Dư tài chủ chấp tay hướng về Tôn giả tán thán:

— Kính chào Tôn giả A-na-luật-đà, đã lâu rồi Ngài không đến đây !

Với lòng cung kính, Tiên Dư tài chủ đỡ Tôn giả A-na-luật-đà vào trong nhà, mời ngồi trên giường tốt đẹp đã bày sẵn. Tôn giả liền ngồi trên giường

ấy. Tiên Dư tài chủ cúi lạy dưới chân Tôn giả A-na-luật-đà, ngồi qua một bên mà bạch:

— Kính bạch Tôn giả A-na-luật-đà, con có điều muốn hỏi, xin Ngài nghe cho.

— Nay Tài chủ, tùy theo Ông hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ.

Tiên Dư tài chủ hỏi Tôn giả A-na-luật-đà:

— Hoặc có Sa-môn, Phạm chí đi đến chỗ con, bảo con: “Này Tài chủ, Ông nên tu đại tâm giải thoát.” Bạch Tôn giả, lại có Sa-môn, Phạm chí đi đến chỗ con, bảo con: “Này Tài chủ, Ông nên tu vô lượng tâm giải thoát.” Bạch Tôn giả, đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này khác hẳn, khác nghĩa, hay một nghĩa nhưng khác hẳn ?

Tôn giả A-na-luật-đà bảo:

— Nay Tài chủ, Ông hỏi điều này trước, vậy Ông hãy tự trả lời trước, rồi tôi sẽ trả lời sau.

— Bạch Tôn giả, đại tâm giải thoát, vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này đồng một nghĩa nhưng khác hẳn. Điều này, Tiên Dư tài chủ không thể trả lời được.

Tôn giả A-na-luật-đà bảo:

— Nay Tài chủ, hãy lắng nghe. Tôi sẽ nói cho Ông về đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát. Đại tâm giải thoát là, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự hoặc đến gốc cây, chỗ yên tĩnh, y cứ một cây, ý giải về đại tâm giải thoát, biến mãn, thành tựu và an trú, chỉ với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y cứ vào một cây, y cứ vào hai, ba cây, ý giải về đại tâm giải thoát, biến mãn, thành tựu an trú với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y cứ vào hai, ba cây, thì hoặc y cứ vào một khu rừng; nếu không y cứ vào một khu rừng, thì hoặc y cứ vào hai, ba khu rừng; nếu không y cứ vào hai, ba khu rừng, sẽ y cứ vào một thôn; nếu không y cứ vào một thôn, sẽ y cứ vào hai, ba thôn; nếu không y cứ vào hai, ba thôn, thì hoặc y cứ vào một nước; nếu không y cứ vào một nước, sẽ y cứ vào hai, ba nước; nếu không y cứ vào hai ba nước, thì hoặc y cứ vào đại địa, cho đến đại hải, ý giải về đại tâm giải thoát, biến mãn, thành tựu an trú với giới hạn bằng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Đó là đại tâm giải thoát.

Nay Tài chủ, thế nào là vô lượng tâm giải thoát ? Nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến gốc cây, chỗ yên tĩnh, trống trải, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Như

vậy hai, ba, bốn phương, bốn hướng, trên dưới cùng khắp mọi nơi, tâm đi đôi với từ, không kiết, không oán, không giận, không tranh, rất rộng rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian thành tựu an trú. Cũng như vậy tâm đi đôi với bi, hỷ, xả, không kiết, không oán, không giận, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian thành tựu an trú. Đó là vô lượng tâm giải thoát.

Này Tài chủ, đại tâm giải thoát, vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này khác nghĩa, khác văn hay đồng một nghĩa nhưng khác văn ?

Tiên Du tài chủ đáp:

— Từ chỗ con nghe Tôn giả, thì con hiểu được nghĩa ấy. Hai giải thoát ấy nghĩa đã khác nhau mà văn cũng khác.

Tôn giả A-na-luật-đà bảo:

— Này Tài chủ, có ba loài trời: Quang thiên, Tịnh quang thiên, và Biến tịnh quang thiên. Trong đó, chư Thiên cõi Quang thiên sanh tại một chỗ, không nghĩ rằng: “Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta”, nhưng chư Thiên ấy tùy chỗ họ đến mà liên vui say trong đó. Này Tài chủ, ví như con ruồi ở nơi miếng thịt, không nghĩ rằng: “Đây là sở

hữu của ta, kia là sở hữu của ta", nhưng con ruồi chỉ theo miếng thịt mà vui say trong đó. Cũng vậy, chư Thiên cõi Quang thiên không nghĩ rằng: "Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta", nhưng chư Thiên ấy chỉ tùy chỗ họ đến mà vui say trong đó.

Có thời gian chư Thiên cõi Quang thiên họp lại một chỗ, tuy sắc thân có khác nhau nhưng ánh sáng không khác. Nay Tà chủ, ví như có người thắp vô số cây đèn treo ở trong một cái nhà, các cây đèn kia tuy khác nhưng ánh sáng của đèn không khác; cũng vậy, chư Thiên cõi Quang thiên họp lại một chỗ, tuy sắc thân có khác nhưng ánh sáng không khác. Có lúc chư Thiên ấy đều tự tắt mát, lúc họ tự tắt mát thì sắc thân của họ đã khác mà ánh sáng cũng khác. Nay Tà chủ, ví như có người từ trong một cái nhà đem ra nhiều cây đèn, phân chia treo nơi các nhà; những cây đèn đó đã khác mà ánh sáng cũng khác; cũng vậy, chư Thiên ấy tự tắt mát, lúc họ tự tắt mát thì sắc thân của họ đã khác mà ánh sáng cũng khác.

Lúc ấy Tôn giả Chon-ca-chiên-diên thưa:

— Tôn giả A-na-luật-đà, các vị Quang thiên sanh ở một chỗ có thể biết sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Nay Hiền-giả Ca-chiên-diên, có thể nói, các vị Quang thiên ấy sanh ở một chỗ, biết sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu.

Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên lại hỏi thêm:

— Thưa Tôn giả A-na-luật-đà, các vị Quang thiên sanh ở một chỗ, do nhân gì, duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến gốc cây, chỗ an tịnh, thanh nhàn, y cứ vào một cây, ý giải, suy tưởng về ánh sáng, thành tựu an trú; tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu vị ấy không y cứ vào một cây, thì hoặc y cứ vào hai, ba cây, ý giải, suy tưởng về ánh sáng thành tựu an trú; tâm suy tưởng ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, giữa hai tâm giải thoát này, giải thoát nào là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao ?

Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên đáp:

— Nay Tôn giả A-na-luật-đà, nếu có Sa-môn,

Phạm chí không y cứ vào một cây, nhưng y cứ vào hai, ba cây, ý giải và suy tưởng về ánh sáng thành tựu an trú; tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nay Tôn giả A-na-luật-đà, trong hai loại giải thoát, giải thoát này là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao.

Tôn giả A-na-luật-đà lại hỏi:

— Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, nếu không y cứ hai, ba cây thì hoặc y cứ vào một rừng; nếu không y cứ vào một rừng, thì hoặc y cứ vào hai, ba rừng; nếu không y cứ vào hai ba, ba rừng thì hoặc y cứ vào một thôn; nếu không y cứ vào một thôn thì y cứ vào hai, ba thôn; nếu không y cứ vào hai, ba thôn thì hoặc y cứ vào một nước; nếu không y cứ vào một nước thì y cứ vào hai, ba nước; nếu không y cứ vào hai ba nước thì hoặc y cứ vào đại địa này cho đến đại hải, ý giải, suy tưởng về ánh sáng thành tựu an trú; tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, trong hai giải thoát đó, giải thoát nào là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao ?

Tôn giả Chon-ca-chiên-diên đáp:

— Đây Tôn giả A-na-luật-đà, nếu có Sa-môn, Phạm chí không y cứ vào hai, ba cây nhưng y cứ vào một rừng; nếu không y cứ vào một rừng thì y cứ vào một thôn; nếu không y cứ vào một thôn thì y cứ vào một nước; nếu không y cứ vào một nước thì y cứ vào hai ba nước; nếu không y cứ vào hai ba nước thì hoặc y cứ vào đại địa nầy cho đến đại hải, ý giải suy tưởng về ánh sáng thành tựu an trú; tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Đây Tôn giả A-na-luật-đà, trong hai loại giải thoát, giải thoát nầy là trên, là hơn, là vi diệu, là tối thắng.

Tôn giả A-na-luật-đà bảo:

— Đây Hiền giả Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, vị Quang thiên kia sanh ở một chỗ, biết có hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Vì sao ? Bởi vì do tâm người có hơn, có bằng nên sự tu có tinh, có thô. Do sự tu có tinh có thô nên được làm người thì có hơn, có bằng. Đây Hiền giả Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài Người có hơn, có bằng nhau.

Tôn giả Chon-ca-chiên-diên lại hỏi:

— Đây Tôn giả A-na-luật-đà, vị Tịnh quang

thiên kia sanh ở một chỗ, có thể biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đa đáp:

— Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, có thể nói rằng Tịnh quang thiên kia sanh tại một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu.

Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên lại hỏi:

— Nay Tôn giả A-na-luật-đa, vị Tịnh quang thiên kia sanh tại một chỗ, vì nhân duyên gì biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu ?

— Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tịnh, thanh nhàn, ý giải về Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ, vị ấy đối với điều này nhất định không tu, không tập, không rộng lớn, không thành tựu. Vị ấy sau đó thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không được an nghỉ cùng tốt, không được tịch tịnh cùng tốt cũng không được tuổi thọ cùng tốt. Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, ví như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh và lớn đều ở dưới nước; khi ấy, rễ, cọng, lá, hoa, tất cả đều bị thấm nước, ngập nước không gì là không bị thấm nước; này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như vậy, nếu có Sa-môn Phạm chí, ở chỗ

vô sự, hoặc đến dưới cây, nơi an tĩnh không nhân, ý giải về Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trú. Với sự này, vị ấy nhất định không tu, không tập, không rộng lớn, không thành tựu cùng tốt. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không được an nghỉ, không được tịch tĩnh, và không được tuổi thọ cùng tốt.

Này Hiền giả Ca-chiên-diên, lại có Sa-môn, Phạm chí ý giải về Tịnh quang thiên, biến mãn, thành tựu an trú. Với sự này, vị ấy nhất định nhiều lần tu, tập, nhiều lần làm rộng lớn, thành tựu cùng tốt. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sau khi sanh được an nghỉ cuối cùng, được tịch tĩnh cùng tốt cũng được tuổi thọ cùng tốt. Này Hiền giả Ca-chiên-diên, ví như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh dưới nước, lớn dưới nước, vượt lên trên nước, nước không thể thấm nhập được; này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới cây, nơi an tĩnh, thanh nhàn, ý giải về Tịnh quang thiên, biến mãn, thành tựu an trú. Với sự này, vị ấy nhất định không tu, không tập, không rộng lớn, không thành tựu cùng tốt. Về sau, vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không được an nghỉ, không được tịch tĩnh, không được tuổi

thọ cùng tốt. Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, lại có Samôn, Phạm chí ý giải về Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ, Với sự này, vị ấy nhất định nhiều lần tu, nhiều lần tập, nhiều lần làm rộng lớn, thành tựu cùng tốt. Về sau, vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sau khi sanh, được an nghỉ cùng tốt, được tịch tịnh cùng tốt, cũng được tuổi thọ cùng tốt.

Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, chư Thiên cõi Tịnh quang thiên ấy sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu. Vì sao ? Do lòng người có hơn, có bằng nên sự tu có tinh, có thô; do sự tu có tinh, có thô nên được làm người thì có hơn, có bằng. Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài Người có hơn, có bằng nhau.

Tôn giả Ca-chiên-diên lại hỏi:

— Nay Tôn giả A-na-luật-đà, chư Thiên cõi Biến tịnh quang thiên sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, có thể nói rằng chư Thiên ở cõi Biến tịnh quang thiên sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu.

Tôn giả Chon-ca-chiên-diên lại hỏi:

— Này Tôn giả, chư Thiên cõi Biến tịnh quang thiên sanh tại một chỗ, do nhân gì, duyên gì, biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Này Hiền giả Ca-chiên-diên, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới cây, chỗ an tịnh, thanh nhàn, ý giải về Biến tịnh quang thiên, biến mãn, thành tựu an trú; vị ấy không đình chỉ được thùy miên, không chấm dứt trạo hối một cách khéo léo. Về sau, vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng không trong sáng tối đa. Này Hiền giả Ca-chiên-diên, ví như đèn cháy là nhờ nơi dầu và tim, nếu dầu có cạn, tim lại không sạch, do đó, ánh sáng của đèn phát ra không sáng tỏ; này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự hoặc đến dưới cây, chỗ an tịnh, thanh nhàn, ý giải về Biến tịnh quang thiên, biến mãn, thành tựu an trú; vị ấy không đình chỉ được thùy miên, không khéo léo chấm dứt trạo hối. Khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh lên Biến tịnh quang thiên, sanh rồi, ánh sáng không trong sáng cùng tốt.

Này Hiền giả Ca-chiên-diên, lại có Sa-môn,

Phạm chí ở chỗ vô sự hoặc đến dưới cây, chỗ an tịnh thanh nhàn, ý giải về Biến tịnh quang thiên được biến mãn, thành tựu an trú. Vị ấy đình chỉ được thụy miên, khéo léo chấm dứt trạo hối. Khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ sáng tỏ.

Này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như cây đèn do dầu và tim; nếu dầu không cạn và tim rất sạch thì nhờ đó, ánh đèn phát ra rất trong sáng; này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới cây, chỗ không tịnh, an nhàn, ý giải về Biến tịnh quang thiên được biến mãn, thành tựu an trú; vị ấy rốt ráo đình chỉ được thụy miên, khéo léo chấm dứt trạo hối, thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ sáng tỏ.

Này Hiền giả Ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, chư Thiên cõi Biến tịnh quang thiên sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu. Vì sao ? Do lòng người có hơn, có bằng, nên sự tu, có tinh, có thô; do tu có tinh, có thô, nên khi được làm người thì có hơn, có bằng. Này Hiền giả Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài Người có hơn, có bằng nhau.

Bấy giờ Tôn giả Chon-ca-chiên-diên khen Tiên Dư tài chủ rằng:

— Lành thay, lành thay, Tài chủ ! Ông đã làm cho chúng tôi được nhiều lợi ích. Vì sao ? Vì trước hết Ông hỏi Tôn giả A-na-luật-đà về việc có cõi trời thù thắng mà chúng tôi chưa từng nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói về nghĩa như vậy: nghĩa là các cõi trời kia, có chư Thiên đó. Chư Thiên như vậy, các cõi Trời như vậy.

Lúc ấy Tôn giả A-na-luật-đà bảo:

— Nay Hiền giả Ca-chiên-diên, có nhiều cõi trời kia tức mặt trời và mặt trăng nầy; như vậy, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân. Vì ánh sáng không kịp ánh sáng, những vị kia cùng ta tụ hợp để ủy lạo nhau. Có những điều để luận thuyết, có những điều để đối đáp nhưng ta không nói như rằng: “Cõi trời kia, có cõi trời kia như vậy...”

Khi đó Tiên Dư tài chủ biết Tôn giả A-na-luật-đà đã nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự tay đi lấy nước rửa, dùng các món ăn hết sức trong sạch, tốt tươi, đầy đủ các loại cứng, loại mềm, tự tay sẵn sóc thức ăn, rót nước, làm cho ăn uống no đủ. Ăn xong dọn dẹp đồ dùng, đưa nước rửa tay, rồi

Tài chủ lấy một cái ghế nhỏ, ngồi một bên nghe pháp. Tiên Dư tài chủ ngồi xong, Tôn giả A-na-luật-đà thuyết pháp cho Tài chủ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Tài chủ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng lên ra về.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết giảng như vậy, Tiên Dư tài chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH CA-HI-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà cũng ở tại nước Xá-vệ, trong núi Ta-la-la. Lúc ấy đã qua đêm, trời sáng, Tôn giả A-na-luật-đà đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Tôn giả A-nan cũng vào buổi sáng đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Tôn giả A-na-luật-đà gặp Tôn giả A-nan cũng đi khát thực. Sau khi gặp, Tôn giả nói:

— Này Hiền giả A-nan, nên biết ba y vải thô của tôi đã rách hết. Này Hiền giả, nay đây có thể nhờ các thầy Tỳ-kheo may hộ y cho tôi không ?

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời nhờ may. Tôn giả A-na-luật-đà hứa sẽ nhờ may.

Bấy giờ Tôn giả A-nan sau khi vào thành Xá-vệ khát thực, ăn xong, sau buổi trưa cất y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt ở trên vai, tay cầm chìa khóa cửa, đến khắp các phòng, gặp các Tỳ-kheo liền nói rằng:

— Thưa các Thầy, hôm nay xin hãy qua núi Ta-la-la may y giúp cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Bấy giờ, các thầy Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả A-nan, thầy đều đến Ta-la-la, may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Lúc ấy, đức Thế Tôn gặp Tôn giả A-nan tay cầm chìa khóa cửa đến khắp các phòng; sau khi gặp, Ngài bảo:

— Này A-nan, Ông vì việc gì mà tay cầm chìa khóa cửa đến khắp các phòng ?

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, con nay nhờ các thầy Tỳ-kheo may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, tại sao Ông không thỉnh Như Lai may y cho A-na-luật-đà ?

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền chấp tay hướng về đức Phật, bạch rằng:

— Cúi mong Thế Tôn qua núi Ta-la-la may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời Tôn giả A-nan. Bấy giờ đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan qua núi Ta-la-la, trải tòa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, trong núi Ta-la-la có tám trăm Tỳ-kheo và đức Thế Tôn cùng ngồi chung may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên cũng có trong chúng. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay Mục-kiên-liên, Ta có thể vì A-na-luật-đà trải rộng tám y, cắt rọc rồi may lại thành y.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, chấp tay hướng về đức Thế Tôn và bạch:

— Cúi mong đức Thế Tôn trải rộng tám y; các vị Tỳ-kheo sẽ cùng nhau cắt rọc khâu vá, may chung lại thành y.

Bấy giờ đức Thế Tôn liền vì Tôn giả A-na-luật-đà, trải rộng tám y; các Tỳ-kheo cùng nhau cắt rọc

khâu vá, may chung lại. Ngay trong ngày hôm ấy, chư vị đã may xong cho Tôn giả A-na-luật-đà ba y. Đức Thế Tôn lúc ấy biết ba y của Tôn giả A-na-luật-đà đã may xong, liền bảo rằng:

— Này A-na-luật-đà, Ông hãy nói pháp Ca-si-na cho các thầy Tỳ-kheo nghe. Ta đang đau lưng, muốn nghỉ một lúc.

Tôn giả A-na-luật-đà bạch:

— Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn xếp chông bốn lớp y ưu-da-la-tăng để trải trên giường, gấp y tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chông lên nhau, khởi quang minh tướng, thường tác khởi tư tưởng, an lập nơi chánh niệm, chánh trí.

Lúc đó Tôn giả A-na-luật-đà bảo các Tỳ-kheo:

— Này chư Hiền, xưa kia, lúc tôi chưa xuất gia học đạo, nhằm chán cảnh sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, buồn tủi, lo lắng, muốn đoạn trừ cái khối đau khổ lớn lao này. Này chư Hiền, khi đã nhằm chán, tôi quán sát như vậy: “Đời sống tại gia hết sức chật hẹp, đầy bụi bặm, xuất gia học đạo, khơi mở sự rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị trói buộc trong vô xiềng xích, không được trọn đời tu các phạm hạnh.

Ta nên từ bỏ một ít tài vật, và nhiều tài vật, từ bỏ một số thân tộc và nhiều thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.”. Nay chư Hiền, sau đó tôi từ bỏ một ít tài vật và nhiều tài vật, từ bỏ một số thân tộc và nhiều thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Nay chư Hiền, khi tôi đã xuất gia học đạo, từ bỏ dòng họ rồi, thọ pháp Tỳ-kheo, tu hành cấm giới, thủ hộ giới giải thoát. Tôi lại khéo léo nhiếp phục các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhất cũng thường ôm lòng lo sợ, thọ trì học giới.

Nay chư Hiền, tôi xa lìa giết hại, đoạn trừ giết hại, vất bỏ dao gậy, có tâm có quý, có tâm từ bi, lợi ích tất cả ngay đến côn trùng nhỏ nhất. Về việc sát sanh, tôi đã đoạn trừ tâm đó.

Nay chư Hiền, tôi đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp, được cho thì mới lấy, vui nơi việc lấy vật được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ, không keo kiệt, không mong cầu báo đáp. Về việc trộm cắp, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Nay chư Hiền, tôi đã xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng năng tu phạm hạnh, tinh cần, diệu hạnh thanh tịnh, không ô uế, lìa dục,

đoạn tâm. Về việc phi phạm hạnh, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa nói láo, đoạn trừ nói láo, nói lời chân thật, thích sự chân thật, an trụ nơi chân thật, không di động, tất cả có thể tin theo, không dối gạt thế gian. Về lời nói láo, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, thực hành không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này rồi đem nói lại với người kia để phá hoại người này; không nghe lời người kia rồi đem nói với người này để phá hoại người kia, với người chia rẽ thì muốn cho hòa hợp, với người hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập đảng, không ham thích bè đảng, không rêu rao bè đảng. Về lời nói hai lưỡi, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có lời nói mà ngôn từ thô ác, hung hăng, tiếng dữ, trái tai, mọi người không vui, mọi người không mến, khiến cho người khác khổ não, không được an định thì tôi đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có lời nói trong trẻo, hòa thuận, mềm mỏng, xuôi tai, đáng vui, đáng mến, khiến cho

người khác an lạc, ngôn từ đầy đủ, rõ ràng, không làm người sợ, khiến họ được an định thì tôi nói lời ấy. Về lời nói thô ác, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi đã xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt, nói lời hợp thời, lời chân thật, đúng pháp, đúng nghĩa, lời chỉ túc, và ưa nói lời chỉ túc, hợp theo việc, hợp theo thời, khéo léo dạy dỗ, khéo léo quở trách. Về lời nói thêu dệt, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa sự mưu sinh, đoạn trừ sự mưu sinh như vậy: vất bỏ dụng cụ đong lường, cái đấu, cái hộc, không nhận lãnh hàng hóa, không buộc trói người, không mong bẻ đấu đong lường, không vì lợi nhỏ xâm lấn đối gạt người khác. Về sự mưu sinh như vậy, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ, đoạn trừ việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ. Về việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh tôi tớ, đoạn trừ việc nhận lãnh tôi tớ. Về việc nhận lãnh tôi tớ, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận lãnh voi, ngựa,

trâu, dê. Về việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh gà, heo, đoạn trừ việc nhận lãnh gà, heo. Về việc nhận lãnh gà, heo, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán, đoạn trừ việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán. Về việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh lúa, mì, đậu sống, đoạn trừ việc nhận lãnh lúa, mì, đậu sống. Về việc nhận lãnh lúa, mì, đậu sống tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Về việc uống rượu, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa giường lớn, cao, rộng, đoạn trừ giường lớn, cao, rộng. Về giường lớn, cao, rộng, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa tràng hoa, anh lạc, bột hương, phấn sáp, bôi xoa thân thể, đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, phấn sáp thơm tho, bôi xoa thân thể. Về tràng hoa, anh lạc, phấn sáp thơm tho, bôi xoa thân thể, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa ca, múa, xướng, hát, đến xem nghe, đoạn trừ ca, múa, xướng, hát, và đến xem nghe. Về việc ca, múa, xướng, hát, và đến xem nghe, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh vàng bạc, của báu, đoạn trừ việc nhận lãnh vàng bạc, của báu. Về việc nhận lãnh vàng bạc, của báu, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi xa lìa việc ăn quá giờ Ngọ, đoạn trừ việc ăn quá giờ Ngọ, ăn một lần, không ăn đêm, học ăn đúng thời. Về việc ăn quá giờ Ngọ, tôi đã trừ sạch tâm đó.

Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới tự này, lại học theo hạnh hết sức tri túc, y đủ để che thân, ăn đủ để nuôi thân, đi đến đâu đều mang theo y, bát, đi không luyến nhớ. Giống như chim ung mang theo đôi cánh, bay lượn trên không trung; này chư Hiền, tôi cũng vậy, đi đến đâu đều mang theo y, bát, đi không luyến nhớ.

Này chư Hiền, khi tôi đã thành tựu Thánh giới tự này và hết sức tri túc, tôi lại học giữ gìn các căn, thường nghĩ đến sự đóng chặt các căn, nghĩ đến mong muốn sáng suốt, giữ gìn tâm niệm mà được thành tựu, hằng khởi chánh trí. Nếu mắt thấy sắc

thì không chấp tướng cũng không đắm sắc, vì phần nộ, tranh cãi, nên giữ gìn nhãn căn, trong tâm không sanh tham câu dòm ngó, lo lắng và không sanh điều ác bất thiện, hướng đến điều đó, nên gìn giữ nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân căn cũng vậy. Nếu ý biết pháp thì không thọ tướng, cũng không đắm pháp, không phần nộ, tranh cãi, nên giữ gìn ý căn, trong tâm không sanh tham lam, dòm ngó, lo lắng và không sanh các điều ác, bất thiện, hướng đến điều đó nên gìn giữ ý căn.

Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới tự này, hết sức tri túc và gìn giữ các căn, tôi lại học chánh trí, xuất nhập, khéo léo quán sát, phân biệt, co duỗi, cúi ngược, đều thông thả; khéo khoác y tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều chánh tri cả.

Này chư Hiền, khi tôi đã thành tựu Thánh giới tự này, và hết sức tri túc, gìn giữ các căn, chánh trí xuất nhập, tôi lại học hạnh viễn ly, cô độc một mình, ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tịnh, thanh nhàn, núi non, hốc đá, đất trống, hoặc ở trong núi rừng, hoặc ở giữa gò mả. Này chư Hiền, khi tôi đã đến chỗ vô sự, hoặc dưới gốc cây, nơi an tịnh thanh nhàn, trái ni-sư-đàn, ngôi kiết-già, chánh thân chánh nguyện, phần niệm, không hướng ngoại, đoạn trừ

tham tâm, tâm không tranh cãi; thấy tài vật, dụng cụ sinh hoạt của người khác không khởi tham tâm mong muốn cho mình được. Về lòng tham lam, tôi đã trừ sạch tâm đó. Về sân nhuế, thù miên, điều hối, tôi đã trừ sạch tâm đó. Tôi đã đoạn trừ nghi hoặc đối với các thiện pháp, không còn do dự. Về sự nghi hoặc, tôi đã trừ sạch tâm đó. Nay chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái, làm cho tâm ô uế, làm cho huệ yếu kém, ly dục, li pháp ác bất thiện, cho đến chúng đắc Thiên thứ tư, thành tựu an trú.

Này chư Hiền, tôi đã được tâm định như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi học chứng nghiệm như ý túc trí thông. Nay chư Hiền, tôi đã được vô lượng như ý túc, đó là phân thân một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một thì trụ một, có tri, có kiến, không bị trở ngại bởi vách đá, đi vào vách đá chẳng khác nào đi giữa hư không, đi vào đất như đi vào nước, đi trên nước như đi trên đất, ngồi kiết-già mà bay lên không trung giống như chim bay, thân cao đến Phạm thiên dùng tay sờ mặt trời, mặt trăng, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, đại oai thần.

Này chư Hiền, khi tôi đã được thanh tịnh như vậy, không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyễn,

khéo an trú, được tâm bất động, tôi học chứng nghiệm thiên nhĩ trí thông. Nay chư Hiền, tôi dùng thiên nhĩ nghe âm thanh loài người và không phải loài người, gần xa, hay và không hay.

Nay chư Hiền, khi tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền, nhu nhuyến, khéo an trú, được bất động tâm, tôi học chứng nghiệm tha tâm trí thông. Nay chư Hiền, chúng sanh khác suy nghĩ, hành động, tôi dùng tha tâm trí biết được tâm của họ đúng như thật, có tâm dục, biết có tâm dục đúng như thật; không tâm dục, biết không tâm dục đúng như thật; có giận, không giận; có si, không si; có uế, không uế, tụ hợp, tán loạn, cao, thấp, lớn, nhỏ, tu, không tu, định, không định, tôi đều biết đúng như thật; không có tâm giải thoát tôi biết không có tâm giải thoát đúng như thật; tâm giải thoát tôi biết tâm giải thoát đúng như thật.

Nay chư Hiền, tôi đã được tâm định như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trú, được tâm bất động, tôi học ức túc mạng trí thông. Nay chư Hiền, có hạnh nghiệp có tướng mạo, tôi đều nhớ xưa kia trải qua vô lượng, nào là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô số thành hoại kiếp, người đó tên

thế này, người đó xưa kia đã qua, đã từng sanh chỗ đó tên họ như vậy, danh tự như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ, được vui như vậy, sống lâu như vậy, sống lâu rồi chết như vậy, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây; tôi sanh chỗ này, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, sống lâu rồi chết như vậy.

Này chư Hiền, tôi đã được tâm định như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trú, được tâm bất động, tôi học sanh tử trí thông. Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhãn thanh tịnh nhìn xa hơn người, thấy chúng sanh nầy lúc chết lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, vi diệu không vi diệu, qua lại chỗ thiện, chỗ bất thiện, đều tùy chỗ tạo nghiệp của chúng sanh mà thấy họ đúng như thật. Nếu chúng sanh nầy thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, thì chúng sanh ấy bởi nhân duyên nầy, khi thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục; nếu chúng sanh nầy thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về khẩu, diệu hạnh về ý, không phỉ báng thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì chúng sanh ấy bởi nhân

duyên này, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn được lên cõi thiện, sanh lên thiên giới.

Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không buồn phiền, khéo an trú, được tâm bất động, tôi học lậu tận trí thông. Này chư Hiền tôi biết như thật đây là Khổ, biết như thật đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo; biết lậu, biết lậu tập, biết lậu diệt, biết lậu diệt đạo.” Tri như vậy, kiến như vậy, nên tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, khi đã giải thoát liền biết là đã giải thoát, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa.”

Này chư Hiền, nếu có Tỷ-kheo nào phạm giới, phá giới, khuy khuyết giới, xuyên lậu giới, ô uế giới, làm đen giới mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lên lầu gác Chánh pháp, thì nhất định không có điều đó. Này chư Hiền, ví như cách thôn không xa có nhà lớn, nhà nhỏ, lầu cao lầu thấp, trong đó để một cái thang hoặc mười cấp, mười hai cấp; nếu có người đến cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nhưng nếu không leo lên nấc thang thứ nhất mà muốn leo lên nấc thứ hai thì không thể được;

nếu không leo nấc thang thứ hai mà muốn leo nấc thứ ba, thứ bốn lên đến nhà gác cũng không thể được. Nay chư Hiền, cũng như thế, nếu có thầy Tỳ-kheo nào phạm giới, phá giới, khuyết giới, xuyên lậu giới, ô uế giới, làm đen giới, mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lầu gác Chánh pháp, thì nhất định không có điều đó.

Nay chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, không phá giới, không khuyết giới, không xuyên lậu giới, không ô uế giới, không làm đen giới, muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lầu gác Chánh pháp, thì chắc chắn có điều đó. Nay chư Hiền, như cách thôn nầy không xa, có ngôi nhà gác, trong đó để một cái thang hoặc có mười nấc hay mười hai nấc nếu có người đến cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nếu leo lên nấc thứ nhứt của thang ấy, rồi muốn leo lên nấc thứ hai thì chắc chắn có thể được; nếu leo nấc thứ hai, rồi muốn leo nấc thứ ba, nấc thứ tư lên đến lầu gác thì chắc chắn có thể được. Nay chư Hiền, cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, không phá giới, không khuyết giới, không xuyên lậu giới, không ô uế giới, không làm đen giới, muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang

leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lầu gác Chánh pháp, thì nhất định có điều đó. Đây chư Hiền, tôi nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lầu gác Chánh pháp, với phương tiện nhỏ để quán sát ngàn thế giới. Đây chư Hiền, như người có mắt ở trên lầu cao, với phương tiện nhỏ nhìn khoảng đất trống phía dưới, thấy ngàn ụ đất; đây chư Hiền, tôi cũng như vậy, nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lầu gác Chánh pháp, với phương tiện nhỏ thấy ngàn thế giới.

Này chư Hiền, như con voi lớn của vua hoặc có bảy báu hoặc lại giảm tám (?) lấy lá cây đa-la mà che đây; cũng vậy tôi che dấu lục thông này; đây chư Hiền, đối với sự chứng đắc của tôi về như ý túc trí thông, nếu có gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Đây chư Hiền, đối với sự chứng đắc thiên nhĩ trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Đây chư Hiền, đối với sự chứng đắc tha tâm trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Đây chư Hiền, đối với sự chứng đắc túc mạng trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Đây chư Hiền, đối với sự chứng đắc sanh tử trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Đây chư

Hiên, đối với sự chứng đắc lậu tận trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

Bấy giờ Tôn giả A-nan thưa:

— Thưa Tôn giả A-na-luật-đà, nay đây tập hợp ngôi trong núi Ta-la-la, gồm có tám trăm Tỳ-kheo, và đức Thế Tôn ở giữa để may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc như ý túc trí thông thì vị ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vị nào có điều gì nghi ngờ về chứng đắc thiên nhĩ trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vị nào có điều gì nghi ngờ về tha tâm trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vị nào có điều gì nghi ngờ về túc mạng trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với sanh tử trí thông, vị nào có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vị nào có điều gì nghi ngờ về lậu tận trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nhưng trong một thời gian dài, chúng tôi đã dùng tâm biết được tâm của Tôn giả A-na-luật-đà, đúng là Tôn giả A-na-luật-đà có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân.

Khi ấy đức Thế Tôn chỗ đau đã dứt và được an ổn, Ngài liền trở dậy, ngồi kiết-già. Sau khi ngồi, đức Thế Tôn khen Tôn giả A-na-luật-đà:

— Lành thay, lành thay, A-na-luật-đà ! Ông đã nói pháp Ca-si-na cho các Tỳ-kheo nghe. Nay A-na-luật-đà, Ông lại nói pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Nay A-na-luật-đà, Ông thường thường nói pháp Ca-si-na cho các Tỳ-kheo nghe.

Rồi đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay các Tỳ-kheo, các Thầy hãy vâng thọ Ca-si-na pháp, đọc tụng, tu tập Ca-si-na pháp, khéo giữ Ca-si-na pháp. Vì sao ? Vì Ca-si-na pháp cùng tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến thông, đưa đến giác, đưa đến Niết-bàn. Nếu có người con nhà dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo thì hãy nên chí tâm vâng thọ Ca-si-na pháp, khéo léo vâng thọ Ca-si-na pháp. Vì sao ? Vì Ta không thấy trong quá khứ các Tỳ-kheo may y như vậy, như Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Ta cũng không thấy trong vị lai, hiện tại, các thầy Tỳ-kheo may y như vậy, như Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Vì sao ? Vì hôm nay tám trăm Tỳ-kheo cùng ngồi nơi núi Ta-la-la và Thế Tôn cũng có trong đó, may y cho Tỳ-kheo A-na-luật-

đà. Như vậy, Tỳ-kheo A-na-luật-đà có đại như y túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

VII. PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG (tt)

10. Kinh Niệm Thân
11. Kinh Chi-ly-di-lê
12. Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thùy Miên
13. Kinh Vô Thích
14. Kinh Chơn Nhơn
15. Kinh Thuyết Xứ.

10. KINH NIỆM THÂN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Ương-kỳ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi qua A-hòa-na, trú xứ của Kiên-ni.

Bấy giờ, đêm tàn, trời sáng, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào A-hòa-na để khát thực. Sau buổi ăn trưa, đức Thế Tôn thu cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đi đến một khu rừng, vào trong rừng đó, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn và ngồi kiết-già.

Lúc bấy giờ, một số đông Tỳ-kheo, sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường cùng thảo luận vấn đề này:

— Nay chư Hiền, đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay ! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo làm đầy đủ, khéo thực hành ở trong một tâm. Đức Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở chỗ tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe xa hơn người, Ngài biết các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này: “Nay chư Hiền, đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay ! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo làm đầy đủ, khéo tu tập ở trong một tâm. Đức Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa.” Sau khi đức Thế Tôn nghe như vậy, vào lúc xế trưa, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, Ngài đến giảng đường, trải chỗ ngồi, ngồi trước chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

— Các Thầy cùng nhau vừa bàn luận việc gì ? Vì việc gì mà tụ họp tại giảng đường ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con, sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này: “Này chư Hiền, đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay ! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo làm đầy đủ, khéo thực hành ở trong một tâm. Đức Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt để thấy đệ nhất nghĩa.” Bạch Thế tôn, chúng con vừa cùng nhau bàn luận vấn đề như vậy, vì vấn đề này mà tụ họp tại giảng đường.

Đức Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo:

— Ta đã nói như thế nào về tu tập niệm thân, phân biệt, quảng bá, được đại quả báo ?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của Pháp, là chủ tể của Pháp, Pháp do Thế Tôn, kính mong Thế Tôn giảng thuyết. Chúng con sau khi nghe xong, sẽ được hiểu biết nghĩa lý rộng rãi.

Đức Phật dạy:

— Các Thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt nghĩa ấy cho các Thầy.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Đức Phật dạy:

— Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào ? Tỳ-kheo khi đi thì biết đi, đứng thì biết đứng, ngồi thì biết ngồi, nằm thì biết nằm, ngủ thì biết ngủ, thức thì biết thức, ngủ thức thì biết ngủ thức. Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Vị Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo biết rành rẽ khi vào, lúc ra, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngược, nghi dung chứng chắc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn và ôm bát chỉnh tề, đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết như thật như vậy. Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện, liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ. Như thấy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực búng thẳng lên thân cây, rồi dùng búa bén mà đéo cho thẳng; Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện, liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu mang đi khắp nơi, tự do đánh đập; cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi, thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau:

Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra, thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài, thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn; tập thở vào bằng cả toàn thân, tập thở ra bằng cả toàn thân; tập thở vào bằng thân hành tinh chỉ, tập thở ra bằng khẩu hành tinh chỉ. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến, sung mãn biến khắp trong thân; hỷ lạc sanh ra do ly dục không đâu không biến khắp. Như người thợ tắm, bỏ chum kết đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không biến khắp; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân, hỷ lạc do ly dục không đâu không biến khắp. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Vị Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không

phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn khắp trong thân; hỷ lạc do định sanh không đâu là không biến khắp. Cũng như nước suối trên núi sạch sẽ, đứng trong, tràn đầy, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào một cách tự nhiên, và nước từ đáy suối phun lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn không đâu không có nước; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở

dưới đáy nước, rễ, cọng, hoa, lá, thấy đều thấm nhuần, phổ biến sung mãn, không đâu không có nước; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần vào thân, phổ biến, sung mãn khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ở trong thân này, với tâm thanh tịnh, ý quyết định, thành tựu an trụ; ở trong thân này, với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay từ đầu đến chân, không chỗ nào là không phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, với tâm thanh tịnh, ý quyết định, thành tựu an trụ; ở trong thân này, với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo niệm quang minh tướng, khéo thọ, khéo trì, nhớ rõ điều niệm, như trước, sau cũng vậy; như sau, trước cũng vậy; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới, không điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tâm tu quang minh, không khi nào còn bị bóng đen che lấp. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán sát tướng, khéo thọ, khéo trì, khéo nhớ điều niệm. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, rồi nằm quán sát kẻ ngồi; Tỳ-kheo quán sát tướng, khéo thọ, khéo trì, khéo nhớ điều niệm; cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau:

Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đây đây bất tịnh: “Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mô hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu.” Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng: “Đây là hạt lúa, gạo, kia là hạt cải, cỏ rau”; cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tánh chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đây đây bất tịnh: “Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và bộ não, nước mắt, mô hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu.” Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: “Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong

giới, không giới, thức giới.” Như gã đô tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn; cũng như vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: “Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới”. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một ngày, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, đang bị vữa nát hư hoại. Vị ấy quán sát rồi tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau:

Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa hài cốt sắc xanh, rữa nát, bị chim thú ăn một nửa, xương cốt nằm rải rác trên mặt đất. Tỳ-kheo thấy rồi tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa thân chết không còn da thịt, máu, mà chỉ còn gân nối liền với xương, rồi tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa xương rời từng đốt tản mát khắp nơi; xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương

vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi, thấy rồi tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng, mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bể vụn, thấy rồi tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được tịnh tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Nếu có vị nào tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, thì các thiện pháp đều ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp. Nếu Tỳ-kheo có tâm ý xác quyết biến mãn, giống như đại hải, các con sông nhỏ đều đổ vào biển; nếu người tu tập niệm thân như vậy,

quảng bá như vậy, thì các thiện pháp kia đều ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, thì có thể lợi dụng được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Giống như một cái bình, bên trong trống không, không có nước, đặt ngay ngấn trên mặt đất, nếu có người đem nước đến đổ vào trong bình, thì Tỳ-kheo nghĩ sao, bình ấy như vậy có chứa nước được hay không ?

— Bạch Thế Tôn, có thể được. Vì sao ? Vì bình trống không, không có nước, đặt ngay ngấn trên mặt đất cho nên chứa nước được.

— Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, thì có thể lợi dụng được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, thì nhất định không thể được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Giống như có một cái bình bên trong

chứa đầy nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước đổ vào trong bình, thì Tỳ-kheo nghĩ sao, bình như vậy có thể chứa được nước nữa không ?

— Bạch Thế tôn, không thể được. Vì sao ? Vì bình ấy đã đầy nước rồi, đặt ngay ngắn trên mặt đất, cho nên không chứa được nước nữa.

— Cũng vậy, nếu Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, thì có thể lợi dụng được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Giống như người lực sĩ khiêng hòn đá to, nặng, quăng vào trong vũng bùn, thì Tỳ-kheo nghĩ sao, hòn đá đó có bị lún vào bùn không ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, hòn đá bị lún vào bùn. Vì sao ? Vì bùn lầy, mà đá nặng, cho nên chắc chắn hòn đá phải lún vào.

— Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, thì có thể lợi dụng được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Giống như người lực sĩ cầm một trái cầu nhẹ bằng lông ném vào một cánh cửa đóng kín thì, Tỳ-kheo nghĩ sao, cánh cửa kia có bị dội chẳng ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không thể dội. Vì sao ? Vì trái cầu thì nhẹ mà đẩy cánh cửa vững chắc, thì cánh cửa không thể dội được.

— Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, thì nhất định không thể được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao ? Vì Sa-môn,

Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Giống như người tìm lửa, lấy củi khô làm môi, rồi dùng dùi khô mà dùi, thì Tỳ-kheo nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, người kia tìm thấy lửa. Vì sao ? Vì người kia lấy dùi khô mà dùi củi khô, cho nên chắc chắn tìm thấy lửa.

— Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, thì có thể lợi dụng được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định không thể được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Giống như người tìm lửa, lấy củi ướt làm môi, rồi dùng dùi ướt mà dùi, thì Tỳ-kheo nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, người kia không tìm thấy

lửa. Vì sao ? Vì người kia lấy cái dùi ướm mà dùi gỗ ướm, cho nên không tìm thấy lửa.

— Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định không thể được. Vì sao ? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân.

Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết có mười tám công đức. Những gì là mười tám công đức ?

Tỳ-kheo có thể nhẫn nại những sự đói, khát, nóng, lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, hay gậy đánh, tiếng dữ cũng có thể nhẫn nại, thân bị bệnh tật hết sức đau đớn gần như tuyệt mạng, những điều không xứng ý đều có thể kham nhẫn. Đây là đức tánh thứ nhất khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn điều không vui thích, nếu sanh điều không vui thích thì tâm nhất định không vương mắc. Đây là đức tánh thứ hai khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn sự sợ hãi, nếu sợ hãi phát sanh thì tâm nhất định không vương

mắc. Đây là đức tánh thứ ba khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo sanh ba ác niệm: dục niệm, nhuế niệm, hại niệm; nếu ba ác niệm phát sanh, tâm nhất định không vướng mắc. Đây là đức tánh thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu an trụ. Đây là đức tánh thứ tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác thú, nhất định đến chánh giác, chỉ còn thọ sanh tối đa bảy đời nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người sẽ chứng đắc khổ biên. Đây là đức tánh thứ chín khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận ba kiết sử, dâm, nộ, si, đã nhẹ, chỉ còn qua lại một lần ở cõi trời, cõi người, sau một lần qua lại, sẽ chứng đắc khổ biên. Đây là đức tánh thứ mười khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận năm hạ phần kiết sử, nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp

bất thối, không trở lại đời này. Đây là đức tánh thứ mười một khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chúng đắc vô sắc, bằng thắng trí, tự thân tác chúng, thành tựu an trụ, rồi bằng trí huệ mà quán sát, biết rõ các lậu hoặc và đoạn trừ các lậu hoặc. Đây là đức tánh thứ mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo chúng đắc như ý túc, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí; các lậu đã tận diệt, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chúng, thành tựu, an trụ, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã thành, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Đây là đức tánh thứ mười tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết có mười tám công đức này.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

11. KINH CHI-LY-DI-LÊ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, một số đông các Tỳ-kheo, sau giờ ăn trưa, có ít việc cần làm nên tụ họp ngồi ở giảng đường muốn chấm dứt sự tranh luận, bàn luận những vấn đề về pháp luật, về lời Phật dạy. Lúc ấy Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử cũng hiện diện trong chúng. Trong khi một số đông các Tỳ-kheo đang bàn luận những vấn đề về pháp luật, về lời Phật dạy thì ngay trong lúc đang bàn luận ấy, Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử không đợi cho các Tỳ-kheo nói pháp xong mà cứ nói xen bừa vào, lại không có thái độ cung kính, không quan sát cần

thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Câu-hy-la, cũng có mặt trong chúng, nói với Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử rằng:

— Hiền giả nên biết, trong khi một số đông Tỳ-kheo đang nói những vấn đề về pháp luật và về lời Phật dạy, thì Hiền giả chớ nói xen bừa vào. Đợi các Tỳ-kheo nói xong, nhiên hậu Hiền giả mới nói. Hiền giả hãy có thái độ cung kính và quán sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão; chớ đem sự không cung kính, không khéo quán sát để thưa hỏi các ngài.

Khi đó, bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử hiện có trong chúng, nói với Tôn giả Đại Câu-hy-la rằng:

— Nay Hiền giả Đại Câu-hy-la, Ngài chớ nặng lời quả trách Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử. Lý do vì sao ? Vì Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử có giới đức, đa văn, trông giống như người giải đãi nhưng không cống cao. Nay Hiền giả Đại Câu-hy-la, bất cứ lúc nào các thầy Tỳ-kheo làm việc gì thì Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử đều có thể giúp đỡ cả.

Khi ấy, Tôn giả Đại Câu-hy-la nói với bạn bè quen thuộc của Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử:

— Nay chư Hiền, nếu không biết tâm của kẻ khác thì đừng vội nói người ấy xứng đáng hay không xứng đáng. Lý do vì sao ? Vì, hoặc có một người lúc ở trước đức Thế Tôn và trước các bậc Phạm hạnh thượng tôn trưởng lão, đáng tầm, đáng quý, đáng ưa, đáng kính thì người ấy khéo léo thủ hộ; nhưng sau đó, khi không còn ở trước đức Thế Tôn và trước các bậc Phạm hạnh thượng tôn trưởng lão, đáng tầm, đáng quý, đáng ưa, đáng kính thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi tâm sanh tham dục, tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

Này chư Hiền, giống như con trâu vào trong ruộng lúa của người; người giữ ruộng bắt được, hoặc lấy dây cột, hoặc nhốt trong chuồng. Này chư Hiền, nếu có người nói rằng: “Con trâu này không vào ruộng lúa của người khác nữa đâu”, thì lời nói này có đúng chăng ?

— Không đúng, vì sao ? Vì nếu con trâu kia

hoặc làm đứt, hoặc làm sút sợi dây trói, hoặc nhảy ra khỏi chuồng; nó cũng lại vào trong ruộng lúa của người khác như trước chứ không khác gì cả.

— Nay chư Hiền, hoặc có một người lúc ở trước đức Thế Tôn và trước các bậc Phạm hạnh thượng tôn trưởng lão, đáng tầm, đáng quý, đáng ưa, đáng kính, thì người ấy khéo léo thủ hộ. Nhưng sau đó, khi không còn ở trước đức Thế Tôn và trước các bậc Phạm hạnh thượng tôn trưởng lão, đáng tầm, đáng quý, đáng ưa, đáng kính, thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Nay chư Hiền, đó là một hạng người.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có người vừa chứng đắc Thiên thứ nhất; chứng đắc Thiên thứ nhất rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó, thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào

đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi, thì xả giới, bỏ đạo.

Này chư Hiền, như lúc mưa to, hồ, ao trong thôn xóm đều đầy nước; có người, trước khi chưa mưa, thấy trong hồ, ao đó có cát, đá, cỏ, cây, loại giáp trùng, cá, rùa, ếch ương, và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên. Nhưng sau khi trời mưa, ao, hồ đầy nước; người đó không còn thấy như thế nữa. Này chư Hiền, nếu người kia nói như thế này: “Trong hồ, ao kia nhất định không thể nào thấy lại được cát, đá, cỏ, cây, loại giáp trùng, cá, rùa, ếch ương, và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên”, thì lời nói này có đúng chăng ?

— Không đúng, vì sao ? Vì hồ, ao đầy nước kia hoặc voi uống, ngựa uống, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu uống, hoặc người lấy dùng, gió thổi, mặt trời rọi thì nước sẽ cạn. Người kia khi nước đầy hồ, ao, không thấy cát, đá, cây cỏ, loài giáp trùng, cá, rùa, ếch ương, và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhưng sau khi nước đã cạn rồi thì vẫn thấy như cũ.

— Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có một người

vừa chúng đắc Thiên thứ nhất; chúng đắc Thiên thứ nhất rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chúng những gì chưa tác chúng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi, thì xả giới, bỏ đạo. Nay chư Hiền, đó là một hạng người.

Lại nữa, nay chư Hiền, hoặc có người chúng đắc Thiên thứ hai; chúng đắc Thiên thứ hai rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chúng những gì chưa tác chúng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện. Sau khi người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện rồi thì sanh tâm tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới, bỏ đạo.

Nay chư Hiền, như lúc mưa to, đất bụi ở nơi ngã

tư đường đều biến thành bùn. Nay chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: “Bùn ở nơi ngã tư đường này nhất định không khô ráo, không thể trở lại thành bụi đất được nữa”, thì lời nói này có đúng chăng ?

— Không đúng. Vì sao ? Vì ngã tư đường này hoặc voi đi, ngựa đi, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu và người đi, gió thổi, mặt trời rọi, thì con đường kia bùn sẽ khô và khô rồi sẽ trở thành đất bụi trở lại.

— Cũng như vậy, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiên thứ hai; chứng đắc Thiên thứ hai rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt tâm nhiệt rồi, thì xả giới, bỏ đạo. Nay chư Hiền, đó là một hạng người.

Nay chư Hiền, lại nữa, hoặc có người chứng đắc Thiên thứ ba; chứng đắc Thiên thứ ba rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong

được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt tâm nhiệt rồi, thì xả giới, bỏ đạo.

— Nay chư Hiền, như nước suối, nước hồ lặng trong, ngang bờ, đứng yên, không xao động cũng không có sóng. Nay chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: “Nước suối, nước hồ kia nhất định không bao giờ xao động và nổi sóng nữa”, thì lời nói này có đúng chăng ?

— Không đúng. Vì sao ? Vì hoặc ở phương Đông, gió lớn chợt thổi đến, làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng. Cũng vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, gió lớn chợt thổi đến, làm cho nước trong hồ xao động, nổi sóng.

— Cũng như vậy, nay chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiên thứ ba; chứng đắc Thiên thứ ba rồi, người ấy liên an trú chớ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu

hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cống cao, cười cợt, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Đây chư Hiền, đó là một hạng người.

Lại nữa, đây chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiên thứ tư; chứng đắc Thiên thứ tư rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi, thì xả giới, bỏ đạo.

— Đây chư Hiền, ví như cư sĩ hoặc con cư sĩ ăn đồ ăn ngon lành, sau khi ăn uống no nê đầy bụng rồi thì những món ăn mà họ đã ăn trước kia, bây giờ không còn muốn ăn nữa. Đây chư Hiền, nếu

có lời nói như thế này: “Cư sĩ hoặc con của cư sĩ nhất định không bao giờ muốn ăn lại nữa”, thì lời nói này có đúng chăng ?

— Không đúng. Vì sao ? Vì cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia qua một đêm đã thấy đói, thì những gì khi no bụng họ không muốn ăn, bây giờ lại muốn ăn.

— Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có người chúng đắc Thiên thứ tư; chúng đắc Thiên thứ tư rồi, người ấy liên an trú chớ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chúng những gì chưa tác chúng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó là một hạng người.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có người được Vô tướng tâm định; được Vô tướng tâm định rồi, thì người ấy liên an trú chớ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong

tác chúng những gì chưa tác chúng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi, thì xả giới, bỏ đạo.

Này chư Hiền, ví như ở một chỗ vắng, người ta nghe tiếng dế kêu. Khi vua hoặc đại thần ngủ đêm tại chỗ vắng đó, bấy giờ người ta nghe nào là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng đi bộ, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng trống com, tiếng trống múa, tiếng múa, tiếng hát, tiếng đàn cầm, tiếng ăn uống, chứ không nghe tiếng dế kêu như trước.

— Này chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: “Chỗ vắng kia nhất định không bao giờ nghe được tiếng dế kêu nữa”, thì lời nói này có đúng chăng ?

— Không đúng. Vì sao ? Vì vua hoặc đại thần qua đêm, trời sáng rồi đều trở về. Nếu chỗ đó vì nghe tiếng voi, ngựa, xe cộ, đi bộ, tiếng ốc, trống, trống com, trống múa, tiếng múa, ca, tiếng đàn, ăn uống nên không nghe tiếng dế kêu, nhưng khi họ đã đi rồi, thì nghe lại như cũ.

— Cũng vậy, này chư Hiền, được Vô tướng tâm

định, được Vô tướng tâm định rồi, liền tự an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi, thì xả giới, bỏ đạo. Nay chư Hiền, đó là một hạng người.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử, sau đó chẳng bao lâu xả giới, bỏ đạo. Bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử nghe ông xả giới, bỏ đạo, qua đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la, đến nơi rồi, bạch:

— Bạch Tôn giả Đại Câu-hy-la, Ngài biết rõ tâm của Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử, hay nhờ các việc khác mà biết ? Lý do vì sao ? Vì nay Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử đã xả giới, bỏ đạo.

Tôn giả Đại Câu-hy-la bảo các bạn bè quen thân kia:

— Nay chư Hiền, việc ấy phải như vậy. Lý do vì sao ? Vì do không biết như thật, không thấy như

chơn. Vì sao ? Vì nhân không biết như thật, không thấy như chơn nên xảy ra như vậy.

Tôn giả Đại Câu-hy-la thuyết như vậy, các Tỷ-kheo nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

12. KINH TRƯỞNG LÃO THUỢNG TÔN THÙY MIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa Bà-kỳ-sáu, trong rừng Ngạc-son-bồ, vườn Lộc Dã.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiên-liên ở tại nước Ma-kiệt-dà, trong làng Thiện Tri Thức. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngôi tĩnh tọa tư duy, nhưng mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn ở xa, biết Tôn giả Đại Mục-kiên-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngôi tĩnh tọa tư duy và mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn biết như vậy, Ngài liền nhập Như kỳ tượng định. Do Như kỳ tượng định, mau như người lực sĩ

co duỗi cánh tay trong khoảnh khắc, từ Bà-kỳ-sáu, trong rừng Ngạc-son-bố, vườn Lộc dã, đức Thế Tôn bỗng biến mất khỏi chỗ đó, qua đến nước Ma-kiệt-đà, thôn Thiện Tri Thúc, trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiên-liên. Rồi đức Thế Tôn xuất định và nói:

— Này Đại Mục-kiên-liên, Thầy đang mắc phải chứng buồn ngủ. Này Đại Mục-kiên-liên, Thầy đang mắc phải chứng buồn ngủ.

Tôn giả Đại Mục-kiên-liên bạch Thế Tôn:

— Quả thật vậy, bạch đức Thế Tôn.

Phật lại dạy:

— Này Đại Mục-kiên-liên, nếu như sở tướng nào gây buồn ngủ, Thầy chớ tu tập tướng ấy và cũng đừng khai triển nó. Như vậy chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chứng buồn ngủ của Thầy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, khai triển và tụng đọc. Như vậy chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chứng buồn ngủ của Thầy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, rồi diễn rộng

ra cho người khác nghe. Như vậy chúng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chúng buồn ngủ của Thầy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, tâm suy niệm, tâm suy tư. Như vậy chúng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chúng buồn ngủ của Thầy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy dùng hai tay xoa lên hai mép tai. Như vậy chúng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chúng buồn ngủ của Thầy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và dội ướt hết thân thể. Như vậy, chúng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chúng buồn ngủ của Thầy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy đi ra ngoài thất, xem khắp bốn phương, ngược nhìn các vì sao. Như vậy chúng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chúng buồn ngủ của Thầy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy đi ra ngoài thất, đến khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, thủ hộ các căn, tâm an trụ bên trong, khởi hậu tiên

tướng. Như vậy chúng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chúng buồn ngủ của Thấy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy, trái ni-sur-đàn, ngôi kiết-già. Như vậy chúng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nếu chúng buồn ngủ của Thấy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy trở vào thất, gấp tư y ưu-đa-la tăng trải lên giường, gấp y tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi minh tướng, lập an trú chánh niệm, chánh trí, và luôn luôn khởi ý tưởng muốn thức dậy. Này Đại Mục-kiên-liên, đừng ham lạc thú giường nệm, đừng ham lạc thú ngủ nghỉ, đừng ham tài lợi, đừng đắm trước danh dự. Vì sao ? Vì Ta nói rằng tất cả pháp không thể hội hợp” và cũng nói rằng có thể hội hợp.

Này Đại Mục-kiên-liên, Ta nói pháp gì không thể hội hợp ? Này Đại Mục-kiên-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng hội hợp thì Ta nói pháp này không thể hội hợp. Này Đại Mục-kiên-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng hội hợp thì có nhiều điều phải nói; nếu có nhiều điều phải nói thì có trạo cử; nếu có trạo cử

thì tâm không tịch tĩnh. Nay Đại Mục-kiên-liên, nếu tâm không tịch tĩnh thì tâm rời xa định. Nay Đại Mục-kiên-liên, do đó Ta nói là không thể hội hợp.

Nay Đại Mục-kiên-liên, Ta nói pháp gì có thể cùng hội hợp ? Nay Đại Mục-kiên-liên, ở chỗ vắng kia, Ta nói pháp này có thể cùng hội hợp; núi rừng, dưới cây, chỗ an tĩnh thanh nhàn, núi cao, hang đá, vắng bật âm thanh, viễn ly, không ác, không người, có thể tùy thuận mà tĩnh tọa. Nay Đại Mục-kiên-liên, Ta nói pháp này có thể cùng hội hợp.

Nay Đại Mục-kiên-liên, nếu Thấy đi vào làng khát thực, hãy nhằm chán sự lợi lộc, nhằm chán sự cúng dường, cung kính. Đối với lợi lộc, cúng dường, cung kính, tâm Thấy đã phát khởi sự nhằm chán, rồi mới vào làng khát thực.

Nay Đại Mục-kiên-liên, đừng đem ý cao đạo mà vào làng khát thực. Vì sao ? Vì nhà trưởng giả có công việc gì đó, Tỳ-kheo đến khát thực, khiến trưởng giả không chú ý. Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: “Ai phá hoại ta ở nhà trưởng giả ? Vì sao ? Vì ta vào nhà trưởng giả khát thực mà trưởng giả không chú ý.” Nhân đó vị ấy sanh ưu sầu, nhân ưu sầu mà sanh trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

Này Đại Mục-kiên-liên, khi Thấy thuyết pháp, đừng vì tranh luận. Nếu có tranh luận thì có nhiều lời, nhân nhiều lời mà có trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

Này Đại Mục-kiên-liên, khi Thấy thuyết pháp, đừng nói to, nói mạnh như sư tử. Này Đại Mục-kiên-liên, khi Thấy thuyết pháp hãy hạ ý mà thuyết pháp, không rống sức, tiêu diệt sức, dẹp bỏ sức; hãy thuyết pháp bằng cách không dùng cường lực như sư tử. Này Đại Mục-kiên-liên, hãy học như vậy.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiên-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, chấp tay hướng Phật, bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, thế nào là vị Tỳ-kheo đến chỗ cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh và cứu cánh phạm hạnh cùng tột ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Đại Mục-kiên-liên, Tỳ-kheo khi đã thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ; vị ấy ở nơi các cảm thọ nầy mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn diệt, quán vô dục, quán diệt, quán xả. Sau khi ở nơi các cảm thọ nầy mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn diệt, quán vô

dục, quán diệt, quán xả, vị ấy không chấp thủ đời này; do không chấp thủ đời này mà không bị một nhọc; do không bị một nhọc nên nhập Niết-bàn, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”. Nay Đại Mục-kiên-liên, như vậy là Tỳ-kheo được đến chỗ cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh và cứu cánh phạm hạnh cùng tột.

Phật thuyết như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

13. KINH VÔ THÍCH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa Tỳ-xá-ly, ở tại Cao lâu đài quán bên bờ sông Di-hầu.

Các đệ tử danh đức trưởng lão thượng tôn như các ngài Già-la, Ưu-bệ-giá-na, Hiền Thiện, Hiền Hoạn, Vô Hoạn, Da-xá, Thượng Xúng. Các đại đệ tử danh đức trưởng lão thượng tôn như vậy cũng đến Tỳ-xá-ly ở Cao lâu đài quán, bên sông Di-hầu, và đều ở bên cạnh nhà lá của Phật. Các người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly nghe đức Thế Tôn trú tại Tỳ-xá-ly nơi Cao lâu đài quán, bên sông Di-hầu, liền nghĩ rằng: “Chúng ta hãy phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền, rồi ra

khỏi thành Tỳ-xá-ly, qua đến chỗ Phật mà cúng dường kính lễ Ngài”.

Lúc bấy giờ, các đại đệ tử danh đức trưởng lão thượng tôn nghe người Lệ-xế thành Tỳ-xá-ly phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền, rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ, liền nghĩ rằng: “Âm thanh là gai nhọn đối với Thiên. Đức Thế Tôn cũng nói rằng: “Âm thanh là gai nhọn đối với Thiên”. Chúng ta hãy qua rừng Ngưu giác ta-la, nơi ấy không náo loạn, sống viễn ly, đơn độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa.”

Rồi các đại đệ tử danh đức trưởng lão thượng tôn đi qua rừng Ngưu giác ta-la, nơi ấy không náo loạn, sống viễn ly, đơn độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa để tư duy.

Bấy giờ, rất nhiều người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền, rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly qua đến chỗ Phật để cúng dường kính lễ, hoặc có người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly cúi lạy chân Phật rồi ngồi xuống một bên; hoặc có người chào hỏi Phật rồi ngồi xuống một bên; hoặc có người chấp tay hướng về Phật rồi ngồi xuống một bên; hoặc có

người ở xa thấy Phật rồi im lặng ngồi xuống. Khi những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly đã ngồi xong, đức Thế Tôn thuyết pháp cho họ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, đức Thế Tôn ngồi im lặng. Những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly, sau khi đã được đức Thế Tôn thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Sau khi những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly đi chẳng bao lâu, đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

— Các trưởng lão thượng tôn đại đệ tử đã đến nơi nào ?

Các Tỳ-kheo bạch:

— Bạch Thế Tôn, các trưởng lão thượng tôn đại đệ tử khi nghe những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền, rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ; các vị ấy nghĩ rằng: "Âm thanh là gai nhọn đối với Thiên. Đức Thế Tôn cũng nói rằng: "Âm thanh là gai nhọn đối với Thiên". Chúng ta hãy đi qua rừng Ngưu giác

ta-la, ở đó không náo loạn, sống viễn ly đơn độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy." Bạch Thế Tôn, các trưởng lão thượng tôn đại đệ tử đều đi đến nơi đó.

Bấy giờ đức Thế Tôn nghe xong khen rằng:

—Lành thay, lành thay ! Nếu là trưởng lão thượng tôn đại đệ tử nên nói như thế này: "Âm thanh là gai nhọn đối với Thiên; đức Thế Tôn cũng nói: "Âm thanh là gai nhọn đối với Thiên". Lý do vì sao ? Vì quả thật Ta có nói như vậy: Âm thanh là gai nhọn đối với Thiên, phạm giới là gai nhọn đối với trì giới. Trang sức thân thể là gai nhọn đối với thủ hộ các căn. Tịnh tướng là gai nhọn đối với tu tập bất tịnh. Sân nhuế là gai nhọn đối với tu tập từ tâm. Uống rượu là gai nhọn đối với xa lìa uống rượu. Thấy nữ sắc là gai nhọn đối với phạm hạnh. Âm thanh là gai nhọn đối với nhập Thiên thứ nhất. Giác, quán là gai nhọn đối với nhập Thiên thứ hai. Hỷ là gai nhọn đối với nhập Thiên thứ ba. Hơi thở ra, hơi thở vào là gai nhọn đối với nhập Thiên thứ tư. Sắc tướng là gai nhọn đối với nhập Không xứ. Không xứ tướng là gai nhọn đối với nhập Thức xứ. Thức xứ tướng là gai nhọn đối với nhập Vô sở hữu xứ. Tướng tri là gai nhọn đối với nhập Tướng tri diệt định.

Lại cũng có ba loại gai nhọn khác: gai dục, gai nhuế và gai ngu si. Về ba loại gai này, bậc Lậu tận A-la-hán đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã nhổ sạch cội rễ, tuyệt diệt, khiến không còn sanh; ấy là bậc A-la-hán không bị gai chích, bậc A-la-hán xa lìa gai chích, bậc A-la-hán không gai, lìa gai.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

14. KINH CHÂN NHÂN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa nước Xá-vệ, trong rừng
Thắng Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta sẽ nói cho các Thầy nghe về pháp chân nhân, pháp không phải chân nhân. Hãy lắng nghe, khéo tư niệm.

Các Tỳ-kheo thọ giáo lắng nghe. Đức Phật dạy:

— Thế nào là pháp chân nhân, pháp không phải chân nhân ? Ở đây, có một người thuộc dòng dõi hào quý, xuất gia học đạo; những người khác thì không như vậy. Người ấy nhân vì dòng dõi hào quý mà khen mình khinh người. Đó gọi là pháp

không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải nhờ dòng dõi hào quý mà đoạn trừ được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không phải là dòng dõi hào quý, xuất gia học đạo, thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị này thứ hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có người đoạn chánh khả ái; những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì mình đoạn chánh, khả ái mà khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do vẻ đoạn chánh, khả ái này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không đoạn chánh, khả ái nhưng thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận nơi pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính. Như vậy vị này thứ hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có một người hùng biện, lý luận giỏi; những người khác không được như vậy. Người

ấy nhân vì hùng biện, lý luận giỏi mà khen mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do tài hùng biện, lý luận giỏi này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không có tài hùng biện, lý luận giỏi, nhưng người ấy thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị này thú hưởng sự cúng đảnh pháp chân đế, nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có người thuộc hàng trưởng lão, được vua biết tới, nổi tiếng với mọi người và có đại phước; những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì là trưởng lão, vì quen biết với vua, vì nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà khen mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do trưởng lão, không phải do được vua biết tới, nổi tiếng với mọi người mà đoạn trừ được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không là trưởng lão, không quen biết với vua, không nổi tiếng với mọi người và cũng không có đại phước, nhưng người ấy thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được

cúng dường, cung kính. Như vậy, vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có người tụng Kinh, trì Luật, học A-tỳ-đàm, thuộc lâu A-hàm, học nhiều kinh sách; người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì thuộc lâu A-hàm, học nhiều kinh sách, nên khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do thuộc lâu A-hàm, học nhiều kinh sách mà đoạn trừ được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không thuộc lâu A-hàm, cũng không học nhiều kinh sách; nhưng người ấy thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có người mặc y phần tảo, nhiếp ba pháp phục, trì y bất mạn; người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì trì y bất mạn nên khen mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do trì y bất mạn này mà đoạn được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không trì y bất

mạn; nhưng thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cung kính, cúng dường. Như vậy, vị ấy thứ hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có người thường đi khát thực, cơm chỉ ngang bằng năm thăng, chỉ khát thực hạn cuộc nơi bảy nhà, chỉ ăn một bữa, quá giờ Ngọ không uống nước; người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì quá giờ Ngọ không uống nước mà khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do sự quá giờ Ngọ không uống nước mà đoạn được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không dứt bỏ sự quá giờ Ngọ uống nước nhưng thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thứ hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không khen mình, không khinh người. Đó là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có người ở chỗ rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hoặc ở núi cao hay nơi đất trống, hoặc ở nơi gò mả, hoặc có thể biết thời; người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì biết thời mà

khen mình, khinh người. Đó không phải là pháp chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do sự biết thời mà đoạn được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không biết thời, nhưng thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có người vừa được Thiên thứ nhất. Người ấy nhân vì được Thiên thứ nhất mà khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này “Về Thiên thứ nhất, đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kẻ chấp thì gọi là ái vậy.” Do đó, người ấy được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có người được Thiên thứ hai, Thiên thứ ba, Thiên thứ tư, được Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ; người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì được Phi hữu tướng phi vô tướng xứ nên khen mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân.

Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Về Phi hữu tướng phi vô tướng, đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kể chấp thì gọi đó là ái.” Do đó, người ấy được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Các Thầy hãy nhận biết pháp chân nhân và pháp không phải chân nhân. Sau khi biết được pháp chân nhân và pháp không phải chân nhân rồi, hãy dứt bỏ pháp không phải chân nhân và hãy học pháp chân nhân. Các Thầy nên học như vậy.

Phật dạy như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

*Giàu, đẹp trai, nói giỏi,
Trưởng lão, tụng nhiều kinh,
Y, thực, tu núi, Thiên,
Sau cùng bốn vô sắc.*

15. KINH THUYẾT XÚ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật đến nước Xá-vệ, trong rừng
Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan, vào lúc xế trưa, từ chỗ
ngồi tĩnh tọa đứng dậy, dẫn các Tỳ-kheo niên thiếu
đi đến chỗ Phật, cúi lạy chân Phật, rồi ngồi qua
một bên. Các Tỳ-kheo niên thiếu cũng cúi lạy chân
Phật, rồi ngồi qua một bên.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, với các Tỳ-kheo niên thiếu
này, con phải quở trách như thế nào, dạy dỗ như thế
nào, thuyết pháp cho họ nghe như thế nào ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, Thầy hãy nói về xứ, và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật bạch rằng:

— Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng thời; nếu Thế Tôn nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì con và các Tỳ-kheo niên thiếu sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ khéo léo thọ trì.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, các Thầy hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho Thầy và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe.

Tôn giả A-nan thọ giáo, lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về năm thủ uẩn: sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Nay A-nan, năm thủ uẩn này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm

thủ uẩn này, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về sáu nội xứ: nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Này A-nan, sáu nội xứ này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu nội xứ này, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia ta đã nói cho Thấy nghe về sáu ngoại xứ: sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc và pháp xứ. Này A-nan, sáu ngoại xứ này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu ngoại xứ này, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức. Này A-nan, sáu thức thân này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu thức thân này, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan

lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về sáu xúc thân: nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc. Này A-nan, sáu xúc thân này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu xúc thân này, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về sáu thọ thân: nhãn thọ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thọ. Này A-nan, sáu thọ thân này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu thọ thân này, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về sáu tưởng thân: nhãn tưởng, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý tưởng. Này A-nan, sáu tưởng thân này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu tưởng thân này, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực,

được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về sáu tư thân: nhãn tư, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý tư. Này A-nan, sáu tư thân này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy sáu tư thân này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về sáu ái thân: Nhãn ái, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý ái. Này A-nan, sáu ái thân này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy sáu ái thân này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về sáu giới: địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Này A-nan, sáu giới này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy sáu giới này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe

về nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp: Nếu cái này có thì cái kia có, nếu cái này không có thì cái kia không có; nếu cái này sanh thì cái kia sanh, nếu cái này diệt thì cái kia diệt. Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục xứ, duyên lục xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão tử. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục xứ diệt, lục xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử diệt. Nay A-nan, nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia ta đã nói cho Thầy về bốn niệm xứ: quán thân như thân, quán thọ, quán tâm và quán pháp như pháp. Nay A-nan, bốn niệm xứ này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên

thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bốn niệm xứ này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn chánh đoạn: Tỳ-kheo đối với pháp ác, bất thiện đã sanh, vì để đoạn trừ chúng nên khởi tâm mong cầu, nỗ lực tinh tấn, sách lệ và tâm kiên trì. Đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh, vì để chúng không phát sanh nên khởi tâm mong cầu, nỗ lực tinh tấn, sách lệ và tâm kiên trì. Đối với các pháp thiện chưa sanh, vì để cho phát sanh nên khởi tâm mong cầu, nỗ lực tinh tấn, sách lệ và tâm kiên trì. Đối với pháp thiện đã sanh, vì để chúng kiên trụ, không bị quên lãng, không bị thoái hóa, được bồi bổ, tăng tiến, được phát triển rộng rãi, được viên mãn, cụ túc, nên khởi tâm mong cầu, nỗ lực tinh tấn, sách lệ và tâm kiên trì. Này A-nan, bốn chánh đoạn này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bốn chánh đoạn này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn như ý túc: Tỳ-kheo thành tựu được dục định,

thieu đốt các hành, tu tập như ý túc, nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt, nguyện đến phi phẩm. Tinh tấn định, tâm định cũng như vậy. Thành tựu quán định, thieu đốt các hành, tu tập như ý túc, nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt, nguyện đến phi phẩm. Nay A-nan, bốn như ý túc này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy dạy bốn như ý túc này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn Thiên: Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện cho đến chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu an trụ. Nay A-nan, bốn Thiên này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bốn Thiên này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế. Nay A-nan, bốn Thánh đế này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bốn Thánh đế này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được

sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn tướng: Tỳ-kheo có tiểu tướng, có đại tướng, có vô lượng tướng, có vô sở hữu tướng. Này A-nan, bốn tướng này Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bốn tướng này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn vô lượng: Tỳ-kheo, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú, cứ như thế, hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy, trên dưới, biến khắp tất cả, tâm đi đôi với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, vô cùng rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thời gian, thành tựu an trú. Bi và hỷ cũng vậy. Tâm đi đôi với xả, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, vô cùng rộng lớn, vô lượng khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Này A-nan, bốn vô lượng này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy dạy bốn vô lượng này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ

được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn vô sắc: Tỳ-kheo đoạn trừ tất cả sắc tướng, cho đến chứng đắc Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trụ. Này A-nan, bốn vô sắc này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bốn vô sắc này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn Thánh chủng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhận được cái y thô xấu mà biết chỉ túc, không phải vì y áo mà mong thỏa mãn ý mình; nếu chưa được y thì không u uất, không khóc than, không đấm ngực, không si dại, nếu đã được y thì không nhiễm, không trước, không ham muốn, không tham lam, không cất dấu, không tích trữ; khi dùng y thì thấy rõ tai họa và biết sự xuất ly, được sự lợi như vậy vẫn không giải đãi, mà có chánh trí. Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chơn chánh an trụ nơi cổ tích Thánh chủng. Về ẩm thực và trụ xứ cũng như vậy; vị ấy mong muốn đoạn trừ, vui thích đoạn trừ, mong muốn tu, vui thích tu. Vị ấy nhân muốn đoạn, vui đoạn, muốn tu, vui tu, nên không khen mình, không khinh người, được sự

lợi như vậy cũng không giải đãi nhưng chánh trí. Đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chơn chánh an trú nơi cố tích Thánh chủng. Nay A-nan, bốn Thánh chủng này Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bốn Thánh chủng này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bốn quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, tối thượng là A-la-hán. Nay A-nan, bốn quả Sa-môn này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bốn quả Sa-môn này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về năm thực giải thoát tướng: quán tướng về vô thường, quán tướng vì vô thường cho nên khổ, quán tướng vì khổ cho nên vô ngã, quán tướng bất tịnh ố lộ, quán tướng hết thấy thế gian không có gì đáng vui. Nay A-nan, năm thực giải thoát tướng này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy năm thực giải thoát tướng này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn,

được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về năm giải thoát xứ, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chưa giải thoát thì nhờ ở đây mà tâm được giải thoát, nếu chưa tận trừ các lậu thì sẽ được tận trừ hoàn toàn, nếu chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì sẽ chứng đắc vô thượng Niết-bàn. Thế nào là năm ? Này A-nan, Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe. Này A-nan, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; họ nghe pháp rồi, thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa, và do sự thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa đó nên được hoan duyệt; nhân hoan duyệt mà được hoan hỷ, nhân hoan hỷ mà được thân khinh an, do thân khinh an nên được cảm thọ, do cảm thọ lạc nên được tâm định. Này A-nan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhờ tâm định nên được thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên phát sanh sự nhàm chán; do nhàm chán nên được vô dục; do vô dục nên được giải thoát; do giải thoát mà biết là mình giải thoát, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh

đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa”. Nay A-nan, đó là giải thoát xứ thứ nhất. Nhân đó mà nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tâm chưa được giải thoát thì được giải thoát, chưa tận trừ các lậu thì được tận trừ hoàn toàn, chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì chứng đắc vô thượng Niết-bàn.

Lại nữa, nay A-nan, nếu trong trường hợp Thế Tôn không có thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe, các bậc trí Phạm hạnh cũng không thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe, thì họ y theo những điều đã nghe, đã tụng tập và đọc tụng rộng rãi. Nếu không đọc tụng rộng rãi những điều đã nghe, đã tụng tập, thì họ chỉ tùy theo điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại rộng rãi cho người khác nghe. Nếu không nói rộng rãi cho người khác nghe những điều đã nghe, đã tụng tập thì họ chỉ tùy theo điều đã nghe, đã tụng tập mà tư duy, phân biệt. Nếu không tư duy phân biệt những điều đã nghe, đã tụng tập, thì họ chỉ thọ trì các tướng tam muội. Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khéo thọ trì các tướng tam muội, thì thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa; do thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa nên được hoan duyệt; do hoan duyệt nên hoan hỷ; do hoan hỷ nên thân được khinh an; do thân khinh an nên được cảm thọ lạc; do cảm thọ lạc nên

được tâm định. Nay A-nan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhờ tâm định nên được thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật biết như thật, nên phát sanh nhàm chán; do nhàm chán nên được vô dục; do vô dục nên được giải thoát; do giải thoát mà biết là mình đã giải thoát, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa”. Nay A-nan, đó là giải thoát xứ thứ năm. Nhân đó, mà nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chưa được giải thoát thì được tâm giải thoát, chưa dứt sạch các lậu thì được dứt sạch trọn vẹn, chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì chứng đắc vô thượng Niết-bàn. Nay A-nan, năm giải thoát xứ này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy năm giải thoát xứ này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Nay A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về năm căn: tín, tinh tấn, niệm, định và tuệ căn. Nay A-nan, năm căn này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy năm căn này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về năm lực: tín, tinh tấn, niệm, định và huệ lực. Này A-nan, năm lực này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy năm lực này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thấy nghe về năm xuất yếu giới. Những gì là năm ? Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát dục một cách cực kỳ mãnh liệt. Vì ấy do quán sát dục cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo dục, không vui say dục, không gần gũi với dục, không quyết định nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi; không trụ nơi dục, chán ghét nhàm tởm dục. Này A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát dục cực kỳ mãnh liệt. Vì ấy do quán sát dục cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo dục, không vui say trong dục, không gần gũi với dục, không quyết định nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị

cuốn tròn lại, không nở rộng ra được; vị ấy vứt bỏ, không trụ nơi dục, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự dục. Vị ấy quán sát vô dục, tâm hướng về vô dục, vui say vô dục, gần gũi vô dục, quyết định nơi vô dục, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly tất cả dục, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do dục mà có, thoát chúng, giải chúng, và lại giải thoát khỏi chúng; vị ấy không còn nhận lãnh các cảm thọ ấy nữa. Đó là các cảm thọ sanh ra bởi dục. Đó là sự xuất ly khỏi dục. Nay A-nan, đó là xuất yếu giới thứ nhất.

Lại nữa, nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say trong sân nhuế, không gần gũi sân nhuế, không quyết định nơi sân nhuế. Khi tâm sân nhuế vừa sanh thì tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trú nơi sân nhuế, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự sân nhuế. Nay A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy,

quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt, nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say sân nhuế, không quyết định nơi sân nhuế. Khi tâm sân nhuế vừa sanh thì tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn, không nở rộng ra được, bị vút bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi sân nhuế, chán ghét, nhằm tởm, chế ngự sân nhuế. Vị ấy quán sát vô nhuế, tâm hướng về vô nhuế, vui say vô nhuế, gần gũi vô nhuế, quyết định nơi vô nhuế, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục nhuế, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do sân nhuế mà có, thoát chúng, giải chúng, và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa. Đó là cảm thọ sanh ra bởi nhuế. Đó là sự xuất ly khỏi nhuế. Đây A-nan, đó là xuất yếu giới thứ hai.

Lại nữa, này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát một cách cực kỳ mãnh liệt não hại. Vị ấy do quán sát não hại cực kỳ mãnh liệt, nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết định nơi hại. Khi tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được, bị vút bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi hại, chán ghét, nhằm tởm,

chế ngự não hại. Nay A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát não-hại cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát não-hại cực kỳ mãnh liệt, nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết định nơi hại. Khi tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn, không nở rộng ra được, bị vút bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi hại, chán ghét nhằm tâm, chế ngự hại. Vị ấy quán sát vô hại, tâm hướng về vô hại, vui say vô hại, gần gũi vô hại, quyết định nơi vô hại, tâm không bị chuống ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục hại, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do hại mà có, thoát chúng, giải chúng, và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa. Đó là cảm thọ sanh ra bởi hại. Đó là sự xuất ly khỏi hại. Nay A-nan, đó là xuất yếu giới thứ ba.

Lại nữa, A-nan, Đa văn Thánh đệ tử quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt, nên tâm không hướng theo sắc, không vui say trong sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sanh tức thì bị cháy

tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được, bị vút bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Nay A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo sắc, không vui say với sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn, không nở rộng ra được, bị vút bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Vị ấy quán sát vô sắc, tâm hướng về vô sắc, vui say vô sắc, gần gũi vô sắc, quyết định nơi vô sắc, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục sắc, viễn ly các lậu và các phiền nhọc, ưu sâu do sắc mà có, thoát chúng, giải chúng, và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ nầy nữa. Đó là cảm thọ sanh ra bởi sắc. Đó là sự xuất ly khỏi sắc. Nay A-nan, đó là sự xuất yếu giới thứ tư.

Lại nữa, này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử hết sức thận trọng, khéo léo quán sát tự thân một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát tự thân cực kỳ

mãnh liệt, nên tâm không hướng theo tự thân, không vui say trong tự thân, không gắn gũi với tự thân, không quyết định nơi thân. Khi tự thân vừa sanh tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi thân, chán ghét nhằm tử, chế ngự tự thân. Nay A-nan, giống như lông và gân của con gà đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát tự thân cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát tự thân cực kỳ mãnh liệt, nên tâm không hướng theo thân, không vui say thân, không quyết định nơi thân; tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn, không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi thân, chán ghét, nhằm tử, chế ngự thân. Vị ấy quán sát vô thân, tâm hướng về vô thân, vui say vô thân, gắn gũi vô thân, quyết định vô thân, tâm không chuống ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục thân, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do thân mà có, thoát chúng, giải chúng, và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa. Đó là cảm thọ sanh ra bởi thân. Đó là sự xuất ly khỏi thân. Nay A-nan, đó là xuất yếu giới thứ năm.

Này A-nan, năm xuất yếu giới này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy năm xuất yếu giới này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bảy tài sản: tín, giới, tài, quý, văn, thí và huệ tài. Này A-nan, bảy tài sản này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bảy tài sản này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về bảy lực: tín, tinh tấn, tài, quý, niệm, định và huệ lực. Này A-nan, bảy lực này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bảy lực này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia ta đã nói cho Thầy nghe về bảy giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả giác chi. Này A-nan, bảy giác chi này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên

thiếu. Nếu Thầy nói và dạy bảy giác chi này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho Thầy nghe về tám chi Thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định; đó là tám. Này A-nan, tám chi Thánh đạo này, Thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thầy nói và dạy tám chi Thánh đạo này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu ! Đức Thế Tôn đã nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu.

Đức Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, thật vậy, thật vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu ! Ta nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Này A-nan, nếu Thầy lại hỏi về đánh pháp và đánh pháp thối từ nơi Như

Lai, thì Thầy hết sức tin tưởng, hoan hỷ đối với Như Lai.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời, bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời; nếu Thế Tôn nói và dạy về đánh pháp và đánh pháp thối cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì con và các Tỳ-kheo niên thiếu từ đức Thế Tôn nghe xong, sẽ khéo léo thọ trì.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, Thầy hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ nói về đánh pháp và đánh pháp thối cho Thầy và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe.

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiếu thọ trì, lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử chân thật, nhân nơi tâm tư niệm, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, vô ngã. Vị ấy khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy, liền phát sanh nhĩ, phát sanh lục, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. Nay A-nan, ấy gọi là đánh

pháp. Nay A-nan, nếu được đánh pháp này nhưng lại mất đi, suy thối, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, thì nay A-nan, đấy gọi là đánh pháp thối. Đối với thức nội xứ, thức ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, giới, nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp, cũng như vậy. Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử, đối với nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp này mà tư niệm, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, vô ngã. Vị ấy khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy nên phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. Nay A-nan, đấy gọi là đánh pháp. Nay A-nan, nếu được đánh pháp này nhưng lại mất đi, suy thối, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, thì nay A-nan, ấy gọi là đánh pháp thối. Nay A-nan, đánh pháp và đánh pháp thối này, Thấy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu Thấy nói và dạy đánh pháp và đánh pháp thối này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Nay A-nan, Ta đã nói về xứ, dạy về xứ, về đánh pháp, đánh pháp thối cho các Thấy nghe. Như vị Tôn sư vì đệ tử nên khởi lòng đại từ, ai lân, mẫn

niệm thương xót mà mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc, Ta đã thực hiện như vậy, các Thầy cũng nên tự mình thực hiện. Hãy đến nơi chỗ vắng, núi rừng, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh thanh nhàn, tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, siêng năng tinh tấn, đừng để hối hận về sau. Đây là lời giáo sắc của Ta, là lời huấn thị của Ta.

Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỷ-kheo niên thiếu nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Ấm, nội, ngoại, thức, xúc,
Thọ, tưởng, tư, ái giới,
Nhân duyên, niệm, chánh đoạn,
Như ý, Thiền, đế tướng.
Vô lượng, vô sắc chủng,
Sa-môn quả, giải thoát,
Xú, căn, lực, xuất yếu,
Tài, lực, giác đạo, đánh.*

VIII. PHẨM UẾ

1. Kinh Uế Phẩm
2. Kinh Câu Pháp
3. Kinh Tỳ-kheo Thỉnh
4. Kinh Tri Pháp
5. Kinh Chu-na Vấn Kiến
6. Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ
7. Kinh Thủy Tịnh Phạm Chí
8. Kinh Hắc Tỳ-kheo
9. Kinh Trụ Pháp
10. Kinh Vô

1. KINH UẾ PHẨM

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật đến Bà-kỳ-sáu, ở trong Ngạc-son-bố lâm, vườn Lộc dã.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỷ-kheo:

— Nay chư Hiền, thế gian có bốn hạng người. Những gì là bốn ? Hoặc có một hạng người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế; hoặc có một hạng người bên trong thật có ô uế và tự biết, biết như thật bên trong có ô uế; hoặc có một hạng người bên trong thật không có ô uế mà không tự biết, không tự biết như thật bên trong không có ô uế; hoặc có một hạng

người bên trong thật không có ô uế và tự biết, biết như thật bên trong không có ô uế.

Này chư Hiền, nếu một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế thì trong loài Người, người này là tối hạ tiện. Nếu một người bên trong thật có ô uế và tự biết, biết như thật bên trong có ô uế thì trong loài Người, người này là tối thắng. Nếu có một người bên trong thật không có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong không có ô uế thì trong loài Người, người này là tối hạ tiện. Nếu có một người bên trong thật không có ô uế và tự biết, biết như thật bên trong không có ô uế thì trong loài Người, người này là tối thắng.

Lúc ấy có một thầy Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất và thưa:

— Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người trước đều có ô uế, làm ô uế tâm, nhưng một người được coi là hạ tiện, và một người được coi là tối thắng ? Và do nhân gì, duyên gì, mà hai hạng người sau không có ô uế, không làm ô uế tâm, nhưng một người được coi là hạ tiện và một người được coi là tối thắng ?

Khi đó, Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời vị Tỳ-kheo kia rằng:

— Này Hiền giả, nếu có một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không cầu phương tiện, không học tinh cần. Người ấy khi mạng chung với ô uế làm ô uế tâm; do mạng chung với ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao ? Vì người ấy do mạng chung với ô uế làm ô uế tâm.

Này Hiền giả, cũng như có một người từ chợ quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi nhơ làm nhơ bẩn; người ấy mang về nhưng không thường rửa bụi, không thường lau chùi, cũng không phơi nắng, lại để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng càng dính thêm bụi bặm nhơ bẩn. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không cầu phương tiện, không học tinh cần; người ấy mạng chung với sự ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với sự ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao ? Bởi vì người ấy mạng chung với ô uế làm ô uế tâm.

Này Hiền giả, nếu có một người biết chọn thật rằng: “Trong ta có ô uế, trong ta quả thật có ô uế này”, thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ ô uế đó, cầu phương tiện và học tinh cần. Người ấy mạng chung mà không có ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung không ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao ? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế làm ô uế tâm.

Này Hiền giả, cũng như có người, từ chợ quán, hoặc từ nhà người làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi nhơ làm nhơ bẩn; người ấy mang mâm về, thường rửa bụi bặm, thường lau chùi, thường phơi nắng và không để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng hết sức sạch bóng. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết rằng: “Bên trong ta có ô uế, trong ta quả thật có ô uế này”, thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ ô uế đó, cầu phương tiện và học tinh cần. Người ấy mạng chung mà không có ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao ? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế, làm ô uế tâm.

Này Hiền giả, nếu một người không biết như thật rằng: “Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này”, thì nên biết, người ấy

không giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe, người ấy bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao ? Vì người ấy mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm.

Này Hiền giả, cũng như có một người từ chợ quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng, mua về một cái mâm đồng sạch sẽ, không có bụi nhơ; người ấy mang mâm về nhưng không thường rửa bụi, không thường lau chùi, không thường phơi nắng, để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng chắc chắn dính bụi bặm nhơ bẩn. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người không biết như thật rằng: “Trong ta không có ô uế, trong ta quả thật không có ô uế này”, thì nên biết, người ấy không giữ gìn được những pháp do mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe, người ấy bị dục tâm ràng buộc. Người ấy sẽ mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao ? Vì người kia mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm.

Này Hiền giả, nếu một người biết như thật rằng: “Trong ta không có ô uế, trong ta quả thật không có ô uế này”, thì nên biết, người ấy giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp do mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao ? Vì người ấy không có dục tâm, không có ô uế làm ô uế tâm.

Này Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng sạch sẽ không có nhơ bẩn; người ấy mang mâm về, thường rửa bụi, thường lau chùi, thường năng phơi nắng, không để chỗ nhiều bụi. Như vậy, cái mâm đồng hết sức sạch bóng. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng: “Trong ta không có ô uế, trong ta quả thật không có ô uế này”, thì nên biết, người ấy giữ gìn được những pháp do mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô

uế, làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao ? Vì người ấy mạng chung không có dục tâm, không có ô uế làm ô uế tâm.

Này Hiền giả, do nhân này, duyên này mà nói hai hạng người trước, mặc dù đều có ô uế làm ô uế tâm, nhưng một người được nói là hạ tiện, một người được coi là tối thắng. Và cũng do nhân này, duyên này mà hai hạng người sau mặc dù đều không có ô uế làm ô uế tâm, nhưng một người được coi là hạ tiện, một người được coi là tối thắng.

Bấy giờ lại có thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai hữu, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất và thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Ngài nói ô uế, những gì là ô uế ?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

— Này Hiền giả, vô lượng pháp ác, bất thiện từ dục mà sanh, đó là ô uế. Vì sao ? Giả sử có một người tâm sanh ước muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong rằng người khác đừng biết ta phạm giới”. Này Hiền giả, nhưng có người khác biết người ấy phạm giới; vì người khác biết người ấy phạm giới nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ kín đáo, đừng quở trách ta phạm giới ở trước công chúng”. Này Hiền giả, nhưng có người khác quở trách người ấy ở trước công chúng, không ở chỗ kín đáo. Do bị người khác quở trách người ấy ở trước công chúng, không ở chỗ kín đáo, nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong rằng bị người hơn mình trách mắng, đừng bị người kém mình trách mắng ta phạm giới”. Này Hiền giả, nhưng người kém người ấy chứ không phải người hơn, trách mắng người ấy phạm giới. Do bị người kém mình chứ không phải người hơn, mình trách mắng nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vậy: “Mong rằng ta ngồi trước mặt đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, chứ không phải vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe”. Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt

đức Thế Tôn thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe. Do vì có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vậy: “Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau ta mà vào làng; đừng để một Tỳ-kheo nào khác, khi các Tỳ-kheo vào làng, đi trước nhất và các Tỳ-kheo đi theo sau mà vào.” Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo, khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy để vào làng. Do có Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau để vào làng nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người sanh tâm ước muốn như vậy: “Khi các Tỳ-kheo đã vào trong, thì mong rằng ta ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được

thức ăn bậc nhất”. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Do có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Nay Hiền giả, hoặc có người sanh tâm ước muốn như vậy: “Các Tỳ-kheo ăn xong, sau khi thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát, khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ, đừng có Tỳ-kheo nào khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát, khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ”. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, sau khi Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Do có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ nên người ấy, sanh ác tâm, nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều bất thiện.

Này Hiên giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vậy: “Khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, mong rằng ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, đừng có Tỳ-kheo nào khác, khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ.” Này Hiên giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ. Do có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ, nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiên giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vậy: “Mong rằng ta được nhà vua quen biết, được các quan, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước biết đến và kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được vua quen biết, được các quan, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước biết đến và kính trọng”. Này Hiên giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác được vua quen biết, được các quan, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước biết đến và kính trọng. Do có Tỳ-kheo khác được vua quen biết, được các quan, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước biết đến và kính trọng nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người

ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vậy: “Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di kính trọng.” Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được bốn chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng. Do có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di kính trọng nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vậy: “Mong ta được các dụng cụ sanh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, đừng có Tỳ-kheo nào khác được các dụng cụ sanh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang.” Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sanh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang. Do có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sanh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là bất thiện.

Này Hiền giả, như vậy, nếu có các vị Phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ước muốn, vô lượng ác bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn, nhưng các vị tưởng là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí mà tưởng là Sa-môn có trí, không phải là chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải là chánh niệm mà tưởng là chánh niệm, không phải thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu có các vị Phạm hạnh có trí, biết người ấy sanh tâm ước muốn, vô lượng ác bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn thì các vị ấy không cho là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

Này Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ quán hoặc từ nhà làm đồ đồng, mua về một cái mâm đồng đựng đầy phần bên trong, có nắp đậy phía trên, rồi bung đi qua các phố xá, gần chỗ đông người qua lại, những người kia thấy mâm đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý rất ưa thích, không chán ghét và nghĩ lầm cái mâm đồng là sạch. Người ấy bung mâm đồng đi, rồi dừng chân tại một chỗ, và dỡ nó ra chỉ cho thấy; mọi người thấy vậy đều không muốn

ăn, không có ý ưa thích, rất chán ghét và cho là đồ bất tịnh. Dù cho người đã muốn ăn cũng không thèm dùng, huống chi người vốn không muốn ăn ?

Này Hiền giả, như vậy, nếu các Phạm chí có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ước muốn, vô lượng bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn mà các vị ấy cứ tưởng là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa-môn có trí, không phải là chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải là chánh niệm mà tưởng là chánh niệm, không phải là thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các vị Phạm hạnh có trí, do biết người ấy sanh tâm ước muốn, vô lượng ác bất thiện như vậy, nên người ấy không phải là Sa-môn thì các vị ấy không cho là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

Này Hiền giả, phải biết, người như vậy không nên gần gũi, không nên cung kính, lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào không đáng gần gũi mà gần gũi, không đáng cung kính, lễ bái mà cung kính, lễ bái, thì người thân cận, cung kính, lễ bái ấy mãi mãi không

được lợi lạc, không được hữu ích, không lợi ích, không an ổn khoái lạc, sanh ra đau khổ, buồn lo.

Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong người khác đừng biết ta phạm giới”. Này Hiền giả, nhưng có người biết người ấy phạm giới, người ấy, nhân vì người khác biết mình phạm giới, không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ kín đáo, chứ đừng quở trách ta phạm giới ở trước công chúng.” Này Hiền giả, nếu có người khác quở trách người ấy ở trước công chúng, chứ không ở chỗ kín đáo; người ấy, vì bị người khác quở trách ở trước công chúng, chứ không ở chỗ kín đáo mà không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người không tâm ước muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong người hơn mình la rầy chứ đừng có người không bằng mình la rầy ta đã phạm giới”. Này Hiền giả, nhưng có người không bằng chứ không phải người hơn la

mắng người ấy phạm giới; người ấy, vì bị người không bằng mình chứ không phải người hơn mình la mắng, không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vậy: “Mong ta ngồi trước đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe.” Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe; vì có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, người ấy vẫn không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vậy: “Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau ta để vào, chớ đừng có vị Tỳ-kheo nào đi trước nhất.” Khi các Tỳ-kheo vào trong, và các Tỳ-kheo theo sau vị Tỳ-kheo ấy vào. Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo, khi các Tỳ-kheo vào trong làng, đi trước nhất và Tỳ-kheo theo sau vị ấy vào trong; người ấy, vì có Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo vào trong, đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau vào trong,

không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vậy: “Khi các Tỳ-kheo đã vào trong, mong ta được ngôi cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, chớ đừng có Tỳ-kheo nào khi các Tỳ-kheo đã vào trong mà ngôi cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất.” Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo đã vào trong, lại ngôi cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất; vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào ~~làng, ngôi cao hơn~~ hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, người ấy vẫn không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người tâm không ước muốn như vậy: “Sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đừng có Tỳ-kheo nào khác sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu

hoan hỷ.” Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ; vì có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, người ấy không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh dục tâm và ác tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Này Hiền giả, có người không sanh tâm ước muốn như vậy: “Khi các cư sĩ đi đến vườn chung Tăng, mong ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, đừng có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến vườn chung Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận.” Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến vườn chung Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận; vì có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đến vườn chung Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ, người ấy vẫn không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vậy: “Mong ta được vua biết đến, được đại thần, Phạm chí, cư sĩ và dân chúng trong

nước biết đến và kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được vua biết đến, được các đại thần, Phạm chí, cư sĩ và dân chúng trong nước biết đến và kính trọng.” Nay Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được đại thần, Phạm chí, cư sĩ và dân chúng trong nước biết đến và kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được đại thần, Phạm chí, cư sĩ và dân chúng trong nước biết đến và kính trọng, người ấy không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Nay Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vậy: “Mong ta được bốn chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng.” Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được bốn chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng, người ấy không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, cả hai thứ đều là thiện.

Nay Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vậy: «Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc

thang, đừng có Tỳ-kheo nào khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang”. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang; vì có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, nhưng người ấy không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm, thì cả hai thứ đều là thiện.

Nay Hiền giả, như vậy, nếu các vị Phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ham muốn, vô lượng thiện như vậy, nên người ấy chính là Sa-môn mà các vị kia tưởng không phải là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng là không phải Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải là thanh tịnh. Nay Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các vị Phạm hạnh có trí, do biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy, nên người ấy chính là Sa-môn thì cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì các vị ấy cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

Này Hiền giả, cũng như có người, hoặc từ chợ quán, hoặc từ nhà làm đồ đông, mua về một cái mâm đồng đựng đầy đủ đồ ăn uống trong sạch, ngon lành, đặt nắp lên trên, rồi bung đi, ngang qua phố xá, gần chỗ đông người qua lại. Những người ấy thấy được mâm đồng, đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, hết sức chán ghét và nghĩ rằng mâm đồng này không trong sạch, và nói như vậy: “Phần nọ kia, hãy đem đi lập tức ! Phần nọ kia hãy đem đi lập tức !” Người kia bung mâm đồng đi, rồi dùng chân lại một chỗ và đỡ nó ra chỉ cho thấy. Sau khi thấy đỡ ra rồi, những người kia đều muốn ăn, ý hết sức ưa thích, không còn chán ghét và nghĩ rằng, nó là đồ trong sạch. Dù cho những người đã không muốn ăn, thấy rồi cũng muốn ăn, huống chi những người đã có ý muốn ăn ?

Này Hiền giả, như vậy, nếu các vị Phạm hạnh có trí không biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy, thì người ấy như thế, chính là Sa-môn mà các vị kia tưởng không phải Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng không phải Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như

vậy, nếu có vị Phạm hạnh có trí, do biết người này sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy, nên người ấy như vậy, chính là Sa-môn, thì các vị ấy cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

Này Hiền giả, phải biết, người như vậy, nên gân gủi, nên cung kính, lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào đáng gân gủi thì gân gủi, đáng cung kính, lễ bái thì cung kính, lễ bái; do đó người gân gủi, cung kính, lễ bái ấy mãi mãi được thiện lợi, được hữu ích, được lợi ích, an ổn, khoái lạc, và cũng không khổ, không buồn lo.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiên-liên cũng có mặt trong chúng, Tôn giả thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nay tôi muốn nói một thí dụ cho các Tỳ-kheo nghe, Tôn giả cho phép chăng ?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

— Này Hiền giả Đại Mục-kiên-liên, Hiền giả muốn nói thí dụ, xin cứ nói.

Tôn giả Đại Mục-kiên-liên thưa:

— Thừa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi nhớ một thời đến ở trong núi cao, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, đêm đã qua, trời vừa sáng, tôi đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá để khát thực, đến nhà Vô y Mãn Tử, trước kia là một thợ xe. Lúc đi ngang nhà ông lại có một người thợ đang đẽo trục xe. Vô y Mãn Tử, một thợ xe cũ, đi đến nhà đó. Rồi Vô y Mãn Tử, một thợ xe cũ thấy người thợ kia đang đẽo trục xe, tâm sanh ý nghĩ như vậy: “Nếu người thợ này cầm búa đẽo trục, đẽo gọt chỗ xấu nầy, chỗ xấu kia, như thế thì cái trục ấy mới tuyệt đẹp.” Bấy giờ, người thợ kia, đúng như điều suy nghĩ của Vô y Mãn Tử, một thợ xe cũ, liền cầm búa đẽo gọt chỗ xấu nầy, chỗ xấu kia. Khi ấy Vô y Mãn Tử, một thợ xe cũ, hết sức hoan hỷ, nói như thế nầy: “Này Con ông thợ xe, tâm Ông như vậy tức là biết tâm tôi rồi. Vì sao ? Vì đúng theo ý nghĩ của tôi, Ông cầm búa đẽo gọt chỗ xấu nầy, chỗ xấu kia”.

Cũng như thế, này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu như có kẻ dua nịnh, dối trá, ganh tị, không tín, lừa dối, không chánh niệm, không chánh trí, không định, không tuệ, tâm cuồng mê, không giữ các căn, không tu hạnh Sa-môn, không hiểu biết phân biệt, vì tâm của Tôn giả Xá-lợi-phất biết tâm của người đó nên nói pháp nầy.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có người không đua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, có tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, giữ gìn các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo, thì người ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp, giống như kẻ đói muốn được ăn, khát muốn được uống, tức thì được ăn và uống như ý vậy. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, giống như con gái Sát-lợi, hay con gái Phạm chí, cư sĩ, công sư, đoan trang xinh đẹp, tắm rửa sạch sẽ, lấy hương thoa khắp thân thể, mặc áo mới và dùng các thứ anh lạc để trang sức dung nhan; giả sử có người nghĩ đến nàng ấy, mong cầu sự thiện lợi, hữu ích, cầu an ổn, khoái lạc cho nàng ấy nên đem tràng hoa sen xanh, hoặc tràng hoa chiêm-bạc, hoặc tràng hoa tu-ma-na, hoặc tràng hoa bà-sư, hoặc tràng hoa a-đề-mâu-đa đến tặng. Người con gái ấy hoan hỷ nhận cả hai tay, dùng trang sức trên đầu; thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như thế, nếu có người không đua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, tinh tấn không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, gìn giữ các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo, người ấy được nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp, giống như người đói muốn

được ăn, người khát muốn được uống, thì liền được ăn, uống như ý vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất, thật kỳ diệu ! Thật hy hữu ! Tôn giả Xá-lợi-phất thường cứu vớt các người tu phạm hạnh, khiến cho xa lìa bất thiện, an trú chỗ thiện.

Như thế, cả hai Tôn giả tán thán lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và đi.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH CẦU PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa nước Câu-ta-la cùng chúng đại Tỳ-kheo đi đến phía Bắc làng Ngũ-ta-la, trong rừng Thi-nhiếp-hòa với hàng đại đệ tử trưởng lão, thượng tôn danh đức, như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Lệ-việt, Tôn giả A-nan và các đại đệ tử trưởng lão thượng tôn danh đức khác ngang hàng như vậy cũng có mặt tại làng Ngũ-ta-la; tất cả đều ở bên cạnh ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nên thực hành sự cầu pháp, đừng

thực hành sự cầu ẩm thực. Vì sao ? Vì Ta thương tưởng các đệ tử, muốn các đệ tử nên thực hành sự cầu pháp chứ không thực hành sự cầu ẩm thực. Nếu các Thầy thực hành sự cầu ẩm thực, không thực hành sự cầu pháp, thì không những các Thầy tự xấu xa mà Ta cũng không được danh dự. Nếu các Thầy thực hành sự cầu pháp chứ không thực hành sự cầu ẩm thực, thì không những các Thầy đã tự tốt đẹp mà Ta cũng được danh dự.

Thế nào là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà nương theo Phật tu hành chứ không phải vì cầu pháp ? Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư; sau đó có hai vị Tỳ-kheo đến, đói khát, sức lực hao mòn, Ta nói với họ rằng: “Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, các Thầy muốn ăn thì lấy mà ăn, nếu các Thầy không lấy thì Ta sẽ mang đồ nơi đất sạch, hoặc đồ trong nước không có trùng.” Trong hai vị ấy, vị Tỳ-kheo thứ nhất suy nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư; nếu ta không lấy, tất nhiên đức Thế Tôn sẽ mang đồ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng, vậy ta hãy lấy mà ăn”. Vị Tỳ-kheo ấy liền lấy mà ăn, ăn xong, tuy được một ngày một đêm an ổn khoái lạc, nhưng vị Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ ăn dư đó nên không vừa ý Phật. Vì sao ? Vì

Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ ăn đó nên không thể thiếu dục, không thể tri túc, không nhàm chán, không thể sống dễ dãi, không thể thỏa mãn, không thể biết thời, không biết tiết độ, không thể tinh tấn, không thể tĩnh tọa, không thể có tịnh hạnh, không thể sống viễn ly, không được nhất tâm, không được tinh cần, cũng không thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, do Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ ăn dư, nên đức Phật không vừa ý. Như thế gọi là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà nương theo Phật tu hành chứ không phải vì cầu pháp.

Thế nào là các đệ tử thực hành sự cầu pháp chứ không thực hành cầu ẩm thực ? Trong hai vị ấy, vị Tỳ-kheo thứ hai suy nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, nếu ta không lấy thì đức Thế Tôn tất nhiên sẽ mang đồ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng. Nhưng đức Thế Tôn có dạy rằng: “Điều thấp kém nhất trong việc ăn uống là ăn đồ ăn dư.” Vậy ta không nên nhận lấy đồ ăn đó”. Nghĩ như thế rồi, vị ấy không nhận lấy đồ ăn. Tỳ-kheo kia không nhận lấy đồ ăn đó, tuy suốt một ngày một đêm khổ sở, không được an ổn, nhưng vì Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn đó, nên đức Phật vừa lòng. Vì sao ? Vì Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn dư, nên được

thiếu dục, được tri túc, được sống dễ dãi, dễ thỏa mãn, biết thời, có tiết độ, có tinh tấn, có thể tĩnh tọa, có tịnh hạnh, có thể sống viễn ly, được nhất tâm, được tinh cần và cũng có thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, do Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn này mà được vừa lòng Phật. Như thế gọi là các đệ tử vì cầu pháp mà nương theo Phật tu hành chứ không phải vì cầu ẩm thực.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các đệ tử:

— Nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài Trời, loài Người.

Nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài Trời, loài Người.

Nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú

viễn ly, mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài Trời, loài Người.

Nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trụ viễn ly, đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài Trời, loài Người.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng hiện diện trong chúng nên đức Thế Tôn bảo Tôn giả:

— Nay Xá-lợi-phất, Thầy hãy nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Ta bị đau lưng; nay Ta muốn nghỉ một lát.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền vâng lãnh lời Phật:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Rồi đức Thế Tôn gấp tư y ưu-đa-la-tăng trải trên giường, cuộn y tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi quang minh tướng, chánh niệm, chánh trí và chuyên niệm về dục khởi tướng.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỷ-kheo:

— Nay chư Hiền, nên biết, đức Thế Tôn vừa nói pháp sơ lược rằng nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy không thích an trú viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, không phải là mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài Trời, loài Người.

Nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích an trú viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài Trời, loài Người.

Nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly và đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy cũng thích an trú viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài Trời, loài Người.

Nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích an trú viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc cho loài Trời, loài Người.

Nhưng đức Thế Tôn nói pháp này hết sức tóm tắt, các Thầy hiểu nghĩa đó như thế nào và phân biệt rộng rãi như thế nào ?

Bấy giờ trong chúng, có Tỳ-kheo nói như thế này:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu các trưởng lão thượng tôn tuyên bố rằng: “Ta đã được trí cứu cánh, biết một cách như thật rằng sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”, và các vị Phạm hạnh nghe vị Tỳ-kheo tự tuyên bố: “Ta đã được trí cứu cánh”, thì họ rất hoan hỷ.

Lại có Tỳ-kheo nói như thế này:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có đệ tử bậc trung, bậc hạ mong cầu Niết-bàn vô thượng, và các vị Phạm hạnh thấy vị Tỳ-kheo kia đã thực hành theo, nên họ được hoan hỷ.

Các Tỳ-kheo ấy giải thích ý nghĩa đó như vậy, nhưng không làm hài lòng Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo ấy rằng:

— Này chư Hiền, hãy lắng nghe, tôi sẽ giải thích cho các Hiền giả.

Này chư Hiền, nếu một bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà hàng đệ tử trưởng thượng của vị ấy không thích an trú viễn ly, thì người đệ tử hàng trưởng thượng ấy có ba điều đáng chê. Những gì là ba ? Tôn sư thích an trú viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng không học theo hạnh xả ly thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ, mà đệ tử trưởng thượng không đoạn trừ pháp ấy thì những vị đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Với những điều có thể thủ chúng, mà đệ tử trưởng thượng lại từ bỏ phương tiện thì những vị đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật thích an trú viễn ly, mà đệ tử trưởng thượng của vị ấy không thích an trú viễn ly thì những người đệ tử ấy có ba điều đáng chê trách đó.

Này chư Hiền, nếu bậc Tôn sư có pháp luật thích an trú viễn ly, mà đệ tử bậc trung và hạ không

thích an trú viễn ly thì những đệ tử trung và hạ ấy có ba điều đáng chê. Những gì là ba ? Tôn sư thích an trú viễn ly, mà đệ tử trung và hạ không học theo hạnh xả ly thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà đệ tử trung và hạ không đoạn trừ những pháp ấy thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Với những điều có thể thủ chúng, mà đệ tử trung và hạ lại từ bỏ phương tiện thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật thích an trú viễn ly, mà đệ tử trung và hạ không thích an trú viễn ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng chê đó.

Này chư Hiền, nếu bậc Tôn sư có pháp luật thích an trú viễn ly, và đệ tử trưởng thượng của vị ấy cũng thích an trú viễn ly thì đệ tử trưởng thượng ấy có ba điều đáng tán thưởng. Những gì là ba ? Tôn sư thích an trú viễn ly, và đệ tử trưởng thượng cũng học theo hạnh xả ly thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng được tán thưởng. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và đệ tử trưởng thượng đoạn trừ những pháp ấy thì những vị đệ tử trưởng thượng vì vậy mà đáng tán thưởng. Với những điều có thể thủ chúng thì đệ tử trưởng thượng tinh tấn, câu học, không bỏ phương tiện thì những vị đệ tử này

đáng được tán thưởng. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật thích an trú viễn ly, và đệ tử trưởng thượng cũng thích an trú viễn ly, thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng đó.

Này chư Hiền, nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, và đệ tử trung và hạ cũng thích an trú viễn ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng. Những gì là ba ? Tôn sư thích an trú viễn ly, và đệ tử trung và hạ, cũng thích đời sống xả ly thì những đệ tử ấy vì vậy được tán thưởng. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ, và đệ tử trung và hạ đoạn trừ những pháp ấy thì những đệ tử ấy vì vậy được tán thưởng. Với những điều có thể thủ chứng thì đệ tử trung và hạ tinh tấn, cầu học, không bỏ phương tiện thì những đệ tử này đáng được tán thưởng. Nếu bậc Tôn sư có pháp luật thích an trú viễn ly, và đệ tử trung và hạ cũng thích đời sống xả ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng đó.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với các thầy Tỳ-kheo:

— Này chư Hiền, có con đường giữa, nhờ đó có thể được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Này chư Hiền, thế nào là có

con đường giữa, có thể được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chúng đắc Niết-bàn ? Đây chư Hiền, niệm tham dục là ác pháp, ghét bỏ niệm tham dục cũng là ác pháp. Người ấy đoạn trừ niệm tham dục và cũng đoạn trừ sự ghét bỏ niệm tham dục. Cũng vậy, sân nhuế, oán hận, cừ thù, bợn xén, ganh tị, dối trá, vô tâm, vô quý, mạn, tối thượng mạn, cống cao, phóng dật, hào quý, tăng tránh. Đây chư Hiền, tham cũng là pháp ác mà chấp trước cũng là pháp ác. Người ấy đoạn trừ tham và cũng đoạn trừ sự chấp trước. Đây chư Hiền, đó là có con đường giữa, có thể được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chúng đắc Niết-bàn.

Này chư Hiền, lại có con đường giữa khác, có thể được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chúng đắc Niết-bàn. Đây chư Hiền, thế nào là có con đường giữa khác, có thể được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chúng đắc Niết-bàn ? Đó là Tám chi Thánh đạo: chánh kiến đến chánh định, ấy là tám. Đây chư Hiền, đó là có con đường giữa khác có thể được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận

pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chúng đắc Niết-bàn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn đã qua cơn đau và được an ổn, từ chỗ nằm trở dậy, ngôi kiết-già, Ngài tán thán Tôn giả Xá-lợi-phất:

— Lành thay ! Lành thay ! Xá-lợi-phất nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Nay Xá-lợi-phất, từ nay về sau, Thầy hãy nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe nữa. Nay Xá-lợi-phất, Thầy nên luôn luôn nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe.

Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Các Thầy phải cùng nhau lãnh thọ pháp như pháp, hãy tụng đọc, tu tập và giữ gìn. Vì sao ? Vì pháp như pháp này có pháp, có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, được trí thông, được giác ngộ và chúng đắc Niết-bàn. Các Thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì phải khéo léo thọ trì pháp như pháp này.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH TỖ-KHEO THỈNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa, cùng với chúng đại Tỳ-kheo an cư mùa mưa.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

— Nay chư Hiền, có Tỳ-kheo thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: “Xin các Tôn giả nói với tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, xin đừng làm khó tôi.” Vì sao ? Nay chư Hiền, như có một người quen nói ngang ngược, quen tánh nói ngang ngược; và do quen tánh nói ngang ngược nầy, khiến các vị Phạm hạnh

không nói, không dạy dỗ, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy.

Này chư Hiền, thế nào là tánh nói ngang ngược mà nếu ai có quen tánh nói ngang ngược thì các vị Phạm hạnh không nói, không dạy dỗ, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy ? Này chư Hiền, ở đây, có người ác dục và nhớ nghĩ đến dục. Này chư Hiền, nếu là người có ác dục và nhớ nghĩ đến dục thì đó là có tánh nói ngang ngược. Cũng như thế, bị nhiễm, hành nhiễm, uất hận, dối láo, dua nịnh, xan tham, tật đố, vô tâm, vô quý, sân tộ, ác ý, nói lời phẫn nộ, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, mắng Tỳ-kheo phát lồ, nói lãng ngoài đề để tránh né, che giấu phẫn nộ và ganh ghét, phùng phục, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân. Này chư Hiền, nếu có người vong ân, không biết ân thì đó là người có tánh nói ngang ngược. Này chư Hiền, đó là những tánh nói ngang ngược. Nếu ai quen tánh nói ngang ngược thì các vị Phạm hạnh không nói, không dạy dỗ, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo hãy tự suy xét. Này chư Hiền, “Nếu ai có ác dục, niệm dục thì tôi không thương người đó, và nếu tôi có ác dục, niệm dục thì người ấy cũng chẳng thương tôi”, Tỳ-kheo hãy quán

sát như vậy. Không hành ác dục, không niệm dục, nên học như vậy. Cũng như thế, "Ai bị nhiễm, hành nhiễm, phú tàng, uất hận, dối lảo, dua nịnh, xan tham, tật đố, vô tâm, vô quý, sân tộ, ác ý, nói lời phẩn nộ, mắng lại Tỳ-kheo khiến trách mình, mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, mắng Tỳ-kheo phát lồ, nói lảng ngoài đề để tránh né, che giấu phẩn nộ, ganh ghét, phùng phục, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân. Nay chư Hiền, "Nếu ai vong ân, không biết ân thì tôi không thương người ấy, và nếu tôi vong ân, không biết ân thì người ấy cũng chẳng thương tôi", Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy. Không thực hành sự vong ân, không biết ân, nên học như vậy.

Này chư Hiền, có Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: "Xin các Ngài nói với tôi, dạy dỗ tôi, khiến trách tôi, đừng làm khó tôi." Vì sao ? Nay chư Hiền, hoặc có một người dễ bảo, đầy đủ đức tánh dễ bảo, và do đầy đủ bản tánh dễ bảo, nên các vị Phạm hạnh khéo bảo, khéo dạy dỗ, khéo khiến trách và không làm khó người đó.

Này chư Hiền, thế nào là bản tánh dễ bảo ? Nếu có người đầy đủ đức tánh dễ bảo thì các vị Phạm hạnh khéo bảo, khéo dạy dỗ, khéo khiến trách và không làm khó người đó. Nay chư Hiền,

hoặc có người không ác dục, không niệm dục. Nay chư Hiền, nếu có người không ác dục, không niệm dục thì đó là bản tánh dễ bảo. Cũng như thế, không bị nhiễm, không hành nhiễm, không che giấu, uất hận, không dối láo và dua nịnh, không xan tham và tật đố, không vô tâm, vô quý, không sân tộ, ác ý, không nói lời phẫn nộ, không mắng Tỳ-kheo khiển trách mình, không mắng lại Tỳ-kheo khinh mạn mình, không mắng Tỳ-kheo phát lồ, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu, không phẫn nộ, không ganh ghét, không phùng phục, không bằng hữu ác, đồng bọn ác, không vong ân, không biết ân; nay chư Hiền, nếu ai không vong ân, không biết ân, thì đó là có bản tánh dễ bảo. Nay chư Hiền, đó là những bản tánh dễ bảo. Nếu ai đầy đủ đức tánh dễ bảo, thì các vị Phạm hạnh khéo bảo, khéo dạy dỗ, khéo khiển trách và không làm khó người đó.

Nay chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự suy xét. Nay chư Hiền, “Nếu có người không ác dục, không niệm dục thì tôi thương người đó và nếu tôi không ác dục, không niệm dục thì người đó cũng thương tôi.” Tỳ-kheo nên quán sát như vậy. Không hành ác dục, không niệm dục, nên học như vậy. Cũng như thế, không bị nhiễm và hành nhiễm, không che giấu và

tệ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không mắng lại Tỳ-kheo khiến trách mình, không mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, không mắng Tỳ-kheo phát lồ, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu, không phẫn nộ, không ganh ghét, không phùng phục, không bằng hữu ác, đồng bọn ác, không vong ân, không biết ân.

Này chư Hiền, “Nếu có người không vong ân mà biết ân thì tôi thương người đó và nếu tôi không vong ân và biết ân thì người đó cũng thương tôi.” Tỳ-kheo nên quán sát như vậy. Không vong ân mà biết ân, nên học như vậy.

Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát như vậy: “Ta có ác dục, niệm dục, hay không có ác dục, niệm dục?” thì chắc chắn có nhiều lợi ích. Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình có ác dục, niệm dục thì không thể hân hoan; do đó mong cầu đoạn trừ dục. Này chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết mình không có ác dục, niệm dục thì được hân hoan: “Tự ta thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý cho nên hân hoan.”

Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự

soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Nay chư Hiền, nếu người ấy thấy mặt mình có vết dơ thì không hân hoan và mong muốn rửa sạch. Nay chư Hiền, nếu người ấy thấy mặt mình không có vết dơ thì được hân hoan: “Mặt ta sạch sẽ nên ta hân hoan.” Nay chư Hiền, cũng như vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình có ác dục, niệm dục thì không hân hoan và mong cầu đoạn trừ dục. Nay chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có ác dục, niệm dục thì hân hoan: “Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý nên ta hân hoan.” Cũng như thế, “Ta bị nhiễm, hành nhiễm, hay không bị nhiễm và hành nhiễm ? Ta có che giấu và uất hận hay không có che giấu và uất hận ? Ta có dối láo hay không dối láo ? Ta có dua nịnh hay không dua nịnh ? Ta có tham hay không tham ? Ta có tật đố hay không có tật đố ? Ta có vô tâm hay không vô tâm ? Ta có vô quý hay không vô quý ? Ta có sân tộ ác ý hay không sân tộ ác ý ? Ta có nói lời phẫn nộ hay không nói lời phẫn nộ ? Ta có mắng lại Tỳ-kheo khiến trách hay không mắng lại Tỳ-kheo khiến trách ? Ta có mắng Tỳ-kheo khinh mạn hay không mắng Tỳ-kheo khinh mạn ? Ta có mắng Tỳ-kheo phát lồ hay không mắng Tỳ-kheo phát lồ ? Ta có nói lãng ngoài đề để tránh

né hay không nói lảng ngoài đề để tránh né ? Ta có che giấu, uất hận, ganh ghét, phùng phục hay không có phú tàng, phần nộ, ganh ghét, phùng phục ? Ta có bằng hữu, đồng bọn ác hay không có bằng hữu, đồng bọn ác ? Ta có vong ân, không biết ân hay không có vong ân, không biết ân ?” Nay chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình có vong ân, không biết ân thì không hân hoan và mong muốn đoạn trừ. Nay chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân, không biết ân thì được hân hoan: “Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý, nên ta hân hoan.”

Nay chư Hiền, như người có mặt lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Nay chư Hiền, nếu người ấy thấy mặt mình có vết dơ thì không hân hoan và mong muốn rửa sạch. Nay chư Hiền, nếu người ấy thấy mặt mình không có vết dơ thì được hân hoan: “Mặt ta sạch sẽ nên ta hân hoan”. Nay chư Hiền, cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát và biết được mình có vong ân, không biết ân thì không hân hoan và mong muốn đoạn trừ. Nay chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát và biết được mình không có vong ân, không biết ân thì được hân hoan: “Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý nên ta hân hoan”. Do hân hoan nên được hoan hỷ; nhân hoan

hỷ nên thân được an tĩnh; do thân được an tĩnh nên cảm thọ lạc; do được cảm thọ lạc nên được định tâm. Nay chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử do định tâm nên thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên được yếm ly; do yếm ly nên được vô dục; do vô dục nên được kiến giải thoát; do giải thoát mà được tri kiến giải thoát, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh”.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, các Tỷ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH TRI PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la.

Bấy giờ Tôn giả Châu-na nói với các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo nói như thế này: “Tôi biết các pháp, những pháp được biết nhưng không có tham lam.” Nhưng trong tâm hiền giả ấy ác tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn xển, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tà, vô quý, ác dục, ác kiến. Nhưng trong tâm hiền giả ấy ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại. Các vị đồng Phạm hạnh biết hiền giả ấy không biết các pháp, những pháp được biết

đến mà không có tham lam. Vì sao ? Vì trong tâm hiền giả ấy tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bòn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao ? Vì trong tâm hiền giả kia ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại.

Này chư Hiền, như người không giàu mà tự xưng là giàu, cũng không có phong ấp mà nói là có phong ấp, lại không có gia súc mà nói có gia súc; nếu muốn tiêu dùng thì không có vàng, bạc, châu châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, không có gia súc, lúa gạo, cũng không có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ấy mà nói rằng: “Anh thật sự không giàu mà tự xưng là giàu, cũng không có phong ấp mà nói là có phong ấp, lại không có gia súc mà nói có gia súc; vả lại, khi muốn tiêu dùng thì không có vàng, bạc, châu châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, không có gia súc, lúa gạo, và cũng không có nô tỳ.”

Cũng giống như thế, này chư Hiền, có Tỳ-kheo nói như thế này: “Ta biết các pháp, những pháp được biết mà không có tham lam.” Nhưng trong tâm hiền giả kia tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bòn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô

quý, ác dục, ác kiến. Nhưng trong tâm hiền giả ấy ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại. Các vị Phạm hạnh biết hiền giả ấy không biết các pháp, những pháp được biết mà không có tham lam. Vì sao ? Vì tâm của hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt tận tham lam, hướng đến Vô dư Niết-bàn. Cũng như vậy đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn xên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao ? Vì tâm hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt tận ác kiến, hướng đến Vô dư Niết-bàn.

Này chư Hiền, có Tỳ-kheo không nói như thế này: “Ta biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam.” Nhưng trong tâm hiền giả kia tham lam không sanh và tồn tại. Cũng như vậy đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn xên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến. Nhưng trong tâm hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại. Các vị Phạm hạnh biết hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao ? Vì trong tâm hiền giả kia ắt tham lam đã không sanh và tồn tại. Cũng như vậy đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn xên, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì

sao ? Vì trong tâm hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại.

Này chư Hiền, như người giàu to mà tự nói không giàu, cũng có phong ấp mà nói là không có phong ấp, lại có gia súc mà nói không có gia súc; nếu lúc muốn tiêu dùng thì có sẵn vàng, bạc, châu châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, có gia súc, lúa gạo, và có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ấy, nói rằng: “Anh thật sự giàu to mà nói là không giàu, cũng có phong ấp mà nói không có phong ấp, lại có gia súc mà nói không có gia súc, nhưng khi muốn dùng thì có sẵn vàng, bạc, châu châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, có gia súc, lúa gạo và cũng có nô tỳ.”

Cũng giống như thế, này chư Hiền, có Tỳ-kheo không nói như thế này: “Ta biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam.” Nhưng trong tâm hiền giả kia ác tham lam đã không sanh và tồn tại. Cũng như vậy đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bòn xẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến. Nhưng trong tâm hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại. Các vị Phạm hạnh biết hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao ? Vì tâm hiền giả ấy hướng

đến chỗ diệt tận tham lam, sân triền, phú kết, bôn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao ? Vì tâm hiền giả kia hướng đến chỗ diệt tận ác kiến, hướng đến Vô dư Niết-bàn.

Tôn giả Châu-na thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả nói xong, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH CHÂU-NA VẤN KIẾN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-su-la.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Châu-na, vào lúc xế chiều, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, trong thế giới này, các kiến chấp phát sanh và phát sanh, tức là các chủ trương có ngã, có chúng sanh, có nhơn, có thọ, có mạng, có thể gian. Bạch đức Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào, để các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly, và khiến cho các tà kiến khác không tiếp diễn, không thủ trước ?

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo:

— Này Châu-na, trong thế giới này, các kiến chấp phát sanh và phát sanh, tức là các chủ trương có ngã, có chúng sanh, có nhơn, có thọ, có mạng, có thể gian. Này Châu-na, nếu muốn các pháp diệt tận, không còn thì phải biết như vậy, thấy như vậy, mới có thể khiến cho các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly, và khiến cho các kiến chấp khác không tiếp diễn, không thủ trước. Đó là nên học pháp tiệm giảm.

Này Châu-na, trong Thánh pháp luật, thế nào là tiệm giảm ? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu an trú. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã thực hành sự tiệm giảm.” Này Châu-na, trong Thánh pháp luật không phải chỉ có sự tiệm giảm này.

Có bốn tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú, hành giả từ đó khởi lên, rồi lại nhập trở lại; vị ấy nghĩ thế này: “Ta thực hành sự tiệm giảm.” Này Châu-na, trong Thánh pháp luật, không phải chỉ có sự tiệm giảm này.

Tỳ-kheo vượt khỏi mọi sắc tướng, cho đến chứng đắc Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú, vị ấy nghĩ thế này: “Ta thực hành sự

tiệm giảm.” Nay Châu-na, trong Thánh pháp luật, không phải chỉ có sự tiệm giảm này.

Có bốn tịch tĩnh giải thoát, lừa sắc, chúng đắc vô sắc, hành giả từ đó khởi lên và sẽ nói cho người khác biết; vị ấy nghĩ thế này: “Ta thực hành sự tiệm giảm.”

Nay Châu-na, trong Thánh pháp luật, không chỉ tiệm giảm này. Nay Châu-na, “Người khác có ác dục, niệm dục, ta không ác dục, niệm dục.” nên học sự tiệm giảm. Nay Châu-na, “Người khác có hại ý, sân; ta không có hại ý, sân”, nên học sự tiệm giảm. Nay Châu-na, “Người khác có sát sanh, không cho mà lấy, phi phạm hạnh, ta không có phi phạm hạnh”, nên học sự tiệm giảm. Nay Châu-na, “Người khác có tham lam, náo hại, thù miên, quán chặt, trạo cử, cống cao và có nghi hoặc, ta không có nghi hoặc”, nên học sự tiệm giảm. Nay Châu-na, “Người khác có sân kết, dua nịnh, lừa gạt, vô tầm, vô quý, ta có tầm, quý”, nên học sự tiệm giảm. Nay Châu-na, “Người khác có khinh mạn, ta không có khinh mạn”, nên học sự tiệm giảm. Nay Châu-na, “Người khác có tăng thượng mạn, ta không tăng thượng mạn”, nên học sự tiệm giảm. Nay Châu-na, “Người khác không đa văn, ta có đa văn”, nên học sự tiệm giảm. Nay Châu-na, “Người khác không quán các

thiện pháp, ta quán các thiện pháp”, nên học sự tiêm giảm. Nay Châu-na, “Người khác hành phi pháp, ác hạnh, ta hành đúng pháp, diệu hạnh”, nên học sự tiêm giảm. Nay Châu-na, “Người khác nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói thêu dệt, ác giới, ta không có ác giới”, nên học sự tiêm giảm. Nay Châu-na, “Người khác có bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, lại có ác huệ, ta không có ác huệ”, nên học sự tiêm giảm.

Nay Châu-na, chỉ cần phát tâm, nghĩ và mong muốn học các thiện pháp mà còn được nhiều lợi ích, hưởng chi thân và khẩu thực hành thiện pháp ! Nay Châu-na, “Người khác có ác dục, niệm dục, ta không có ác dục, niệm dục”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác có hại ý, sân, ta không có hại ý, sân”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác có sát sanh, không cho mà lấy, phi phạm hạnh, ta không phi phạm hạnh”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác có tham lam, nảo hại, thù miên, quán chặt, trạo cử, cống cao, lại có nghi hoặc, ta không nghi hoặc”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác có sân kết, dua nịnh, lừa gạt, vô tâm, vô quý, ta có tâm, quý”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác có tăng thượng mạn, ta không có tăng thượng mạn”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác

không đa văn, ta có đa văn”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác không quán các thiện pháp, ta quán các thiện pháp”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác hành phi pháp, ác hạnh, ta hành đúng pháp, diệu hạnh”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác nói láo, hai lưỡi, cộc cằn, thù dết, ác giới, ta không có ác giới”, hãy phát tâm. Nay Châu-na, “Người khác bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định lại có ác huệ, ta không có ác huệ”, hãy phát tâm.

Nay Châu-na, ví như con đường xấu và có con đường tốt đối lại; có bến dò xấu và có bến dò tốt đối lại; cũng vậy, nay Châu-na, ác dục có phi ác dục đối lại; hại ý, sân, có không hại ý, không sân đối lại; sát sanh, không cho mà lấy, phi phạm hạnh có phạm hạnh đối lại; tham lam, náo hại, thù miên, trạo cử, cống cao, nghi hoặc có không nghi hoặc đối lại; sân kết, dua nịnh, lừa gạt, vô tâm, vô quý, có tâm, quý đối lại; khinh mạn có không khinh mạn đối lại; tăng thượng mạn có không tăng thượng mạn đối lại; không đa văn, có đa văn đối lại; không quán các thiện pháp, có quán các thiện pháp đối lại; hành phi pháp, ác hạnh có hành đúng pháp, diệu hạnh đối lại; nói láo, hai lưỡi, cộc cằn, thù dết, ác giới có thiện giới đối lại; bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác huệ có thiện huệ đối lại.

Này Châu-na, hoặc có pháp đen có quả báo đen, dẫn đến chỗ ác; hoặc có pháp trắng, có quả báo trắng và được thăng tiến. Cũng như thế, này Châu-na, người có ác dục thì dùng phi ác dục mà đi lên; người có hại ý, sân thì dùng không có hại ý, không có sân, mà đi lên; người sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh thì dùng phạm hạnh mà đi lên; người tham lam, nảo hại, thù miên, trạo cử, công cao, nghi hoặc thì dùng không nghi hoặc mà đi lên; người sân nhuế, dua nịnh, lừa gạt, vô tâm, vô quý thì dùng tâm, quý mà đi lên; người khinh mạn thì dùng không khinh mạn mà đi lên; người tăng thượng mạn thì dùng không tăng thượng mạn mà đi lên; người không đa văn thì dùng đa văn mà đi lên; người không quán các thiện pháp thì dùng quán các thiện pháp mà đi lên; người hành phi pháp, ác hạnh, thì dùng sự thực hành đúng pháp, diệu hạnh mà đi lên; người nói láo, hai lưỡi, cộc cằn, thù dật, ác giới thì dùng thiện giới mà đi lên; người bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác huệ thì do thiện huệ mà đi lên.

Này Châu-na, nếu có người không tự điều phục, và người khác cũng không được điều phục mà muốn được điều phục, thì sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình chìm đắm và người khác chìm đắm,

mà muốn vớt lên, thì sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình không bát Niết-bàn, và người khác không được bát Niết-bàn mà muốn được bát Niết-bàn, thì sự kiện ấy không bao giờ có. Nay Châu-na, nếu có người tự điều phục được, người khác không điều phục được mà muốn điều phục, thì sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình không chìm đắm, người khác bị chìm đắm, mà muốn vớt lên, thì sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình bát Niết-bàn, người khác không bát Niết-bàn, mà khiến cho bát Niết-bàn, thì sự kiện ấy có xảy ra. Cũng như thế, này Châu-na, người ác dục thì do phi ác dục mà bát Niết-bàn. Người có hại ý, sân thì do không có hại ý, không có sân mà bát Niết-bàn; người sát sanh, lấy của không cho, phi phạm hạnh thì do phạm hạnh mà bát Niết-bàn; người tham lam, náo hại, thù miên, trạo cử, cống cao, nghi hoặc thì do không nghi hoặc mà bát Niết-bàn; người sân kết, dua nịnh, lừa gạt, vô tâm, vô quý thì do tâm, quý mà bát Niết-bàn; người kiêu mạn thì do không kiêu mạn mà bát Niết-bàn; người tăng thượng mạn thì do không tăng thượng mạn mà bát Niết-bàn; người không đa văn, thì do đa văn mà bát Niết-bàn; người không quán các thiện pháp thì do quán các thiện pháp mà bát Niết-bàn; người hành phi pháp, ác hạnh thì do hành đúng pháp,

diệu hạnh mà bát Niết-bàn; người nói lão, hai lưỡi, cộc cằn, thù dật, ác giới thì do thiện giới mà bát Niết-bàn; người bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác huệ, thì do thiện huệ mà bát Niết-bàn.

Này Châu-na, đó là Ta đã nói cho Thấy nghe về pháp tiêm giảm, đã nói pháp phát tâm, đã nói pháp đối trị, đã nói pháp tăng thượng, đã nói pháp bát Niết-bàn. Như bậc Tôn sư đối với đệ tử, khởi tâm đại từ, thương xót, thương tưởng, mong cầu cho đệ tử được phước lợi và thiện ích, mong cầu an ổn, khoái lạc; Ta đã làm như vậy; các Thấy cũng nên tự mình làm, hãy đến nơi rừng vắng, núi sâu, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh thanh nhàn; tĩnh tọa tư duy, đừng phóng dật, không ngừng tinh tấn, chớ để ân hận mai sau. Đó là lời khuyến cáo của Ta, lời huấn thị của Ta.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Đại Châu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH THANH BẠCH LIÊN HOA DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hoặc có pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ. Hoặc có pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân mà diệt trừ. Hoặc có pháp không do nơi thân và miệng diệt trừ nhưng do huệ kiến để diệt trừ.

Thế nào là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ ? Tỳ-kheo có thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ dịnh trước nơi thân; các thầy Tỳ-kheo thấy vậy, khiển trách

Tỳ-kheo ấy rằng: “Này Hiền giả, thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ. Sao lại dính trước nơi thân ? Này Hiền giả, nên bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện.” Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện; đó gọi là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ.

Thế nào là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do thân mà diệt trừ ? Tỳ-kheo có khẩu hành bất thiện, sung mãn, thọ trì đầy đủ và dính trước nơi miệng. Các thầy Tỳ-kheo thấy vậy, quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: “Này Hiền giả, khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi miệng ? Này Hiền giả, nên bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện.” Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ.

Thế nào là pháp không do thân, miệng mà diệt trừ nhưng chỉ do huệ kiến để diệt trừ ? Tham lam không do thân, miệng mà diệt trừ, chỉ do huệ kiến mà diệt trừ. Cũng như thế, tranh tụng, nhuế, hận, sân, triền, phú kết, bôn xên, tật đố, lừa gạt, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến không do nơi thân, miệng diệt trừ, chỉ do huệ kiến mà diệt trừ.

Đó gọi là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, chỉ do huệ kiến mà diệt trừ.

Như Lai hoặc có quán sát, quán sát tâm của người khác, biết người này không tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ như vậy. Nếu như người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ thì diệt trừ được tham lam. Vì sao ? Vì người này đã tâm sanh và trụ nơi ác, tham lam. Cũng như vậy, đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn xên, tật đố, lừa gạt, dua nịnh, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến, nếu người ấy tu tập, thì diệt trừ được ác dục, ác kiến. Vì sao ? Vì người này đã tâm sanh và trụ nơi ác dục, ác kiến. Đức Như Lai cũng biết người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ như vậy. Nếu như người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ thì diệt được tham lam. Vì sao ? Vì người này tâm không sanh và trụ nơi ác, tham lam. Cũng như vậy, đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bôn xên, tật đố, lừa gạt, dua nịnh, vô tâm, vô quý, diệt được ác dục, ác kiến. Vì sao ? Vì người này tâm không sanh và trụ nơi ác dục, ác kiến.

Giống như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh từ trong nước, lớn lên trong nước, vượt lên khỏi mặt nước, không bị dính nước; cũng như thế, Như Lai sanh từ trong thế gian, lớn lên trong thế gian, tu

hành vượt trên thế gian, không đắm trước pháp thế gian. Vì sao ? Vì đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, vượt khỏi tất cả thế gian.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, cầm quạt đứng hầu Phật, chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, kinh này tên là gì và thọ trì như thế nào ?

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, kinh này tên là "Thanh Bạch Liên Hoa Dụ", Thấy hãy như vậy mà thọ trì, đọc tụng.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thấy hãy cùng nhau thọ trì, đọc tụng, gìn giữ kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ này. Vì sao ? Vì kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ này là như pháp, có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí thông, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Nếu Thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì nên khéo thọ trì, khéo tụng đọc kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ này.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH THỦY TỊNH PHẠM CHÍ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật đến Uất-bệ-la, bên bờ sông Ni-liên-nhiên, ngồi dưới gốc cây a-da-hòa-la-ni-câu-loại. Lúc ấy Ngài mới thành đạo.

Bấy giờ, sau giờ ngộ, có Thủy Tịnh Phạm chí ung dung đi đến chỗ Phật. Đức Thế Tôn thấy Thủy Tịnh Phạm chí từ xa đi lại, nhân vì có Thủy Tịnh Phạm chí, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế làm ô uế tâm thì chắc chắn phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

Những gì là hai mươi mốt thứ ô uế ? Đó là tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do nhuế, tâm

uế do thù miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triên, tâm uế do phú kết, tâm uế do bôn xên, tâm uế do tật đố, tâm uế do lừa gạt, tâm uế do dua nịnh, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi một thứ ô uế này làm ô uế tâm thì chắc chắn phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

Ví như cái áo bị cấu bẩn đem cho nhà thợ giặt, người thợ giặt nhận áo đó, hoặc dùng tro, hoặc dùng chum kết hay dùng bột giặt chà sát thật kỹ cho sạch cái áo dơ bẩn đó. Dù người thợ giặt dùng tro, hoặc lấy chum kết hay dùng bột giặt chà sát thật kỹ cho sạch, cái áo dơ ấy vẫn có màu dơ bẩn. Cũng như vậy, nếu có hai mươi một thứ ô uế làm ô uế tâm thì chắc chắn phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

Những gì là hai mươi một thứ ô uế ? Đó là tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thù miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triên, tâm uế do phú kết, tâm uế do bôn xên, tâm uế do tật đố, tâm uế do lừa gạt, tâm uế do dua nịnh, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn,

tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi một thứ ô uế nầy nơi tâm, thì chắc chắn phải đi đến ác xứ sanh trong địa ngục. Nếu có hai mươi một thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn phải đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

Thế nào là hai mươi một thứ ô uế ? Tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thù miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú kết, tâm uế do bôn xên, tâm uế do tật đố, tâm uế do lừa gạt, tâm uế do dua nịnh, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi một ô uế nầy mà không làm ô uế tâm, thì chắc chắn được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

Ví như cái áo trắng, sạch, của loại vải dệt ở xứ Ba-la-nại đem cho nhà thợ giặt, người thợ giặt nhận áo đó, hoặc dùng tro, hay lấy chum kết, hoặc dùng bột giặt chà xát thật kỹ cho sạch cái áo trắng, sạch loại vải Ba-la-nại nầy. Người thợ giặt dùng tro, hoặc lấy chum kết, hay dùng bột giặt chà xát thật kỹ cho sạch, nhưng cái áo trắng, sạch của loại vải Ba-la-nại ấy vốn đã sạch lại càng trắng, sạch thêm.

Cũng như vậy, nếu có hai mươi một thứ ô uế không làm ô uế tâm thì chắc chắn được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

Những gì là hai mươi một thứ ô uế ? Đó là tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thù miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú kết, tâm uế do bòn xén, tâm uế do tật đố, tâm uế do lừa gạt, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi một thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

Nếu ai biết được tà kiến là ô uế của tâm, thì sau khi biết liền đoạn trừ. Cũng như vậy, nếu ai biết được phi pháp dục là tâm uế, ác tham là tâm uế, tà pháp là tâm uế, nhuế là tâm uế, thù miên là tâm uế, trạo cử hối quá là tâm uế, sân triền là tâm uế, nghi hoặc là tâm uế, phú kết là tâm uế, bòn xén là tâm uế, tật đố là tâm uế, lừa gạt là tâm uế, dua nịnh là tâm uế, vô tâm là tâm uế, vô quý là tâm uế, mạn là tâm uế, đại mạn là tâm uế, ngạo mạn là tâm uế, phóng dật là tâm uế, thì sau khi

biết liên đoạn trừ. Tâm của vị ấy cùng đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú, như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy trên dưới, trùm khắp tất cả; cùng đi đôi với lòng từ, không kết, không oán, không giận, không tranh cãi, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng như vậy, bi, hỷ và tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không giận, không tranh cãi, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú.

Này Phạm chí, đó là phương pháp gột rửa nội tâm chớ không phải gột rửa ngoại thân.

Bấy giờ, Phạm chí nói với Thế Tôn:

— Thưa Cù-đàm, hãy đến sông Đa Thủy tắm rửa.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Phạm chí, nếu đến tắm nơi sông Đa Thủy thì sẽ được những gì ?

Phạm chí trả lời:

— Thưa Cù-đàm, sông Đa Thủy ấy là dấu hiệu chay tịnh của thế gian, là dấu hiệu độ thoát, là dấu

hiệu phước đức. Nếu ai đến tắm nơi sông Đa Thủy thì sẽ được trừ sạch tất cả ác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài tụng cho Phạm chí nghe:

*Diệu Hảo Thủ Phạm chí,
Nếu vào sông Đa Thủy,
Là trò chơi kẻ ngu,
Không thể sạch nghiệp dữ.
Hảo Thủ, đến sông chi ?
Sông ấy có nghĩa gì,
Người tạo nghiệp bất thiện,
Nước trong nào ích chi.
Người tịnh, không cầu uế,
Người tịnh, thường thuyết giới,
Người tịnh, nghiệp trắng trong,
Thường được hạnh thanh tịnh.
Nhu Ông không sát sanh,
Cũng không hay trộm cắp,
Chân thật, không nói dối,
Thường chánh niệm, chánh trí,
Phạm chí học như vậy.
Tất cả chúng sanh an,
Phạm chí về nhà chi,
Suối nhà đâu trong sạch,*

*Phạm chí, Ông nên học.
Dùng thiện pháp tẩy sạch,
Cần gì nước bẩn kia ?
Chỉ trừ dơ thân thể.*

Phạm chí bạch Phật rằng,
Tôi cũng nghĩ như vậy,
Dùng thiện pháp tẩy sạch,
Cần gì nước dơ kia.
Phạm chí nghe Phật dạy,
Trong lòng rất hoan hỷ,
Tức thì lạy chân Phật,
Quy y Phật, Pháp, Tăng.

Phạm chí bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, con đã biết, bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Con nay tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ ngày nay, trọn đời tự quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Hảo Thủ Thủy Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH HẮC TỠ-KHEO

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong Đông viên Giảng đường Lộc Mẫu.

Bấy giờ, Hắc Tỳ-kheo con bà Lộc Mẫu thường ưa tranh cãi, đi đến chỗ Phật. Thế Tôn thấy Hắc Tỳ-kheo từ xa đi lại, nhân vì có Hắc Tỳ-kheo, nên Ngài nói với các Tỳ-kheo:

— Hoặc có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể làm cho ái niệm, không thể làm cho có sự kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể

khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể làm cho chúng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục. Nếu có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể làm cho ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chúng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người phạm giới, vượt giới, làm sút mẻ giới, làm rách giới, ô uế giới và không khen việc trì giới. Nếu có người phạm giới, vượt giới, làm sút mẻ giới, làm rách giới, ô uế giới, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chúng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người có sân triền, có phú kết, có bồn xén, tật đố, có dua nịnh, dối trá, có vô tâm, vô quý, không khen tâm, quý. Nếu có người có sân triền, có phú kết, bồn xén, tật đố, có dua nịnh, dối trá,

có vô tâm, vô quý, không khen tâm, quý, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh, không khen sự giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh. Nếu có người không giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh, không khen sự giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp. Nếu có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không kính tọa, không khen kính tọa. Nếu người không kính tọa, không khen kính tọa thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chúng đắc Niết-bàn.

Những người như thế, dù nghĩ rằng: “Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ lạy ta”, nhưng các vị đồng Phạm không cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy. Vì sao ? Vì người ấy có vô lượng điều ác nầy. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác nầy, nên khiến cho các vị đồng Phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy.

Giống như con ngựa dữ bị nhốt vào trong chuồng, tuy nó nghĩ rằng: “Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và thích ngắm tôi”, nhưng người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và không thích ngắm nó. Vì sao ? Vì con ngựa ấy có sự dữ, nghĩa là vì nó hết sức xấu xí, không hiền lành nên khiến cho người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và không thích ngắm nó. Cũng như vậy, người nầy dù nghĩ rằng:

“Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái ta”, nhưng các vị đồng Phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy. Vì sao ? Vì người ấy có vô lượng điều ác nầy. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác nầy, nên khiến cho các vị đồng Phạm hạnh, không cúng dường, cung kính, lễ lạy người ấy.

Hoặc có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chúng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục. Nếu có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chúng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không phạm giới, không vượt giới, không làm sút mê giới, không làm rách giới,

không làm ô uế giới, và khen ngợi việc trì giới. Nếu có người không phạm giới, không vượt giới, không làm sút mẻ giới, không làm rách giới, không làm ô uế giới và khen ngợi việc trì giới, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không có sân triền, không phú kết, không bôn xên, tật đố, không dua nịnh, dối trá, không vô tâm, vô quý và khen ngợi tâm, quý. Nếu có người không sân triền, không phú kết, không bôn xên tật đố, không dua nịnh, dối trá, không vô tâm, vô quý và khen ngợi tâm, quý, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh, khen ngợi việc giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh. Nếu có người giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh, khen ngợi việc giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm,

có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp. Nếu có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người tinh tọa, khen ngợi tinh tọa. Nếu có người tinh tọa, khen ngợi tinh tọa, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

Người này tuy không nghĩ rằng: “Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái ta”, nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy. Vì sao ? Vì người ấy có vô lượng điều thiện này. Vì người ấy có vô lượng điều lành này, khiến cho các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy.

Giống như con ngựa hiền nhốt trong chuồng, tuy nó không nghĩ rằng: “Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và thích ngắm tôi”, nhưng người ta vẫn nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn, thức uống tốt tươi, và vẫn thích ngắm nó. Vì sao ? Vì đó là con ngựa lành, nghĩa là nó rất thuần thực, rất hiền lành, nên người ta nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và thích ngắm nó. Cũng như vậy, người nầy tuy không nghĩ rằng: “Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái ta”, nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH TRỤ PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Ta nói về thối thiện pháp, không trụ, không tăng. Ta nói về trụ thiện pháp, không thối, không tăng. Ta nói về tăng thiện pháp, không thối, không trụ.

Thế nào là thối thiện pháp không trụ, không tăng ? Vị Tỳ-kheo nếu dốc lòng tín, giữ cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài Thánh giáo và sở đắc của Thánh giáo; đối với các pháp này, vị ấy thối,

không trụ, không tăng. Đó là thối thiện pháp, không trụ, không tăng.

Thế nào là trụ thiện pháp, không thối, không tăng ? Vị Tỳ-kheo nếu dốc lòng tin, giữ cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài Thánh giáo và sở đắc của Thánh giáo; đối với các pháp này, vị ấy trụ, không thối, không tăng, đó gọi là trụ thiện pháp, không thối, không tăng.

Thế nào là tăng thiện pháp, không thối, không trụ ? Vị Tỳ-kheo dốc lòng tin, giữ cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài Thánh giáo và sở đắc của Thánh giáo; đối với các pháp này, vị ấy tăng, không thối, không trụ; đó gọi là tăng thiện pháp, không thối, không trụ.

Vị Tỳ-kheo chắc chắn được nhiều lợi ích, nếu quán như vậy: “Ta sống với nhiều tham lam hay sống với không nhiều tham lam ? Ta sống với nhiều tâm sân nhuế hay sống với không nhiều tâm sân nhuế ? Ta sống với nhiều thù miên, triền hay sống với không nhiều thù miên, triền ? Ta sống với nhiều trạo cử, cống cao hay sống với không nhiều trạo cử, cống cao ? Ta sống với nhiều nghi hoặc hay sống với không nhiều nghi hoặc ? Ta sống với nhiều thân tránh hay sống với không nhiều thân tránh ?

Ta sống với nhiều ô uế hay sống với không nhiều ô uế tâm ? Ta sống với nhiều tín hay sống với nhiều bất tín ? Ta sống với nhiều tinh tấn hay sống với nhiều giải đãi ? Ta sống với nhiều chánh niệm hay sống với nhiều vô niệm ? Ta sống với nhiều chánh định hay sống với nhiều vô định ? Ta sống với nhiều ác huệ hay sống với nhiều không ác huệ ?”

Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống với nhiều tham lam, sân nhuế tâm, thù miên, triền, trạo cử, cống cao, nghi hoặc, thân tránh, ô uế tâm, bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, và sống với nhiều ác huệ, thì vị Tỳ-kheo ấy, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này, nên gấp rút tìm phương tiện học hỏi, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui.

Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, thì gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Cũng như thế, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này, nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui.

Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống không nhiều tham lam, không nhiều sân nhuế tâm, không nhiều thù miên, triền, không nhiều trạo cử, cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, không

ô uế tâm, có tín, có tấn, có niệm, có định và sống với nhiều không ác huệ, thì vị Tỷ-kheo ấy, vì muốn an trú nơi thiện pháp này, không quên mất, không thối lui, tu hành phát triển, nên gấp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui.

Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, thì gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Cũng như vậy, vị Tỷ-kheo vì muốn an trú nơi thiện pháp này, không quên mất, không thối lui, tu hành, phát triển, nên gấp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

10. KINH VÔ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

— Nay chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà những pháp chưa được nghe thì không được nghe và pháp đã nghe thì quên mất và nếu có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng đọc, tu tập và đã được hiểu bởi tuệ thì vị ấy không nhớ lại và không thấu hiểu; thì nay chư Hiền, đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni suy thối tịnh pháp.

Nay chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà

những pháp chưa nghe thì được nghe, pháp đã nghe thì không quên mất, và nếu có những pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng đọc, tu tập và đã được hiểu bởi tuệ thì vị ấy thường ghi nhớ và thấu hiểu; thì đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng trưởng tịnh pháp.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo phải quán như vậy: “Ta có tham lam hay là không có tham lam ? Ta có tâm sân nhuế hay không có tâm sân nhuế ? Ta có thù miên, triền hay không có thù miên, triền ? Ta có trạo cử, cống cao hay không có trạo cử, cống cao ? Ta có nghi hoặc hay không có nghi hoặc ? Ta có thân tránh hay không có thân tránh ? Ta có tâm ô uế hay không có tâm ô uế ? Ta có tín hay không có tín ? Ta có tấn hay không có tấn ? Ta có niệm hay không có niệm ? Ta có định hay không có định ? Ta có tuệ hay không có tuệ ?”

Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình có tham lam, có tâm sân nhuế, có thù miên, triền, có trạo cử, cống cao, có nghi hoặc, có thân tránh, có tâm ô uế, không tín, không tấn, không niệm, không định, có ác tuệ, thì nầy chư Hiền, vì muốn diệt trừ các pháp bất thiện nầy, cho nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui.

Này chư Hiền, như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Này chư Hiền, cũng như thế, vị Tỳ-kheo vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện nầy, nên gấp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui.

Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán mà không biết mình không có tham lam, không tâm sân nhuế, không thù miên, triền, không trạo cử, cống cao, không có nghi hoặc, không có thân tránh, không có tâm ô uế, có tín, có tấn, có niệm, có định, không ác huệ; thì Tỳ-kheo ấy, vì muốn an trụ nơi pháp thiện nầy, không quên mất, không thối lui, tu hành, phát triển, nên gấp rút tìm cách học, hết sức tinh tấn, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui.

Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Này chư Hiền, cũng như thế, Tỳ-kheo muốn an trú nơi pháp thiện nầy, không quên mất, không thối lui, tu hành, phát triển, nên gấp rút tìm cách học, hết sức tinh tấn, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui.

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

IX. PHẨM NHÂN

1. Kinh Đại Nhân
2. Kinh Niệm Xứ
3. Kinh Khổ Ấm (A)
4. Kinh Khổ Ấm (B)
5. Kinh Tăng Thượng Tâm
6. Kinh Niệm
7. Kinh Sư Tử Hống
8. Kinh Ưu-đàm-bà-la
9. Kinh Nguyện
10. Kinh Tướng

1. KINH ĐẠI NHÂN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp.
Kiếm-ma-sắc-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình tĩnh tọa tại một nơi vắng vẻ, tâm nghĩ như vậy: “Kỳ diệu thay, pháp duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc, và sự minh tri cũng vô cùng sâu sắc ! Nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn !” Rồi vào lúc xế trưa, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, qua đến chỗ Phật, đánh lễ chân Ngài, rồi đứng sang một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vậy: “Kỳ

diệu thay, pháp duyên khởi này, thật là vô cùng sâu sắc, và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc ! Nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn !”

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay A-nan, Thấy chớ nghĩ rằng “Pháp duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn !” Vì sao ? Vì pháp duyên khởi này vô cùng sâu sắc và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc. Nay A-nan, đối với pháp duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác, không thấu triệt nên khiến chúng sanh dính móc nhau, rối loạn như khung cửi, như cỏ uẩn-man, vôi vàng, huyền não đi từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, qua lại, lại qua, không thể ra khỏi vòng sanh tử. Nay A-nan, cho nên phải biết pháp duyên khởi này thật vô cùng sâu sắc và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc.

Nay A-nan, nếu có người hỏi:

“— Già và chết có do duyên không ?”

Nên đáp như vậy:

“— Già chết có do duyên.”

Nếu có người hỏi:

“— Già chết do duyên gì ?”

Nên đáp như vậy:

“— Duyên nơi sanh vậy.”

Này A-nan, nếu có người hỏi:

“— Sanh có do duyên không ?”

Nên đáp:

“— Sanh cũng có duyên.”

Nếu có người hỏi:

“— Sanh do duyên gì ?”

Nên đáp:

“— Do duyên nơi hữu vậy.”

Này A-nan, nếu có người hỏi:

“— Hữu có do duyên không ?”

Nên đáp:

“— Hữu cũng do duyên.”

Nếu có người hỏi:

“— Hữu do duyên gì ?”

Nên đáp:

“— Do duyên nơi thủ vậy.”

Này A-nan, nếu có người hỏi:

“— Thủ có do duyên không ?”

Nên đáp:

“— Thủ cũng do duyên.”

Nếu có người hỏi:

“— Thủ do duyên gì ?”

Nên đáp:

“— Do duyên nơi ái vậy.”

Này A-nan, đó là, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già và chết, duyên già chết có buồn lo, khóc lóc, buồn khổ, áo não đều duyên nơi già mà có, như thế là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

Này A-nan, duyên sanh có già chết. Ở đây nói duyên sanh có già chết, thì nên biết rằng đó gọi là duyên sanh có già chết. Này A-nan, nếu không có sự sanh như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, Trời và loài Trời, Người và loài Người, thì này A-nan, các loài chúng sanh ấy tùy theo những chỗ ấy; nếu không có sự sanh, mỗi loài,

mỗi loài đều không sanh, giả sử tách rời sự sanh, có già chết chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của già chết, tập của già chết, bản nguyên của già chết, duyên của già chết chính là sanh. Vì sao ? Vì duyên sanh nên có già, chết.

Này A-nan, duyên hữu có sanh. Ở đây nói duyên hữu có sanh, thì nên biết rằng đó gọi là duyên hữu có sanh. Này A-nan, nếu không có sự hữu như cá và loài cá, chim và loài chim, muối và loài muối, rừng và loài rừng, thân và loài thân, quý và loài quý, Trời và loài Trời, Người và loài Người, thì này A-nan, các loài chúng sanh ấy tùy theo những chỗ ấy mà không có, mỗi loài, mỗi loài đều không có hữu, giả sử tách rời sự hữu, có sanh chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của sanh, tập khởi của sanh, bản nguyên của sanh, duyên của sanh, chính là hữu. Vì sao ? Vì duyên hữu nên có sanh.

Này A-nan, duyên thủ có hữu. Ở đây nói duyên

thủ có hữu, thì nên biết rằng đó gọi là duyên thủ có hữu. Nay A-nan, nếu không có thủ, mỗi loài, mỗi loài đều không có thủ, giả sử tách rời thủ, thì sẽ có hữu chăng, thì thiết có hữu chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân là hữu, tập khởi của hữu, bản nguyên của hữu, duyên của hữu chính là thủ. Vì sao ? Vì duyên thủ nên có hữu.

Này A-nan, duyên ái có thủ. Ở đây nói duyên ái có thủ, thì nên biết rằng đó gọi là duyên ái có thủ. Nay A-nan, nếu không có ái, mỗi loài, mỗi loài đều không có ái, giả sử tách rời ái, sẽ có thủ, thì thiết có thủ chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thủ, tập khởi của thủ, bản nguyên của thủ, duyên của thủ chính là ái. Vì sao ? Vì duyên ái nên có thủ.

Này A-nan, đó là duyên ái có tìm cầu, duyên tìm cầu có lợi, duyên lợi có phân, duyên phân có nhiễm dục, duyên nhiễm dục có đắm trước, duyên đắm trước có bôn xên, duyên bôn xên có keo kiệt,

duyên keo kiệt có thủ hộ. Nay A-nan, duyên thủ hộ có dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn. Nay A-nan, nếu không có thủ hộ, tất cả đều không có thủ hộ, giả sử tách rời thủ hộ thì sẽ có dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, nay A-nan, nên biết rằng dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện thì nhân của chúng, tập khởi của chúng, bản nguyên của chúng và duyên của chúng chính là thủ hộ. Vì sao ? Vì duyên thủ hộ nên có dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

Nay A-nan, duyên keo kiệt có thủ hộ. Ở đây nói duyên keo kiệt có thủ hộ thì nên biết rằng đó gọi là duyên keo kiệt có thủ hộ. Nay A-nan, nếu không có keo kiệt, tất cả đều không có keo kiệt, giả sử tách rời keo kiệt, thì có thủ hộ chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thủ hộ, tập khởi của thủ hộ, duyên của thủ hộ chính là keo kiệt. Vì sao ? Vì duyên keo kiệt nên có thủ hộ.

Này A-nan, duyên bòn xén có keo kiệt. Ở đây nói duyên bòn xén có keo kiệt, thì nên biết rằng đó gọi là duyên bòn xén có keo kiệt. Này A-nan, nếu không có bòn xén, tất cả đều không có bòn xén, giả sử tách rời bòn xén, thì có keo kiệt chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của keo kiệt, tập khởi của keo kiệt, bản nguyên của keo kiệt, duyên của keo kiệt chính là bòn xén. Vì sao ? Vì duyên bòn xén nên có keo kiệt.

Này A-nan, duyên đam trước có bòn xén. Ở đây nói duyên đam trước có bòn xén, thì nên biết rằng đó gọi là duyên đam trước có bòn xén. Này A-nan, nếu không có đam trước, tất cả đều không có đam trước, giả sử tách rời đam trước, thì có bòn xén chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của bòn xén, tập khởi của bòn xén, bản nguyên của

bỏn xên, duyên của bỏn xên chính là đàm trước. Vì sao ? Vì duyên đàm trước nên có bỏn xên.

Này A-nan, duyên dục có đàm trước. Ở đây nói duyên dục có đàm trước, thì nên biết rằng đó gọi là duyên dục có đàm trước. Này A-nan, nếu không có dục, tất cả đều không có dục, giả sử tách rời dục, thì có đàm trước chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của đàm trước, tập khởi của đàm trước, bản nguyên của đàm trước, duyên của đàm trước, chính là dục. Vì sao ? Vì duyên dục nên có đàm trước.

Này A-nan, duyên phần có nhiễm dục. Ở đây nói duyên phần có nhiễm dục, thì nên biết rằng đó gọi là duyên phần có nhiễm dục. Này A-nan, nếu không có phần, tất cả đều không có phần, giả sử tách rời phần, thì có nhiễm dục chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng, nhân của nhiễm dục, tập khởi của nhiễm dục, bản nguyên của nhiễm dục, duyên của nhiễm dục chính là phần. Vì sao ? Vì duyên phần nên có nhiễm dục vậy.

Này A-nan, duyên lợi có phần. Ở đây nói duyên

lợi có phần, thì nên biết rằng đó gọi là duyên lợi có phần. Nay A-nan, nếu không có lợi, tất cả đều không có lợi, giả sử tách rời lợi, thì có phần chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, nay A-nan, nên biết rằng nhân của phần, tập khởi của phần, bản nguyên của phần, duyên của phần chính là lợi. Vì sao ? Vì duyên lợi nên có phần.

Nay A-nan, duyên tìm cầu có lợi. Ở đây nói duyên tìm cầu có lợi, thì nên biết rằng đó là duyên tìm cầu có lợi. Nay A-nan, nếu không có tìm cầu, tất cả đều không có tìm cầu, giả sử tách rời tìm cầu, thì có lợi chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, nhân của lợi, tập khởi của lợi, bản nguyên của lợi, duyên của lợi chính là tìm cầu. Vì sao ? Vì duyên tìm cầu nên có lợi.

Nay A-nan, duyên ái có tìm cầu. Ở đây nói duyên ái có tìm cầu, thì nên biết rằng đó gọi là duyên ái có tìm cầu. Nay A-nan, nếu không có ái, tất cả đều không có ái, giả sử tách rời ái, thì có tìm cầu chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của tìm cầu, tập khởi của tìm cầu, bản nguyên của tìm cầu, duyên của tìm cầu chính là ái. Vì sao ? Vì duyên ái nên có tìm cầu.

Này A-nan, dục ái và hữu ái, hai pháp này nhân thọ, duyên thọ đưa đến. Này A-nan, nếu có người hỏi: “Thọ có duyên không ?”, nên đáp: “Thọ cũng có duyên.” Nếu có người hỏi: “Thọ có duyên gì ?”, nên đáp: “Duyên xúc.” Nên biết rằng duyên xúc có thọ. Này A-nan, nếu không có nhãn xúc, tất cả đều không có nhãn xúc, giả sử tách rời nhãn xúc, thì có duyên nhãn xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này A-nan, nếu không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, tất cả đều không có ý xúc, giả sử tách rời ý xúc thì sẽ có duyên ý xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thọ, tập khởi của thọ, bản nguyên của thọ, duyên của thọ chính là xúc. Vì sao ? Vì duyên xúc nên có thọ vậy.

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Xúc có duyên không?”, nên đáp: “Xúc có duyên.” Nếu có người hỏi: “Xúc có duyên gì?”, nên đáp: “Duyên danh sắc.” Nên biết rằng duyên danh sắc có xúc. Này A-nan, sở hành, sở duyên có danh thân, ly hành này, ly duyên này thì có hữu đối xúc chăng?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này A-nan, sở hành, sở duyên có sắc thân, ly hành, ly duyên này thì có tăng ngữ xúc chăng?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Giả sử ly danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc, thì thiết có xúc chăng?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này A-nan, cho nên biết rằng nhân của xúc, tập khởi của xúc, bản nguyên của xúc, duyên của xúc chính là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có xúc.

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Danh sắc có duyên chăng?”, nên đáp: “Danh sắc có duyên.” Nếu có người hỏi: “Danh sắc có duyên gì?”, nên đáp: “Duyên thức.” Nên biết rằng duyên thức có danh sắc. Này A-nan, nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc thì thành thân này chăng?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, nếu thức mới vào thai liền ra tức khắc thì danh sắc hợp với tinh chẳng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, nếu thức của trẻ nhỏ, con trai hay con gái bị đoạn hoại, không còn, thì danh sắc tăng trưởng dần được chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, nay A-nan, nên biết rằng nhân của danh sắc, tập khởi của danh sắc, bản nguyên của danh sắc, duyên của danh sắc chính là thức. Vì sao ? Vì duyên thức nên có danh sắc.

Nay A-nan, nếu có người hỏi: “Thức có duyên chẳng ?”, nên đáp: “Thức có duyên.” Nếu có người hỏi: “Thức có duyên gì ?”, nên đáp: “Duyên danh sắc.” Nên biết rằng duyên danh sắc có thức. Nay A-nan, nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết, có khổ chẳng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cho nên, nay A-nan, nên biết rằng nhân của thức, bản nguyên của thức, tập khởi của thức, duyên

của thức chính là danh sắc. Vì sao ? Vì duyên danh sắc nên có thức.

Này A-nan, đó là duyên danh sắc có thức, duyên thức cũng có danh sắc; do đó có tăng ngữ, do tăng ngữ có thuyết truyền, do truyền thuyết mà có thể thi thiết là có, nghĩa là thức và danh sắc cùng đi đôi vậy.

Này A-nan, thế nào là có một loại kiến chấp có ngã ?

Tôn-giả A-nan bạch đức Thế Tôn:

— Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn thuyết pháp, con nay nghe xong, được biết ý nghĩa một cách rộng rãi.

Đức Phật dạy:

— Này A-nan, hãy lắng nghe kỹ, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt cho Thầy nghe ý nghĩa này.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật dạy:

— Này A-nan, hoặc có kiến chấp thọ là ngã. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, mà tính cách của ngã là khả

năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho rằng, ngã không cảm thọ gì cả.

Này A-nan, nếu có người cho rằng, thọ là ngã, thì nên hỏi người ấy rằng: “Ông có ba cảm thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; trong ba cảm thọ này, Ông cho thọ nào là ngã ?” Này A-nan, nên nói tiếp với người ấy: Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ, thì ngay lúc ấy, hai cảm thọ kia là khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ diệt mất; lúc ấy, chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu khi lạc thọ diệt rồi, thì người ấy há không nghĩ rằng: “Chẳng phải là ngã diệt” chẳng ?

Này A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về khổ thọ, thì lúc ấy hai cảm thọ kia là lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ diệt mất; người ấy, lúc đó, chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu khổ thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: “Chẳng phải là ngã diệt” chẳng ?

Này A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia là lạc thọ và khổ thọ diệt mất, người ấy, lúc đó chỉ có cảm giác về bất khổ bất lạc thọ, nhưng bất khổ bất lạc thọ

là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu bất khổ bất lạc thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: “Chẳng phải là ngã diệt” chẳng ?

Này A-nan, thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn khổ và lạc, thì còn chấp rằng thọ là ngã chẳng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này A-nan, vì thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn khổ và lạc, cho nên không nên chấp rằng thọ là ngã.

Này A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, và cho rằng, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, thì nên nói với người ấy: “Nếu Ông không có thọ, thì thọ không thể có, và không thể nói rằng: “Cái này là sở hữu của tôi””. Này A-nan, người ấy còn chấp như vậy: “Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ và cho rằng tính cách của ngã là khả năng cảm thọ” nữa chẳng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này A-nan, cho nên, người ấy không nên chấp như vậy: “Thọ không phải là ngã, nhưng ngã

có cảm thọ, và tính cách của ngã là khả năng cảm thọ”.

Này A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp cả, thì nên nói với người ấy: “Nếu Ông không có cảm thọ, hoàn toàn không có cảm thọ, nhưng nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tịnh”. Này A-nan, người kia còn chấp thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ nữa chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vậy: “Thọ không phải là ngã, cũng không chấp, ngã có cảm thọ.” Người ấy chỉ còn chấp rằng ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Đó gọi là một loại kiến chấp có ngã.

Này A-nan, thế nào là có loại kiến chấp không cho rằng có ngã ?

Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn:

— Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn nói pháp giảng dạy con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi.

Đức Phật bảo:

— Nay A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt cho Thầy nghe ý nghĩa này.

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Phật dạy:

— Nay A-nan, hoặc có người không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ và tính cách của ngã có khả năng cảm thọ, và cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Người ấy do không chấp như vậy, nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiền lụy, do không phiền lụy mà bát Niết-bàn, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, đều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Này A-nan, đó gọi là tăng ngữ, do tăng ngữ có thuyết truyền, do truyền thuyết mà thi thiết là có, biết như vậy thì không còn gì để chấp thủ.

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo chánh giải thoát như

vậy thì không có kiến chấp rằng Như Lai tồn tại, Như Lai không tồn tại, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, Như Lai cũng chẳng phải tồn tại cũng chẳng không tồn tại. Đó gọi là có một loại không chấp có ngã.

Này A-nan, thế nào là có một quan niệm hữu ngã được chủ trương ?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

— Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn giảng dạy, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi.

Phật dạy:

— Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt cho Thầy nghe ý nghĩa này.

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Phật dạy:

— Này A-nan, hoặc trong một giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc trong một giới hạn không phải là sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong một giới hạn sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc trong một giới hạn không phải là sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng

không phải sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng với giới hạn vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc không phải trong giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong giới hạn vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương.

Này A-nan, nếu có trường hợp căn cứ vào giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại với sắc nhỏ hẹp này mà quan niệm ngã được chủ trương, và khi thân hoại mạng chung, cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã tách ngoài sắc nhỏ hẹp này, thì người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế là có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà kiến chấp về ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại với vô lượng sắc này mà quan niệm ngã được chủ trương,

và khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã tách khỏi vô lượng sắc, người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô lượng sắc mà kiến chấp về ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp, cũng không sắc vô lượng nhưng căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại, căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô sắc nhỏ hẹp mà kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp, cũng không sắc vô lượng, cũng không vô sắc nhỏ hẹp, nhưng căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại với vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung,

cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã rồi khỏi vô lượng vô sắc, người ấy suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô lượng vô sắc mà kiến chấp ngã bị chấp trước.

Nay A-nan, như vậy là có một loại quan niệm ngã được chủ trương.

Nay A-nan, thế nào là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương ?

Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn:

— Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn giảng pháp, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi.

Phật dạy:

— Nay A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm kỹ, Ta sẽ phân biệt cho Thấy nghe ý nghĩa này.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật dạy:

— Nay A-nan, hoặc có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không căn cứ vào sắc vô lượng, cũng

không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp và cũng không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sắc nhỏ hẹp mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không vô sắc nhỏ hẹp mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy, nếu khi ngã rời khỏi vô sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, đó gọi là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương.

Lại nữa, này A-nan, có bảy trú xứ của thức và hai xứ.

Thế nào là bảy trú xứ của thức ? Chúng sanh hữu sắc với các loại thân khác nhau, các loại tướng khác nhau, ấy là loài Người và loài Trời cõi dục; gọi đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với các loại thân khác nhau, nhưng chỉ có một loại tướng, ấy là Phạm thiên sơ sanh không yếu thọ; gọi đó là trú xứ thứ hai của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, nhưng nhiều loại tướng, ấy là Hoảng dục thiên; gọi đó là trú xứ thứ ba của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc cùng một loại thân, cùng một loại tướng, ấy là Biến tịnh thiên; gọi đó là trú xứ thứ tư của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tướng, không tư duy các loại tướng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an trú Vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên; gọi đó là trú xứ thứ năm của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả vô lượng không xứ, vào vô lượng thức xứ,

thành tựu an trú Vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên; gọi đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô lượng thức tướng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên, gọi đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Thế nào là có hai xứ ?

Chúng sanh hữu sắc không có tướng, không có thọ, ấy là Vô tướng thiên, gọi đó là xứ thứ nhất.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, ấy là Phi hữu tướng phi vô tướng thiên, gọi đó là xứ thứ hai.

Này A-nan, đối với trú xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân, với các loại tướng, là loài Người và loài Trời cõi dục. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trú xứ của thức, biết sự diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo kia có thể hoan lạc nơi trú xứ của thức ấy, kể trước và trú nơi trú xứ ấy của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, đối với trú xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân nhưng một loại tướng, là Phạm thiên sơ sanh không yếu thọ. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ của thức, biết sự tập khởi của trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, đối với trú xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, nhưng nhiều loại tướng, ấy là Hoảng dục thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, đối với trú xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tướng, ấy là Biến tịnh thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, đối với trú xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư duy các loại tướng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an trú Vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, đối với trú xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sắc vượt tất cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, đối với trú xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả vô lượng thức

biết như thật trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này A-nan, đối với xứ thứ nhất, chúng sanh hữu sắc không có tướng, không có thọ, ấy là Vô tướng thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi xứ kia của thức, kể trước và trú nơi xứ kia của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này A-nan, đối với xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, ấy là Phi hữu tướng phi vô tướng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi xứ kia của thức, kể trước và trú nơi xứ kia của thức chăng ?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Nay A-nan, nếu có Tỳ-kheo biết như thật bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát thì gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, được gọi là huệ giải thoát.

Lại nữa, này A-nan, có tám giải thoát. Những gì là tám ? Sắc quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Lại nữa, bên trong không có sắc tướng, ngoài quán sắc, đó là giải thoát thứ hai. Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, đó là giải thoát thứ ba. Lại nữa, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư duy các loại tướng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an trú Vô lượng không xứ, đó là giải thoát thứ tư. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ, đó là giải thoát thứ năm. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Lại nữa, vượt qua tất cả Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, vào Tướng thọ diệt giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an

trú, và huệ quán, biết rõ các lậu, đó là giải thoát thứ tám.

Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát, và với tám giải thoát này, thuận và nghịch mà tự thân chứng ngộ thành tựu an trú, và cũng do huệ quán mà diệt tận các lậu, thì đó là Tỳ-kheo A-la-hán được gọi câu giải thoát.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH NIỆM XỨ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu ở đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chúng đắc Chánh pháp; đó là Bốn Niệm xứ. Các Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm triền cái là thứ làm tâm ô uế, làm huệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi Bốn Niệm xứ, tu Bảy Giác chi, mà chứng quả giác ngộ Vô thượng Chánh tận. Các Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều do đoạn

trừ năm triền cái là thứ làm tâm ô uế, làm huệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi Bốn Niệm xứ, tu Bảy Giác chi mà chứng quả giác ngộ. Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Ta cũng đều do đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm ô uế, làm huệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi Bốn Niệm xứ, tu Bảy Giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng Chánh tận.

Bốn Niệm xứ là những gì ? – Đó là niệm xứ quán thân như thân, quán giác như giác, quán tâm như tâm, và quán pháp như pháp.

Thế nào gọi là niệm xứ quán thân như thân ?
– Là Tỳ-kheo hể đi thì biết mình đi, đứng thì biết mình đứng, ngồi thì biết mình ngồi, nằm thì biết mình nằm, ngủ thì biết mình ngủ, thức thì biết mình thức, ngủ, thức thì biết mình ngủ, thức. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề lầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo biết rõ lúc ra, lúc vào, khéo quán sát và phân biệt, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngẩng, nghỉ dung

chứng chắc, khoác y ngay ngắn, cầm bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì biết đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì biết đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhâm lẫn. Như vậy, gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện, liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ chấm dứt. Như thấy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhâm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, mang đi khắp nơi, tự do đánh đập; cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng

thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra, thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài, thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn, tập thở vào bằng cả toàn thân, tập thở ra bằng cả toàn thân, tập thở vào bằng thân hành tinh chỉ, tập thở ra bằng khẩu hành tinh chỉ. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do ly dục sanh không đâu không có. Như người hầu tắm bỏ chum kết đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn,

khắp trong thân thể hỷ lạc do ly dục sanh không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi, trong sạch không nhơ, tràn đầy sung mãn, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào một cách tự nhiên, tức thì nước từ đáy suối tự vọt lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có lạc không hỷ sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể, lạc không hỷ

không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước ở dưới đáy nước, gốc rễ, hoa, lá, cọng thảy đều thấm nhuần, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc không hỷ sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể lạc không hỷ sanh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhâm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo nào quán thân như thân là Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh, ý giải biến mãn, thành tựu an trụ, ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, khắp cả thân đều được phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhâm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-

kheo niệm quang minh tướng, khéo thọ trì, nhớ rõ điều niệm, như trước, sau cũng vậy, ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày, dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy trong diên đảo, tâm không bị ràng buộc, tu tâm quang minh, tâm không khi nào còn bị bóng đen che lấp. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo khéo thọ quán tướng, khéo nhớ điều niệm. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi; Tỳ-kheo khéo thọ quán tướng, khéo nhớ điều niệm cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo tùy theo chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đầy đặn bất tịnh: “Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, làn da thô mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân,

não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu. Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng: "Đây là hạt lúa, gạo, kia là hạt cải, cỏ, rau." Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tánh chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đầy đầy bất tịnh: "Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, làn da thô mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu." Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo quán sát các giới trong thân rằng: "Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn", Tỳ-kheo quán các giới trong thân: "Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới." Cũng giống như vậy, Tỳ-kheo thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì

quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cẩu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, hoặc đang bị rửa nát hư hoại. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, mục nát gần hết, xương vung vãi khắp đất. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: “Thân ta cũng thế đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, da thịt, máu huyết tiêu hết, chỉ còn xương dính gân. Quán rồi tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, thấy xương rời từng đốt, tản mát khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bể vụn. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này,

không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán thân như thân như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thân như thân.

Thế nào gọi là niệm xứ quán thọ như thọ ? – Là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc, liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc, khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ, khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ, liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn, cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khổ khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc

không khổ khi không có dục, thì biết có cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, cảm giác bên trong thế nào thì quán đúng thế ấy, cảm giác bên ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thọ, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhâm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thọ như thọ.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán thọ như thọ như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thọ như thọ.

Thế nào gọi là niệm xứ quán tâm như tâm ?
- Là Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân không sân, si không si, có ô uế không ô uế, có hợp, có tan, có thấp có cao, có nhỏ có lớn, tu không tu, định không định, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm giải thoát, có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán nội tâm như tâm, quán ngoại tâm như tâm, an lập niệm tại tâm, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhâm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán tâm như tâm.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm xứ quán tâm như tâm.

Thế nào gọi là niệm xứ quán pháp như pháp ?
- Là khi con mắt duyên sắc sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong thật không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết; nội kết chưa sanh bây giờ sanh, biết đúng như thật; nội kết đã sanh và được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết; nội kết chưa sanh bây giờ sanh, biết đúng như thật, nội kết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là sáu quán xứ bên trong.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp là Tỳ-kheo bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục; ái dục chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; ái dục đã sanh và đã được đoạn trừ và không sanh lại nữa, biết đúng như

thật; với sân nhuế, thù miên, điệu hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi; nghi chưa sanh nay đã sanh biết đúng như thật; nghi đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán hội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán năm triền cái.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp là Tỳ-kheo bên trong thật có niệm giác chi thì biết đúng như thật là có niệm giác chi, bên trong thật không có niệm giác chi thì biết đúng như thật là không có niệm giác chi; niệm giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định và xả cũng giống như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là có xả giác chi; bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi; xả giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng

trưởng, biết đúng như thật. Tỳ kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán Bảy Giác chi. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán pháp như pháp như vậy, đó gọi là niệm xứ quán pháp như pháp.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm vững trú Bốn Niệm xứ trong vòng bảy năm thì người đó nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một năm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi Bốn Niệm xứ thì trong vòng bảy tháng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi Bốn Niệm xứ thì trong vòng bảy ngày bảy đêm cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

Không cần phải đến bảy ngày đêm, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai đêm, cũng không cần trong một ngày một đêm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào trong từng khoảnh khắc lập tâm chánh trụ nơi Bốn Niệm xứ, nếu buổi sáng thực hành như vậy thì nhất định buổi tối liền được thăng tấn, nếu buổi tối thực hành như vậy thì nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tấn.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH KHỔ ẤM (A)

Tôi nghe như vậy: .

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo, sau bữa ăn trưa, có chút công việc, nên tập trung tại giảng đường. Lúc ấy, một số đông những người dị đạo sau bữa cơm trưa, loanh quanh tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên và nói với các Tỳ-kheo rằng:

— Nay chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy sự hiểu biết và sự đoạn trừ dục, sự hiểu biết và sự đoạn trừ sắc, sự hiểu biết và sự đoạn trừ cảm giác. Nay chư Hiền, chúng tôi cũng giảng dạy sự hiểu biết và

sự đoạn trừ dục, sự hiểu biết và sự đoạn trừ sắc, sự hiểu biết và sự đoạn trừ cảm giác. Giữa Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi, giữa hai sự hiểu biết và hai sự đoạn trừ ấy, có những thù thắng nào, có những sai biệt nào ?

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo khi nghe những điều mà số đông những người dị đạo ấy nói, không biết thế nào là phải, thế nào là trái, im lặng đứng dậy mà đi, đồng thời suy nghĩ rằng: “Những điều như vậy, chúng ta phải do nơi đức Thế Tôn mới biết.” Rồi họ đi đến đức Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông những người dị đạo ấy thuật lại với đức Phật. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Lúc đó các Thầy nên hỏi số đông các người dị đạo như vậy: “Này chư Hiền, thế nào là vị ngọt của dục, thế nào là tai họa của dục, thế nào là sự xuất yếu của dục ? Thế nào là vị ngọt của sắc, thế nào là tai họa của sắc, thế nào là sự xuất yếu của sắc ? Thế nào là vị ngọt của cảm giác, thế nào là tai họa của cảm giác, thế nào là sự xuất yếu của cảm giác ?” Này các Tỳ-kheo, nếu các Thầy hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ cật vấn lẫn nhau, nói quanh nói quẩn, nổi sân và tranh cãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy im lặng và rút lui. Vì sao vậy ? Vì Ta không

thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này có thể biết được nghĩa ấy để tuyên bố lên; chỉ Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc đệ tử nào được nghe từ hai vị này.

Đức Phật lại dạy:

— Thế nào là vị ngọt của dục ? Đó là năm đặc tánh của dục mà phát sinh lạc và hỷ; vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì rất nhiều.

Thế nào là tai họa của dục ? Một người con nhà dòng dõi, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; người ấy phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Người ấy, bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy; nhưng nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: “Luống công làm lụng, khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả.” Trái lại, người

đó, bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của thì sinh yêu quý, giữ gìn, cất giấu. Vì sao vậy ? “Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu.” Kể đó giữ gìn cất giấu như vậy, nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu, hư hại thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, cho rằng: “Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn.” Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sinh nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, nên mẹ tranh với con, con tranh với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ giành giựt lẫn nhau. Vì giành giựt lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sinh nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm chí tranh giành với Phạm chí, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này

tranh giành với nước kia. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sinh nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên hoặc cầm đao thuẩn đi vào quân trận, hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sinh nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên hoặc cầm đao thuẩn đi tranh đoạt nước người, công thành phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, bắt loa kêu réo; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đông sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sinh nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên hoặc cầm đao, vào xóm vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, dục vách, phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông hoặc đến ngõ khác, phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Trong đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem khảo đủ cách: chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân, cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai, mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, bứt râu, bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc, hoặc nhốt vào trong cũi, quán vãi hỏa thiêu, hoặc lấy cỏ ủ trong cát, buộc lại rồi đốt, hoặc bỏ vô bụng lừa sắt, hoặc bỏ vô miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vô vạc đồng, hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm, hoặc lấy móc sắt mà móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót lên, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rít mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng gậy đánh, hoặc đem thân bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đầu rồi bêu lên trên cây. Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sinh nhen nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường hoặc nằm lăn trên đất vì khổ bút thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Người ấy vì lúc trước thân làm ác, khẩu, ý làm ác nên khi sắp chết, chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng, sườn núi lớn che lấp mặt đất. Cũng vậy, người ấy bị những ác hạnh của thân, của khẩu và ý che lấp trước mắt; người ấy nghĩ rằng: “Các ác hạnh ta làm trước kia bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về; người ấy sanh về cõi nào ta cũng thác sinh về chỗ đó.” Do đó người ấy sinh hối hận, rồi do hối hận mà chết không an lành, chết không được phước. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhen nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sinh nhen nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Người ấy vì thân làm ác, khẩu, ý làm ác nên nhen nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Đó là

những nổi khổ ở đời sau, nhọn nơi đục, duyên nơi đục, lấy đục làm gốc. Như vậy là tai hoạn của đục.

Thế nào là sự xuất yếu của đục ? Nếu đoạn trừ đục, xả ly đục diệt hết đục, vượt qua khỏi đục, như vậy gọi là sự xuất yếu của đục.

Nếu Sa-môn, Phạm chí nào không biết đúng như thật vị ngọt của đục, tai hoạn của đục, sự xuất yếu của đục, thì không bao giờ có thể tự mình đoạn đục hướng nữa là đoạn đục cho kẻ khác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của đục, tai hoạn của đục, sự xuất yếu của đục, thì có thể tự mình đoạn đục và có thể đoạn đục cho kẻ khác.

Thế nào là vị ngọt của sắc ? Giả sử có các thiếu nữ Sát-đế-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay công sư đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp mặn mà. Nếu nhọn nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ, thì vị ngọt của sắc chỉ tột cùng đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai hoạn của sắc thì rất nhiều.

Thế nào là tai hoạn của sắc ? Nếu thấy nàng ấy về sau trở nên hết sức già yếu, đầu bạc, răng rụng, lưng còm, gối rũ, chống gậy mà đi, tuổi trẻ đã tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các

cần hư mòn; ý các Thầy nghĩ sao ? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất mà sinh ra tai hoạn chăng ?

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Lại nữa, nếu thấy nàng ấy bị bệnh nằm liệt giường hay lẳng lóc trên đất, vì khổ bức thân, chịu khổ cùng cực; ý các Thầy nghĩ sao, có phải sắc đẹp trước kia biến mất sinh ra tai hoạn chăng ?

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy đã chết từ một hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn lấp, đang bị mục nát hư hoại, ý các Thầy nghĩ sao ? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai hoạn sinh ra chăng ?

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, mục nát quá nửa, xương vãi trên đất; ý các Thầy nghĩ sao ? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai hoạn sinh ra chăng ?

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, tiêu hết da thịt, máu huyết, chỉ còn dính gân;

ý các Thầy nghĩ sao ? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai hoạn sinh ra chăng ?

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi: xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi; ý các Thầy nghĩ sao ? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai hoạn sinh ra chăng ?

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim câu, đỏ như màu máu, hư hại mục nát; ý các Thầy nghĩ sao ? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai hoạn sinh ra chăng ?

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Như vậy gọi là tai hoạn của sắc. Thế nào là sự xuất yếu của sắc ? Nếu đoạn trừ sắc, xả ly sắc, diệt hết sắc, vượt qua khỏi sắc. Như vậy gọi là sự xuất yếu của sắc.

Nếu Sa-môn, Phạm chí nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai hoạn của sắc, sự xuất yếu của sắc, thì không bao giờ có thể tự mình đoạn

sắc hưởng nữa là đoạn sắc cho kẻ khác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai hoạn của sắc, sự xuất yếu của sắc thì có thể tự mình đoạn sắc và có thể đoạn sắc cho kẻ khác.

Thế nào là vị ngọt của cảm giác ? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, thành tựu và an trú cho đến Thiên thứ tư. Lúc đó, vị ấy không nghĩ đến việc tự hại cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại thì đó là vị ngọt của cảm giác lạc. Vì sao vậy ? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì thành tựu được cảm giác lạc ấy. Như vậy gọi là vị ngọt của cảm giác.

Thế nào là tai hoạn của cảm giác ? Cảm giác là pháp vô thường, khổ, và hoại diệt. Như vậy gọi là tai hoạn của cảm giác.

Thế nào là sự xuất yếu của cảm giác ? Nếu đoạn trừ cảm giác, xả ly cảm giác, diệt hết cảm giác, vượt qua cảm giác. Như vậy gọi là sự xuất yếu của cảm giác.

Nếu Sa-môn, Phạm chí nào không biết đúng như thật vị ngọt của cảm giác, tai hoạn của cảm giác, xuất yếu của cảm giác thì không bao giờ có thể tự mình đoạn trừ cảm giác hưởng nữa là đoạn trừ cảm giác cho kẻ khác. Nếu Sa-môn Phạm chí

nào biết đúng như thật vị ngọt của cảm giác, tai hoạn của cảm giác, xuất yếu của cảm giác thì tự mình có thể đoạn trừ cảm giác và còn có thể đoạn trừ cảm giác cho kẻ khác.

Đức Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH KHỔ ẤM (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật đến Thích-kỳ-sấu, trú tại Ca-duy-la-vệ vườn Ni-câu-loại.

Bấy giờ Thích Ma-ha-nam, sau bữa ăn trưa, tìm đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con biết Thế Tôn dạy pháp như vậy, khiến tâm con được diệt ba uế: nhiễm tâm uế, nhuế tâm uế và si tâm uế. Bạch đức Thế Tôn, con biết pháp ấy như vậy, nhưng trong tâm con lại sinh nhiễm pháp, nhuế pháp và si pháp. Bạch Thế Tôn con suy nghĩ như vậy: “Ta có pháp gì không

bị diệt trừ, khiến tâm ta lại sinh pháp nhiễm, pháp nhuế, và pháp si ?”

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Ma-ha-nam, Ông có một pháp không bị diệt trừ, nghĩa là Ông sống tại gia, không chí tín, không lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Nay Ma-ha-nam, nếu Ông diệt được pháp đó, Ông sẽ không sống tại gia, mà chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Bởi vì Ông có một pháp không bị diệt trừ, là sống tại gia, không chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.

Khi ấy Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nói pháp cho con nghe, để tâm con được thanh tịnh, trừ nghi, được đến đạo !

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Ma-ha-nam, có đặc tính của năm dục, đáng yêu, đáng mơ tưởng, hoan hỷ, đi đôi với dục, khiến cho người ta ham thích. Những gì là năm: Đó là mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị và thân cảm xúc. Do đây mà

nhà vua và quyền thuộc của nhà vua được an lạc, hoan hỷ.

Này Ma-ha-nam, vị ngọt của dục chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai hoạn của nó thì lại rất nhiều. Này Ma-ha-nam, thế nào là tai hoạn của dục ? Này Ma-ha-nam, một Thiện nam tử tùy theo kỹ thuật riêng để tự mưu sinh hoặc làm ruộng, buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh, thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, khi gặp nóng phải chịu nóng bị đói khát, mệt nhọc, bị muỗi mòng châm chích; người ấy phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Này Ma-ha-nam, Thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy, làm những công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn, râu rĩ, tâm thần si ám và nói rằng: “Luống công làm lụng, khổ nhọc vô ích mà không có kết quả.” Này Ma-ha-nam, Thiện nam tử ấy, bằng những phương tiện như vậy, làm công việc như vậy, mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của, người ấy sinh yêu quý, giữ gìn, cất giấu. Vì sao vậy ? “Tài vật này của ta, đừng để bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc

xuất tài vô lợi, hoặc làm việc gì mà không thành tựu". Người ấy giữ gìn, cất dấu như vậy, nhưng nếu rủi bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, thì sinh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm tánh si ám và cho rằng: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày nay đã không còn." Đây Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, như nơi đục, duyên nơi đục, lấy đục làm gốc.

Lại nữa, đây Ma-ha-nam, vì chúng sanh như nơi đục, duyên nơi đục, lấy đục làm gốc, nên mẹ tranh giành với con, con tranh giành với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con, dòng họ giành giựt lẫn nhau. Vì giành giựt lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau; thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là những nỗi khổ ở đời này, như nơi đục, duyên nơi đục, lấy đục làm gốc.

Lại nữa, đây Ma-ha-nam, vì chúng sanh như nơi đục, duyên nơi đục, lấy đục làm gốc nên vua tranh giành với vua; Phạm chí tranh giành với Phạm chí; cư sĩ tranh giành với cư sĩ; dân tranh giành với dân; nước này tranh giành với nước họ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để làm hại nhau, hoặc nắm tay thôi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, đao chặt. Trong khi

giao đấu kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng, Nay Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, hơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sinh hơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên, hoặc cầm đao, thuấn, đi vào quân trận, hoặc đánh nhau bằng voi, bằng ngựa, bằng xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, kẻ chết người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, hơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sinh hơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên, hoặc cầm đao, thuấn, đi tranh đoạt nước người, công thành, phá lũy, chống đối lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, bắt loa kêu réo, hoặc dùng chùy đập, hoặc lấy mâu đâm, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, hơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sinh hơn

nơi đục, duyên nơi đục, lấy đục làm gốc nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên hoặc cầm đao, thuận vào xóm, vào ấp, vào nước, vào thành đục vách, phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm, phá làng, phá thành diệt nước. Lúc đó hoặc bị người của vua bắt được, đem khảo trị đủ cách: chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi hoặc cắt cả tai mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, bứt râu, bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc, hoặc nhốt vào cũi quán vải hỏa thiêu, hoặc ủ trong cát, buộc cổ rồi đốt, hoặc bỏ vào bụng lừa sắt, hoặc bỏ vào miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cạp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào vạc đồng hoặc bỏ vào vạc sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm, hoặc lấy móc sắt móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rấn rít mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đùi đánh, hoặc đem thầy bêu ở nguyên quán, hoặc chém đầu rồi bêu lên trên cây. Trong trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, như nơi đục, duyên nơi đục, lấy đục làm gốc.

Lại nữa, nay Ma-ha-nam, vì chúng sinh nhưn

nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường, hoặc nằm lặn trên đất vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn được yêu thích. Người ấy vì lúc trước thân làm ác, khẩu, ý làm ác, khi sắp chết chúng che ngay trước mắt, giống như mặt trời sắp lặn, bóng sườn núi lớn che lấp mặt đất. Cũng vậy, người ấy bị những ác hạnh của thân, khẩu và ý che lấp trước mắt người ấy nghĩ rằng: “Các ác hạnh ta làm trước kia bây giờ chúng che lấp trước mắt ta. Trước kia ta không tạo phước nghiệp mà chỉ tạo toàn ác nghiệp. Giả sử có ai chỉ làm việc ác, hung bạo, không tạo phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thác sinh về chỗ nào thì ta chắc cũng sẽ thác sanh về chỗ đó.” Do đó, sinh hồi hận mà chết không an lành, chết không được phước. Nay Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy vì thân làm ác, khẩu, ý làm ác nên nhơn nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sinh vào địa ngục.

Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời sau, hơn nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Này Ma-ha-nam, vì vậy nên biết dục tuyệt đối không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nếu không biết đúng như thật, vị ấy bị dục ngăn che, chẳng được xả dục và vô thượng tịch tĩnh. Này Ma-ha-nam, vị Đa văn Thánh đệ tử như vậy sẽ hơn nơi dục mà bị thối chuyển. Này Ma-ha-nam, Ta biết là dục không có lạc mà chỉ toàn là khổ hoạn. Này Ma-ha-nam, Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bị pháp ác ràng buộc, vì vậy được xả, lạc và vô thượng tịch tĩnh. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không hơn nơi dục mà bị thối chuyển.

Này Ma-ha-nam, một hôm du hóa thành Vương-xá, trú trong động Tiên hơn (Thất Diệp), trên núi Bệ-da-la. Này Ma-ha-nam, bấy giờ vào lúc xế trưa, Ta từ chỗ ngồi Thiên đứng dậy, đi đến Quảng Sơn, Ta thấy ở đó có nhiều người Ni-khiến đang tu hạnh không ngồi, thường đứng mà không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đến hỏi:

“— Này các Ni-khiến, vì sao các Ông tu hạnh không ngồi vậy, thường đứng không ngồi, chịu khổ như vậy ?”

Họ trả lời như vậy:

“— Thưa Cù-đàm, tôi có Tôn sư Ni-kiên tên là Thân Tử, Ngài dạy tôi rằng: "Kiếp trước Ông tạo nghiệp bất thiện, nhờ khổ hạnh này Ông sẽ diệt được. Nếu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của khẩu, ý thì sẽ do nhơn đó, duyên đó, mà không trở lại làm ác, không tạo nghiệp bất thiện."”

Này Ma-ha-nam, Ta hỏi lại:

“— Này các Ni-kiên, các Ông tin tưởng Tôn sư, không hề nghi ngờ gì cả chẳng ?”

Họ trả lời ta:

“— Đúng vậy, thưa Cù-đàm, chính tôi tin tưởng các đức Tôn sư không hề nghi ngờ gì cả.”

Này Ma-ha-nam, Ta lại hỏi:

“— Này các Ni-kiên, nếu quả như vậy, thì Tôn sư Ni-kiên của các Ông trước kia đã tạo các ác nghiệp bất thiện rất nặng; Vị ấy vốn trước kia là Ni-kiên rồi chết đi, nay sinh vào nhơn gian, xuất gia làm Ni-kiên, tu hạnh không ngôi, thường đứng không ngôi, chịu khổ sở như vậy, cũng như các Ông và đệ tử các Ông vậy.”

Họ lại nói với Ta:

“— Thưa Cù-đàm, an lạc không phải do an lạc mà có được mà chủ yếu do khổ đau như vua, sự an lạc của Tân-bệ-ta-la, thì Sa-môn Cù-đàm không bằng vậy.”

Ta lại nói:

“— Các Ông si cuồng, nói những lời vô nghĩa. Vì sao vậy ? Vì các Ông không khéo léo, không hiểu gì cả mà cũng không biết thời, khi các Ông nói: "Như sự an lạc của Tân-bệ-ta-la, thì Sa-môn Cù-đàm không bằng được." Nay các Ni-kiên, đáng lẽ các Ông phải hỏi như thế này: "Giữa vua Tân-bệ-ta-la và Sa-môn Cù-đàm sự an lạc nào hơn ?" Nay các Ni-kiên, nếu như Ta nói rằng sự an lạc của Ta hơn, vua Tân-bệ-ta-la không bằng, thì nay các Ni-kiên, các Ông có thể nói như vậy: "Sự an lạc của vua Tân-bệ-ta-la, Sa-môn Cù-đàm không bằng."”

Các Ni-kiên đó liền nói:

“— Thưa Cù-đàm, nay chúng tôi muốn hỏi Cù-đàm, giữa vua Tân-bệ-ta-la và Sa-môn Cù-đàm, ai an lạc hơn ?”

Ta lại nói:

“— Nay các Ni-kiên, Ta nay hỏi Ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Nay các Ni-kiên, ý các Ông

thế nào ? Vua Tân-bệ-ta-la có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, hơn đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong bảy ngày bảy đêm không ?”

Các Ni-kiên đáp:

“— Dạ không, thưa Cù-đàm.”

“— Thế có được hoan hỷ, khoái lạc trong vòng sáu, năm, bốn, ba, hai, một ngày một đêm không ?”

Ni-kiên đáp:

“— Dạ không, thưa Cù-đàm.”

Ta lại hỏi:

“— Nay các Ni-kiên, Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, hơn đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong một ngày một đêm không ?”

Các Ni-kiên đáp:

“— Dạ được, thưa Cù-đàm.”

“— Thế có được hoan hỷ trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu cho đến bảy ngày đêm không ?”

Các Ni-kiên đáp:

“— Dạ được, thưa Cù-đàm.”

Ta lại hỏi tiếp:

“— Này các Ni-kiên, ý các Ông thế nào ? Ai sung sướng hơn, vua Tần-bệ-ta-la hay là Ta ?”

Các Ni-kiên đáp:

“— Thưa Cù-đàm, như chúng tôi hiểu theo sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm thì Sa-môn Cù-đàm sung sướng hơn, vua Tần-bệ-ta-la không bằng.”

Này Ma-ha-nam, vì vậy nên biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nên thấy như vậy. Nếu Đa văn Thánh đệ tử không thấy đúng như vậy, thì họ sẽ bị dục ngăn che, bị ác, bất thiện pháp trói buộc, không đạt được xả lạc và an tịnh vô thượng. Như vậy, này Ma-ha-nam, họ sẽ do nơi dục mà bị thối chuyển.

Này Ma-ha-nam, Ta biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bị pháp ác, bất thiện ràng buộc, vì vậy được xả lạc và giải thoát vô thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không do dục mà bị thối chuyển.

Phật dạy như vậy, Thích Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe xong, đều hoan hỷ phụng hành.

5. KINH TĂNG THƯỢNG TÂM

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, thì cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng. Luôn niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm được tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Năm tướng đó là những gì ?

Là Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện. Nếu sanh niệm bất thiện, vị Tỳ-kheo đó như nơi tướng này, lại suy niệm về một tướng

khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác, bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhơn nơi tướng này, lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Cũng như thấy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây, rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo cũng vậy, nhơn nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác, bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhơn nơi tướng này, lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, niệm ác bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ nhất này. Do suy niệm tướng này, niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, nếu sanh niệm bất thiện, thì vị Tỳ-kheo đó quán rằng: “Suy niệm về ác này có tai hoạn, suy niệm này là bất thiện, suy niệm này là ác, suy niệm này bị người trí ghét, suy niệm này

nếu đầy đủ, thì không được thông suốt, không được giác đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện.” Vị Tỳ-kheo đó quán ác như vậy, niệm bất thiện sanh, liền bị trừ diệt. Nếu ác diệt rồi, liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như có người thiếu niên đẹp trai, khả ái, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp đẽ, lấy hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc, khiến rất tinh khiết. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc xác người đã thâm xanh, sinh chướng, thối rữa, chảy nước dơ, đeo trông vào cổ người ấy; người ấy liền ghét sự dơ bẩn, nên không hỷ, không lạc. Tỳ-kheo cũng vậy; vị Tỳ-kheo nào quán rằng: “Niệm ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là ác, niệm này bị người trí ghét. Nếu đầy đủ niệm này thì không được thông suốt, không được giác đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện.” Vị Tỳ-kheo đã quán ác như vậy, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, mà sanh niệm bất thiện, và khi quán niệm ác có tai họa, mà lại sanh niệm bất thiện nữa; vị Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện. Vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như người có mắt, cảnh sắc nằm trong ánh sáng, nhưng không muốn nhìn, người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lánh thân đi. Ý các Thầy thế nào ? Cảnh sắc nằm trong ánh sáng, người đó có thể cảm nhận được sắc dạng của sắc không ?

Đáp rằng:

— Thừa không.

— Tỳ kheo cũng vậy, không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm

thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai hoạn, cũng sanh niệm bất thiện, và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa, cũng lại sanh niệm bất thiện; vị Tỳ-kheo đó, vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự niệm của mình, khiến không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như có người đi đường, bước nhanh trên đường, người đó nghĩ rằng: “Tại sao ta đi nhanh ? Bây giờ ta hãy đi chậm được chăng ?” Người ấy liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta đi chậm ? Sao ta chẳng đứng lại ?” Người ấy liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta lại đứng ? Ta ngồi xuống được chăng ?” Người ấy liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta lại ngồi ? Ta nằm xuống được chăng ?” Người ấy liền nằm xuống. Như vậy là người ấy đang thực hành pháp đình chỉ dần dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế. Vì

niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy, mà giảm dần suy niệm của mình để không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy giảm dần suy niệm của mình, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai hoạn mà cũng sanh niệm bất thiện, khi không suy niệm về niệm đó cũng sanh niệm bất thiện, cho đến phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình, cũng lại sanh tiếp về niệm bất thiện nữa; vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy: “Tỳ-kheo vì nhơn nơi suy niệm này mà sanh niệm bất thiện.” Vị Tỳ-kheo ấy liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm, khiến không có niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo ấy dùng tâm tu tâm, thọ trì và hàng phục tâm, thì niệm bất thiện

đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, nắm vững và hàng phục nó, Tỳ-kheo cũng vậy, rằng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm để không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo ấy, dùng tâm tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, vị ấy cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này, thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng này, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Nếu Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà không sanh niệm ác, khi quán niệm ác có tai hoạn, cũng không sanh niệm ác, khi

không suy niệm về niệm đó cũng không sanh niệm ác, khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình cũng không sanh niệm ác, và khi dùng tâm tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm cũng lại không sanh niệm ác nữa, thì vị ấy liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm.

Nếu Tỳ-kheo muốn niệm thì niệm, không muốn niệm thì không niệm, đó là Tỳ-kheo đã được tùy ý trong suy niệm, tự tại trong các con đường suy niệm.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH NIỆM

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Xưa kia, khi chưa chứng quả giác ngộ vô thượng chánh tận, Ta nghĩ rằng: “Ta hãy chia các suy niệm làm hai phần: niệm dục, niệm nhuế, niệm hại làm một phần; niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại làm một phần khác.” Sau đó, Ta liền chia các niệm làm hai phần: niệm dục, niệm nhuế, niệm hại làm một phần; niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại làm một phần khác.

Thế rồi, Ta thực hành như vậy ở nơi xa vắng,

đơn độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm dục, Ta liền biết là đang sanh niệm dục, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi, thì việc hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn liền tiêu diệt nhanh chóng. Nếu sanh niệm nhuế, niệm hại, Ta liền biết là đang sanh niệm nhuế, niệm hại, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi, thì việc hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn liền được tiêu diệt nhanh chóng.

Khi sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ; sanh niệm nhuế, niệm hại Ta cũng không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ. Vì sao vậy ? Vì Ta thấy rằng, nhơn nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối xuân, vì đã trồng lúa nên đất thả trâu không được rộng; đừa chắn trâu thả trâu nơi đồng ruộng, trâu vào đất người, nó liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao vậy ? Vì đừa chắn trâu biết rằng nhơn nơi đó mà sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói, có lỗi vậy. Do đó, đừa chắn trâu cầm roi đến ngăn lại. Ta cũng vậy, sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ; sanh

niệm nhuế, niệm hại Ta cũng không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ. Vì sao vậy ? Vì Ta thấy nhơn nơi đó, mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện.

Tỳ-kheo tùy theo sự tư duy, tùy theo sự suy niệm của mình mà tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về dục tất sẽ bỏ niệm vô dục; vì tư niệm nhiều về dục, cho nên tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về niệm nhuế, niệm hại, tất sẽ xả bỏ niệm vô nhuế và niệm vô hại; vì tư niệm quá nhiều về niệm nhuế và niệm hại nên tâm sanh ham thích trong đó. Tỳ-kheo như vậy, nếu không lìa được dục, không lìa được niệm nhuế và niệm hại, sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khốc lóc, cũng không thể xa lìa khỏi tất cả mọi sự khổ.

Thế rồi, Ta thực hành như vậy ở nơi xa vắng đơn độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm vô dục, Ta liền biết là đang sanh niệm vô dục, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi, thì liền không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi.

Nếu lại sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, Ta liền biết là đang sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi, thì việc không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền tu tập nhanh chóng và rộng rãi.

Khi Ta sanh ra quá nhiều tư niệm về niệm vô dục, quá nhiều tư niệm về niệm vô nhuế, vô hại, thì Ta lại suy nghĩ như vậy: “Nếu tư niệm quá nhiều thì thân sẽ mất hỷ, tâm liền bị tổn hại. Ta hãy đối trị nội tâm, thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh để tâm không bị tổn hại.” Sau đó Ta liền đối trị nội tâm, thường an trú ở nội tâm, tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh mà tâm không bị tổn hại.

Ta đã sanh khởi niệm vô dục rồi, lại sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp; sanh khởi niệm vô nhuế, niệm vô hại rồi, lại cũng sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy ? Vì Ta không thấy nhon nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối thu, đã gặt hết lúa; khi đó đưa chăn trâu thả trâu nơi đồng ruộng mà nghĩ rằng: “Trâu ta ở trong đây.” Vì sao vậy ? Vì

đưa chần trâu không thấy rằng nhọn nơi đó mà bị chửi, bị đánh, bị trói, có lỗi. Do đó, nó nghĩ: “Trâu ta ở trong bầy.” Ta cũng như vậy, sanh niệm vô dục rồi, lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp; sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại rồi, lại cũng sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy ? Vì Ta không thấy nhọn nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện.

Tỳ-kheo tùy sự tư duy, tùy sự suy niệm mà tâm ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô dục, thì sẽ xả bỏ niệm dục; tư niệm nhiều về niệm vô dục nên tâm ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại thì sẽ xả bỏ niệm nhuế, niệm hại; vì tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại nên tâm ham thích trong đó. Vị Tỳ-kheo đó, giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng Thiên thứ hai, thành tựu và an trú. Vị Tỳ-kheo đó ly hỷ dục, xả bỏ, vô cầu, chánh niệm, chánh trí, mà thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc trú định, chứng đắc Thiên thứ ba, thành tựu an trú. Vị Tỳ-kheo đó diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiên thứ tư, thành tựu an trú. Như vậy là Tỳ-kheo đó định tâm, thanh tịnh, không ô uế, không phiền

não, nhu nhuyễn, khéo an trú, chúng đắc tâm bất động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chúng ngộ trí thông, liền biết như thật rằng: đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, và biết như thật: đây là Khổ diệt đạo; cũng biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, và đây là lậu diệt đạo. Vị Tỳ-kheo đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, thì tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Khi vị Tỳ-kheo này đã lìa niệm dục, lìa niệm nhuế, lìa niệm hại, thì vị ấy được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn lo, khóc lóc, lìa tất cả khổ. Ví như ở một khu rừng có suối nước lớn, có bấy nai nọ đến đó rong chơi; có một người đến, không muốn vì sự lợi ích phước lành cho bấy nai đó, vì không muốn sự an ổn, khoái lạc cho chúng, liền bít con đường chánh, mở con đường hiểm, đào hầm hố lớn rồi cho người coi giữ. Như vậy, tất cả bấy nai đều bị chết hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bấy nai kia được lợi ích, phước lành, được an ổn khoái lạc, liền mở con đường chánh, bít lấp đường hiểm, đuổi người coi giữ. Như vậy, bấy nai được cứu thoát an ổn.

Này các Tỳ-kheo, nên biết, Ta nói ví dụ này là muốn để các Thầy biết rõ ý nghĩa. Người trí tuệ nghe ví dụ sẽ hiểu rõ ý thú. Ví dụ đó có nghĩa như vậy: suối nước lớn là năm dục, ái niệm hoan lạc. Những gì là năm ? Là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị và thân cảm xúc. Suối nước lớn, nên biết đó là năm thứ dục lạc. Bấy nay, nên biết đó là Sa-môn, Phạm chí. Người đi đến không muốn cho bấy nay kia được ích lợi và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên biết đó là ma Ba-tuần. Bít con đường chánh, mở một đường hiểm đó là ba niệm ác bất thiện: niệm dục, niệm nhuế, và niệm hại. Đường hiểm, nên biết đó là ba niệm ác, bất thiện. Lại có con đường hiểm, đó là tám tà đạo, tà kiến cho đến tà định. Đào hầm lớn, nên biết đó là vô minh. Người coi giữ, nên biết đó là quyền thuộc của ma Ba-tuần. Còn người đi đến, muốn cho bấy nay được ích lợi và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên biết đó chính là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Bít lấp đường hiểm, mở con đường chánh, đó là ba niệm thiện: niệm vô dục, niệm vô nhuế và niệm vô hại. Đường chánh, nên biết đó chính là ba niệm thiện. Lại còn có con đường chánh, đó là Tám Chánh đạo, chánh kiến cho đến chánh định.

Này các Tỳ-kheo, Ta đã mở con đường chánh,

bít lấp con đường hiểm, sang bằng hầm hố, đuổi người coi giữ cho các Thầy rồi. Ví như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn cho được ích lợi và phước lành, được an ổn khoái lạc; điều đó Ta đã thực hiện rồi. Các Thầy cũng phải tự mình thực hiện, hãy đến chỗ vô sự, núi rừng, gốc cây hoặc chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta. Đó là lời khuyên bảo của Ta.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH SƯ TỬ HỒNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong chúng hội, các Thầy hãy chân chánh rống tiếng rống như sư tử vậy. Nay các Tỳ-kheo, nếu có người dị đạo đến hỏi các Thầy:

“— Nay chư Hiền, các Ông có hạnh gì, lực gì, trí gì mà các Ông nói như vậy: "Chỉ ở đây mới có

Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong chúng hội, mà các Ông chân chánh rống tiếng rống sư tử vậy ?”

Này các Tỳ-kheo, các Thầy nên trả lời dị đạo ấy như vậy:

“— Này chư Hiền, đức Thế Tôn của tôi là bậc có tri, có kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp. Nhon nơi bốn pháp này mà chúng tôi nói như vậy: "Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong chúng hội mà chúng tôi rống như tiếng rống sư tử như vậy." Bốn pháp đó là những gì ? Này chư Hiền, chúng tôi tin tưởng đấng Tôn-sư, tin Pháp, tin giới đức cụ túc, ái kính bạn đồng đạo, cung cách phụng sự. Này chư Hiền, đức Thế Tôn của chúng tôi, là bậc có tri, có kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp này. Nhon bốn pháp này mà chúng tôi nói như vậy: "Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không,

không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong chúng hội, mà chúng tôi chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.”

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo cũng lại nói:

“— Này chư Hiền, chúng tôi cũng tin đấng Tôn sư, tức Tôn sư chúng tôi, tin Pháp, tức Pháp chúng tôi, tin giới cụ túc, giới của chúng tôi, cũng ái kính bạn đồng đạo, cung cách, phụng sự, là bạn đồng đạo xuất gia và tại gia của chúng tôi. Này chư Hiền, giữa hai lời nói này của Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi có hơn gì, có ý gì, có sai khác gì chăng ?

Này các Tỳ-kheo, các Thầy nên hỏi kẻ dị đạo như vậy:

“— Này chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều ?

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy:

“— Này chư Hiền, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhiều.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy hỏi tiếp dị đạo:

“— Này chư Hiền, người có dục mà được cứu cánh hay người không có dục mới được cứu cánh ?

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy:

“— Nay chư Hiền, người không có dục được cứu cánh, không phải người có dục được cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy hãy hỏi tiếp đệ đạo:

“— Nay chư Hiền, người có nhuế được cứu cánh hay người không có nhuế được cứu cánh ?

Này các Tỳ-kheo, nếu đệ đạo trả lời như vậy:

“— Nay chư Hiền, người không có nhuế được cứu cánh, không phải người có nhuế được cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy hãy hỏi tiếp đệ đạo:

“— Nay chư Hiền, người có si được cứu cánh hay người không có si được cứu cánh ?

Này các Tỳ-kheo, nếu đệ đạo trả lời như vậy:

“— Nay chư Hiền, người không có si được cứu cánh, không phải người có si được cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy hãy hỏi tiếp đệ đạo:

“— Nay chư Hiền, người có ái, có thọ được cứu cánh hay người không có ái, không có thọ được cứu cánh ?

Này các Tỳ-kheo, nếu đệ đạo trả lời như vậy:

“— Nay chư Hiền, người không có ái, không

có thọ được cứu cánh, không phải người có ái có thọ được cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy hãy hỏi tiếp kẻ dị đạo:

“— Này chư Hiền, người có huệ, có thuyết giảng huệ được cứu cánh hay người không có huệ, không có thuyết giảng huệ được cứu cánh ?

Này các Tỳ-kheo, nếu kẻ dị đạo trả lời như vậy:

“— Này chư Hiền, người có huệ, có thuyết giảng huệ được cứu cánh, không phải người không có huệ, không thuyết giảng huệ được cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy hãy hỏi tiếp dị đạo:

“— Này chư Hiền, người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu cánh hay người không có ganh ghét không có tranh chấp được cứu cánh ?

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy:

“— Này chư Hiền, người không có ganh ghét, không có tranh chấp được cứu cánh, không phải người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, các Thầy hãy nói với dị đạo như vậy:

“— Này chư Hiền, như vậy là các Thầy nói có một cứu cánh không phải nhiều cứu cánh; người không có dục được cứu cánh, không phải người có dục được cứu cánh; người không có nhuế được cứu cánh, không phải người có nhuế được cứu cánh; người không có si được cứu cánh, không phải người có si được cứu cánh; người không có ái, không có thọ được cứu cánh, không phải người có ái, có thọ được cứu cánh; người có huệ, có thuyết giảng được cứu cánh, không phải người không có huệ, không có thuyết giảng được cứu cánh; người không có ganh ghét, không có tranh chấp được cứu cánh, không phải người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu cánh.

“Nếu có Sa-môn, Phạm chí nương nơi vô lượng kiến, vị đó nhất định nương nơi hai kiến, hữu kiến và vô kiến. Nếu nương nơi hữu kiến, vị đó liền đắm trước hữu kiến, nương nơi hữu kiến, ý trú nơi hữu kiến mà ganh ghét, tranh chấp với vô kiến. Nếu nương nơi vô kiến, vị đó liền đắm trước vô kiến, nương nơi vô kiến mà ganh ghét, tranh chấp với hữu kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết một cách như thật về nhơn, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu, thì vị đó nhất định có dục, có nhuế, có si, có ái, có thọ, không có huệ, không có thuyết giảng-huệ, có ganh ghét, có tranh

chấp, vị đó không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, áo não, không vượt khỏi bờ khổ. Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với những loại kiến này mà biết một cách như thật về nhơn, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu, thì vị đó nhất định không có dục, không có nhuế, không có si, không có ái, không có thọ, có huệ, có thuyết giảng huệ, không có ganh ghét, không có tranh chấp, vị đó lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết; cũng thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, khổ não, vượt khỏi bờ khổ.

“Hoặc có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chỉ thi hành đoạn trừ dục thọ mà không chủ trương đoạn trừ giới thọ, kiến thọ, ngã thọ. Vì sao vậy ? Vì vị Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về ba xứ. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thọ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Lại có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ, nhưng không chủ trương đoạn trừ dục thọ, đoạn trừ tất cả thọ, chỉ chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, nhưng không chủ trương đoạn trừ kiến thọ, ngã thọ. Vì sao vậy ? Vì vị Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về hai xứ. Do đó, vị ấy tuy đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ

tất cả thọ. Lại có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chỉ chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ, mà không chủ trương đoạn trừ ngã thọ. Vì sao vậy ? Vị Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về một xứ. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thọ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Đối với pháp luật như vậy, nếu người nào tin đấng Tôn sư, thì người đó không phải là chân chánh, không phải đệ nhất; nếu tin pháp, thì cũng không phải là chân chánh, không phải là đệ nhất; nếu tin giới đức cụ túc, thì cũng không phải chân chánh, không phải đệ nhất; nếu ái kính bạn đồng đạo, cung cách, phụng sự thì cũng không phải chân chánh, không phải đệ nhất.

“Nếu có đức Như Lai ra đời, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu, thì Ngài cũng chủ trương đoạn trừ thọ; ngay trong đời này, Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ, ngã thọ. Bốn thọ này như nơi đâu, tập khởi do đâu, phát sanh từ đâu, lấy gì làm gốc ? Bốn thọ này như nơi vô minh, tập khởi do vô minh, phát sanh từ vô minh, lấy vô minh làm

gốc. Nếu có Tỳ-kheo mà vô minh đã tận diệt, minh huệ đã phát sanh, thì vị đó từ đây không còn trở lại thọ dục, thọ giới, thọ kiến và thọ ngã nữa. Vị đó đã không thọ rồi, thì không còn lo sợ, đã không lo sợ nên đoạn trừ nhơn duyên, chắc chắn chúng đắc Niết-bàn, và biết đúng như thật rằng: "Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh." Trong pháp luật chơn chánh như vậy, nếu người nào tin đáng Tôn sư, thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin Pháp, thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin giới đức cụ túc, thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu ái kính bạn đồng đạo, cung cách phụng sự thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất. Nay chư Hiền, chúng tôi có hạnh như vậy, có lực như vậy, có trí như vậy. Nhơn nơi đó mà chúng tôi nói như vậy: "Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra, không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Do đó, tùy chỗ trong chúng hội mà chúng tôi chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy."

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, có một cư sĩ tên là Thật Ý, vào buổi sáng sớm, rời thành Vương Xá, muốn đến chỗ đức Phật để cúng dường, lễ bái. Lúc bấy giờ, cư sĩ Thật Ý nghĩ rằng: “Dù có đến chỗ đức Phật, thì đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo vẫn còn đang Thiên tịnh, ta hãy vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn kẻ dị học.” Thế rồi cư sĩ Thật Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn kẻ dị học. Tại đây có một dị đạo tên là Vô Nhuế, được tôn làm Tông chủ của dị học, được mọi người kính trọng, quy phục, được năm trăm dị đạo tôn sùng. Giữa một đám đông ôn ào,

ông đang cao giọng luận bàn đủ mọi vấn đề, như bàn chuyện về chim, về ngôn ngữ, về vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện y phục, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đồng nữ, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thể tục, bàn chuyện phi đạo, bàn chuyện sông biển, bàn chuyện quốc gia. Tất cả những đồ đệ cũng lại chào xáo như thế, đều tập hợp lại chỗ ngồi của ông.

Lúc bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế thấy cư sĩ Thật Ý từ xa tiến đến, liền ra lệnh bảo hội chúng của mình hãy im lặng:

— Này chư Hiền, các Ông chớ nói nữa, hãy vui vẻ im lặng, mỗi người hãy tự giữ mình im lặng. Vì sao vậy ? Vì có cư sĩ Thật Ý sắp đến đây. Ông ấy là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Trong số cư sĩ tại gia ở trong thành Vương Xá này, nếu có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm mà danh đức vang dội, được mọi người kính trọng, thì ông ấy là người thứ nhất. Ông ấy không ưa sự huỳnh náo, tự giữ gìn im lặng. Nếu ông ấy biết hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đến thăm.

Bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặng. Lúc bấy giờ, cư sĩ Thật

Ý đi đến chỗ dị đạo Vô Nhuế, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên. Cư sĩ Thập Ý nói:

— Này Vô Nhuế, đức Thế Tôn, Thấy tôi, hoặc ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hoặc sống trên núi cao, những nơi vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đòi, và tùy thuận mà Thiên tọa. Đó là so sánh chỗ đức Thế Tôn với ở đây. Ngài sống ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hay sống trên núi cao, những nơi vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đòi, tùy thuận mà Thiên tọa. Ngài ở nơi xa vắng, thường thích Thiên tọa, an ổn, khoái lạc. Đức Phật, Thế Tôn chưa hề một ngày một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như Ông và quyến thuộc của Ông hôm nay.

Bấy giờ dị đạo Vô Nhuế liền nói:

— Thôi, thôi, Cư sĩ ! Do đâu mà Ông biết Sa-môn Cù-đàm có tuệ giải thoát ? Đây thật là lời nói vô căn cứ, biết đâu là phù hợp hay không phù hợp, thuận hoặc chẳng thuận. Sa-môn Cù-đàm sống nơi biên địa, ưa thích nơi biên địa, trú ngụ nơi biên địa. Như con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa, sống nơi biên địa, ưa thích nơi biên địa, trú ngụ nơi biên địa; Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy. Này cư sĩ, nếu

Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, chỉ bằng một vấn đề tôi cũng đủ hủy diệt Ông ấy, như lăn cái bình không, và cũng sẽ nói cái ví dụ con trâu đui cho Ông ấy nghe.

Rồi đệ đạo Vô Nhuế bảo với đồ chúng của mình:

— Này chư Hiền, giả sử Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, nếu như ông ấy có đến thật, thì các Ông chớ có đứng dậy, chấp tay, nghinh đón, cũng chớ có mời ngồi, hãy để riêng một chỗ cho ông ấy ngồi thôi. Khi ông ấy đến đây rồi, thì hãy nói như vậy: “Này Cù-đàm, có chỗ ngồi đây, muốn ngồi hay không tùy ý.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang Thiên tọa, bằng thiên nhãn thanh tịnh nghe xa hơn người, nghe rõ cuộc thảo luận như vậy giữa cư sĩ Thật Ý và đệ đạo Vô Nhuế. Vào lúc xế trưa, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến vườn của đệ học. Thấy đức Thế Tôn từ xa đi đến, đệ đạo Vô Nhuế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật và tán thán:

— Kính chào Sa-môn Cù-đàm ! Đã lâu ngày không đến đây, xin mời ngồi chỗ này.

Khi ấy đức Thế Tôn thâm nghĩ: “Người ngu

si này tự phản lại điều mình dự định.” Biết như vậy, đức Thế Tôn liền ngồi trên giường đó. Dị đạo Vô Nhuế sau khi chào hỏi đức Thế Tôn, liền ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Vô Nhuế, Ông và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc gì thế ? Vì lý do gì mà nhóm họp nơi đây ?

Dị đạo Vô Nhuế trả lời:

— Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghĩ như vậy: “Sa môn Cù-đàm có những pháp gì dạy bảo cho đệ tử; các đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo liền được an ổn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh và đem dạy cho người khác nữa ?” Thưa Cù-đàm, tôi và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc như vậy. Vì lý do đó mà chúng tôi nhóm họp nơi đây.

Cư sĩ Thật Ý nghe ông nói xong liền nghĩ: “Lạ thay, dị học Vô Nhuế lại nói láo ! Vì sao vậy ? Vì ở trước đức Thế Tôn mà dám lừa dối Thế Tôn.”

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài liền nói:

— Này Vô Nhuế, pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy, khó chứng đắc. Ta dạy bảo cho đệ tử và đệ tử sau

khi vâng lãnh sự dạy bảo rồi liền được an ổn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh, và đem dạy lại cho người khác nữa. Nay Vô Nhuế, ngay cả hạnh bát liễu khả tạng ó mà Tôn sư của Ông lấy làm tông chỉ, nếu Ông hỏi Ta, Ta cũng sẽ giải đáp cho Ông thỏa mãn.

Lúc đó, các chúng đệ đạo ôn ào đó cùng nhau lớn tiếng nói rằng:

— Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu ! Ngài có như ý túc, có uy đức lớn, có phước hựu lớn, có oai thần lớn. Vì sao vậy ? Ngài bỏ qua tông chỉ của mình mà lại đề nghị thảo luận về tông chỉ của người.

Lúc bấy giờ, đệ đạo Vô Nhuế ra lệnh, bảo hội chúng của mình im lặng rồi hỏi:

— Thưa Cù-đàm, hạnh bát liễu khả tạng, thế nào là được hoàn toàn ? Thế nào là không được hoàn toàn ?

Bấy giờ đức Thế Tôn trả lời:

— Nay Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí lỏa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu ngọc làm y phục, hoặc không mức nước bằng bình, hoặc không mức nước bằng gáo, không ăn đồ ăn xóc xĩa bằng

dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không gởi tin đi, không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý, không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước giấm, không uống gì cả, học hạnh không uống, hoặc ăn một miếng và cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được và cho một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ngày ăn một lần và cho ăn một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ, hoặc ăn rau cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tẻ, hoặc ăn cám, hoặc ăn đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn thô, hoặc đến rừng vắng, nương nơi rừng vắng, hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn trái tự rụng xuống, hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ, hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc

chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nhổ tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hóm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường, hoặc nằm trái, lấy trái làm giường, hoặc thờ nước ngày đêm lấy tay vọc, hoặc thờ lửa ngày đêm đốt lên, hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn Hựu đại đức, chấp tay hướng về. So như vậy thì phải chịu vô lượng khổ để học hạnh phiên lao. Nay Vô Nhuế, ý Ông thế nào ? Hạnh bất liễu khả tắng ó như vậy là hoàn toàn hay không hoàn toàn ?

Dị đạo Vô Nhuế đáp:

— Thưa Cù-đàm, như vậy hạnh bất liễu khả tắng là hoàn toàn, không phải là không hoàn toàn.

Đức Thế Tôn lại nói:

— Nay Vô Nhuế, Ta sẽ chỉ cho Ông thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm.

Dị đạo Vô Nhuế hỏi:

— Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tắng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm thế nào không ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà có ác dục, niệm tưởng dục. Nay Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh ấy mà có ác dục, niệm tưởng dục, thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên chỉ ngược nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Nay Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh ấy nên chỉ ngược nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời, thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do duyên hành khổ hạnh mà tự cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh, nên tâm liên bị trói buộc. Nay Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh rồi, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao, cho rằng mình đã tự tu khổ hạnh, nên tâm liên bị trói buộc, thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế, hoặc có người chuyên

hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự thị khinh người. Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh rồi, do chuyên hành khổ hạnh mà tự thị khinh người, thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn.” Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do duyên hành khổ hạnh, nên đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn,” thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền sanh lòng tật đố mà nói rằng: “Sao lại cúng dường, lễ bái Sa-môn, Phạm chí ? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ bái ta đây ! Vì sao vậy ? Vì ta là người hành khổ hạnh.” Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền sanh lòng tật đố mà nói rằng: “Sao lại

kính trọng lễ bái cúng dường Sa-môn, Phạm chí ?
Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ bái ta đây ! Vì
sao vậy ? Vì ta là người hành khổ hạnh”, thì này
Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành
khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ
hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí nào được
người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền đến mắng
ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: “Sao
Ông lại được kính trọng, lễ bái, cúng dường ? Ông
là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường
ăn năm thứ hạt: hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ
thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây
và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm
tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiều loạn súc sanh
và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà
người cũng giống như vậy.” Này Vô Nhuế, nếu có
ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do
chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm
chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền
đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói
rằng: “Sao Ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ
bái ? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong
cầu, thường ăn năm thứ hạt: hạt sanh từ gốc cây,
hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh

từ mất cây, hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiều loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng lại như vậy” thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu ướ.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên có sâu, có si, khủng bố, lo sợ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên có sâu, có si, khủng bố, lo sợ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu ướ.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên tu khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suốt. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suốt, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cầu ướ.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên có sân triền, phú kết, bôn xên, ganh tị, dua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh, nên có sân triền, phú kết, bôn xên, ganh tị, dua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, đủ cả ác giới. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh, nên nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, đủ cả ác giới, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác huệ. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, không có đủ ác huệ, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho Ông thấy cái hạnh bất liễu khả tạng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm, có phải vậy chăng ?

Đệ đạo Vô Nhuế đáp:

— Thưa Cù-đàm, đúng vậy. Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tạng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm.

— Này Vô Nhuế, Ta lại chỉ cho Ông thấy cái hạnh bất liễu khả tạng hoàn toàn đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm.

Đệ đạo Vô Nhuế lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái bất liễu khả tạng hoàn toàn đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm như thế nào ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không có ác dục, không niệm tưởng dục. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên không có ác dục, không niệm tưởng dục, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên

hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời. Nay Vô Nhuế, nếu có người chuyên tu khổ hạnh do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, mà không cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không bị trói buộc. Nay Vô Nhuế, nếu có người tu khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh một cách tân khổ nên tâm không bị trói buộc, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ, mà không tự thị khinh người. Nay Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không tự thị khinh người, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành

khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn.” Nay Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn”, thì nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, nay Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không sanh lòng tật đố mà nói rằng: “Sao lại kính trọng, cúng dường, lễ bái Sa-môn, Phạm chí ? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây ! Vì sao vậy ? Vì ta là người hành khổ hạnh.” Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không sanh lòng tật đố nói rằng: “Sao lại kính trọng, lễ bái, cúng dường Sa-môn, Phạm chí ? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ bái ta đây ! Vì sao vậy ? Vì ta là người hành khổ hạnh.” Nay Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, thì không đến mừng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: “Sao Ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ bái ? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiều loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng giống như vậy.”

Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không đến mừng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: “Sao Ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ bái ? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu thường ăn năm thứ hạt: hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiều loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng giống như vậy.”

Này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sâu, không si, không khủng bố, không lo sợ, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất tiếng, không tham lam, phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sâu, không si, không khủng bố, không lo sợ, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất tiếng, không tham lam, phóng dật, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, không khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, không khó tánh, biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh, một cách tân khổ, do chuyên hành khổ

hạnh tâm khổ, nên không có sân triền, phú kết, bôn xên, ghen tị, dua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý. Đây Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, nên không có sân triền, phú kết, bôn xên, ganh tị, dua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý, thì đây Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, đây Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tâm khổ nên không nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thù dật, không có ác giới. Đây Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tâm khổ nên không nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thù dật, không có ác giới, thì đây Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, đây Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tâm khổ nên có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác huệ. Đây Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tâm khổ nên có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác huệ, thì đây Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho Ông thấy cái hạnh bất liễu khả tạng hoàn toàn không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm, có phải vậy không ?

Dị đạo Vô Nhuế đáp:

— Thưa Cù-đàm, đúng vậy. Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái bất liễu khả tạng hoàn toàn không bị cấu uế làm ô nhiễm.

Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tạng này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chân thật chưa ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Vô Nhuế, hạnh bất liễu khả tạng này chưa đạt đến bậc nhất, chưa đạt đến chân thật nhưng có hai hạnh đạt đến vô ngoài và đạt đến vô trong.

Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi:

— Thưa Cù-đàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tạng này chỉ đạt đến vô ngoài ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Vô Nhuế, ở đây hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh: không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh;

không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới. Tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới, phổ biến tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng như vậy, đối với bi, hỷ, tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trú.

Này Vô Nhuế, ý Ông thế nào ? Phải chăng hạnh bất liễu khả tạng như vậy đạt đến vô ngoài ?

Vô Nhuế hỏi:

— Thưa Cù-đàm, bất liễu khả tạng như vậy đạt đến vô ngoài. Thưa Cù-đàm, còn thế nào là hạnh bất liễu khả tạng này đạt đến vô trong ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh: không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh đó, ưa thích mà không tiến tới. Sự tu tập ấy có hành, có tướng mạo, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp: “Tại chỗ đó ta là chúng sanh tên đó, ta đã trải qua ở đó, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy, tên như vậy, sanh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy, rồi chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Ta sanh tại chỗ này như vậy, có họ như vậy, có tên như vậy, sanh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy.”

Nay Vô Nhuế, ý Ông thế nào ? Hạnh bất liễu khả tăng như vậy có đạt đến vô trong không ?

Vô Nhuế đáp:

— Thưa Cù-dàm, hạnh bất liễu khả tắng như vậy là đã đạt đến vô trong. Thưa Cù-dàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tắng đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh: không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vì đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tấn tới. Vì đó bằng thiên nhãn thanh tịnh thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh lúc sanh, lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ không lành, đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vì ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ý, phi báng Thánh nhơn, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sanh nào thành tựu diệu hạnh về

thân, diệu hạnh về khẩu, ý, không phải báng Thánh Nhơn, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ lành, sanh vào cõi trời.

Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao ? Hạnh bất liễu khả tắng như vậy có đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật hay không ?

Vô Nhuế đáp:

— Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tắng như vậy là đã đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật. Thưa Cù-đàm, phải chăng vì để thủ chúng hạnh bất liễu khả tắng này mà các đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn để tu hành Phạm hạnh ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Vô Nhuế, không phải vì để thủ chúng hạnh bất liễu khả tắng này mà đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta để tu hành phạm hạnh. Này Vô Nhuế, lại còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chúng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta mà tu hành phạm hạnh.

Lúc đó, những đệ tử trong hội chúng ồn ào đó liên lớn tiếng la ó: “Đúng vậy ! Đúng vậy ! Vì để chúng đắc pháp ấy nên đệ tử Sa-môn Cù-đàm

nuơng tựa nơi Sa-môn Cù-đàm để mà tu hành Phạm hạnh.”

Bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế ra lệnh bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi:

— Thưa Cù-đàm, pháp nào được gọi là còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chúng đặc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nuơng tựa nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành Phạm hạnh ?

Bấy giờ, đức Thế Tôn đáp:

— Nay Vô Nhuế, nếu đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian; vị đó xả bỏ năm triền cái làm tâm ô uế, làm huệ yếu kém, ly dục, ly phác ác, bất thiết, cho đến chúng đặc Thiện thú tư thành tựu và an trú. Vị ấy với định tâm như vậy, thanh tịnh, không có uế, không phiền não, nhu nhuyến, khéo an trú, chúng đặc tâm bất động mà thú hướng sự diệt tận các lậu, tự thân chúng ngộ trí thông, biết như thật rằng: đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, biết như thật: đây là Khổ diệt đạo; cũng biết như thật đây là lậu, biết đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết

như thật đây là lậu diệt đạo. Vị đó biết như vậy, thấy như vậy rồi, thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Này Vô Nhuế, như vậy gọi là còn có pháp khác, tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta mà tu hành Phạm hạnh.

Bấy giờ, cư sĩ Thật Ý nói:

— Này Vô Nhuế, đức Thế Tôn đang ở đây. Ông hãy chỉ bằng một vấn đề đủ để hủy diệt Ngài, như lăn cái bình không ! Ông hãy nói cái ví dụ con trâu đui ăn cỏ ở nơi biên địa như khi nầy đi !

Đức Thế Tôn nghe xong, hỏi đệ đạo Vô Nhuế:

— Quả thật Ông có nói như vậy không ?

Đệ đạo Vô Nhuế đáp:

— Thưa đức Cù-dàm, quả thật tôi có nói như vậy.

Đức Thế Tôn lại hỏi tiếp:

— Ông có từng nghe các vị cựu học trưởng lão

nói như vậy: “Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đòi, liền tùy thuận mà Thiên tọa. Các đức Phật, Thế Tôn, ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đòi, liền tùy thuận mà Thiên tọa. Các Như Lai ở nơi xa vắng, thường thích Thiên tọa, an ổn và khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như Ông và quyến thuộc của Ông hôm nay” ? Nay Vô Nhuế, Ông có bao giờ nghe các vị trưởng lão cự học nói như vậy không ?

✓ Dị đạo Vô Nhuế đáp:

— Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh giác, ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đòi, liền tùy thuận mà Thiên tọa. Các đức Phật, Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đòi, liền tùy thuận mà Thiên tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng, thường thích Thiên tọa, an ổn, khoái lạc. Các Ngài chưa hề một

ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như tôi và quyến thuộc của tôi hôm nay. Thưa đức Cù-đàm, tôi có nghe các vị trưởng lão cự học nói như vậy.

— Này Vô Nhuế, Ông há không nghĩ rằng: “Nhu các đức Thế Tôn đó ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liên tùy thuận mà Thiên tọa. Ngài ở nơi xa vắng thường thích Thiên tọa, an ổn, khoái lạc. Vị Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo chánh giác như vậy.” Có phải vậy không ?

Dị đạo Vô Nhuế đáp:

— Thưa đức Cù-đàm, nếu tôi biết như vậy, tôi đã chẳng nói rằng chỉ bằng một vấn đề cũng đủ hủy diệt Ngài như lặn cái bình không, và cũng đã chẳng nói đến cái ví dụ con trâu dui ăn cỏ nơi biên địa.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Vô Nhuế, Ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ, do đây mà Như Lai tự xưng là bậc Vô Úy. Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không đua nịnh, không lừa dối, chất trực, không hư vọng, Ta giáo huấn cho, và theo giáo huấn ấy, chắc chắn sẽ đạt đến cứu cánh trí.

Này Vô Nhuế, nếu Ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-dàm vì muốn làm thầy cho nên thuyết pháp” thì Ông chớ nghĩ như vậy. Ta trả Ông lại cho thấy Ông. Ta chỉ thuyết pháp cho Ông nghe thôi.

Này Vô Nhuế, nếu Ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-dàm vì tham đệ tử cho nên thuyết pháp.” Ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại đệ tử Ông cho Ông. Ta chỉ thuyết pháp cho Ông nghe thôi.

Này Vô Nhuế, nếu Ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-dàm vì tham sự cúng dường cho nên thuyết pháp.” Ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại đồ cúng cho Ông. Ta chỉ thuyết pháp cho Ông nghe thôi.

Này Vô Nhuế, nếu Ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-dàm vì tham được khen ngợi cho nên thuyết pháp.” Ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại điều khen ngợi cho Ông. Ta chỉ thuyết pháp cho Ông nghe thôi.

Này Vô Nhuế, nếu Ông nghĩ rằng: “Nếu ta có pháp thiện tương ưng thiện, giải thoát đưa đến giải thoát; có thể tác chúng nhưng Sa-môn Cù-dàm này đoạt của ta, hủy diệt ta.” Ông chớ nghĩ như vậy. Ta trả lại Pháp của Ông cho Ông. Ta chỉ thuyết pháp cho Ông nghe thôi.

Lúc bấy giờ, tất cả hội chúng đều im lặng. Vì sao vậy ? Vì họ bị ma vương chế phục.

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo cư sĩ Thật Ý:

— Ông hãy nhìn tất cả hội chúng đang im lặng này. Vì sao như vậy ? Vì họ đã bị ma vương chế phục. Nó khiến cả hội chúng dị đạo không có một dị đạo nào có ý niệm: “Ta hãy thử theo Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh.”

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài thuyết pháp cho cư sĩ Thật Ý nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nắm tay cư sĩ Thật Ý vận dụng thân túc nương hư không mà đi.

Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Thật Ý sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH NGUYỄN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo sống cô độc tại nơi xa vắng, ẩn dật ở chỗ yên tĩnh, Thiên tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: “Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe để được giới cù túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, sau khi suy nghĩ như vậy rồi, vị Tỳ-kheo ấy liền từ chỗ Thiên tọa đứng dậy đi đến đức Phật. Đức Thế Tôn nhìn thấy vị

Tỳ-kheo ấy từ xa đi đến, nhưn nơi Tỳ-kheo ấy, Ngài bảo các vị Tỳ-kheo:

— Các Thầy hãy mong rằng: “Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta có thân tộc, nhờ ta mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn họ được lên chỗ lành, sanh vào cõi trời. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Các thí chủ cung cấp cho ta y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, đủ mọi thứ để nuôi thân; do nhân duyên nầy họ sẽ có nhiều công đức, có đại quang minh, được nhiều phước báo. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, lạnh, nóng, muỗi ruồi châm chích, sự áp bức của gió, của mặt trời, bị tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể nhẫn chịu, bản thân bị tật bệnh rất là đau khổ, cho đến mạng sống sắp

tuyệt, các sự không được vui ta cũng đều có thể kham nhẫn. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta kham nhẫn được điều không hoan lạc; nếu sanh tâm không hoan lạc, không bao giờ để đắm trước. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Nếu ta sanh khởi ba việc ác, bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại; ta không bao giờ để đắm trước với ba niệm ác, bất thiện đó. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc, mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu và an trú. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta đã dứt hết ba kết, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, không bị rơi xuống pháp ác, quyết định thú hưởng đến quả vị

chánh giác, tối đa còn bảy lần ở cõi trời, cõi người, sau bảy lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta đã dứt hết ba kết làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại ở cõi Trời, cõi Người, sau một lần qua lại, rồi liền chứng đắc khổ biên. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta đã dứt hết năm hạ phần kết, sanh vào thế giới kia mà chứng đắc Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian nầy. Vậy hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc vô sắc, với như kỳ tượng định, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ; do huệ quán mà đoạn trừ lậu và biến tri lậu. Vậy ta hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta được như ý túc, thiên nhãn trí, tha tâm trí, túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu hoặc đã dứt sạch, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Vậy ta hãy thành tựu giới cụ túc mà không phế bỏ Thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng."

Lúc bấy giờ, vị Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Vị Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời Phật dạy, ẩn dật nơi yên tĩnh, Thiên tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật. Do ẩn dật những nơi yên tĩnh, Thiên tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật, để đạt đến mục đích mà Thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn

tái sanh nữa.” Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

10. KINH TƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với đất có tư tưởng về đất, cho rằng: “Đất tức là ngã, đất là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của đất.” Vị ấy đã cho đất tức là ngã, vậy là không biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, Thân, Trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên. Vị ấy đối với Tịnh thiên có tư tưởng về Tịnh thiên: “Tịnh thiên tức là ngã, Tịnh thiên là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của Tịnh thiên.” Vị ấy đã cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy là không biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu

xú, Phi hữu tướng phi vô tướng xú, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến tất cả; vị ấy đối với cái tất cả có tư tưởng về cái tất cả: “Tất cả tức là ngã, tất cả là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của tất cả.” Vị ấy đã cho tất cả tức là ngã, vậy là không biết rõ cái tất cả.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với đất thì biết đất: “Đất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của đất.” Vị ấy đã không cho đất tức là ngã, vậy là vị ấy biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, Thân, Trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên. Vị ấy đối với Tịnh thiên thì biết Tịnh thiên: “Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.” Vị ấy đã không cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy là vị ấy biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xú, Vô lượng thức xú, Vô sở hữu xú, Phi hữu tướng phi vô tướng xú, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này và với cái tất cả; vị ấy đối với cái tất cả thì biết là tất cả:

“Cái tất cả không phải là ngã, cái tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là cái sở hữu của cái tất cả.” Vị ấy đã không cho cái tất cả tức là ngã, vậy vị ấy biết rõ cái tất cả.

Ta đối với đất thì biết đất: “Đất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của đất.” Ta đã không cho đất tức là ngã, vậy là Ta biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, Thân, Trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên. Ta đối với Tịnh thiên thì biết Tịnh thiên: “Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.” Ta đã không cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy ta biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến cái tất cả; Ta đối với cái tất cả thì biết tất cả: “Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất cả.” Ta đã không cho tất cả tức là ngã, vậy là Ta biết rõ tất cả.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

X. PHẨM LÂM

1. Kinh Lâm (A)
2. Kinh Lâm (B)
3. Kinh Tư Quán Tâm (A)
4. Kinh Tư Quán Tâm (B)
5. Kinh Đạt Phạm Hạnh
6. Kinh A-nô-ba
7. Kinh Chư Pháp Bốn
8. Kinh Ưu-đà-ia
9. Kinh Mật Hoàn Dụ
10. Kinh Cù-đàm-di

1. KINH LÂM (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở: “Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như thức ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang, các vật

dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.”

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, nếu không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như thức ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy: “Ta xuất gia, học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Như ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.” Vị

Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác.

Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.”

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở, sau khi nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy: “Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì vật dụng cho đời sống.

Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm thì liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách rất khó khăn.” Vị Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, phải ở lại khu rừng này.

Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh, liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần: như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.”

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở, sau khi nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu

chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy: “Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn kết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách rất khó khăn.” Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay trong đêm mà đi, chớ nói lời cáo biệt.

Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần

như áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.”

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở, đã nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy: “Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa dứt liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.” Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung. Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để

ở; cũng vậy, giữa bãi tha ma, giữa thôn ấp, hay sống với người khác.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH LÂM (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở, và nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng này để ở, vì lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh này được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn.”

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để

ở, sau khi nương vào khu rừng nầy để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, nhưng cứu cánh ấy không được thành đạt đối với vị ấy. Những thứ người học đạo cần như áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy: “Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chần, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng nầy để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh nầy không được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn”. Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, thì phải từ bỏ khu rừng nầy để đi nơi khác.

Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, và nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng nầy để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời

sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.”

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng nầy để ở, sau khi nương vào khu rừng nầy để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, và cứu cánh ấy được thành đạt đối với vị ấy. Những thứ người học đạo cần như áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế nầy: “Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng nầy để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chần, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách rất khó khăn.” Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải ở lại khu rừng nầy.

Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, và nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng nầy để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chần, ăn uống,

giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.”

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng nầy để ở, sau khi nương vào khu rừng nầy để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, nhưng cứu cánh ấy không thành đạt đối với vị ấy. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế nầy: “Ta nương vào khu rừng nầy để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy không thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách khó khăn.” Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi phải lập tức từ bỏ khu rừng nầy ngay giữa đêm mà đi, không cần cáo biệt.

Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, và nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng nầy để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng

cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn.”

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với vị ấy. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: “Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.” Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung. Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở; cũng vậy, giữa bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH TỰ QUÁN TÂM (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo không thể quán tâm người khác, hãy tự khéo quán sát tâm mình. Nên học như vậy: Thế nào là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm ? Tỳ-kheo nếu có quán này chắc chắn được nhiều lợi ích: “Phải chăng ta được nội tâm tĩnh chỉ, chưa được tối thượng huệ để quán pháp ? Phải chăng ta được tối thượng huệ để quán pháp, chưa được nội tâm tĩnh chỉ ? Phải chăng ta chưa được nội tâm tĩnh chỉ, cũng chưa được tối thượng huệ quán pháp ? Phải

chăng ta được nội tâm tĩnh chỉ, cũng được tối thượng huệ quán pháp ?”

Nếu Tỳ-kheo sau khi quán liên biết rằng: “Ta được nội tâm tĩnh chỉ, chưa được tối thượng huệ quán pháp.” Vị Tỳ-kheo ấy được nội tâm tĩnh chỉ rồi, hãy nên mong cầu tối thượng huệ quán pháp; vị ấy, sau đó, được nội tâm tĩnh chỉ, cũng được tối thượng huệ quán pháp.

Nếu Tỳ-kheo sau khi quán, liên biết rằng: “Ta được tối thượng huệ quán pháp, chưa được nội tâm tĩnh chỉ”, Vị Tỳ-kheo ấy trụ nơi tối thượng huệ quán pháp rồi, hãy nên mong cầu nội tâm tĩnh chỉ; vị ấy, sau đó, được tối thượng huệ quán pháp và cũng được nội tâm tĩnh chỉ.

Nếu Tỳ-kheo sau khi quán liên biết rằng: “Ta chưa được nội tâm tĩnh chỉ, cũng chưa được tối thượng huệ quán pháp”. Như vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này; vì muốn được, nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thối chuyển. Ví như người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo; cũng vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này, vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh

cần, chánh niệm, chánh trí, đừng để bị thối chuyển. Vị ấy, sau đó, liền được nội tâm tĩnh chỉ và cũng được tối thượng huệ quán pháp.

Nếu Tỳ-kheo sau khi quán tâm liền biết rằng: “Ta được nội tâm tĩnh chỉ, cũng được tối thượng huệ quán pháp.” Vị Tỳ-kheo ấy trú nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chúng ngộ lậu tận trí thông. Vì sao vậy ? Ta nói không được cất chứa tất cả y áo, nhưng cũng nói được phép cất chứa tất cả y áo. Loại y áo nào mà Ta nói không được cất chứa ? Nếu cất chứa y áo mà tăng trưởng pháp ác, bất thiện, suy thối pháp thiện thì loại y áo như vậy, Ta nói không được cất chứa. Loại y áo nào Ta nói được phép cất chứa ? Nếu cất chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thối pháp ác, bất thiện thì loại y áo như vậy, Ta nói được phép cất chứa. Cũng như y áo, về ăn uống, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy. Ta nói không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được phép quen thân tất cả mọi người. Loại người nào Ta nói không được quen thân ? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác, bất thiện, suy thối pháp thiện thì người như vậy, Ta nói không được quen thân. Loại người nào Ta nói được phép quen thân ? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp

thiện, suy thối pháp ác, bất thiện thì người như vậy, Ta nói được phép quen thân. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, pháp không nên tập hành rồi, với pháp không nên tập hành thì không tập hành, với pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thối pháp ác, bất thiện. Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ, khéo xả ly.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH TỰ QUÁN TÂM (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo không thể khéo quán tâm người khác, hãy tự khéo quán sát tâm mình. Nên học như vậy: Thế nào gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm ? Tỳ-kheo nếu có quán nầy chắc chắn được nhiều lợi ích: “Ta thường hành tham lam hay thường hành không tham lam. Ta thường hành tâm sân nhuế hay thường hành tâm không sân nhuế ? Ta thường hành thù miên triền hay thường hành không thù miên triền ? Ta thường hành trạo hối,

cống cao hay thường hành không trạo hối, cống cao ? Ta thường hành nghi hoặc hay thường hành không nghi hoặc ? Ta thường hành thân tránh hay thường hành không thân tránh ? Ta thường hành tâm ô uế hay thường hành tâm không ô uế ? Ta thường hành tín hay thường hành bất tín ? Ta thường hành tinh tấn hay thường hành giải đãi ? Ta thường hành suy niệm hay thường hành không suy niệm ? Ta thường hành tâm định hay thường hành tâm không định ? Ta thường hành ác huệ hay thường hành không ác huệ ?” Nếu Tỳ-kheo khi quán liên biết: “Ta thường hành tham lam, tâm sân nhuế, thù miên triền, trạo hối, cống cao, nghi hoặc, thân tránh, tâm ô uế, bất tín, giải đãi, không suy niệm, không tâm định, thường hành ác huệ.” Nếu vị Tỳ-kheo ấy muốn diệt trừ pháp ác, bất thiện này, thì phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thối chuyển. Ví như bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo; cũng vậy, Tỳ-kheo muốn diệt trừ pháp ác, bất thiện này, thì phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thối chuyển. Nếu Tỳ-kheo khi quán liên biết: “Ta thường hành không tham lam,

tâm không sân nhuế, không thù miên triền, không trạo hối, cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, tâm không ô uế, có tín, tinh tấn, suy niệm, định, thường hành không ác huệ.” Nếu vị Tỳ-kheo ấy trú nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chúng ngộ lậu tận trí thông. Vì sao vậy ? Ta nói không được cất chứa tất cả y áo nhưng cũng nói được cất chứa tất cả y áo. Loại y áo nào ta nói không được cất chứa ? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp ác, bất thiện, suy thoái pháp thiện; y áo như vậy, Ta nói không được cất chứa. Loại y áo nào ta nói được cất chứa ? Nếu cất chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái ác pháp, bất thiện; y áo như vậy, Ta nói được cất chứa. Cũng như y áo, về ăn uống, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy. Ta nói không được quen thân tất cả mọi người nhưng cũng nói được quen thân tất cả mọi người. Người thế nào mà Ta nói không được quen thân ? Nếu quen thân người mà tăng trưởng ác pháp, bất thiện, suy thoái pháp thiện; người như vậy, Ta nói không được quen thân. Người thế nào mà Ta nói được quen thân ? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện; người như vậy, Ta nói được quen thân. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết

đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, pháp không nên tập hành rồi, pháp không nên tập hành thì không tập hành, pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thối pháp ác, bất thiện. Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ, khéo xả ly.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH ĐẠT PHẠM HẠNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, trong đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Ta sẽ thuyết pháp cho các Thầy nghe, vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối, có văn, có nghĩa, cụ túc, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận các lậu. Các Thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm !

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

— Các Thầy hãy biết lậu, biết nhân sinh ra lậu, biết sự hữu báo của lậu, biết sự thắng của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo.

Các Thầy hãy biết thọ, biết nhân sinh ra thọ, biết sự hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo.

Các Thầy hãy biết tướng, biết nhân sinh ra tướng, biết sự hữu báo của tướng, biết sự thắng liệt của tướng, biết sự diệt tận của tướng, biết tướng diệt đạo.

Các Thầy hãy biết dục, biết nhân sinh ra dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo.

Các Thầy hãy biết nghiệp, biết nhân sinh ra nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo.

Các Thầy hãy biết khổ, biết nhân sinh ra khổ, biết sự hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo.

Thế nào là biết lậu ? Là biết có ba lậu: dục lậu, hữu lậu, và vô minh lậu; đó là biết lậu. Thế nào là biết nhân sinh ra lậu ? Là biết, từ vô minh,

nhân vô minh do đó có lậu; đó là biết nhân sinh ra lậu. Thế nào là biết hữu báo của lậu ? Là biết, bị vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ thấm, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo hoặc đến chỗ lành hay đến chỗ ác; đó là biết hữu báo của lậu. Thế nào là biết sự thắng liệt của lậu ? Là biết có lậu khiến sanh vào địa ngục, có lậu khiến sanh vào súc sanh, có lậu khiến sanh vào ngạ quỷ, có lậu khiến sanh vào cõi trời, hoặc có lậu sanh vào cõi người; đó là biết thắng liệt của lậu. Thế nào là biết sự diệt tận của lậu ? Là biết vô minh diệt thì lậu liền diệt; đó là biết sự diệt tận của lậu. Thế nào là biết diệt lậu diệt đạo ? Là biết Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định; đó là biết lậu diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết lậu, biết nhân sinh ra lậu, biết hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả lậu.

Thế nào là biết thọ ? Là biết có ba cảm thọ: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc; đó là biết thọ. Thế nào là biết nhân sinh ra thọ ? Là biết từ xúc, do xúc nên có thọ, đó là biết nhân sinh ra thọ. Thế nào là biết hữu báo của thọ ? Là biết ái, ái là hữu báo của thọ; đó là biết hữu báo của thọ. Thế nào là biết sự thắng liệt của

thọ ? Là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm thọ lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ lạc, khi thọ nhận cảm thọ khổ, liền biết đang thọ nhận cảm thọ khổ, khi thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc; khi thân thọ nhận cảm thọ lạc, thân thọ nhận cảm thọ khổ, thân thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc; khi tâm thọ nhận cảm thọ lạc, tâm thọ nhận cảm thọ khổ, tâm thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc; cảm thọ lạc khi ăn, cảm thọ khổ khi ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi ăn; cảm thọ lạc khi không ăn, cảm thọ khổ khi không ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi không ăn; cảm thọ lạc khi có dục, cảm thọ khổ khi có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi có dục; cảm thọ lạc khi không có dục, cảm thọ khổ khi không có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục..., thì biết có cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục; đó là biết sự thắng liệt của thọ. Thế nào là biết sự diệt tận của thọ ? Là biết xúc diệt, thì thọ liền diệt; đó là biết sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết thọ diệt đạo ? Là biết Tám chi Thánh đạo, là chánh kiến đến chánh định; đó là biết thọ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết thọ, biết nhân sinh ra thọ, biết hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận

của thọ, biết thọ diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả thọ.

Thế nào là biết tướng ? Là biết có bốn tướng. Tỳ-kheo khi tướng nhỏ cũng biết, tướng lớn cũng biết, tướng vô lượng cũng biết, tướng vô sở hữu xứ cũng biết; đó là biết tướng. Thế nào là biết nhân sinh ra tướng ? Là biết từ xúc, do xúc nên có tướng, đó là biết nhân sinh ra tướng. Thế nào là biết hữu báo của tướng ? Là biết tuyên thuyết, tùy tướng đó mà tuyên thuyết; đó là biết hữu báo của tướng. Thế nào là biết sự thắng liệt của tướng ? Là biết có tướng tướng về sắc, có tướng tướng về tiếng, có tướng tướng về hương, có tướng tướng về vị, hoặc có tướng tướng về xúc, đó là biết sự thắng liệt của tướng. Thế nào là biết sự diệt tận của tướng ? Là biết xúc diệt thì tướng liền diệt; đó là biết sự diệt tận của tướng. Thế nào là biết tướng diệt đạo ? Là biết Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định; đó là biết tướng diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết tướng, biết nhân sinh ra tướng, biết hữu báo của tướng, biết sự thắng liệt của tướng, biết sự diệt tận của tướng, biết tướng diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả tướng.

Thế nào là biết dục ? Là biết dục có năm đặc tánh là khả ái, khả hỷ, mỹ sắc, tương ưng với dục,

rất khả lạc. Những gì là năm ? Là sắc được biết bởi mắt, thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, pháp được biết bởi ý. Thế nào là biết nhân sinh ra dục ? Là biết từ xúc, do xúc nên có dục; đó là biết nhân sinh ra dục. Thế nào là biết hữu báo của dục ? Là tùy theo chủng loại dục mà sanh ái lạc, đắm trước rồi trụ vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đến chỗ có phước, đến chỗ vô phước, hay chỗ bất động; đó là biết hữu báo của dục. Thế nào là biết sự thắng liệt của dục ? Là biết có dục tham dục sắc, có dục tham dục tiếng, có dục tham dục thương, có dục tham dục vị, hoặc có dục tham dục xúc chạm; đó là sự thắng liệt của dục. Thế nào là biết sự diệt tận của dục ? Là biết xúc diệt, thì dục liền diệt; đó là biết sự diệt tận của dục. Thế nào là biết dục diệt đạo ? Là biết Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết dục diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết dục, biết nhân sinh ra dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo là như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả dục.

Thế nào là biết nghiệp ? Là biết có hai nghiệp: tư nghiệp và tư dĩ nghiệp; đó là biết nghiệp. Thế nào là biết nhân sinh ra nghiệp ? Là biết từ xúc,

do xúc nên có nghiệp; đó là biết nhân sinh ra nghiệp. Thế nào là biết hữu báo của nghiệp ? Là biết nghiệp đen có quả báo đen, nghiệp trắng có quả báo trắng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận; đó là hữu báo của nghiệp. Thế nào là biết sự thắng liệt của nghiệp ? Là biết có nghiệp khiến sanh vào địa ngục, có nghiệp khiến sanh vào súc sanh, có nghiệp khiến sanh vào ngạ quỷ, có nghiệp khiến sanh vào cõi trời, có nghiệp khiến sanh vào cõi người; đó là biết sự thắng liệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp ? Là biết xúc diệt thì nghiệp liền diệt; đó là biết sự diệt tận của nghiệp. Thế nào là biết nghiệp diệt đạo ? Là biết Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định; đó là biết nghiệp diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết nghiệp, biết nhân sinh ra nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả nghiệp.

Thế nào là biết khổ ? Là biết khổ của sanh, già, bệnh, chết, khổ của oán tắng hội, khổ của ái biệt ly, khổ của câu bất đắc, nói tóm, năm thủ uẩn là khổ; đó là biết khổ. Thế nào là biết nhân sinh

ra khổ ? Là biết từ ái, do ái sanh khổ; đó là biết nhân sinh ra khổ. Thế nào là biết hữu báo của khổ ? Là biết có khổ diệt hơi chậm hoặc có khổ diệt hơi nhanh, hoặc có khổ diệt rất chậm, hoặc có khổ diệt rất nhanh; đó là biết hữu báo khổ. Thế nào là biết sự thắng liệt của khổ ? Là biết phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không điều ngự Thánh pháp, nên khi nhân sanh cảm thọ rất khổ, khổ cùng cực, mạng sống muốn tuyệt, phải tìm người cứu chữa ở bên ngoài. Hoặc có Sa-môn, Phạm chí thọ trì loại chú một câu, loại chú hai, ba, bốn hay nhiều câu, hoặc thọ trì loại chú một trăm câu thần chú. “Vị ấy trị dứt sự khổ cho ta”. Như vậy là nhơn mong cầu mà sanh khổ, nhơn tập mà sanh khổ; đó là biết sự thắng liệt của khổ. Thế nào là biết sự diệt tận của khổ ? Là biết ái diệt thì khổ liền diệt; đó là biết sự diệt tận của khổ. Thế nào là biết khổ diệt đạo ? Là biết Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định; đó là biết khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết khổ, biết nhân sinh ra khổ, biết hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả khổ.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH A-NÔ-BA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Bạt-kỳ-sấu ở đô ấp A-nô-ba Bạt-kỳ.

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói:

— Này A-nan, Ta và Thầy hãy đi đến sông A-di-la-hòa-đế để tắm.

Tôn giả A-nan nói:

— Kính vâng.

Khi ấy đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-hòa-đế, cởi bỏ y phục trên bờ sông rồi xuống nước tắm, tắm xong, lên bờ lau mình và

mặc y phục vào. Bấy giờ Tôn giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Khi ấy đức Thế Tôn quay lại và dạy:

— Này A-nan, Đê-bà-đạt-đa vì phóng dật nên bịọa lạc rất cực khổ, chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn một kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, Thấy có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Ta đã ghi nhận nhất quyết rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Quả vậy. Lúc bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo hỏi con rằng: “Này Tôn giả A-nan, phải chăng đức Thế Tôn dùng tha tâm trí biết rõ tâm Đê-bà-đạt-đa nên Ngài ghi nhận nhất quyết rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt ?”

Đức Thế Tôn dạy:

— Này A-nan, Tỳ-kheo ấy hoặc còn nhỏ, trung niên hay đã lớn tuổi, kẻ niên thiếu không hiểu biết. Vì sao vậy ? Vì Như Lai đã ghi nhận nhất quyết, nhưng thầy ấy vẫn còn nghi hoặc. A-nan, Ta không thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời nầy từ Người đến Trời như Ta, ghi nhận nhất quyết về Đê-bà-đạt-đa. Vì sao

vậy ? Nay A-nan, Ta ghi nhận nhất quyết rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu Ta thấy Đê-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, Ta đã không ghi nhận nhất quyết rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp không thể cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đê-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, nên Ta ghi nhận nhất quyết rằng Đê-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp không thể cứu vớt.

Này A-nan, ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm phần sâu rộng, có người bị lọt vào đấy, chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc. Người ấy nhìn quanh rồi nói: “Người này có chỗ nào dù chỉ bằng một sợi lông, cọng tóc mà không bị dính phần để ta có thể nắm kéo lên chăng ?” Người ấy nhìn khắp thân thể nhưng không thấy có chỗ nào bằng một sợi lông, một cọng tóc mà không bị dính phần để có thể dùng tay nắm kéo lên được. Cũng vậy, này A-nan, nếu Ta thấy Đê-bà-đạt-đa có một chút pháp bạch tịnh bằng sợi lông thì Ta đã không ghi nhận nhất quyết rằng Đê-bà-đạt-đa chắc

chấn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, nên Ta ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

Khi ấy Tôn giả A-nan khóc lóc, lấy tay gạt lệ, rồi thưa:

— Kính bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu ! Thật là hy hữu ! Thế Tôn đã ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

Đức Thế Tôn dạy:

— Đúng vậy, A-nan. Đúng vậy, A-nan. Ta ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. Nay A-nan, nếu Thầy được nghe từ Như Lai phân biệt Đại nhân căn trí, chắc chắn sẽ có tín tâm tối thượng nơi Như Lai mà luôn luôn hoan hỷ.

Khi ấy Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, nay quả là đúng lúc.

Bạch đức Thiện Thệ, nay quả là đúng lúc. Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết giảng cho các Tỳ-kheo nghe về phân biệt Đại nhân căn trí. Các Tỳ-kheo được Thế Tôn thuyết giảng cho nghe, thì sẽ khéo thọ trì.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tu niệm, nay Ta sẽ thuyết giảng cho Thấy nghe về phân biệt Đại nhân căn trí.

Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người nầy thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người nầy, biết người nầy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người nầy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó lại sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người nầy sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Nay A-nan, ví như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Nay A-nan, ý Thấy thế nào ? Mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, ánh sáng đã sanh ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người nầy thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người nầy, biết người nầy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người nầy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người nầy sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, vào mùa Thu được cất dấu cẩn thận. Nếu người cư sĩ giỏi sửa sang khoảnh ruộng tốt, rồi vãi hạt vào, và mưa xuống phải thời, thì này A-nan, ý Thầy thế nào ? Hạt giống ấy có dần dần lớn lên được chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, có thể vậy.

— Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người nầy thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí lại quán

sát tâm người nầy, biết người nầy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người nầy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót, chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó thiện pháp sẽ lại phát sanh. Như vậy, người nầy sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Nay A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai đã hiểu biết chọn chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

Lại nữa, nay A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người nầy thành tựu pháp thiện cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người nầy, biết người nầy diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người nầy đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người nầy đi đến pháp suy thoái. Nay A-nan, ví như từ lúc xế trưa cho đến khi mặt trời lặn, ánh sáng diệt, bóng tối sanh. Nay A-nan, ý Thầy thế nào ? Sau khi mặt trời lặn, phải chăng ánh sáng đã diệt, bóng tối đã sanh ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

— Cũng vậy, nay A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người nầy

thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

Này A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn vào mùa Thu được cất dấu cẩn thận. Nếu người cư sĩ kia giỏi sửa sang ruộng tốt, rồi vãi hạt giống vào, nhưng mưa xuống không phải thời, thì này A-nan, ý Thầy thế nào ? Hạt giống này có dần dần lớn lên được chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, không thể được.

— Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai lại dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy,

người nầy đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, đó gọi là đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chọn chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người nầy có được chút pháp bạch tịnh dù chỉ bằng sợi lông. Người nầy một mực chỉ có pháp ác, bất thiện, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, nguyên nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người nầy khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, ví như hạt giống hư, vỡ, mục nát, bị gió nắng làm thương tổn, vào mùa Thu không được cất dấu cẩn thận. Nếu người cư sĩ ấy không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý Thầy thế nào ? Hạt giống lúa có dần dần lớn lên được chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, thưa không.

Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người nầy có được chút pháp bạch tịnh, dù bằng một sợi lông. Người nầy có pháp ác bất thiện hoàn toàn đầy đủ, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, là nguyên

nhơn của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người nầy khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chơn chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

Khi ấy, Tôn giả A-nan chấp tay hướng Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Như Lai có thể giảng thuyết về ba hạng người khác nữa được chăng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Ta có thể nói. Này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người nầy thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người nầy, biết người nầy diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người nầy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn nầy sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người nầy đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đẩy cỏ khô thêm rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý Thầy thế nào ? Ngọn lửa kia càng bốc cháy mạnh lên chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy.

— Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã được diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chơn chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đạt đến pháp thanh tịnh. A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đem cây lửa đang cháy

sáng nầy để trên đất bằng, hoặc để trên đá. Này A-nan, ý Thầy thế nào ? Ngọn lửa càng bốc cháy mạnh lên chẳng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, không thể vậy.

— Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người nầy thành tựu pháp bất thiện cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người nầy, biết người nầy diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người nầy đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy là người nầy đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chơn chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người nầy có chút hắc nghiệp dù bằng một sợi lông. Người nầy tuyệt đối chỉ có pháp thiện hoàn toàn, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ và được trường thọ. Như vậy, người nầy ngay trong đời nầy chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, ví như

tro lửa tắt từ lâu, đã nguội lạnh có người thêm đậy củ khô, rồi chất củi khô lên. Nay A-nan ý Thấy thế nào ? Tro nguội lạnh đó có thể bốc cháy lại được chăng ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, không thể được.

— Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người nầy có chút hắc nghiệp nào dù bằng một sợi lông. Người nầy tuyệt đối chỉ có pháp thiện hoàn toàn, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ và được trường thọ. Như vậy, người nầy ngay trong đời nầy chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Nay A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chơn chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

A-nan, ba hạng người nói trên kia, hạng thứ nhất đạt được pháp thanh tịnh, hạng thứ hai đạt được pháp suy thoái, hạng thứ ba khi thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Ba hạng người Ta nói sau đó, hạng thứ nhất đạt được pháp suy thoái, hạng thứ hai đạt được pháp thanh tịnh, hạng thứ ba ngay trong đời nầy chứng đắc Niết-bàn. Nay A-nan, Ta đã giảng thuyết cho Thấy nghe về Đại nhân căn trí. Như đáng Tôn sư thương

yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc; điều đó Ta đã thực hiện. Các Thầy cũng phải tự mình thực hiện, hãy đến rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà Thiền tịnh, tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời giáo huấn của Ta, đó là lời khuyên bảo của Ta !

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH CHƯ PHÁP BỐN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có dị đạo đến hỏi các Thầy:

“— Tất cả các pháp lấy gì làm gốc ?”

Các Thầy nên trả lời với họ như thế này:

“— Tất cả các pháp lấy dục làm gốc.”

Nếu họ lại hỏi:

“— Lấy gì làm hòa hiệp ?”

Nên đáp như vậy:

“— Lấy xúc làm hòa hiệp.”

Nếu họ lại hỏi:

“— Lấy gì làm dẫn khởi ?”

Nên đáp như vậy:

“— Lấy thọ làm dẫn khởi.”

Nếu họ lại hỏi:

“— Lấy gì làm hữu ?”

Nên đáp như vậy:

“— Lấy tư tưởng làm hữu.”

Nếu họ lại hỏi:

“— Lấy gì làm thượng chủ ?”

Nên đáp như vậy:

“— Lấy niệm làm thượng chủ.”

Nếu họ lại hỏi:

“— Lấy gì làm tiên đạo ?”

Nên đáp như vậy:

“— Lấy định làm tiên đạo.”

Nếu họ lại hỏi:

“— Lấy gì làm tối thượng ?”

Nên đáp như vậy:

“— Lấy huệ làm tối thượng.”

Nếu họ lại hỏi:

“— Lấy gì làm chắc thật ?”

Nên đáp như vậy:

“— Lấy giải thoát làm chắc thật.”

Nếu họ lại hỏi:

“— Lấy gì làm cứu cánh ?”

Nên đáp như vậy:

“— Lấy Niết-bàn làm cứu cánh.”

Này các Tỳ-kheo, dục là gốc của các pháp, xúc là hòa hiệp của các pháp, thọ là dẫn khởi của các pháp, tư tưởng là hữu của các pháp, niệm là thượng chủ của các pháp, định là tiên đạo của các pháp, huệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là chắc thật của các pháp, và Niết-bàn là cứu cánh của các pháp. Tỳ-kheo hãy nên học tập như vậy.

Xuất gia học đạo, tâm nên tập suy tưởng về sự vô thường, tập suy tưởng về vô thường nên khổ, tập suy tưởng về khổ nên vô ngã, tập suy tưởng về sự bất tịnh, tập suy tưởng về thực phẩm xấu xa,

tập suy tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tập suy tưởng về sự chết để biết thế gian tốt xấu. Tập tâm tưởng như vậy, để biết sự hữu tập thế gian, tập tâm tưởng như vậy để biết đúng như thật về sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, và sự xuất yếu của thế gian. Tu tập tâm tưởng như vậy rồi, nếu Tỳ-kheo thành tựu tập tâm xuất gia học đạo, thành tựu tập suy tưởng về sự vô thường, thành tựu tập suy tưởng về vô thường nên khổ, thành tựu tập suy tưởng về khổ nên vô ngã, thành tựu tập suy tưởng về sự bất tịnh, thành tựu tập suy tưởng thực phẩm xấu xa, thành tựu tập suy tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, thành tựu tập suy tưởng về sự chết để biết thế gian tốt xấu. Thành tựu tập tâm tưởng như vậy, nên biết sự hữu tập của thế gian, thành tựu tập tâm tưởng như vậy, nên biết đúng như thật về sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, và sự xuất yếu của thế gian. Thành tựu tập tâm tưởng như vậy, nên được gọi là Tỳ-kheo đoạn ái, trừ kiết sử. Đã biết đúng, quán đúng các pháp rồi, liền đạt được sự dứt tận khổ.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH ƯU-ĐÀ-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ưu-đà-la-la-ma Tử ở trong chúng hội thường nói như vậy: “Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó, mà không biết cội gốc của ung nhọt, sau đó mới biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.” Ưu-đà-la-la-ma Tử không biết tất cả mà tự xưng là biết tất cả, thật không có cảm thọ mà tự xưng là có cảm thọ. Ưu-đà-la-la-ma Tử thấy như vậy, nói như vậy: “Nếu có tư tưởng thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai; còn như không có tư tưởng thì đó là kẻ ngu si. Nếu có cảm thọ nào, thì đó là tính chỉ, là tối diệu, tức là cho

đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ.” Ông ấy sau khi ái lạc tự thân, chấp thủ tự thân, đắm trước tự thân, liên tu tập cho đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở đó, ông ấy lại đến nhân gian, sanh vào loài chồn.

Ở đây, Tỳ-kheo nói chơn chánh có thể nói như vậy: “Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó, mà không biết cội gốc của ung nhọt, sau đó mới biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.”

Thế nào là Tỳ-kheo quán sát chơn chánh ? Là Tỳ-kheo biết sáu xúc xứ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng, dùng huệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán sát chơn chánh.

Thế nào là Tỳ-kheo biết cảm thọ ? Là Tỳ-kheo biết ba cảm thọ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng, dùng huệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo biết cảm thọ.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, sau đó mới biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt ? Là Tỳ-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc rễ của nó, khiến không thể sanh lại. Như vậy

gọi là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, sau đó mới biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.

Ung nhọt chính là thân này, là sắc thân bốn đại thô phù do cha mẹ sinh ra, được lớn lên nhờ ăn uống, được bao bọc bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, là pháp vô thường, là pháp hủy hoại, là pháp tan rã. Như vậy gọi là ung nhọt. Cội gốc của ung nhọt là ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Như vậy gọi là cội gốc của ung nhọt. Ung nhọt là tất cả lậu hoặc, nghĩa là sáu xúc xú: mắt lậu thấy sắc, tai lậu nghe tiếng, mũi lậu ngửi mùi, lưỡi lậu nếm vị, thân lậu cảm xúc, ý lậu biết các pháp. Như vậy gọi ung nhọt là tất cả lậu hoặc.

Này các Tỳ-kheo, Ta đã thuyết giảng cho các Thầy nghe về ung nhọt và cội gốc của ung nhọt. Như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc; điều đó Ta đã thực hiện. Các Thầy cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà Thiên tọa tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời giáo huấn của Ta, đó là lời khuyên bảo của Ta !

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH MẬT HOÀN DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa Thích-kỳ-sấu, ở tại Ca-duy-la-vệ.

Bấy giờ, sau khi đêm tối đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khất thực. Sau khi ăn xong, Ngài cất y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đến tinh xá của họ Thích-ca trong rừng trúc, rồi Ngài đi đến dưới một gốc cây, trong rừng Đại Lâm trải ni-sư-đàn và ngồi kiết-già. Khi ấy Chấp Trượng Thích chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa, ung dung tìm đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước đức Phật, rồi hỏi đức Thế Tôn:

— Sa-môn Cù-đàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gì ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, Phạm hạnh thanh tịnh, lìa bỏ đua nịnh quanh co, dút trừ trạo hối, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tướng; đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy.

Khi ấy Chấp Trượng Thích nghe đức Phật nói, không cho là phải, không cho là trái. Chấp Trượng Thích lắc đầu rồi bỏ đi.

Bấy giờ, sau khi Chấp Trượng Thích bỏ đi không lâu, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ Thiên tọa đứng dậy, đi vào giảng đường, đến trước chúng hội Tỳ-kheo, trải tọa cụ và ngồi xuống, rồi nói với các Tỳ-kheo:

— Hôm nay, vào buổi sáng sớm, Ta đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khát thực. Sau khi ăn xong, Ta cất y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đến tinh xá của họ Thích-ca trong rừng trúc, rồi Ta đi vào Đại-Lâm ấy, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn rồi ngồi kiết-già. Khi ấy có Chấp Trượng Thích

chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa ung dung tìm đến chỗ Ta, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước mặt Ta rồi hỏi Ta rằng:

“— Sa-môn Cù-đàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gì ?”

Ta đáp:

“— Này người họ Thích, nếu tất cả Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời, trên thế gian nầy đều không đấu tranh, tu tập ly dục, phạm hạnh thanh tịnh, lìa bỏ đua nịnh, quanh co, dút trừ trạo hối, không đâm trước hữu và phi hữu, cũng không có tướng; đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy.”

Khi ấy Chấp Trượng Thích nghe Ta nói rồi, không cho là phải, cũng không cho là trái. Chấp Trượng Thích lắc đầu rồi bỏ đi.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai, chấp tay hướng Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, sao gọi là tất cả Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời, trên thế gian nầy đều không đấu tranh ? Sao gọi là tu tập ly dục, được Phạm hạnh thanh tịnh ? Sao gọi

là lừa bịp, lừa dối, quanh co, dút trừ trạo hối, không đấm trước hữu và phi hữu, cũng không có tướng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Tỳ-kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đấm trước, không trụ; đó gọi là dút tận sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tăng tập, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác đều dút tận; đó gọi là dút tận sự khổ.

Đức Phật nói như vậy rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa.

Khi ấy có Tỳ-kheo nói rằng:

— Nay chư Hiền, nên biết, đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: “Tỳ-kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đấm trước, không trụ; đó gọi là dút tận sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tăng tập, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai

lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác đều dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khổ.”

Họ lại nói rằng:

— Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy ?

Rồi họ lại suy nghĩ: “Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, yêu cầu Tôn giả nói nghĩa này. Nếu được Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho thì chúng ta sẽ khéo nhận lãnh rồi ghi nhớ.

Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ của Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên và thưa:

— Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: “Tỳ-kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai, không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là

dứt tận sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác đều dứt tận; đó gọi là tận cùng sự khổ”. Chúng tôi liền suy nghĩ rằng: “Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vấn tất ?” rồi chúng tôi lại suy nghĩ: “Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thường được đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn nói vấn tất ấy”. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót và giảng rộng cho !

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo:

—Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói ví dụ, người có trí tuệ nghe ví dụ sẽ hiểu rõ nghĩa lý.

Này chư Hiền, ví như có người tìm lõi cây; vì muốn tìm lõi cây nên người ấy cầm búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ có rễ, thân, cành, nhánh, lá, hoa và quả. Người ấy không đụng đến rễ, thân, cành, lõi mà chỉ đụng đến nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang ở đây mà chư Hiền lại bỏ Ngài đến tôi để hỏi nghĩa này. Vì sao vậy ? Này chư Hiền, nên biết đức

Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí; Ngài là pháp, là bậc pháp chủ, là pháp tướng, là bậc nói nghĩa chơn đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, chư Hiền nên đi đến chỗ đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này rằng: “Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào, điều này có nghĩa gì ?” Nếu như đức Thế Tôn có nói gì thì chư Hiền hãy khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo thưa:

— Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí; Ngài là pháp, là bậc pháp chủ, là bậc pháp tướng, là bậc nói nghĩa chơn đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, chúng tôi nên đi đến chỗ đức Thế Tôn để hỏi nghĩa này: “Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào, điều này có nghĩa gì ?” Nếu như đức Thế Tôn có nói gì, chúng tôi khéo léo nhận lãnh rồi ghi nhớ. Nhưng thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Ngài thường được đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giảng rộng cho.

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên lại bảo các Tỳ-kheo:

— Vậy này chư Hiền, xin hãy nghe tôi nói.

Này chư Hiền, duyên nhãn và sắc mà sanh nhãn thức. Ba thứ này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt.

Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác đều dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khổ.

Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Duyên ý và pháp phát sanh ý thức. Ba thứ này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có suy niệm. Có suy niệm thì có phân biệt.

Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và

vô lượng pháp ác, bất thiện khác đều dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khổ.

Này chư Hiền, loại trừ con mắt, loại trừ sắc, loại trừ nhãn thức mà có xúc, mà giả thiết có xúc thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết xúc mà có cảm thọ, giả thiết có cảm thọ, thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết cảm thọ mà có giả thuyết suy niệm, rồi xuất gia học đạo tu tập tư tưởng thì điều này không thể có. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Loại trừ ý, loại trừ pháp, loại trừ ý thức, mà có xúc, giả thiết có xúc thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này không thể có. Này chư Hiền, do con mắt, do sắc, do nhãn mà có xúc, giả thiết có xúc thì điều này có thật. Do giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ thì điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này có thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Do ý, do pháp, do ý thức mà có xúc, chủ trương có xúc thì điều này có thật. Do chủ trương xúc mà có cảm thọ, giả thiết có cảm thọ thì điều này có thật. Do giả thiết có cảm thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này có thật.

Này chư Hiền, đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Tỳ-kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh tăng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác cũng đoạn trừ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi. Tôi đã diễn rộng câu ấy, vắn ấy như vậy.

Này chư Hiền, chư Hiền có thể đi đến chỗ Phật, tường trình lại đầy đủ. Nếu đúng như nghĩa mà đức Thế Tôn muốn nói, thì chư Hiền hãy nhận lãnh và ghi nhớ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo ghi nhớ, tụng đọc, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ba vòng, và đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, vừa rồi Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi

từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất nghỉ ngơi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã đem những câu này, văn này mà diễn rộng ra.

Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

— Lành thay, lành thay ! Trong hàng đệ tử của Ta có vị là bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao ? Vì khi Tôn sư nói nghĩa này cho đệ tử một cách văn tắt, không phân biệt rộng rãi mà vị đệ tử kia đã diễn rộng ra những câu ấy, văn ấy. Đúng như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các Thầy hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao ? Vì nói và quán nghĩa phải như vậy.

Này các Tỳ-kheo, ví như có người nhờ đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật; vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt; Thiện nam tử cũng giống như vậy, ở trong pháp luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó; quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt; quán sát tai, mũi, lưỡi, thân quán sát ý thưởng thức được vị ngọt.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Thế Tôn. Tôn giả A-nan liền chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì ?
Chúng con phải phụng trì như thế nào ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Này A-nan, pháp này tên gọi là Mật Hoàn Dụ. Thấy hãy nên nhận lãnh và ghi nhớ.

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy hãy nhận lãnh pháp Mật Hoàn Dụ này, phải thường tụng đọc. Vì sao vậy ? Này các Tỳ-kheo, pháp Mật Hoàn Dụ này có pháp, có nghĩa, là gốc của Phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu Thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo thì hãy nên khéo nhận lãnh, ghi nhớ pháp Mật Hoàn Dụ này.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

10. KINH CÙ-ĐÀM-DI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa Thích-cơ-sấu, tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại cùng với đại chúng Tỳ-kheo cùng thọ hạ an cư.

Bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả Samôn thứ tư được chăng ? Do nhân duyên nầy, nữ nhân có thể ở trong pháp luật chân chánh nầy, chí tín, lìa bỏ gia đình; sống không gia đình mà học đạo được chăng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Thôi, thôi, Cu-đàm-di, Người chớ nên nghĩ rằng: “Nữ nhân có thể ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.” Cù-đàm-di, như vậy mà Người đã tự cạo bỏ tóc, khoác áo cà-sa, nguyện suốt đời tịnh tu Phạm hạnh.

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bị Phật ngăn cản, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo khâu vá y của đức Phật. Đức Thế Tôn ở Thích-cơ-sấu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát, sửa soạn du hành nhân gian.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo nghe tin các Tỳ-kheo khâu vá y của đức Phật. Đức Thế Tôn ở Thích-cơ-sấu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong, và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát sửa soạn du hành nhân gian. Sau khi nghe tin, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng ? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa

bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chẳng ?

Đức Thế Tôn lại nói:

— Thôi, thôi, Cù-đàm-di ! Người chó nên nghĩ rằng: “Nữ nhân có thể ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.” Cù-đàm-di, như vậy mà Người đã tự cạo bỏ tóc, khoác áo cà-sa, nguyện suốt đời tịnh tu Phạm hạnh.

Khi ấy Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bị Phật ngăn cản lần thứ hai, cúi đầu đành lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở Thích-cơ-sấu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong, đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát du hành nhân gian.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo nghe tin đức Thế Tôn ở Thích-cơ-sấu sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong, đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát mà du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ái Đạo liền cùng các lão mẫu Xá-di đi theo sau Phật, tiến dần đến Na-ma-đê, trú tại tinh xá Na-ma-đê-kiên-ni. Khi ấy Cù-đàm-di Đại Ái Đạo lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đành lễ sát chân Phật rồi ngồi một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng ? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng ?

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:

— Thôi, thôi, Cù-đàm-di, Người chớ nên nghĩ rằng: “Nữ nhân có thể ở trong pháp luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.” Cù-đàm-di, như vậy mà Người đã tự cạo bỏ tóc, khoác áo cà-sa, nguyện suốt đời tịnh tu Phạm hạnh.

Khi ấy Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bị đức Thế Tôn ngăn cản lần thứ ba, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo chân tay lấm bùn, thân thể dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa, buồn rầu khóc lóc. Tôn giả A-nan trông thấy Cù-đàm-di Đại Ái Đạo chân tay lấm bùn, thân thể dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa, buồn rầu khóc lóc, liền hỏi:

— Cù-đàm-di, lý do gì chân tay lấm bùn, thân thể dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa, buồn rầu khóc lóc như vậy ?

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo đáp:

— Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.

Tôn giả A-nan nói:

— Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến đức Phật thưa việc này cho.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo đáp:

— Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan.

Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng ? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong pháp luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Thôi, thôi. Nay A-nan, Thầy chớ nên nghĩ rằng: “Nữ nhân có thể ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.” A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình,

sống không gia đình mà học đạo thì Phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài. A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình này có được hưng thịnh lên không ?

— Bạch Thế Tôn, không thể.

— Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì Phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài. A-nan, ví như trong ruộng lúa dẽ, ruộng lúa tẻ, có sanh uế tạp thì ruộng lúa kia chắc chắn bị hư hại. Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình mà học đạo thì Phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài.

Tôn-giả A-nan lại bạch:

— Bạch Thế Tôn, Cù-dàm-di Đại Ái Đạo đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích. Vì sao ? Và sau khi thân mẩu Thế Tôn mất, Cù-dàm-di Đại Ái Đạo đã bảo dưỡng đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy:

— Đúng vậy, A-nan; đúng vậy, A-nan. Cù-dàm-di Đại Ái Đạo đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi mẩu thân Ta mất. Nhưng này

A-nan, Ta cũng đem lại cho Cù-đàm-di Đại Ái Đạo nhiều lợi ích. Vì sao ? Nay A-nan, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo nhờ Ta mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ Tam Bảo và Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học, bác văn, thành tựu hạnh bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy, xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm, xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu. Nay A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ Tam Bảo và Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tín tâm, giữ gìn giới cấm, tu học, bác văn, thành tựu bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy, xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm, xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu; thì nay A-nan, giả như người nầy cúng dường cho người kia y phục, ăn uống, tọa cụ thuốc thang, các vật dụng cho cuộc sống cho đến trọn đời, chẳng lẽ nào lại không được đền ơn ?

Này A-nan, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám kinh pháp, nữ nhân không được phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, ví như người đánh cá và những đệ tử của người đánh cá đắp đập ở khoảng nước sâu để giữ nước, không cho chảy ra ngoài; cũng vậy, này A-nan, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám kinh pháp, nữ nhân không được phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Tám pháp đó là những gì ?

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới cụ túc nơi Tỳ-kheo. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ nhất, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ hai, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Này A-nan, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ ba, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng, thỉnh cầu chỉ rõ về ba

sự: thấy, nghe và nghĩ. Nay A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ tư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thừa hỏi, thì Tỳ-kheo-ni không được thừa hỏi Tỳ-kheo về Kinh, Luật, hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi, thì Tỳ-kheo-ni mới được thừa hỏi về Kinh, Luật, hoặc A-tỳ-đàm. Nay A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ năm, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Nay A-nan, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo; nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. Nay A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ sáu, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Nay A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm tăng-già-bà-thi-sa, thì phải đối trước hai bộ chúng, hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Nay A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ bảy, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Nay A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với Tỳ-kheo mới thọ

giới cụ túc vẫn phải khiêm cung, cúi đầu làm lễ, cung kính, chấp tay thưa hỏi. Nay A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám kinh pháp thứ tám, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Nay A-nan, Ta đã vì nữ nhân, mà tuyên bố tám kinh pháp này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Nay A-nan, nếu Cù-đàm-di Đại Ái Đạo phụng trì tám kinh pháp này thì được ở trong pháp luật chân chánh này mà xuất gia học đạo, được thọ giới cụ túc, làm theo Tỳ-kheo-ni.

Khi ấy, Tôn giả A-nan nghe đức Phật dạy, khéo nhận lãnh và ghi nhớ, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Cù-đàm-di Đại Ái Đạo và nói:

— Cù-đàm-di, nữ nhân đã được phép ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám kinh pháp, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời tám kinh pháp này.

Tám kinh pháp đó là gì ?

Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ cụ túc giới nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân

mà tuyên bố kinh pháp thứ nhứt, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giới nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ hai, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Cù-đàm-di, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ ba, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư xong phải đối trước hai bộ chúng, thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự: thấy, nghe và nghĩ. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ tư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Cù-đàm-di, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thừa hỏi, thì Tỳ-kheo-ni không được thừa hỏi Tỳ-kheo về Kinh, Luật hay A-tỳ-đàm. Nếu Tỳ-kheo cho phép hỏi, thì Tỳ-kheo-ni mới được thừa hỏi về Kinh, Luật hoặc A-tỳ-đàm. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ

năm, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo; nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ sáu, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni nếu phạm tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng, hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ bảy, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối trước Tỳ-kheo mới thọ giới cụ túc, vẫn phải khiêm cung, cúi đầu làm lễ, cung kính, chấp tay thưa hỏi. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kinh pháp thứ tám, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám kinh pháp này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-

dàm-di, đức Thế Tôn dạy như vậy: “Nếu Cù-dàm-di Đại Ái-đạo phụng trì tám kinh pháp này thì được ở trong pháp luật chân chánh này, xuất gia học đạo, được thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni.”

Khi ấy, Cù-dàm-di Đại Ái Đạo thưa:

— Thưa Tôn giả A-nan, cho phép tôi nói ví dụ này. Người trí tuệ nghe ví dụ liền hiểu rõ nghĩa lý. Thưa Tôn giả A-nan, giả sử có thiếu nữ Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay công sư đoan chánh đẹp đẽ, tắm gội sạch sẽ, lấy hương xoa khắp thân, mặc y phục mới, dung mạo trang sức bằng đủ thứ anh lạc, nếu có người nghĩ tưởng đến thiếu nữ ấy, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bạc, tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sư, hoặc tràng hoa a-đề-mưu-đa trao tặng thiếu nữ ấy. Thiếu nữ ấy vui mừng, hai tay nhận lãnh, đem cài lên đầu mình; cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám kinh pháp này, tôi nguyện suốt đời nhận lãnh và phụng trì.

Bấy giờ Cù-dàm-di Đại Ái Đạo ở trong pháp luật chân chánh xuất gia học đạo, được thọ cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni. Về sau Cù-dàm-di Đại Ái Đạo trở thành đại Tỳ-kheo-ni, cùng với các trưởng lão

thượng tôn Tỳ-kheo-ni là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành Phạm hạnh đã lâu, cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu làm lễ rồi đứng một bên thưa:

— Thưa Tôn giả A-nan, nên biết, các Tỳ-kheo-ni trưởng lão thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành Phạm hạnh đã lâu. Còn các Tỳ-kheo kia nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào nơi pháp luật chân chánh này chưa được bao lâu. Mong rằng các Tỳ-kheo ấy đối với các Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi.

Khi ấy, Tôn giả A-nan nói:

— Cù-dàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến đức Phật thưa hỏi việc này.

Cù-dàm-di Đại Ái Đạo thưa:

— Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan.

Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng một bên chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay Cù-dàm-di Đại Ái Đạo cùng các Tỳ-kheo-ni trưởng lão thượng tôn là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành

phạm hạnh đã lâu, cùng đi đến chỗ của con, cúi đầu làm lễ sát chân con, rồi đứng qua một bên, chấp tay và nói với con rằng: “Thưa Tôn giả A-nan, các Tỳ-kheo-ni trưởng lão thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng ngũ vương giả, tu hành Phạm hạnh đã lâu. Còn các thầy Tỳ-kheo nhỏ kia còn nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào nơi pháp luật chân chánh này chưa được bao lâu, mong rằng các Tỳ-kheo ấy, đối với Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi.”

Đức Thế Tôn nói:

— Thôi, thôi, này A-nan, hãy gìn giữ lời nói này, hãy thận trọng, chớ có nói điều đó. Này A-nan, như Thầy đã biết và như Ta đã biết thì một lời cũng không nên nói, huống nữa là đã nói như vậy.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì các Phạm chí, cư sĩ sẽ lấy áo trải lên đất và nói rằng: “Thưa Sa-môn tinh tấn, Ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, Ngài đã làm việc khó làm khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, an ổn khoái lạc lâu dài.”

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống

không gia đình mà học đạo thì các Phạm chí, cư sĩ sẽ đem đầu tóc mình trải lên đất và nói rằng: “Thưa Sa-môn tinh tấn, Ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, Ngài đã làm việc khó làm khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành được an ổn khoái lạc lâu dài.”

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì các Phạm chí, cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn, hai tay sẽ bung các thức ăn ra đứng bên đường chờ đợi và nói rằng: “Thưa Tôn giả, xin thọ nhận món ăn này, có thể mang đi tùy ý thọ dụng, để cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, được an ổn khoái lạc lâu dài.”

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì các Phạm chí, cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn tinh tấn liền sanh tâm kính mến, dìu đỡ vào nhà, đem các tài vật ra cúng dường Sa-môn tinh tấn và nói rằng: “Thưa Tôn giả, xin thọ nhận tài vật này, có thể mang đi tùy ý thọ dụng để cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, được an ổn khoái lạc lâu dài.”

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình,

sống không gia đình mà học đạo, thì dù cho mặt trời, mặt trăng nầy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, có đại oai thần, nhưng đối trước sức oai thần của vị Sa-môn tinh tấn vẫn không thể sánh bằng, huống nữa là đối với hàng đệ đạo dở chết ấy.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật chân chánh nầy, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì Chánh pháp sẽ tồn tại đến ngàn năm. Thế nhưng giờ đây đã mất hết năm trăm năm, chỉ còn lại có năm trăm năm.

Này A-nan, có năm việc nữ nhân không làm được. Nếu nói rằng nữ nhân được thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế-thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên, thì điều nầy nhất định không thể có. Nhưng có năm việc nam nhân làm được. Nếu nói rằng nam nhân được thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế-thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên, thì điều nầy chắc chắn có thật.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

HẾT TẬP II

KINH TRUNG A - HÀM

TẬP II

MỤC LỤC

trang

VI. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG UNG (Phần cuối)

1. KINH Ô ĐIỀU DỤ	11
2. KINH THUYẾT BỐN	27
3. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM	49
4. KINH ĐẠI THIÊN KIẾN VƯƠNG	75
5. KINH TAM THẬP DỤ	99
6. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG	111
7. KINH BỆ TỬ	143

VII. PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

1.	KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỐN KHỞI	199
2.	KINH THIÊN	245
3.	KINH BÁT NIỆM	253
4.	KINH TỊNH BẤT ĐỘNG ĐẠO	265
5.	KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA	275
6.	KINH SA-KÊ-ĐẾ TAM TỘC TÁNH TỬ	283
7.	KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT	301
8.	KINH HỮU THẮNG THIÊN	317
9.	KINH CA-HY-NAN	335
10.	KINH NIỆM THÂN	357
11.	KINH CHI-LY-DI-LÊ	377
12.	KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THUYỀN MIÊN	391
13.	KINH VÔ THÍCH	399
14.	KINH CHÂN NHÂN	405
15.	KINH THUYẾT XÚ	413

VIII. PHẨM UẾ

1.	KINH UẾ PHẨM	441
2.	KINH CẦU PHÁP	467

3.	KINH TỖ-KHEO THỈNH	479
4.	KINH TRI PHÁP	487
5.	KINH CHÂU-NA VẤN KIẾN	493
6.	KINH THANH BẠCH LIÊN HOA DỤ	501
7.	KINH THỦY TỊNH PHẠM CHÍ	505
8.	KINH HẮC TỖ-KHEO	513
9.	KINH TRỤ PHÁP	521
10.	KINH VÔ	525

IX. PHẨM NHÂN

1.	KINH ĐẠI NHÂN	531
2.	KINH NIỆM XỨ	563
3.	KINH KHỔ ẤM (A)	579
4.	KINH KHỔ ẤM (B)	591
5.	KINH TĂNG THUỢNG TÂM	603
6.	KINH NIỆM	611
7.	KINH SU TỬ HỒNG	619
8.	KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA	629
9.	KINH NGUYỆN	659
10.	KINH TUỜNG	665

X. PHẨM LÂM

1.	KINH LÂM (A)	671
2.	KINH LÂM (B)	679
3.	KINH TỰ QUÁN TÂM (A)	685
4.	KINH TỰ QUÁN TÂM (B)	689
5.	KINH ĐẠI PHẠM HẠNH	693
6.	KINH A-NÔ-BA	701
7.	KINH CHU PHÁP BỐN	715
8.	KINH ƯU-ĐÀ-LA	719
9.	KINH MẬT HOÀN DỤ	723
10.	KINH CÙ-ĐÀM-DI	735

HẾT TẬP II

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

KINH TRUNG A-HÀM

TẬP II

Bản thực hiện:

Thượng tọa	THÍCH CHƠN THIÊN
Cư sĩ	VÕ ĐÌNH CƯỜNG
Cư sĩ	TRẦN TUẤN Mẫn
Thượng tọa	THÍCH NGUYỄN THIÊN
Cư sĩ	TÂM DUNG

XIN LIÊN HỆ ĐỊA CHỈ:

716 Nguyễn Kiệm - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8448893

ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM
KINH TRUNG A-HÀM
TẬP II

Chịu trách nhiệm xuất bản:

THIỀU QUANG THẮNG

Biên tập:

ĐỖ THỊ QUỲNH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

10 Chu Văn An - Hà Nội

Điện thoại : 080.48106 - 080.48312, FAX : (84).080.48240

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5. Tại XN In Gia Định, số 9D Nơ Trang Long, TP. HCM. ĐT: 8412644. Số XB: 43-1524/XB-QLXB ngày 23.12.2002. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2003.

